

THẠCH PHƯƠNG - NGUYỄN CHÍ BÈN - MAI HƯƠNG

Sưu tập. Biên soạn. Giới thiệu

KHO TÀNG

TRUYỀN TRẠNG

VIỆT NAM



1



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

THẠCH PHƯƠNG – NGUYỄN CHÍ BỀN – MAI HƯƠNG

Sưu tập, Biên soạn, Giới thiệu

**Kho tàng
Truyện Trạng
Việt Nam
(Tập 1)**

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

IN LẦN THỨ 3

2002

TRUYỆN TRẠNG

TRONG KHO TÀNG VĂN HỌC

DÂN GIAN VIỆT NAM

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, bên cạnh “những hòn ngọc quý” thuộc các thể loại như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ngụ ngôn, ca dao, tục ngữ, câu đố... còn một mảng sáng tác dồi dào về số lượng, phong phú và đặc sắc về nội dung, nghệ thuật được lưu truyền khá rộng rãi, không chỉ có người Kinh mà cả ở các dân tộc anh em, đó là truyện trạng dân gian. Đã có một thời, truyện trạng được một số nhà nghiên cứu văn học dân gian xếp chung với truyện cười, cũng có ý kiến xếp vào giai thoại dân gian. Cho đến nay, truyện trạng nằm trong 10 thể loại văn học dân gian, hay là nằm ở thứ 11 - một thể loại độc lập, riêng biệt - vẫn còn đang là vấn đề tiếp tục bàn cãi.

Khái niệm truyện trạng theo nghĩa rộng, được hợp thành từ ba mảng truyện :

Thứ nhất là truyện về các trạng nguyên (còn gọi là trạng thật) nghĩa là những người đã đạt được học vị cao nhất qua các kỳ thi của nhà nước phong kiến.

Thứ hai là các ông trạng dân gian (còn gọi là trạng dân phong) gồm một hệ thống truyện xoay quanh một nhân vật trung tâm.

Thứ ba là các làng trạng, hay là làng cười. Ở nhiều làng quê Việt Nam từ lâu đời, trong dân gian đã hình

thành một truyền thống thích dí dỏm, nghịch ngợm, ưa nói khoác, nói trạc, nói ngoa; tất nhiên không phải làng nào cũng như vậy. Những làng trạc, làng cười này là cái nôi sản sinh ra những ông trạc dân gian có tên và không tên.

Cả ba mảng truyện này gắn bó với nhau bằng đường dây liên hệ khá mật thiết. Chính những ông trạc nguyên, với tất cả phẩm chất và tài năng của mình, là gợi ý cho sự sáng tạo nên hình ảnh những ông trạc dân gian; và ngược lại, sự sáng tạo dân gian đã bổ sung, hoàn chỉnh và tôn vinh thêm hình tượng những ông trạc xuất thân từ khoa cử.

"Khởi đầu, chuyện trạc phải là truyện về các ông trạc người thật, việc thật, với những tiểu sử đặc sắc, học hành công phu, ứng xử giỏi trong chính trị, ngoại giao. Dần dần chuyện được lưu truyền, phát huy tác dụng. Phải có người mới có chuyện. Nhưng khi đã có chuyện, thì người ta nhớ chuyện chứ không nhất thiết nhớ đến người. Chuyện thật sẽ trở thành giai thoại để mang thêm giá trị văn học thẩm mỹ, nhiều hơn là giá trị sử liệu. Có thể có chuyện ông trạc này đem ghép cho ông trạc kia, hay được thêm thắt. Rồi có cả những người không đỗ đạt vẫn được tôn là trạc"⁽¹⁾ Cũng có thể, quá trình sáng tạo dân gian, nhân vật trạc còn mang cả dấu vết các nhân vật thông minh, tài trí trong truyện cổ tích thần kỳ, truyện cổ tích sinh hoạt. Sự tiếp nối, tiếp biến của hàng loạt các mô-típ, chi tiết của truyện cổ tích xuất hiện trong một số truyện trạc là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, lý tưởng thẩm mỹ,

⁽¹⁾ Vũ Ngọc Khánh, *Dẫn luận nghiên cứu folklore Việt Nam*, Sở Giáo dục Thanh Hóa xuất bản, 4-1991, tr. 212.

cảm hứng sáng tạo của truyện trạng dân gian không giống như ở truyện cổ tích. Ở truyện trạng dân gian, cảm hứng phê phán đã tạo nên tiếng cười trào lộng.

TRUYỆN VỀ CÁC TRẠNG NGUYÊN

Trạng nguyên, theo ông Đào Duy Anh trong **Hán Việt từ điển**, được định nghĩa là “người đậu đình thí” (tức khoa thi ở cấp quốc gia, mở tại triều đình và thường nhà vua tham gia trực tiếp hỏi bài). Còn ông Huỳnh Tịnh Của, trong **Đại Nam quốc âm tự vị**, thì giải thích : “Tước đỗ đầu trong hàng tấn sĩ”. Trong nền khoa cử xưa, **Trạng nguyên** là học vị cao nhất, một danh hiệu tột đỉnh vinh quang trên con đường học vấn của các nho sĩ. Để đạt được học vị này, thí sinh ngoài việc “thập niên đăng hỏa”, dùi mài kinh sử của thánh hiền, phải trải qua một loạt kỳ thi. Đầu tiên là thi hương, mở ở từng địa phương cấp tỉnh hay liên tỉnh. Thí sinh đỗ trong kỳ thi lần này chia làm hai loại : loại một, gồm có các danh hiệu cống, cử, cống sinh, hoặc hương tiến, hương cống (đời Minh Mạng gọi là Cử nhân); loại hai gọi là sinh đồ (đời Minh Mạng gọi là Tú tài). Những thí sinh đỗ ở hạng một, sau đó được về kinh đô dự hai kỳ thi hội và thi đình. Những người đỗ đầu ở hai kỳ thi này được mang danh hiệu Thái học sinh, hoặc Tiến sĩ, thay đổi tùy theo từng triều đại. Tiến sĩ lại chia thành sáu bậc : Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa thuộc đệ nhất giáp, còn gọi là “Tam khôi”; (Thời nhà Nguyễn không đặt danh hiệu Trạng nguyên). Kế đến đệ nhị giáp, mà người đỗ gọi là Hoàng giáp (có thời gọi là tiến sĩ xuất thân). Cuối cùng đệ tam

giáp, người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, mà trong dân gian quen gọi là ông Nghè. Ngày xưa, ông trạng, ông nghè là niềm mơ ước của những sĩ tử, những người theo nghiệp bút nghiên. Đó cũng là mơ ước của nhiều tầng lớp khác trong xã hội, "Võng anh đi trước, võng nàng theo sau". Như vậy, đỗ trạng nguyên hay đình nguyên, nói chung rất khó. Thí sinh phải vượt qua bao cửa ải đầy gian lao, bởi vì thí sinh thì có đến hàng ngàn, nhưng danh hiệu trạng nguyên chỉ có một hoặc hai. Thành ra, ai đạt được vinh quang này phải là người xuất chúng, thông minh tột bậc. Nhìn lại lịch sử khoa cử Việt Nam dưới thời phong kiến, suốt cả chặng đường dài gần mười thế kỷ (1075 - 1919), các vương triều phong kiến đã tổ chức được 185 khoa thi, tuyển chọn được gần 3.000 tiến sĩ, trong số đó chỉ có 56 vị đạt danh hiệu trạng nguyên ⁽¹⁾. Trạng nguyên được người xưa hết lời ca ngợi, ngưỡng mộ, coi như là những bậc kiệt kiệt trong làng Nho là vì lẽ ấy.

Cũng như khoa cử ở Trung Quốc, nền tảng giáo khoa thư ở nước ta dưới thời phong kiến vẫn là Tứ thư, Ngũ kinh, tiếp đó là Bắc sử (Trung Quốc) rồi Nam sử, tiếp đến là Bách gia chư tử. Ở thời Lý, Trần, còn phải học thêm kinh Phật, Lão. Lối học vẩn cũ tử ấy, tất nhiên dẫn đến kết quả kiến thức không toàn diện, thiếu hệ thống, cứng nhắc, xa rời thực tiễn đất nước và đời sống nhân dân. Nhưng không thể không thừa nhận rằng những vị trạng nguyên, tiến sĩ xuất thân từ cửa Khổng

⁽¹⁾ Dưới triều Nguyễn có tổ chức tất cả 40 khoa thi, nhưng chủ trương không lấy đỗ trạng nguyên.

Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, ở phần *Khoa mục chí*, nêu danh sách 46 trạng nguyên. Ở một số sách khác như *Văn hóa Việt Nam*, danh sách trạng nguyên là 56 (tr. 208 - 210).

sân Trình ấy, đại đa số là những bậc thông minh tài trí, nhiều người đã trở thành tấm gương tiêu biểu cả về tài năng và đạo đức.

Các triều đại phong kiến nước ta, từ khi có chế độ khoa cử để kén chọn nhân tài, đã tín nhiệm và giao phó cho những người hiền đạt nắm giữ những trọng trách của quốc gia. Và trong số những người được trọng dụng, phần lớn đã đem hết tài năng ra phục vụ, đã có những cống hiến to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, nhiều người trở thành lương thần, danh tướng. Ngay trong việc bang giao với các nước láng giềng, thường triều đình cũng giao cho các vị trạng nguyên, tiến sĩ đảm trách. Các ông trạng nguyên như Lê Văn Thịnh, Mạc Đĩnh Chi, Đào Sư Tích, Lương Thế Vinh, Giáp Hải, Nguyễn Trực, hoàng giáp Phùng Khắc Khoan, bảng nhãn Lê Quý Đôn, tiến sĩ Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Tông Khuê... đã không những hoàn thành tốt nhiệm vụ của những sứ thần trên trận tuyến ngoại giao, mà còn làm rạng rỡ, vẻ vang cho đất nước, buộc triều đình và nhân dân nước sở tại phải kính nể và khâm phục dân tộc Việt Nam bởi trí thông minh và kiến thức uyên thâm của họ. Nhiều người trong số họ đã để lại những trước tác có giá trị được lưu truyền đến tận ngày nay.

Bảng vàng, bia đá dù sao mới chỉ là sự công nhận về mặt pháp lý kinh qua trường ốc, điều quan trọng hơn chính là hoạt động thực tiễn và sự cống hiến của từng người cụ thể. Đã có không ít giai thoại phong phú về cuộc đời của những ông trạng được truyền tụng trong dân gian, mà độ bền của bia miệng là những chứng tích vô song về sự lưu danh. Tất nhiên, đã là giai thoại lưu truyền trong dân gian, thì có cả phần hư cấu, nhưng là hư cấu theo cảm thức và

quan điểm thẩm mĩ của nhân dân, hay nói cách khác là được dân gian hóa.

Trong quá trình dân gian hóa lại nảy sinh một hiện tượng khác. Bên cạnh những chuyện kể về những ông trạng nguyên thực thụ như Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Trạng Lường Lương Thế Vinh, Trạng Mạc Định Chi... Còn có những giai thoại không kém phần đặc sắc về những ông trạng tuy trong thực tế chưa đỗ trạng nguyên. Dưới con mắt thẩm định của nhân dân, đó cũng là những con người tài cao đức trọng, có nhiều cống hiến xuất sắc cho đời, và được người đời tri ân, tôn vinh họ là trạng. Cái danh hiệu dân phong này xét ra cũng rất công bằng và không kém phần giá trị. Đó là những trường hợp như Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, Trạng Ngọt Hứa Tam Tỉnh...

TRUYỆN TRẠNG DÂN GIAN

Trong dân gian, các từ ngữ **nói trạng, kể chuyện trạng, tay trạng** được lưu hành khá phổ biến ở nhiều vùng trong nước. **Nói trạng** đồng nghĩa với nói tếu, nói vui, nói phóng đại, nhưng phải có lý, hợp lô-gích, được nhiều người chấp nhận. Có thể đó là những chuyện trong đời sống thường nhật, chuyện trên trời dưới biển, chuyện đi chôn làng quê đến nơi phồn hoa, đô hội, từ dân dã đến chốn cung đình. Được gọi là **tay trạng, ông trạng** hay **kể nói trạng**, người ấy phải có tài kể chuyện lôi cuốn được người nghe, tạo nên sự thán phục về tài ba, về cách ứng phó linh hoạt, có lý lẽ, thông minh trong phán đoán. Có khi sự việc anh ta nêu ra được thổi phồng quá đáng, phóng đại quá cỡ, bịa mà như thật, thậm chí người nghe biết đó là nói ngoa, nói quá thực tế mà vẫn phải tin, biết bị lừa mà vẫn

háo hức, không đủ lý để bắt bẻ. Ở làng quê Việt Nam ngày xưa có không ít con người có biệt tài như vậy, và được gán cho danh hiệu **tay trạng**. Cũng có thể khởi đầu là một nhân vật sáng tạo, nhưng rồi trên đường lưu truyền của một tác phẩm dân gian đã khiến nhiều người cùng tham gia vào quá trình tạo nên hệ thống truyện trạng xoay quanh một nhân vật. Quá trình folklore hóa khiến cho nhân vật trạng có tính định danh mà vẫn là nhân vật của văn học dân gian. Giữa nguyên mẫu, giữa khởi hình lịch sử và nhân vật truyện trạng đã có một khoảng cách, một độ khúc xạ, do quá trình folklore tạo ra. Ở trường hợp này, Nghiêm Đa Văn có lý khi cho rằng "Cái chất hài hước truyền thống ấy có thể đã khai sinh ra một ông trạng tưởng tượng nào đó dựa vào một con người thật vốn cũng có cái chất hài hước khá đặc biệt. Rồi từ đó, ông trạng từ một làng quê ra đi theo chân những phường thợ lang bạt từ vùng quê này sang vùng quê khác, theo chân những gã buôn bè, buôn nâu, buôn muối, đi ngược về xuôi, theo chân những con đò dọc cổ xưa mà cứ lớn dần lên, phong phú dần lên thành một hệ thống truyện với hàng chục truyện cười thành lớp, thành chương, thành hồi, rồi tạo nên một tiểu sử hoàn chỉnh về một nhân vật độc đáo ⁽¹⁾."

Khác với truyện về các vị trạng nguyên, truyện trạng dân gian mang đậm dấu ấn của những sinh hoạt dân dã nơi đồng quê từ chủ đề cho đến cốt truyện, từ kết cấu thất, mở đến phong cách thể hiện. Ngôn ngữ của truyện thường mộc mạc, giản dị theo lời ăn tiếng nói quần chúng. Trong hệ thống truyện Trạng Quỳnh, truyện Ba Giai - Tú Xuất, có chen vào những yếu tố sinh hoạt thị

⁽¹⁾ Khảo sát bước đầu về những làng cười Việt Nam, Tạp chí Văn Học số 2-1984, tr. 107.

dân, thậm chí có cả cuộc sống cung đình, nhưng đó không phải là đặc trưng chủ yếu. Ở một số truyện trạng, ta còn bắt gặp dấu vết của những nhân vật tài trí, thông minh của truyện cổ tích thần kỳ, hay cổ tích sinh hoạt. Sự nối tiếp, tiếp biến của hàng loạt chi tiết, mô-típ của truyện cổ tích trong truyện trạng dân gian là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, cần ghi nhận một điều là lý tưởng thẩm mỹ, cảm hứng sáng tạo giữa hai thể loại này khác nhau. Ở truyện trạng, âm điệu phê phán giữ một vai trò đáng kể, nó là chất xúc tác làm bật nên tiếng cười trào lộng. Nhưng quan trọng hơn, đằng sau những câu chuyện hài hước, những yếu tố trào lộng, còn hàm chứa một tư tưởng tự do phóng túng cùng khát vọng vươn lên mang tính trí tuệ - cái tạo nên "chất trạng" độc đáo của thể loại tự sự này.

TRUYỆN CÁC LÀNG CƯỜI, LÀNG TRẠNG

Ở một số tỉnh trung du và đồng bằng Bắc bộ cũng như dọc theo duyên hải Trung bộ, từ lâu đời đã hình thành những dạng làng cười, làng trạng dưới nhiều biểu hiện khác nhau. Về mặt địa lý cũng như kinh tế, những làng này không có vị trí gì đặc biệt, cũng giống như mọi làng quê bình dị khác của Việt Nam, tuyệt đại đa số dân chúng sống bằng nghề nông là chính, quanh năm gắn bó với ruộng đồng. Nhưng con người ở nơi đây bộc lộ một số nét trội hơn về tính cách, thích hài hước, nói tếu, nói trạng một cách có ý thức. Qua lối nói, lối nghĩ dí dỏm, thông minh, không theo khuôn mẫu diễn đạt bình thường, con người ở đây tạo nên những chùm truyện cười ý vị. Đặc điểm này dường như

đã được định hình từ lâu đời trong nếp sống, nếp nghĩ như một đặc trưng cố hữu. Trong các làng như vậy, thường nổi bật lên một số nhân vật có tài gây cười nổi tiếng, nhưng không chỉ tập trung ở một số người đặc biệt nào đó, mà cách nói tếu, nói quá, nói trạng được biểu hiện qua một cộng đồng đông đảo, từ đàn ông đến đàn bà, từ cụ già đến em bé như một bản sắc tâm lý, một phong cách nói năng, ứng xử. Và điều này đã trở thành thói quen, thành truyền thống trong tiềm thức mọi người, và dường như người dân ở đó cũng tự hào khi nói đến làng mình về đặc trưng này.

Thủ pháp chính để gây cười, gây ấn tượng đối với người nghe vẫn là phóng đại, nói quá thực tế vốn có, có khi là chuyện bịa hoàn toàn, nhưng khó mà bắt bẻ được. Đề tài của chuyện cười được sáng tạo ở đây rất linh hoạt, đa dạng : đề cao đặc sản địa phương, ca ngợi những thành quả lao động do mình làm ra, nhấn mạnh về đặc điểm tính cách con người của làng, đả kích, châm biếm thói hư tật xấu, và ngay cả thần linh cũng bị họ lôi vào những trận cười. Cũng có cả những chuyện cười vô thưởng vô phạt, miễn là vui, là tếu. Nhìn chung, đó là tiếng cười lạc quan, lành mạnh, một biểu hiện yêu cuộc sống, yêu đời tích cực mang dấu ấn của một vùng đất nhất định. Những truyện cười, truyện trạng, những câu chuyện nói khoác, nói quá, nói vui ấy không đóng khung ở nơi ra đời của nó, mà được chấp cánh, lan truyền rộng ra các vùng khác theo quy luật lưu truyền của các tác phẩm dân gian. Ví như để ca ngợi sản vật của địa phương mình là nhất thiên hạ, người dân làng Đồng Sài (Hà Bắc) kể rằng khoai Đồng Sài đem luộc lên ăn ngọt hơn cả chuối chín, củ nào củ nấy to đến mức luộc chín rồi, khênh lên vồng đựng đưa đến ba ngày mà chưa nguội. Cũng với khẩu khí nói khoác ấy, anh nông

dân cho biết có lần đi cày vì vấp một củ khoai đào sót nên gãy tan cả lưỡi cày (!). Chuyện nếp dẻo của làng Văn Lang (Vĩnh Phú) được miêu tả như sau : Một người dân trong làng đội mâm xôi, trên đặt một con gà đưa ra đình cúng. Vì vội, anh ta vô ý để cành tre vướng vào cánh con gà luộc, thế là cả cái ván xôi lớn dính theo con gà treo lơ lửng nơi ngọn tre.

Cũng theo mô-típ phóng đại ấy, người dân làng trạng Vĩnh Hoàng (Quảng Trị) ca ngợi đặc sản thiên nhiên của vùng mình thật độc đáo. Con cá đao ở bàu Thủy Ú to đến mức kéo cả chiếc thuyền câu chạy như sao băng, còn cái đầu cá thì đem chế làm ba để ba ông tảo đun bếp, đuôi cá phơi khô dùng làm quạt giê lúa. Nói trạng cũng có nghĩa là nói khoác, là phóng đại quá mức thực tế, nhưng phải có lý. Một anh đi lên rú cắt tranh về lợp nhà. Đến nơi, trời còn tranh tối tranh sáng nhưng anh ta vẫn tranh thủ làm việc và đã cắt nhầm cả đuôi con cọp đang nằm ngủ quên nơi đám tranh, đến khi thấy máu chảy đỏ tay mới biết. Một sự nhầm lẫn khó tin, nhưng về mặt lô-gích khó bắt bẻ, bởi vì người kể đã tạo được cái lý trong sự vô lý. Cũng như thế, một người đàn bà đi tát, bắt được mấy con tôm to đến mức chị ta bỏ tôm vào nồi đun lên rồi chạy ra vườn mót thêm ít cành củi. Khi quay lại bếp thì chỉ thấy nồi nước không. Thì ra khi nước bị đun nóng, tôm đã nhảy ra ngoài nồi, nằm bên mé bếp lù lù như con chó vàng đang ngủ.

Điểm qua một vài truyện cười ở các làng cười, làng trạng, chúng ta dễ nhận thấy tiếng cười ở đây bật ra từ cuộc sống lao động và chiến đấu, mang lại niềm vui, lòng tự hào đôi khi được thổi phồng hay cường điệu quá một chút, nhưng với ý tưởng trong sáng, không nhằm hạ thấp hay làm ảnh hưởng uy tín, niềm tự hào của nơi

khác, vì vậy nó cũng được người nơi khác tiếp nhận một cách vui vẻ.

Theo truyền tụng dân gian, và có cả những câu ngạn ngữ còn ghi lại sự kiện ngày xưa hằng năm nhiều làng tổ chức "hội thi cười", "hội thi nói khoác", "hội thi nói trạng"; có nơi tổ chức hội thi vào dịp cúng thành hoàng làng, cả quan huyện về dự. Ít ra, những điều lưu truyền này cho ta một thông tin về phạm vi ảnh hưởng của làng cười, làng trạng là khá rộng, và đương nhiên đó cũng là vùng lưu truyền của những sáng tác chuyện cười xuất phát từ một địa phương nhỏ là làng. Trong thực tế, truyện trạng Vĩnh Hoàng (thuộc huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị) được phổ biến khá rộng rãi cả vùng Bình Trị Thiên và có thể còn đi xa hơn nữa. Truyền thống nói trạng của dân làng Vĩnh Hoàng, nơi mảnh đất đầu vĩ tuyến 17 của đất nước từng phát huy tác dụng rất lớn trong cuộc chiến đấu của nhân dân vùng này trong thời chống Mỹ.

Có điều là lâu nay những nhà nghiên cứu văn học dân gian cũng như folklore nói chung chưa có điều kiện quan tâm đi sâu vào đề tài này, mà chắc rằng sẽ còn có nhiều điều lý thú bất ngờ.

VIỆC SƯU TẦM, XUẤT BẢN VÀ NGHIÊN CỨU TRUYỆN TRẠNG

a) Vấn đề sưu tầm và xuất bản :

So với các thể loại văn học dân gian Việt Nam như ca dao, tục ngữ, vè, thần thoại, truyện cổ tích... thì việc giới thiệu truyện trạng có muộn màng hơn. Không kể những bản in bằng chữ nôm, truyện trạng đầu tiên bằng chữ quốc

ngũ ra mắt độc giả đến nay đã 129 năm. Đó là những mẫu "chuyện ông Cống Quỳnh" được Trương Vĩnh Ký giới thiệu trong cuốn **Chuyện đời xưa** ⁽¹⁾ và hai năm sau, chuyện này được in lại trong cuốn **Chuyện đời xưa lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích** ⁽²⁾. Lúc bấy giờ, Trương Vĩnh Ký chưa quan niệm đó là "truyện trạng" mà gọi là "Chuyện ông Cống Quỳnh" - hay nói một cách khác là loại "chuyện đời xưa có tên nhân vật" - và xếp cùng với 73 chuyện khác, bao gồm chuyện khôi hài, chuyện cổ tích thế sự, chuyện cổ tích loài vật. Nói đúng hơn, đó là một chùm gồm 8 chuyện kể được đặt chung dưới cái tên là "Chuyện ông Cống Quỳnh". Cũng từ đây, có một chi tiết đáng chú ý ở cuối chuyện kể; tác giả ghi chú : "Chuyện Cống Quỳnh còn nhiều điều tức cười, mà như nói tỉnh những chuyện ấy, thì nó mất vui, mất hay đi. Để xen chuyện này, chuyện kia thì hay hơn" ⁽³⁾.

Như vậy là Trương Vĩnh Ký quan niệm chuyện Cống Quỳnh là loại "chuyện gây nhiều điều tức cười", hay còn gọi là "chuyện khôi hài", mà ông đã cho xuất bản sau đó ít lâu. Cũng từ ý kiến trên, ta biết thêm rằng trong tay ông lúc bấy giờ đã sưu tập được một số lượng chuyện Cống Quỳnh nhiều hơn số mẫu chuyện đã được công bố trong tập sách. Vì theo cách nghĩ của ông, nếu "nói tỉnh những chuyện ấy thì nó mất vui, mất hay đi".

Như vậy, theo dòng chảy của văn hóa dân tộc, chuyện Trạng Quỳnh theo bước chân của những lưu dân đi mở đất

(1) Trương Vĩnh Ký, *Chuyện đời xưa*, S, 1866.

(2) Trương Vĩnh Ký, *Chuyện đời xưa, lựa nhón lấy những chuyện hay và có ích*. Bản in Nhà hàng Aug-Bock, S, 1888.

(3) *Chuyện đời xưa*, tr. 52.

đã có mặt trên Đồng Nai từ thế kỷ XIX và được xuất bản bằng chữ quốc ngữ vào giữa thế kỷ này.

Cần lưu ý thêm một điều là cho đến năm 1922, nghĩa là hơn nửa thế kỷ sau. **Chuyện Trạng Quỳnh** do Nguyễn Văn Ngọc biên soạn mới ra mắt độc giả ở Hà Nội⁽¹⁾. Cũng từ đây, **Chuyện Trạng Quỳnh** (hay **Truyện Trạng Quỳnh**) bằng chữ quốc ngữ ngày càng được phổ biến rộng rãi khắp cả Bắc, Trung, Nam, và cho đến cuối thế kỷ này sách đã được tái bản hàng chục lần, có lúc số bản in một lần đến hai vạn bản. Điều ấy nói lên sức hấp dẫn của truyện. Đó là chưa kể nhiều lần in chung với **Trạng Lợn**, như **Trạng Lợn, Trạng Quỳnh** (của Nguyễn Văn Phú, nhà in Minh Đức, H, 1957), **Trạng Quỳnh và Xiển Bột** (của Trọng Nguyễn, nhà xuất bản Đồng Nai, 1982), **Ông cháu Trạng Quỳnh** (của Biên Hà, nhà xuất bản Sông Bé, 1987), v.v... Cũng có cả một số bản dịch ra Pháp văn như **Historie de Quỳnh** (G. Cordier, Thụy Ký, H, 1925), **Trạng Quỳnh ou le premier docteur sans cõ biển** (Chỉ Qua Hồ Phủ, France Asie, N° 7 pp. 770 - 776).

Tùy theo quan niệm của từng người biên soạn, số lượng truyện có thêm hay bớt, hoặc thay đổi một số chi tiết không cơ bản, còn thì nội dung giữa sách này và sách khác không có sự khác biệt lớn.

Vào nửa sau thế kỷ XX, hàng chục tuyển tập về truyện kể dân gian được xuất bản, trong đó đều có trích tuyển truyện **Trạng Quỳnh**. Có thể kể các quyển : **Truyện cười dân gian** (Nguyễn Hồng Phong Nxb Văn học, H, 1964), **Giai thoại văn học Việt Nam** (Hoàng

⁽¹⁾ Nhà in Mạc Đình Tư, H, 1922.

Ngọc Phách, Kiều Thu Hoạch, Nxb Văn học, H, 1965), **Tiếng cười dân gian Việt Nam** (Trương Chính, Phong Châu, Nxb Khoa học xã hội, H, 1979), **Chuyện cười cổ nhân** (Vương Hồng Sển, Việt Hương xb, S, 1972). **Giai thoại văn học dân gian Việt Nam** (Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 1986), **Giai thoại Thăng Long** (Vũ Ngọc Khánh, Đỗ Thị Hảo, Nxb Hà Nội, 1987), **Truyện Trạng Việt Nam** (Vũ Ngọc Khánh, Nxb Thanh Hóa, 1988), **Truyện trạng cười Việt Nam** (Trương Sĩ Hùng, Nguyễn Đức Hiền, Đào Văn Tiến, Nxb Văn học, H, 1991), **Truyện trạng cười Việt Nam** (Hoàng Văn Trụ, Đặng Văn Lung, Nxb Văn học; H, 1991) v.v...

Nhìn vào số lần sách xuất bản và số lượng được in ra, có thể kết luận được rằng truyện trạng dân gian có một sức hấp dẫn lớn đối với các loại độc giả. Đó cũng là một hiện tượng hiếm thấy trong thưởng thức tác phẩm văn học dân gian, nhất là đối với truyện Trạng Quỳnh.

Tiếp theo chân Trạng Quỳnh, những nhà sưu tầm văn học dân gian đã lần lượt công bố những chuyện về các ông trạng dân gian khác, hoặc những chuyện kể về những nhân vật có cùng một đặc trưng chung như **Truyện Trạng Quỳnh**, dưới dạng những tập sách riêng lẻ từng nhân vật, hoặc là in chung. Sớm nhất là **Truyện ông O** do Bùi Quang Nho sưu tầm⁽¹⁾. Tiếp sau đó là **Truyện Trạng Lợn**, **Truyện Ba Giai - Tú Xuất**, **Truyện Xiển Bột** và một số truyện kể về các ông trạng khác như **Trạng Ẩn**, **Trạng vật**, **Trạng Cờ**, **Trạng Trình**, **Trạng Khiếu** và các ông trạng ở dân tộc anh em như **Trạng Tư Thiên**, **Trạng Mồ Côi**, **Cuội**, **Thơ Mệnh Chây** v.v...

⁽¹⁾ Imprimerie SaiGon, 1913.

Từ sau ngày đất nước thống nhất, một số truyện trạng mới được các nhà sưu tầm văn học dân gian lần lượt công bố. Đó là **Truyện Thủ Thiệm⁽¹⁾**, **Chuyện vui Ba Phi⁽²⁾**, **Những câu chuyện lý thú về Ba Phi⁽³⁾**, **Giai thoại Nguyễn Kinh⁽⁴⁾**, **Trạng Cười Quán Bạt⁽⁵⁾**.

Trên các sách sưu tập văn nghệ dân gian của các tỉnh cũng như trên các tập san văn hóa văn nghệ địa phương, nhất là các tỉnh ở phía nam thường hay giới thiệu những sáng tác và nhân vật có tài sáng tác văn nghệ dân gian như ông Tuynh (Quảng Trị), Mười Giáo (Bình Định), Trùm Pho (Sông Bé), Bộ Lữ (Long An), Bộ Ninh (Tiền Giang), Bảy Lẹ, Ba Me (Bến Tre) v.v...

Về các làng cười, làng trạng, có chuyện **Trạng Vĩnh Hoàng⁽⁶⁾** **Những làng cười xứ Bắc⁽⁷⁾**. Cũng trong thời gian này, một số sách viết về các trạng nguyên cũng được biên soạn như **Các trạng nguyên nước ta⁽⁸⁾**, **Truyện các trạng⁽⁹⁾**.

(1) Sở Văn hóa – Thông tin Quảng Nam – Đà Nẵng, 1978.

(2) Nguyễn Việt Hùng, Văn nghệ Minh Hải, 1979.

(3) Phan Anh Tuấn, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.

(4) Triều Nguyên, Sở Văn hóa – Thông tin Thừa Thiên – Huế, 1990.

(5) Trương Sĩ Hùng, Nam Tuấn, Đào Văn Tiến, Nxb Văn hóa – Thông tin, 1994.

(6) Võ Xuân Trang, Sở Văn hóa – Thông tin Bình Trị Thiên, 1984.

(7) Trần Quốc Thịnh, Sở Văn hóa – Thông tin Hà Bắc, 1988.

(8) Mai Hồng, Nxb Giáo dục, 1989.

(9) Đình Kính, Nxb Hải Phòng, 1994.

Như vậy, qua một chặng đường dài hơn một thế kỷ, những nhà sưu tầm và nghiên cứu đã giới thiệu cho độc giả cả nước gương mặt hàng loạt ông trạng dân gian cùng với những hệ thống truyện cười, truyện trạng với nhiều màu sắc biểu hiện khác nhau. Có nhân vật xuất sắc trở thành hình tượng sống động, tượng trưng cho sức mạnh trí tuệ và tinh thần lạc quan của quần chúng chống lại mọi thế lực hắc ám thống trị con người như Trạng Quỳnh. Có nhân vật nhờ may mắn hơn là tài năng mà trở nên trạng như Trạng Lợn, nhưng giá trị phê phán, giá trị phủ định của hình tượng Trạng Lợn đối với cái trật tự xã hội thời Lê Mạt và họ Trịnh hủ bại và tàn nhẫn là điều không thể không ghi nhận. Thật hiếm có một kiểu hình tượng hài hước mà hai mặt nghịch - thuận, chính - phản lồng vào nhau trong một sáng tác dân gian như hệ thống truyện Trạng Lợn.

Sự xuất hiện hàng loạt nhân vật và hệ thống truyện mới của Ba Phi, Thủ Thiêm, Nguyễn Kinh, Quán Bạt đã làm kho tàng truyện dân gian không chỉ trở nên dồi dào, phong phú hơn bao giờ hết về mặt số lượng cũng như về mặt đề tài, phong cách mà còn nói lên sự phân bố thể loại này khá rộng rãi trên địa bàn cả nước. Nếu như các nhân vật Thủ Thiêm, Nguyễn Kinh, Quán Bạt vẫn tiếp tục chia mũi nhọn tiếng cười phê phán của mình vào các vấn đề xã hội, thì Ba Phi lại hướng về đề tài thiên nhiên. Văn bằng thủ pháp phóng đại độc đáo, Ba Phi đã phả vào trong hệ thống truyện kể của ông chất sống tươi rói, ngồn ngộn ở nơi vùng đất mới tràn đầy sinh lực với hình ảnh những con người mà dấu ấn của một thời khai phá vẫn còn hằn đậm trong tính cách, trong thái độ đối xử với thiên nhiên. Cần nói thêm rằng phóng đại vốn là một thủ pháp nghệ thuật đặc trưng của truyện trạng, truyện cười nói chung, nhưng đến Ba Phi thì thủ pháp này được vận dụng đến mức điển hình. Truyện

kể của Ba Phi mang đến cho người đọc một cảm giác vừa lạ lùng lại vừa gần gũi, vừa như thực lại vừa như mơ, biết là vô lý thế mà vẫn bị thuyết phục, cuốn hút vào câu chuyện, rồi cứ háo hức tin, háo hức chờ đợi cái hồi kết cục, mà thường thường là những tràn cười khoái trá nổ tung lên.

b) Vấn đề nghiên cứu truyện trạng :

Nếu như việc sưu tầm và xuất bản truyện trạng đã chậm hơn nhiều thể loại văn học dân gian khác, thì việc nghiên cứu thể loại này lại càng chậm hơn nữa. Hầu như trước năm 1945, chưa có ai đặt vấn đề nghiên cứu truyện trạng, mặc dù lúc này các sách **Truyện Trạng Quỳnh, Truyện Trạng Lợn, Truyện Ba Giai - Tú Xuất...** ra đời đã khá lâu.

Năm 1930, trên tạp chí **Nam Phong** có đăng bài viết về nhân vật Trạng Gầu và Trạng Khiếu của Nguyễn Thúc Liên. Cũng trên tạp chí này, năm 1941, Nguyễn Văn Minh có giới thiệu về trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh đỗ trạng thời Lê Uy Mục (1508). Các bài viết nói trên rất sơ lược, chỉ giới thiệu đôi nét đại cương về nhân vật trạng.

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, do hoàn cảnh chiến tranh, việc nghiên cứu cũng như công tác in ấn có nhiều khó khăn, nên vấn đề này cũng không được chú ý. Cũng cần nói thêm rằng trong suốt 30 năm chiến tranh, ở các đô thị bị tạm chiếm, đã có không ít công trình nghiên cứu văn học và văn hóa dân gian được xuất bản. Thế nhưng vấn đề truyện trạng hầu như không có ai đề cập đến, trừ việc in lại truyện **Trạng Quỳnh và Trạng Lợn**.

Sau năm 1954, ở miền Bắc mới bắt đầu lễ tế có một số bài nghiên cứu xuất hiện trên báo chí, nhưng nội dung

còn rất sơ lược. Đến những năm 1959, 1960 vấn đề truyện trạng được bắt đầu đề cập đến trong các tập Sơ thảo lịch sử văn học và trong các Giáo trình văn học dân gian ở bậc đại học. Tiếp theo những năm sau đó, vấn đề được nhiều người quan tâm hơn cùng với sự phát triển của khoa nghiên cứu folklore ở nước ta.

Về mặt giá trị nội dung và nghệ thuật cũng như nguồn gốc ra đời của truyện trạng, hầu như các nhà nghiên cứu đều thống nhất, nhưng về mặt xác định đặc trưng thể loại để từ đó xếp truyện vào ô nào trong bản phân loại của văn học dân gian thì cho đến nay vẫn còn có những chỗ chưa nhất trí với nhau. Nhìn chung có ba nhóm ý kiến sau đây :

Nhóm ý kiến thứ nhất căn cứ vào yếu tố gây cười, rồi xếp truyện trạng vào chung loại với truyện cười dân gian, nhưng có phân biệt, rằng đây là loại “truyện cười đặc biệt”, “truyện cười xoay quanh một nhân vật chính”. Cũng có ý kiến nhấn mạnh thêm đây là loại “Truyện cười mang chất trí tuệ”, hoặc loại “truyện cười kết chuỗi”, hay “xâu chuỗi !”. Xin dẫn ra đây một số ý kiến : Cao Huy Đình xếp truyện trạng trong dòng văn học trào phúng ra đời trong bước suy tàn của chế độ phong kiến. Hoàn cảnh đó “tất nhiên phải đẻ ra những ông trạng và những anh hề chèo. Không còn phân biệt đó là tác giả hay nhân vật nữa. Ông trạng nói khoác, anh hề làm hề. Trạng Lợn và Trạng Quỳnh là hai tác phẩm kể đời hai ông trạng và xâu chuỗi nhiều đề tài cười” ⁽¹⁾.

Còn Chu Xuân Diên thì cho rằng “Trong truyện cười dân gian còn có những hệ thống truyện cười, tức là tập hợp

⁽¹⁾ Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian, Nxb Khoa học xã hội, 1976.

những mẫu truyện cười xoay quanh một nhân vật chính. Đó là hệ thống Truyện Trạng Quỳnh, Truyện Trạng Lợn, Truyện Ông Ó, Truyện Xiển Ngộ⁽¹⁾. Trong khi đó, Đỗ Bình Trị và Hoàng Hữu Yên thừa nhận “giữa truyện trạng và truyện cười cũng có một số điểm gần gũi và giống nhau về thi pháp. Nhưng chỗ khác nhau giữa giữa truyện trạng và truyện cười cũng rất rõ, hơn nữa rất cơ bản. Đó là những khác biệt cả về mặt thi pháp lẫn chức năng”⁽²⁾. Nhưng rồi ở một công trình khác, Đỗ Bình Trị lại nhấn mạnh: “Phải nói rằng đây là một nhóm truyện khá phức tạp về nội dung và tính chất”. Tác giả cho rằng “tư tưởng phóng túng phía sau mọi câu chuyện hài hước trong truyện trạng quan trọng hơn bản thân sự phê phán ở những câu chuyện ấy rất nhiều”⁽³⁾.

Cùng chung quan niệm xếp chuyện trạng vào loại “truyện cười kết chuỗi” hay “truyện cười xâu chuỗi” để phân biệt với truyện cười thường còn có Lê Chí Quế (trong Văn học dân gian, Tủ sách Đại học Tổng hợp Hà Nội), Nghiêm Đa Văn trong Khảo sát bước đầu về những làng cười Việt Nam, trong Tạp chí văn học số 2-1984), Kiều Thu Hoạch (trong Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội), Trương Chính và Phong Châu (trong Tiếng cười dân gian Việt Nam) v.v...

Ý kiến Nguyễn Đăng Na tán thành “truyện trạng nằm trong loại hình truyện cười, nhưng mang sắc thái khác. Tiếng cười trong trạng là tiếng cười thỏa mãn trí

(1) Từ điển Văn học, Nxb Khoa học xã hội, 1984, tr. 455.

(2) Văn tuyển, Văn học Việt Nam – Văn học dân gian, Nxb Giáo dục, 1983, tr. 40.

(3) Văn tuyển, Văn học Việt Nam – Văn học dân gian, Nxb Giáo dục, 1983, tr. 40.

tuệ - thẩm mĩ, nó không chỉ là tiếng cười vui vẻ đưa ma những cái thấp hèn, tàn tạ, lỗi thời, lỗi bịch... xuống mồ, mà chủ yếu nó khẳng định cái cao thượng cái đang lên, cái chân chính⁽¹⁾. Nhìn chung, những ý kiến trên tuy có khác nhau chút ít về cách diễn đạt, nhưng đều căn cứ vào tính gây cười, và có phân biệt.

Trong khi đó, Bùi Mạnh Nhị có phần dè dặt hơn. "Xếp truyện trạng vào hệ thống truyện cười dân gian là điều có thể chấp nhận được", nhưng sau khi nêu lên "những nét khác nhau cơ bản giữa hệ thống các truyện trạng và truyện cười thông thường", tác giả viết tiếp: "Cũng có nhiều ý kiến phân tích về thể loại truyện trạng; xếp truyện trạng vào hẳn một thể loại nào hiện còn là vấn đề phải tiếp tục xem xét"⁽²⁾.

Nhóm ý kiến thứ hai xếp truyện trạng vào thể loại Giai thoại dân gian. Đại diện cho nhóm này là Vũ Ngọc Khánh và Lê Bá Hán. Vũ Ngọc Khánh là người đã đi sâu nghiên cứu truyện trạng nhiều năm, là người chủ biên cuốn **Truyện trạng Việt Nam**⁽³⁾. Ông cho rằng "nội hàm truyện trạng khá pha trộn. Cái tiên tri và cái nói khoác, cái uyên bác và cái thiên hồ địa hĩ, cái tài tình, hóm hỉnh, cái nghịch ngợm, tục tằn, chuyện trạng đều có cả. Rồi thì dã sử, giai thoại, cổ tích, tiểu lâm, chuyện trạng đều có thể tiếp cận, xâm nhập... Chất trí tuệ và chất hài

⁽¹⁾ *Truyện trạng*, Nxb Giáo dục, H, 1988.

⁽²⁾ *Truyện cười dân gian Nam bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1989, tr. 39 - 40.

⁽³⁾ Nxb Thanh Hóa, 1988.

hước ở đây là một sự hòa hợp thống nhất⁽¹⁾. Từ lập luận trên, tác giả đi đến xếp tất cả những truyện trạng "từ trạng Quỳnh, Trạng Lợn cho đến Xiển Ngộ ở xứ Thanh, Mân Nhụy ở xứ Nghệ, Phủ Tuấn ở xứ Huế, Thủ Thiêm ở xứ Quảng, Ba Phi ở Nam bộ" vào "nhóm giai thoại kết chuỗi"⁽²⁾. Còn Lê Bá Hán thì cho rằng "truyện về những ông trạng có yếu tố gây cười nên được xếp chung vào truyện cười, nhưng có tính chất khác với những truyện cười dân gian thông thường, nên còn được tách riêng thành một loại khác gọi là giai thoại dân gian"⁽³⁾.

Nhóm ý kiến thứ ba là nên xếp truyện trạng thành một thể loại riêng. Đặt truyện trạng Việt Nam trong tương quan so sánh với truyện trạng một số nước Đông Nam Á, Trương Sĩ Hùng đề nghị "nên" coi truyện trạng như một thể loại tồn tại tương đối độc lập cũng như các thể loại thần thoại, truyền thuyết lịch sử, truyện cổ tích ngụ ngôn, truyện cười. Tác giả cũng "công nhận yếu tố gây cười trong truyện trạng, song truyện trạng không phải chỉ là truyện cười". Bởi vì theo tác giả "cảm xúc chủ đạo của truyện trạng là cảm xúc khôi hài sâu sắc, chứ không phải gây cười thỏa thích". Kế thừa các thể loại tự sự dân gian trước nó, "truyện trạng đã tạo ra một phương pháp sáng tác cho mình (...) Truyện trạng Việt

(1) *Dẫn luận nghiên cứu folklore Việt Nam*, Sở Giáo dục Thanh Hóa, 1991, tr. 212 – 215.

(2) *Kho tàng giai thoại Việt Nam*, Nxb Văn hóa, 1994.

(3) *Thuật ngữ nghiên cứu văn học*, Đại học Sư phạm Vinh, 1975, tr. 251.

Nam có những nét tương đồng với thể loại tự sự dân gian hết sức độc đáo của một số nước Đông Nam Á⁽¹⁾.

Ngoài ra, cũng có vài ý kiến căn cứ vào một số nét giống nhau giữa truyện trạng và truyện cổ tích sinh hoạt, nên đưa ra đề nghị xếp chung truyện trạng cùng loại với cổ tích sinh hoạt. Song xếp truyện trạng cùng với cổ tích sinh hoạt sẽ không tránh khỏi gượng ép, bởi vì xu hướng phát triển của truyện cổ tích sinh hoạt không nhằm mục đích gây cười, nhất là cái cười mang đậm chất trí tuệ. Hơn nữa, truyện cổ tích sinh hoạt không dựa vào những nhân vật có thật ngoài đời như truyện trạng.

Nhìn chung, giữa những ý kiến của các nhà nghiên cứu không có sự khác biệt với nhau lớn. Mỗi người ở góc độ tiếp cận riêng, có cách kiến giải hợp lý của mình. Có thể khẳng định rằng tiến trình nghiên cứu truyện trạng đã có những bước phát triển đáng khích lệ. Nhưng rõ ràng so với khối lượng truyện trạng được phát hiện và sưu tầm được trong hơn thập kỷ vừa qua thì chưa tương xứng.

Từ sau ngày miền Nam giải phóng, một cơ hội mới mở ra cho giới sưu tầm và nghiên cứu văn học dân gian nói riêng và khoa nghiên cứu folklore nói chung trên địa bàn cả nước. Đây là một thuận lợi hiếm có kể từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945. Nhờ bắt được cơ hội này, đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ, báo chí ở Trung ương và địa phương, đội ngũ giáo viên và sinh viên nhiều trường cao đẳng và đại học đã tiến hành hàng trăm cuộc khảo sát điền

⁽¹⁾ Từ truyện Trạng Quỳnh đến việc xác định thể loại truyện Trạng của một số nước Đông Nam Á, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4 - 1987, tr. 38 - 39.

đã, sưu tầm vốn văn nghệ dân gian ở từng địa phương, từ miền xuôi đến miền ngược, và họ đã gặt hái được nhiều thành quả khả quan. Chỉ sau một thời gian không dài, địa phương nào cũng tổ chức chọn lọc và xuất bản sách văn học dân gian của địa phương mình, bao gồm nhiều thể loại khác nhau. Không chỉ có văn học dân gian của người Kinh, mà còn có nhiều mảng văn học dân gian của các dân tộc anh em. Kho tàng văn học dân gian trở nên giàu có hẳn lên. Nhiều tập truyện cười, truyện trạng cũng lần lượt ra mắt độc giả như : **Truyện Ba Phi, Truyện Thủ Thiêm, Truyện Ông Tuynh, Truyện Nguyễn Kinh, Truyện Trạng cười Quán Bạt, Truyện các làng cười Hà Bắc, Truyện trạng Vĩnh Hoàng v.v...** Đó là chưa kể phần in chung trong các tập truyện dân gian tổng hợp.

Các dân tộc anh em có **Truyện Thơ Mênh Chây** (Khơme Nam bộ), **Cuội và Cu** (Mường).

Danh mục các ông trạng dân gian từ chỗ chỉ có Trạng Quỳnh, Trạng Lợn, Xiển Bột, Ba Giai - Tú Xuất, Ông Ó thì giờ đây được nối dài thêm hàng chục nhân vật mới theo dòng chảy Bắc - Nam. Và chắc chắn rằng đây chưa phải là điểm dừng cuối cùng.

Hàng trăm câu chuyện hài hước giàu chất trí tuệ, ý vị, đa phong cách được tập hợp từ nhiều vùng của đất nước làm cho hệ thống truyện trạng dồi dào và phong phú về nội dung, về chủ đề, sinh động về phong cách biểu hiện. Bức tranh xã hội với nhiều màu sắc, tầng nấc khác nhau mà truyện trạng đã khái quát được quả là rộng lớn. Truyện trạng dân gian theo dòng chảy lịch sử đã phản ánh được quan điểm đạo đức, ý chí cùng trí tuệ dồi dào với kinh nghiệm thực tiễn của nhân dân trong cuộc đấu tranh chống lại các thế lực thống trị áp bức nhân dân (**Truyện Thủ Thiêm, Truyện Nguyễn Kinh, Truyện**

Trạng cười Quan Bạt). Nhưng đến hiện tượng Ba Phi, thì truyện trạng có thêm những chất mới. Khác với cái cười hài hước của những nhân vật trạng trước đó, cái cười của Ba Phi là cái cười của con người đang là chủ thể khai phá và sáng tạo nên cuộc sống mới giữa một thiên nhiên hào phóng. Phải chăng hiện tượng này chỉ có thể giải thích bằng sự thay đổi xã hội và sức tác động của môi trường sống ? Đó cũng là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

Riêng phần truyện trạng, tình hình thực tế hiện nay cho phép ta có cái nhìn tổng thể về toàn bộ kho tàng truyện trạng dân gian Việt Nam để từ đó triển khai nghiên cứu sâu hơn và rộng hơn một bước thể loại văn học độc đáo này. Đồng thời cũng về các vấn đề như : rút ra một số kết luận về quy luật hình thành và phát triển của các hệ thống truyện trạng dân gian; giá trị nội dung và nghệ thuật; những đặc trưng về mặt cấu trúc (chủ đề, nhân vật, hệ thống kết chuỗi, chất kết dính giữa hệ thống truyện trạng); mối quan hệ giữa các trạng nguyên (trạng có học vị) và các ông trạng dân phong, kể cả các trạng vô danh và quá trình dân gian hóa của truyện trạng v.v...

Đó cũng là một trong những mục đích mà nhóm biên soạn công trình này hướng tới.

Là bộ sách về một loại văn học tương đối đặc biệt, KHO TÀNG TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM chắc không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của quý độc giả.

Mùa xuân năm Ất Hợi 1995
NHÓM BIÊN SOẠN

PHÀM LỆ

Bộ sách KHO TÀNG TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM được biên soạn trên cơ sở tham khảo, tuyển chọn từ các sách văn học dân gian của nước ta xuất bản bằng quốc ngữ trong hơn một thế kỷ qua.

Với quan niệm Truyện Trạng bao gồm những chuyện kể về các ông trạng có học vị (Trạng Nguyên) được nhà nước phong kiến trước đây phong tặng, những ông trạng dân gian có tên và không tên, KHO TÀNG TRUYỆN TRẠNG VIỆT NAM được xếp thành ba nhóm lớn : nhóm truyện trạng dân gian; nhóm các làng trạng; nhóm truyện trạng về các về các trạng nguyên và chia thành 6 tập, đánh số 1, 2, 3, 4, 5, 6.

Các truyện trạng của dân tộc ít người được xếp trong một tập riêng (tập 4).

Ở phần Phụ lục đặt cuối tập 6, chúng tôi có trích tuyển lại các ý kiến của các nhà nghiên cứu văn học dân gian từ trước đến nay về truyện trạng in trên các sách báo đã xuất bản cùng bản Tiểu sử rút gọn của các trạng nguyên ở nước ta qua các khoa thi để giúp bạn đọc có thêm nguồn tài liệu tham khảo.

Nhóm biên soạn

HUYỀN CHÁNH 阮 玉 仙

TRUYỆN TRẠNG QUỲNH

MẤY NÉT VỀ TRẠNG QUỲNH

Trạng Quỳnh là nhân vật trung tâm của một hệ thống truyện trạng đặc sắc nhất cả về nội dung lẫn hình thức của kho tàng truyện trạng Việt Nam. Trong dân gian, Trạng Quỳnh được xem như một người thông minh, tài hoa, mưu lược, và dũng cảm.

Có tài liệu nói rằng ông họ Nguyễn, người Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Theo *thế phả họ Nguyễn, phần soạn thêm*, ông là : “Con trai cả của ông tổ Nghiêm Giản tên tục là Thường tên chữ là Quỳnh, tên hiệu là Như Ôn, tên thụy là Diệp Hiên tiên sinh,... Ông sinh vào giờ Bính Dần, ngày 1 tháng 10 năm Đinh Ty, niên hiệu Vĩnh Trị thứ hai, triều vua Lê Hy Tông (1677). Ông thi hương, văn bài được phê điểm hạng ưu, đậu đầu khoa thi hương năm Bính Tý, niên hiệu Chính Hòa thứ 17 (1696). Ông mất ngày 28 tháng giêng năm Mậu Thìn, đời vua Cảnh Hưng (1748)⁽¹⁾. Cũng có tài liệu cho rằng ông chỉ đỗ hương cống, nên dân gian thường gọi là Cống Quỳnh.

Đương nhiên có sự khác biệt về khoảng cách giữa con người thật Nguyễn Quỳnh và nhân vật Trạng Quỳnh trong hệ thống truyện cùng tên. Quá trình sáng tạo của các nghệ sĩ dân gian và phương thức lưu hành

⁽¹⁾ *Truyện Trạng Quỳnh*, Nxb Thanh Hóa, trang 132.
Bản dịch Bùi Xuân Vỹ.

của sáng tác folklore đã khiến cho nhân vật sáng tạo truyện, nếu là Nguyễn Quỳnh, mờ đi về diện mạo ban đầu. Bởi thế, khó mà đồng nhất giữa Trạng Quỳnh và nhân vật trong đời thực.

Hệ thống truyện Trạng Quỳnh đã được xuất bản nhiều lần ở nước ta (Xin xem phần “Sách báo tài liệu tham khảo để biên soạn tập 1”). Ở tập sách này, chúng tôi sưu tập, chọn lựa và giới thiệu một hệ thống gồm 48 truyện Trạng Quỳnh đã từng tạo nên một tiếng cười giòn giã trong kho tàng truyện Trạng Việt Nam. Ra đời trong một giai đoạn lịch sử xã hội đảo lộn, nhiều giá trị tinh thần bị lay đổ, nhiều nấc thang đạo đức cần được đánh giá lại, Trạng Quỳnh là nhân vật đại diện cho khác vọng tư tưởng, thẩm mỹ của nhân dân. Những thói hư tật xấu của vương triều, thế tục được mang ra chế giễu, cười cợt. Quan lại dưới con mắt Trạng Quỳnh, sau tiếng cười hả hê ở cuối truyện, hiện ra là những kẻ mất nhân cách, vào luôn ra cuối tham nhũng, dốt nát. Đó là các viên quan thị (trong các *truyện về quan thị*), đó là vua Lê, là chúa Trịnh. Tiếng cười của truyện Trạng Quỳnh hướng về chúa Trịnh nhiều hơn cả, thành thử, chúa Trịnh hiện ra trong hệ thống truyện Trạng Quỳnh như một kẻ xảo quyệt, gian tham, tàn ác (trong các truyện *Lễ tế sao, Ngọc người, Món Đại phong dâng chúa, Trộm mè của chúa, Thi mâm ngũ quả*).

Với bọn phong kiến phương Bắc, Trạng Quỳnh cũng không hề buông tha, mà đả kích mạnh mẽ vào thói kiêu ngạo, ngang ngược, hợm hĩnh của các sứ thần

Trung Hoa (trong các truyện *Trạng chơi trâu, Đánh vỡ chai nước sứ Tàu, Thi vẽ rồng, Sứ Tàu mắc lõm...*).

Trạng Quỳnh cũng không phải chỉ hướng tiếng cười làm lật nhào các thần tượng của vương triều, thế tục mà còn làm tróc những lớp sơn son thếp vàng trên các thần tượng của thần quyền, ông đã bóc trần cái vẻ trang nghiêm, thiêng liêng một cách giả tạo của những thành hoàng, Chúa Liễu, Bà Banh v.v... (trong các truyện *Trả lễ thành hoàng, Tạ Chúa Liễu ba bò, Cúng thành hoàng làng, Bà Banh mất vía v.v...*).

Hệ thống truyện Trạng Quỳnh là một bức tranh chân thực về xã hội Việt Nam đang trên đà mục nát và suy vong, hay nói như Các Mác là “tấn hài kịch của nó”. Trạng Quỳnh đã thay mặt nhân dân lao động làm một cuộc “khởi nghĩa” bằng tiếng cười để từ giã chế độ phong kiến một cách vui vẻ.

Tuy thế, tư tưởng của truyện Trạng Quỳnh không tách rời môi trường xã hội mà nó sinh ra, nên còn những hạn chế nhất định. Cái chết của Trạng Quỳnh thể hiện sự bế tắc của cuộc chiến đấu tuy quyết liệt, nhưng không có lối thoát. Cũng khó mà đòi hỏi cao hơn nữa ở hệ thống truyện Trạng đặc sắc này, nếu đem tách rời nó với những điều kiện lịch sử cụ thể.

1. ĐẦU TO BẰNG CÁI BỒ

Hồi còn nhỏ, lúc mới bảy, tám tuổi, Quỳnh đã chơi nghịch khác người. Quỳnh thường chơi trò rước xách, lấy tàu chuối làm cờ, lá sen làm lọng. Quỳnh lại tinh khôn nhanh trí, trẻ con trong làng không đứa nào bì kịp.

Một hôm trời sáng trắng, đang chơi với lũ trẻ ở sân nhà, bỗng Quỳnh bảo :

- Chúng bay làm kiệu cho ông ngồi, rồi ông đưa đi xem một người đầu to bằng cái bồ !

Lũ trẻ thích lắm, tranh nhau khoanh tay làm kiệu, rước Quỳnh đi bảy, tám vòng quanh sân, mệt thở không ra hơi, Quỳnh thấy thế bảo :

- Thôi ! Đứng đợi cả đây, để ông đi châm lửa cho mà xem !

Quỳnh lấy lửa thắp đèn xong, bảo lũ trẻ :

- Người to đầu đang ở trong nhà, chúng bay vào mà xem !

Lũ trẻ sợ quá, chỉ những đứa lớn mới dám đi theo Quỳnh. Quỳnh cầm đèn đi trước lấy đầu mình che đèn cho bóng soi lên vách rồi nói :

- Kìa, trông vào vách kia kìa !

Nhớ nhác, nhìn thấy ở vách hiện lên cái đầu to bằng cái bồ thật, nhưng là cái bóng đầu Quỳnh. Lũ trẻ biết Quỳnh xỏ nhưng không thể nào bắt bẻ lại được.

2. ĐẤT NÚT CON BỌ HUNG

Từ bé Quỳnh đã nổi tiếng học giỏi và đối đáp nhanh. Trong làng có ông Tú Cát rất hợm hĩnh mình, đi đâu cũng khoe mình hay chữ. Quỳnh rất ghét những loại người như vậy. Một hôm Quỳnh đang đứng xem đàn lợn ăn cám trong chuồng, Tú Cát đi qua trông thấy, liền gọi Quỳnh lại và bảo :

- Ta nghe đồn mày thông minh và có tài đối đáp. Bây giờ ta ra cho mày một vế đối, nếu không đối được ta sẽ đánh đòn. Nói rồi, Tú Cát lên giọng, gật gù ngâm nga :

- Lợn cần ăn cám tốn.

Tú Cát nghĩ rằng câu này rất khó đối, vì “cần” và “tốn” là tên hai quả trong kinh Dịch nào ngờ Quỳnh đối lại ngay : “Chó khôn chó cần càn”.

Vế này cũng có “khôn” và “càn” là tên hai quả trong kinh Dịch, đồng thời lại có ý xỏ Tú Cát là chó. Không ngờ bị chơi đau như vậy, Tú Cát tức lắm, hầm hầm bảo :

- Được ! Ta ra thêm vế nữa, phải đối lại ngay, rồi đọc : “Trời sinh ông Tú Cát”.

Quỳnh đốp luôn :

- “Đất nứt con bọ hung”.

Tú Cát tức đến sặc tiết nhưng không làm gì được, vì Quỳnh đối rất chĩnh, đành lủi thủi bỏ đi.

3. DÊ ĐỤC CHỮA

Tiếng tăm về cậu bé thần đồng ở vùng Thanh Hóa bay đến kinh đô. Nhà vua muốn biết hư thực ra sao, bèn ban lệnh : “Cả phủ Thanh Hóa, mỗi làng phải đem nộp một con dê đục đang chữa. Sau hai tháng, nếu làng nào không có sẽ bị trị tội. Dân chúng phủ Thanh Hóa hết hoảng sợ hãi. Cả làng Quỳnh ở, ai cũng nhớn nhác lo âu. Tìm đâu ra dê đục chữa ? Biết chuyện đó, Quỳnh nói với bố :

- Về việc ấy xin Thầy đừng lo. Thầy cứ bảo dân làng chuẩn bị cho con một trăm quan tiền và gạo ăn đường, con sẽ kiếm được dê đục chữa cho làng.

Nghe con nói, ông bố không tin, nhưng cũng thưa lại với dân làng. Không có cách nào khác, mọi người đành làm theo yêu cầu của Quỳnh. Sáng hôm sau, hai cha con Quỳnh lên đường. Họ đến kinh đô đứng lực nhà vua có việc đi qua cửa Đông. Quỳnh nép xuống cống sát vệ đường chờ. Khi xa giá nhà vua đến gần, Quỳnh khóc rống lên. Vua sai lính lôi đứa bé đang

khóc lên hỏi nguyên do. Quỳnh vờ như không biết đây là vua, càng gào to, kể lể :

- Mẹ tôi chết đã mấy năm nay, tôi nói mãi mà bố tôi vẫn không chịu để em bé cho tôi bế...

Vua cho là đứa bé bị bệnh dại ngây, cười và nói :

- May thật là dân đồn, dân ông mà để sao được !

Bấy giờ Quỳnh nín bặt, đứng chắp hai tay, nói rất trang nghiêm :

- Thưa ông, vậy mà nhà vua bắt dân làng tôi phải nộp dê đực chữa.

Nghe nói, nhà vua giật mình, biết ngay đây là đứa bé ở Thanh Hóa mà bấy lâu mình vẫn nghe đồn.

4. VẦN THƠ GỠ BÍ

Một hôm Quỳnh đi chợ với anh bạn khóa sinh. Thấy khóa vui tính, nghịch ngợm lại hay chớt nhả. Hai người vào đầu chợ mua giấy bút. Thấy cô hàng xén trông xinh tươi, mặn mà, yếm đào pháp phồng, thắt đáy lưng ong, thầy khóa đi không dứt. Trả tiền giấy bút xong, thầy khóa cứ đứng tán tỉnh mãi. Rồi bất ngờ, thầy quàng tay ôm cô nàng, sờ ngay vào đôi bầu ở ngực. Cô hàng xén giật mình, then đỏ bừng mặt, réo ngay ông bà ông vải thầy khóa ra chửi té tát.

Quỳnh vội đứng ra phân bua gỡ tội cho bạn.

- Cô hàng xén ơi ! Hắn chót nhả chót phạm lỗi. Xin cô tha tội cho hắn, để tôi về trình thầy học đánh đòn hắn.

- Tha, tha cái gì ! Tôi bắt đền đấy.

- Vâng, thì xin đền, nhưng cô bắt đền chi ?

- Thầy thì chỉ chữ với nghĩa, chứ còn có gì hơn mà đền. Thôi, lấy Kiều đi !

Quỳnh vội hắng giọng đọc ngay :

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà

Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai

Những là âu yếm vành ngoài

Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm.

Nghe xong, cô hàng thấy sướng trong bụng vì được người ta khen tấm thân ngà ngọc của mình, và thẹn đỏ bừng đôi má, nguyệt hai anh học trò láu lỉnh, nói :

- Các thầy chỉ được cái ma mãnh là không ai bằng !

Thầy khóa thấy mấy câu Kiều lấy đã cứu được nguy, liền bấm Quỳnh chuồn vội.

5. MIỆNG KẺ SANG

Trên đường từ phủ về, Quỳnh ghé vào một quán nước bên đường. Trong quán có một viên quan, dáng oai vệ, đang ngồi nhai trầu bồm bồm. Cạnh đó, có một lính lệ đang đứng hầu. Quan nhai xong, vút miếng bã trầu ra đất.

Quỳnh đang ngồi uống nước, bước đến cúi nhặt lên, ngẫm nghĩ như muốn tìm kiếm cái gì, rồi đút vào túi. Thấy lạ, viên quan tò mò hỏi :

- Người là ai ? làm gì vậy ?

Quỳnh làm bộ khúm núm, đáp :

- Con là học trò nghèo, lâu nay thường nghe người ta nói "*Miệng nhà quan có gang có thép*" muốn nhặt lên đem về coi thử có đúng thế không ?

Biết mình bị xỏ, lại không biết người này là Trạng Quỳnh, quan liền bảo :

- Nhận là học trò, thì người phải đối câu tục ngữ mà người vừa nói, hay thì ta thưởng, dở thì bị đánh đòn. Mà nhớ là tục ngữ phải đối bằng tục ngữ, nghe chưa !

Quỳnh giả bộ rụt rè, thưa thưa bồm bồm :

- Con sợ mang tiếng xược... không dám đối.

Tưởng anh chàng học trò đang bí, quan bảo :

- Ta cho người cứ nói, còn không đối được thì nằm xuống để ta đánh đòn.

- Nếu thế thì con xin đối ạ.

- Được. Đối ngay đi, ta nghe thử :

Quỳnh thông thả đọc vế đối : “*Đồ nhà khó vừa nhọ vừa thâm*”.

Nghe xong, mặt quan xám lại như tro bếp. Câu đối lại đúng là câu tục ngữ đối với tục ngữ, không thể bắt bẻ vào đâu được.

Biết ngồi lâu không tiện, quan giục lính hầu ra đi, quên bẵng lời hứa thưởng tiền cho anh học trò nghèo.

Chẳng bao lâu, chuyện ấy lan ra khắp vùng, tiếng tăm của Quỳnh càng nổi như cồn.

6. PHƠI SÁCH, PHƠI BỤNG

Ở vùng Quỳnh ngồi dạy học có một trọc phú. Lão này đã dốt, lại thích học làm sang, thỉnh thoảng mò đến nhà Trạng, đòi mượn sách. Một bận, thấy lão lấp ló đầu cổng, Quỳnh vội vác ngay chiếc chông tre ra sân, cởi áo nằm phơi bụng. Lão trọc phú bước vào, thấy lạ, hỏi :

- Thầy làm gì thế ?

Quỳnh đáp :

- À, có gì đâu ! Hôm nay được cái nắng, tôi đem phơi sách cho khỏi mốc.

- Sách ở đâu ?

Quỳnh chỉ vào bụng :

- Sách chứa đầy trong này !

Biết mình bị đuổi khéo, trọc phú đành phải ra về.

Bận khác, lão cho người mời Quỳnh đến nhà. Để rửa mối hận cũ, lão cũng bắt chước, đánh trần thân lẫn, nằm ngửa bụng sấn ở giữa sân đợi khách...

Thấy Quỳnh vừa bước vào, lão trọc phú cất giọng con vẹt, bắt chước...

- Hôm nay được cái nắng tốt, tôi nằm phơi cho khỏi mốc.

Bất đồ, Quỳnh cười toáng, lấy tay vỗ bình bịch vào cái bụng phệ của hắn mà nói.

- Ruột nhà ông toàn chứa những của ngon chưa tiêu hết phải đem phơi, chứ làm cóc gì có sách mà phơi !

Lão kia trố mắt :

- Sao thầy biết ?

Quỳnh lại cười toáng lên, lấy tay lắc lắc cái bụng béo ụ ị của lão.

- Ông cũng nghe rõ chứ ? Cái bụng ông nó đang kêu “ong óc” đây này ! Tiếng cơm, tiếng cá, tiếng thịt

gà chú có phải tiếng chũ, tiếng sách đâu. Thôi ngồi dậy ! Mặc áo vào nhà đi.

Lão trọc phú lủi thủi làm theo lời Quỳnh và ngồi tiếp khách một cách miễn cưỡng.

7. THAY LỜI GIÁO THỤ GỬI CHO VỢ

Quỳnh có người bạn cùng làng làm giáo thụ ở một tỉnh nọ xa nhà. Một bữa, nhân có người cùng huyện về quê, giáo Thụ mới viết thư nhờ ghé qua nhà đưa cho vợ. Trên đường về làng, bác này gặp Quỳnh, biết Quỳnh người cùng làng với giáo Thụ, liền nhờ Quỳnh đưa giúp bức thư cho vợ ông.

Quỳnh nhận lời, rồi tráo vào phong bì bức thư lồm vợ ông giáo Thụ như sau :

Nay lời giáo Thụ gửi về quê

Nhấn nhủ cô bay chớ ngựa nghề

Cõi bắc anh mang thằng cù lẳng,

Miền nam em giữ cái trai he.

Hãy còn vương vít như hang thỏ

Hay đã tò ho quá lỗ trê ?

Bấm đít, bấm trôn mà chịu vậy

Một hai tuần nữa đợi anh về.

Không thấy nói bà giáo Thụ đọc xong bức thơ ấy, có ngất xỉu hay không !

8. PHẬT SAY

Làng Thụy Chương bên bờ hồ Tây xưa nổi tiếng về nghề nấu rượu. Rượu ở đây thơm ngon đặc biệt, thuộc loại nhất nhì trong vùng.

Mé trước làng, ở ven hồ có một ngôi chùa nhỏ. Thời Lê Trung Hưng, chẳng biết vì sao chùa chiến ít được chăm sóc, đổ nát, chỉ còn một pho tượng tay chống gậy, xiêu vẹo, nghiêng ngả.

Một hôm, Quỳnh vào làng mua rượu, thấy pho tượng như vậy mới làm mấy câu thơ đùa, dán kề một bên :

Ông đứng chi mà đứng mãi đây ?

Dập dềnh như tỉnh lại như say

Vãi nào đã chuốc cho ông rượu ?

Còn nệm nào không cho tổ vay ?

Tương truyền từ đó dân làng và khách thập phương ai cũng gọi tượng là "Phật say".

9. TRẢ NỢ ANH LÁI ĐÒ NGANG

Quỳnh thường đi dò ngang, khát chịu tiền, lâu quá món nợ tích lại cũng khá nhiều, không trả được. Lúc anh lái dò đến đòi, Quỳnh bảo :

- Ủ, đợi đấy, vài hôm nữa, sẽ trả đầy đủ.

Ở giữa sông có một cồn cát, bỗng xuất hiện một cái nhà nhỏ, lợp lá gồi. Người ta đồn rằng đó là cái lầu yết thơ của Trạng. Thế là mọi người tò mò rủ nhau đi xem. Mà muốn ra nơi cồn cát, chỉ có con đường dò ngang. Mới đầu chỉ lưa thưa ít người. Ra đến nơi họ thấy có một cái biển đề mấy chữ bằng vôi trắng “*Chà đũa nào kể với đũa nào*”.

Tất nhiên khi về, gặp người khác hỏi, thì ai cũng trả lời độc một câu :

- Ra mà xem !

Cũng có người tếu tán thêm : hay lắm ! Ra mà xem.

Thế là thiên hạ lũ lượt kéo nhau ra xem “lầu yết thơ của Trạng”, lúc đầu là người trong làng, rồi các làng lân cận, lan ra đến cả tổng. Còn anh lái dò chèo mệt nghỉ, nhưng hả hê với số tiền lớn thu được của khách, cho đến khi người ta biết là bị Quỳnh cho “quả lừa” thì mới với khách.

Anh lái đồ văn việc, chột nhớ món nợ của Quỳnh mới đến hỏi Trạng.

Quỳnh mắng :

- Ai nợ nhà anh ? Anh nợ ta thì có. Nhờ mợ của ta mà anh vớ bở; ta chưa hỏi chia phần của ta đấy. Thôi ta cứ gửi lại đó mà trừ dần cho tiền đồ sau này.

Anh lái đồ chột hiểu, cười sung sướng, rồi cảm ơn Quỳnh rồi rít.

10. SƯỚNG ĐỜI ÔNG NỢ, BÀ KIA

Trong làng Quỳnh ở, các chức sắc thấy Quỳnh được chúa gọi vào hầu luôn thì khâm phục lắm, chẳng ai bảo ai mà kẻ nào người nấy đều đến nhờ cậy Quỳnh giúp đỡ, mong được hưởng chút phúc ấm nhà chúa.

Một hôm Quỳnh ở kinh đô về, cho gọi các chức sắc đến, bảo có muốn làm ông nợ bà kia thì tối đến nhà Quỳnh đánh chén, rồi ngày mai Quỳnh đưa lên kinh đô sớm.

Các chức dịch bao phen mong đợi, nay thấy Trạng hẹn đưa vào kinh đều chắc mẩm phen này hẳn phải lên chức ông nợ bà kia. Vì thế, ông nào ông nấy vênh vang về nhà quát vợ sắp xếp quần áo để tối đến nhà Trạng uống rượu, ngủ đấy, mai trẩy kinh sớm. Các bà

vắt vả một buổi sấm sanh cho chồng, nhưng cũng mở cờ trong bụng vì sắp được thành ông nọ bà kia.

Tối đến Trạng đãi các vị chức dịch một bữa rượu túy lúy càn khôn. Ông nào ông nấy say đứ đừ. lăn chiêng ra ngủ.

Lúc ấy đã quá nửa đêm, Trạng mới sai đem võng tới, võng ông nọ về nhà bà kia và bảo rằng ông bị trúng cảm, phải xoa dầu, đánh gió ngay kẻo nguy hiểm đến tính mạng.

Các bà hoảng hốt, đang đêm vùng dậy, đèn đóm nhập nhoạng ra sức giật tóc mai cài tóc gáy, cứu chữa các ông đến gần sáng mới tỉnh.

Trời tảng sáng, nhìn rõ mặt người thì hóa ra không phải chồng mình. Các bà ngớ người ra, then quá hóa giận, quát :

- Phải gió các ông nhà này, ở đâu lại đến đây nằm vạ !

Ông kia tỉnh dậy, không biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao, thấy mình nằm ở nhà người khác, đâm hoảng, then thùng vội lủi ra về. Đến nhà, lại chứng kiến cái cảnh vợ mình cũng đang mắc cỡ trong cảnh “ông nọ bà kia” hết như thế.

Bấy giờ các ông mới biết là bị Trạng lừa, ức quá vặc nhau :

- Nào, được làm ông nọ bà kia đã sướng chưa !

11. ĐƠN TRÌNH BÒ CHẾT CỦA CÔ GÁI KẼ NGHÌ

Trên đường từ huyện về Kẻ Nghì, Quỳnh gặp một cô gái từ Kẻ Nghì lên huyện. Đường đi phải qua một quãng đường đồng lầy lội. Hỏi chuyện, Quỳnh biết cô gái lên huyện để đưa đơn trình quan về việc con bò bị chết, xin được đem chôn. Quỳnh hỏi mượn đơn xem, rồi giả vờ lỡ tay đánh rơi đơn xuống bùn. Cô gái Kẻ Nghì bắt đền, Quỳnh làm ngay đơn khác để cô trình quan. Lá đơn ấy, Quỳnh viết :

Tôi là con gái Kẻ Nghì

Có con bò chết đem đi trình người

Lội đồng, váy ướt, đơn rơi

Tôi phải mượn người làm các đơn ni

Đem vào trình với chú Tri

Mong chú chấp lấy đơn ni làm bằng

Nếu mà chú nói mần rằng

Thì chú bú c... cho thẳng mần đơn.

Cô gái đến cửa quan và nộp đơn, hầu chờ phán xét.

Đọc xong, mặt tím bầm, quan quát :

- Thằng nào viết đơn này cho mày ?

- Bẩm quan một người đi đường ạ !

- Sao lại một người đi đường ?

Bẩm quan người ấy biết con làm đơn trình quan về việc bò chết, người ấy mượn đọc, không may lỡ tay, làm rơi lá đơn của con xuống nước, người ấy sợ quan quở, phải viết lại lá đơn này cho con đến trình quan.

- Hình dạng người ấy ra sao ?

Dạ, bẩm quan, người to, bụng hơi phệ, mặc áo năm thân, quần lá lằn, và...

- Và và cái mả cha mày à, lần sau đơn có rơi cũng không được để cho người ấy viết lại nữa nghe không ?

Nói rồi, quan gọi lính đuổi cô gái ra khỏi công đường.

12. BÀ BANH MẮT VÍA

Tương truyền gần làng Trạng Quỳnh đang ngôi dạy học có một ngôi miếu thiêng, ngoài cửa miếu có pho tượng một người đàn bà dáng điệu hờ hênh, miệng cười chúm chím, tay chỉ xuống “cái ấy” được phô bày trọn vẹn, gọi là tượng Bà Banh. Tiếng đồn tượng rất thiêng. Kẻ nào đi ngang qua bụng miệng cười thì thế nào Bà Banh cũng làm cho méo mồm, vẹo cổ hoặc ốm đau, phải cúng bái mới khỏi. Một hôm Trạng Quỳnh đi qua thấy pho tượng trần truồng mà

chân lại đi giày, cổ đeo hạt. Quỳnh lẳng lẳng cầm bút đề lên nơi bụng trắng hếu của pho tượng bài thơ nôm :

*Khen ai đeo đá tạc nên mày,
Khéo đứng ru mà đứng mãi đây ?
Trên cổ đếm đeo dăm chuỗi hạt,
Dưới chân đứng chéo một đôi hài
Ấy đã phát cờ treu ghẹo tiểu
Hay là bốc gạo thử thanh thầy ?
Có ngựa gấn đây nhiều gốc dứa
Phô phang chi ở đám dân này ?*

Bài thơ đọc ở mấy từ nói lái như : Đeo đá, Khéo đứng, Đếm đeo, Đứng chéo.

Người ta đồn rằng, khi Quỳnh vừa đề xong bài thơ, thì pho tượng vã mồ hôi như tắm. Cũng từ đó Bà Banh cũng mất thiêng.

13. CÚNG THÀNH HOÀNG LÀNG

Hồi này, Quỳnh đã đỗ hương cống. Tiếng tăm cũng đã lừng lẫy gần xa. Một lần vợ Quỳnh ốm, thầy bói phán phải cúng thành hoàng làng mới khỏi. Chiều vợ, Quỳnh khăn áo ra đình, khăn vái, xin thành hoàng độ cho vợ khỏi, Quỳnh sẽ xin làm gà lễ tạ.

Mấy hôm sau vợ Quỳnh khỏi thật, giục Quỳnh sửa soạn lễ tạ thành hoàng.

Quỳnh nói :

- Nhà không sẵn gà, thôi để biện lễ khác vậy.

Rồi Quỳnh khăn áo chỉnh tề ra đình, tay cầm theo cái đĩa và hai quả trứng gà luộc. Đến nơi, Quỳnh để hai trứng vào đĩa, đặt lên hương án rồi đọc văn tế.

Chú là kẻ cả trong làng

Ta là người sang trong nước

Đôi bên chúc tụng.

Chả kém gì nhau

Vì vợ ta đau.

Phải ra khẩn vái

Phiên chợ thì trái.

Không mua được gì

Có con gà ri.

Nó vừa nhảy ổ

Bắt đem mà mổ.

Nghĩ cũng thương tình

Chú có anh linh.

Xơi hai trứng vậy !

Tế xong, Quỳnh về nhà nói cho vợ yên tâm là đã tạ lễ xong xuôi và thành hoàng rất bằng lòng (!).

14. THƠ TRỊ GÁI NGOA

Ở một làng nọ, có cô con gái của nhà phú hộ khá xinh đẹp, nhưng nổi tiếng chua ngoa, danh đá. Quỳnh nghe đồn cũng muốn có dịp tiếp xúc thử xem sao. Lúc đó đang là mùa gặt, Quỳnh gia nhập vào đám dân nghèo đi mót lúa gặt sót tại ngay đám ruộng mà cô gái đang coi thợ gặt. Thấy anh thanh niên mặt mày sáng sủa, da dẻ trắng trẻo lại xen trong số người rách rưới lam lũ, đi nhặt từng bông lúa rơi, cô gái cất lời hỏi :

- Cái anh chàng kia, sao lại đi tranh làm cái chuyện của đàn bà, trẻ con nghèo đói ?

- Thưa cô, tôi vốn là học trò nghèo, không có tấc đất cắm dùi, nên đến mùa cũng bắt chước đi theo bà con kiếm chút ít thóc. Quỳnh đáp.

- Nếu thật anh là học trò thì hãy làm một bài thơ tức cảnh, làm được tôi sẽ cho ba lạng lúa, bằng không thì hãy liếm lá mà chuồn. Cô gái đáp lại.

Quỳnh nghĩ bụng, đúng là loại gái chua ngoa như lời thiên hạ đồn, bèn ứng khẩu đọc luôn bài thơ như sau :

Tuyên Quang, Hoằng Hóa cũng thì vua

Nắng cực cho nên phải mất mùa

Phải đứng đầu chờ xin xỏ chị

Chị nữ lòng nào chị chẳng cho.

Nghe xong, cô ả biết đã gặp phải anh chàng chẳng vừa, then đở bùng măt, vội lấy ba lượm lúa trao cho Quỳnh để chàng đi cho sớm. Cũng từ đó, cô gái nọ bớt giọng đánh đá, chua ngoa.

15. CÂY RỄ RUỘNG BÀ CHÚA LIỄU

Nhà Quỳnh nghèo, thấy đền Sòng lắm ruộng tốt, Quỳnh mới đến xin Chúa Liễu cho cấy rẽ, Chúa vốn ham lợi, nên bằng lòng.

Quỳnh khẩn vái xin âm dương để xem ý Chúa Liễu thuận lấy bao nhiêu, phần nào. Năm đầu, Chúa Liễu lay ngọn thì Quỳnh trồng rất khoai lang. Đến vụ, Quỳnh dỡ lấy củ, còn bao nhiêu dây, ngọn đem nộp cho Chúa.

Năm thứ hai, xin âm dương, thấy Chúa Liễu thuận lấy gốc, Quỳnh trồng toàn lúa. Đến mùa, Quỳnh gặt lấy bông, còn bao nhiêu gốc rạ đem nộp cho Chúa.

Chúa Liễu hai lần mắc lõm, tức lắm nhưng đã trót hứa rồi, không biết làm thế nào được. Lần thứ ba, Quỳnh đến xin gieo quẻ, Chúa bảo lần này lấy cả gốc lẫn ngọn, còn cho Quỳnh khúc giữa, Quỳnh giả vờ kêu ca :

- Chị lấy thế thì em còn được gì nữa !

Quỳnh khấn đi khấn lại mãi, Chúa vẫn nhất định không nghe. Quỳnh về, xoay ra trồng toàn ngô. Đến kỳ thu hoạch, bao nhiêu bắp Quỳnh bẻ hết, còn ngọn và gốc thì đem nộp cho Chúa.

Chúa Liễu mắc mưu Quỳnh ba lần, không biết làm thế nào được, đành đòi lại ruộng, song trong ba vụ ấy Quỳnh đã kiếm được cái vốn kha khá rồi.

16. TIỀN MÚA, CHÚA CƯỜI

Nhà Quỳnh nghèo lắm. Một lần ghé qua đền thờ bà Chúa Liễu, thấy nơi khám có nhiều tiền do khách thập phương cúng đặt ở trên mâm Quỳnh nảy ra ý muốn vay. Cậu vừa gieo tiền xin âm dương, vừa khấn :

- Độ rày em túng quẫn, chị lại để tiền không. Xin chị cho em vay, làm ăn khá em chẳng quên ơn chị. Nếu cho vay một phần tư, xin khiến hai đồng đều sắp; nếu cho vay một phần ba, xin cho hai đồng đều ngửa; còn cho vay một nửa, xin sắp ngửa bằng nhau.

Theo kiểu cách ấy, thì đảng nào Quỳnh cũng vay được cả, mà ý bà Chúa Liễu vốn không thích tính Quỳnh, chẳng muốn cho vay, bèn làm cho cả hai đồng tiền quay tít không ngừng.

Thấy vậy, Quỳnh reo lên :

- A, tiền múa, Chúa cười ! Chị thương em nghèo nên cho em vay cả. Xin đa tạ chị !

Nói đoạn, Quỳnh trút hết tiền vào bao, buộc lại rồi ra về.

Mắc mưu Quỳnh, bà Chúa phen này coi như mất trắng.

17. TRẢ ON BÀ CHÚA LIỄU

Mấy năm sau, nhà vua mở khoa thi, Quỳnh lại ra ứng thí. Trên đường đi thi qua đền bà Chúa Liễu, Quỳnh ghé vào nghỉ chân và xin Chúa phù hộ cho thi đỗ Quỳnh sẽ trả lễ hậu. Quả nhiên, khoa thi đó Quỳnh đỗ. Trên đường về làng, Quỳnh ghé chợ mua ngay đôi bò để tạ Chúa. Quỳnh dắt bò mẹ đi trước, bê con lẳng nhẳng theo sau. Đến đền thờ Chúa Liễu, Quỳnh dắt bò mẹ vào đền rồi buộc gần bên tay ngai của Chúa. Xong, Quỳnh quỳ xuống trước bàn thờ khấn :

Chị đã thương em,

Cho vay dẫn vốn.

Chị lại phù hộ

Cho đỗ kỳ này.

Y hẹn có ngày

Bò to tạ chị,

Còn con bê nhỏ

Em đem về làng,

Làm thịt khao dân

Cẩn cáo !

Khẩn xong, Quỳnh dắt bê đi. Bò mẹ thấy mất con rống lên âm ỉ, rồi giật đứt dây buộc làm đổ ngai bà Chúa gảy cả đầu rồng, lồng chạy theo bê con. Thấy thế, Quỳnh liền dắt bò quay lại đền, vào vái bà Chúa Liễu lần nữa và khẩn :

- Đã tạ chị bò

Chị lại muốn cho

Xin đa tạ chị.

Khẩn xong, Quỳnh ung dung dắt cả bò mẹ và con bê về làng.

18. TẠ CHÚA LIỄU BA BÒ

Việc Quỳnh lừa Chúa Liễu chỉ cúng bò bằng lời khẩn sông, lại còn làm đổ gãy cả tay ngài, làm Chúa giận lắm, nên Chúa bắt vợ Quỳnh ồm lăn ôm lóc. Theo yêu cầu của vợ, Quỳnh đành phải đến đền khẩn, để Chúa Liễu giải hạn cho :

- Em có lỗi, thì chị quở em, sao chị lại đi phạt vợ con em bắt phải ồm, mà họ có tội tình gì ? Em xin chị tha cho vợ con em, và xin tạ chị lần này ba bò; em sẽ để ở ngoài sân, chứ không dám vào trong đền, chị yên tâm, khỏi phải lo gãy đổ.

Chúa Liễu nghe Quỳnh nói lẽ những ba bò thì mừng lắm. Lại hứa cúng ở ngoài sân, như thế, thì Quỳnh cũng tỏ ra biết điều.

Khi vợ con hết ồm, Quỳnh lững thững đến đền với đôi tay không, rồi đứng trước bàn thờ Chúa, chấp tay khẩn :

- Chị đã phù hộ cho vợ con em tai qua nạn khỏi, biết ơn chị, nay giữ đúng lời hứa, em xin tạ chị đủ “ba bò” ở ngay tại sân đền.

Nói xong, Quỳnh từ từ lui ra, rồi quỳ xuống, bò đúng ba vòng trước sân. Bò xong, Quỳnh phủi tay, đứng dậy, ngoảnh mặt vào phía bàn thờ Chúa Liễu cười :

- Thế là chị sướng nhá ! Em tạ chị lần này những "ba bò" đấy.

Xong, Quỳnh ung dung bước ra về, để lại nỗi tức giận tràn hông cho Chúa Liễu.

19. MỆO TRẢY KINH

Mùa đông năm ấy, Quỳnh có việc cần đi gặp người bà con đang sinh sống ở Thăng Long. Đường về kinh thì xa, cước bộ phải mất cả tuần, mà Trạng văn vẹn có một quan tiền giắt lưng. Mỗi ngày thứ ba tiền đã tiêu hết nhẵn. Chiều xuống, trời âm u, lại điểm mưa lâm thâm, gió bắc. Đến đầu làng kia, bụng đói cồn cào, vừa may gặp em bé mục đồng dắt trâu về xóm, Quỳnh hỏi thăm lối vào nhà ấp trưởng.

Ấp trưởng làng này vừa giàu sụ, vừa nổi tiếng quý quyết. Qua vài lời chuyện trò với người lỗ độ đường, hăn đoán thăm khách không phải là hạng tầm thường, bèn vồn vã mời nghỉ lại và sai gia nhân làm mâm cơm thịnh soạn để thết đãi. Nhưng mấy ngày liền, khách cứ đi đi lại lại, rồi đến bữa nằm dài đợi cơm rượu, hỏi đến chúc danh công vụ thì cứ ậm ậm ở ờ. Chủ nhà sốt ruột, sinh nghi. Như thường lệ, tối hôm ấy ăn xong một lúc, Quỳnh cáo lui về phòng riêng giáp với phòng ngủ của chủ nhân. Được một chập, Quỳnh tắt đèn lên giường nằm. Biết ở phòng bên có người vẫn thức rình mò mọi hành vi của mình, lát

sau Quỳnh vờ thức dậy rón rén thắp đèn, sau đó cẩn thận lần dưới vạt áo, lấy ra một bọc nho nhỏ bên trong đựng ba gói vuông, bản bằng nhau. Khách cầm bút lông chấm chấm, mút mút đầu ngòi, hí hoáy viết vào từng gói như để đánh dấu cho khỏi nhầm lẫn (thực ra chẳng viết gì cả), miệng lẩm nhẩm đọc, cố ý cho kẻ đang rình bên kia khe vách vừa đủ lắng nghe : Độc dược (thuốc độc) của nhà chúa... Độc dược của bà chính cung... Độc dược của thái tử. Làm như vậy, đoạn Quỳnh đem gói chung thành một bọc như cũ, giắt vào lưng áo. Xong rồi tắt đèn, lên giường nằm trở lại. Khi phòng bên này bắt đầu tiếng ngáy đều đều, thì phòng bên vọng sang tiếng động khe khẽ. Tên áp trưởng bí mật mở chốt cửa ra ngoài, lén đến chuồng ngựa... hộc tốc lao đi trong đêm.

Sáng hôm sau, mới hừng sáng, quan quân từ đâu ập tới nhà áp trưởng đông nghịt, gươm giáo tua tủa vây kín mọi phía. Quỳnh mở mắt, chưa kịp búi tóc⁽¹⁾ đã bị trói nghiêng lại, quăng lên một chiếc xe có bốn ngựa kéo, trẩy gấp về kinh.

Trước phủ chúa, Quỳnh bị điệu ra xét xử với nhân chứng và vật chứng rành rành. Chúa đích thân tự tay mở tang vật. Té ra chẳng có gì ghê gớm ! Chiếc bọc được gói kỹ lưỡng trong mấy lần mo cau, phủ ngoài bằng một vuông vải điều là chiếc bọc chứa ở bên trong mấy gói cơm khô nhỏ, Chúa lấy mũi hài đá té nắm cơm về phía Quỳnh, hất hàm tỏ vẻ khinh miệt :

⁽¹⁾ Thời xưa, đàn ông để tóc dài, búi gọn lên gọi là búi tóc, hoặc củ hành.

- Ta tưởng thế nào... Tài giỏi như Trạng mà cũng ăn cả cái của vút đi này à ?

- Khỏi chúa - Quỳnh đáp lại không chút ngần ngại - nhà chúa thừa thãi mới gọi của đó là của vút đi. Còn thần dân bên dưới đâu dám phung phí một hạt, họ gọi cơm gạo là ngọc thực. Nói rồi, Quỳnh trân trọng nhặt lấy mấy hạt cơm khô, bỏ vào mồm nhai rào rào. Chúa biết mình lỡ lời, đỏ bừng mặt, lại thêm một phen mắc lõm, tức lộn ruột. Không có cơ gì buộc tội Quỳnh, Chúa truyền nọc tên ấp trưởng ra, bắt lính đánh ba chục trượng vì tội nói láo và báo sai.

Trước cảnh tượng ấy, Trạng chỉ mỉm cười. Mặc dầu đã được tha bổng, trước khi bái biệt bề trên, Trạng vẫn không quên giễu Chúa bằng những lời can khéo.

- Xin Chúa rộng lượng tha thứ cho ấp trưởng. Và cho thần được cảm ơn hân cùng quan quân triều đình.

20. DÒM NHÀ QUAN BẢNG

Quan Bảng có cô con gái rước là Thị Điểm vốn nổi tiếng xinh đẹp, nét na, lại hay chữ, đang ngồi dạy học trong nhà. Ngày ngày Quỳnh cứ đi đi lại lại ngoài ngõ, ngó nghiêng Thị Điểm. Bọn học trò biết ý, mách thầy là Quỳnh đến ghẹo cô con gái thầy. Quan Bảng giận lắm cho gọi Quỳnh vào hỏi :

- Anh làm gì mà dòm nom nhà ta, có phải định giở trò chim chuột con gái ta không ?

Quỳnh lễ phép thưa :

- Bẩm quan, con là học trò nghèo, thấy thầy giảng sách hay thì đến nghe nhờ chữ, không dám làm điều gì bậy bạ.

Quan Bảng nói :

- Nếu là học trò thì ta ra cho một câu đối, hãy đối thử ta xem.

Thằng quý ôm cái đầu đứng cửa khô nguyên.

Quỳnh nghe xong đối ngay :

Con Mộc dựa cây bàng dòm nhà bảng nhãn.

Quan Bảng thấy Quỳnh hay chữ tha tội và cho đến nghe giảng sách.

21. ĐỐI ĐÁP VỚI THỊ ĐIỂM

Thuở còn đi học, Quỳnh càng ngày càng mê cô con gái thầy học là Thị Điểm xinh đẹp, đoan trang lại giỏi văn thơ.

Nhưng đối đáp với nàng thật là khó. Có lần Quỳnh từ Mía về, Thị Điểm thấy Quỳnh đang ngồi, liền ra ngay một vế đối có ý trêu :

Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kéo lại hỏi thăm đường (kẹo tiếng địa phương còn có nghĩa là kéo lại).

Gặp câu đối ra toàn mía, mật, kẹo, đường, Quỳnh nghĩ mãi không ra vế đối, đành lủi mất.

Một hôm, thấy cô Điểm vào buồng tắm, Quỳnh nghịch ngợm gõ cửa đòi vào. Cô Điểm vốn hay chữ, tức cảnh, ra ngay một vế đối, bảo Quỳnh đối được thì cho vào. Câu đối như sau :

Da trắng vỗ bì bạch

(*bì bạch*, chữ Hán cũng có nghĩa là da trắng).

Quỳnh không tìm ra câu để đối, đành lủi⁽¹⁾ nghĩ bụng sẽ tìm dịp lờm lại Thị Điểm.

Một lần khác, Quỳnh ngồi đối diện với Thị Điểm qua cửa sổ, Thị Điểm lại đọc một câu :

Hai người ngồi song song hai cửa sổ (*song* là hai, *song* cũng có nghĩa là song cửa). Gặp câu hóc búa, Quỳnh bí quá đành lảng ra chỗ khác.

Một hôm trời tối, thừa lúc Thị Điểm ra ngoài, Quỳnh lẻn vào giường Thị Điểm nằm. Thị Điểm không biết, vào buồng sờ soạng, vô tình quờ ngay tay vào... Thị Điểm biết ngay là Quỳnh nghịch ngợm, liền ra cho một vế đối, bảo không đối được sẽ mách thầy học về tội sàm sỡ.

Vế đối ra như sau :

⁽¹⁾ Sau này, có người đối là : *Trời xanh màu thanh thiên* (*Thiên thanh*, chữ Hán, cũng có nghĩa là trời xanh)

Trưởng nội vô phong phạm tự lập

(Trong phòng không có gió mà cột buồm lại dựng lên).

Quỳnh đối ngay được :

Hung trung bất vũ thủy trường lưu

(Trong bụng không có mưa mà nước cứ chảy dài).

Lần đó Quỳnh thoát tội.

Nhân ngày xuân, thầy sai Điểm đem lễ lên chùa. Quỳnh đi theo cùng. Trên đường, Thị Điểm chỉ cây xương rồng bảo Quỳnh :

- *Cây xương rồng, trồng đất rắn, long vẫn hoàn long* (Long là lỏng lẻo, chữ Hán long nghĩa là rồng, mà chữ rồng đã dùng ở trên).

Về ý, Thị Điểm nói bóng, Quỳnh ngang ngạnh, có dạy dỗ thế nào cũng không chuyển được.

Chữ đối đã khó, ý lại sâu xa. Thế mà Quỳnh đối lại được rất chỉnh, lại tỏ được cái ý nhất quyết giữ cái tính ấy và còn thách thức Điểm nữa.

Quỳnh đối như sau :

- *Quả dưa chuột, tuột thẳng gang, thử chơi thì thử* (thử chữ Hán nghĩa là chuột, mà chữ chuột cũng đã dùng trên).

Hai người thấy tư tưởng không hợp nhau nên từ đấy thôi xướng họa.

22. TRÊN CÂM ĐIẾC, DƯỚI CŨNG CÂM ĐIẾC

Nổi tiếng là người thông thái, hiểu rộng, biết nhiều nhưng Quỳnh ngán chuyện cử nghiệp. Mỗi lần triều đình mở khoa thi, nhiều người giục chàng lều chõng ứng thí, chàng đều gạt phăng, nói sang chuyện khác.

Lần ấy, vì nể ý thầy học, lời khuyên của bạn bè, dân làng, Quỳnh đành đi thi cho phải phép. Năm đó, nhà chúa mừng sinh được con trai, các quan trường bèn nảy ra ý nịnh hót chúa, bàn nhau ra đề thi nói về điềm lành của đất nước. Đoán được ý ấy, Quỳnh nghĩ ra một cách làm một bài văn phải hàm được hai nghĩa : bề ngoài, đọc lên nghe như lời ca ngợi công đức của chúa và sự an vui của mọi người, nhưng nghĩa ẩn của nó lại là một sự phủ định. Trong bài văn ấy có hai câu khái quát hiện trạng đất nước như sau :

"Quan tắc cổ, dân tắc cổ, đái hàm quan Nghiêu Thuấn chi dân" (Nghĩa là : Quan cũng theo phép xưa, dân cũng theo phép xưa, đời ơn quan, dân được sống đời Nghiêu Thuấn) và đối lại :

"Thượng ung tai, hạ ung tai, ý đầu lai Đường Ngu chi đức" (nghĩa là : Trên cũng vui vậy thay, dưới cũng vui vậy thay, dựa vào đám đầu lại có đức độ thời Đường Ngu).

Mới nghe đọc lên lần đầu, chúa Trịnh đã khen :
hay quá, xứng đáng cho giải nhất ! Quan chủ khảo
đứng bên cạnh liền tâu với chúa :

- Khải chúa ! Trong hai câu ấy, thần thấy có ẩn cái
ý không thuận.

- Quan thật đa nghi quá. Ca tụng công đức của
chúa như vậy có gì mà không thuận ?

- Khải chúa, cứ theo cái nghĩa chữ Hán thì hai câu
ấy đúng là hay thật, nhưng Quỳnh là loại thâm nho,
từng đã dùng chữ nghĩa chơi khăm nhiều người, và
chắc hẳn không bao giờ bằng lòng thứ văn chương
một nghĩa. Theo sự hiểu biết cạn hẹp của thần, thì hai
câu ấy xướng theo nghĩa đồng âm trực tiếp nghe ra
ngại lắm, không dám đọc lên để chúa thưởng lãm.

- Ta cho phép quan cứ nói.

- Khải chúa, nếu vậy thần xin nói, hai câu ấy có
dụng ý phỉ báng, tảo tợn. Nếu đọc theo kiểu nôm, thì
rõ ràng là câu chửi tục.

- Chửi tục cũng không sao, nhà người cứ trình bày
ta nghe thử !

- Vậy thần mạo muội thưa : “*Quan tắc cổ, dân tắc
cổ*” có nghĩa là “trên cũng câm, dưới cũng câm” (thưa :
tắc cổ là câm không dám nói đấy ạ !). Còn “*đái hàm
quan Nghiêu Thuấn chi dân*” tức là “đái vào hàm bọn
quan lại dám bảo rằng dân chúng đang sống dưới thời
Nghiêu Thuấn”.

- Nếu quả vậy thì Quỳnh láo thật !

- Khải chúa, chưa hết đâu. Câu sau này còn hàm ý bóng bở tệ hại hơn. "*Thượng ung tai, hạ ung tai*" có nghĩa là "Đứa trên thối tai, đứa dưới cũng thối tai" (ung tai tức thối tai; là cả trên dưới đều một lũ điếc đay ọ). Vì điếc hết nên không biết rằng "*ỷ đầu lai Đường Ngu chi sĩ*" nghĩa là hấn bảo "lạ vào đầu lũ nha lại dám bảo rằng kẻ sĩ đang mở mắt giữa đời Đường Ngu".

- Láo quá ! Thật láo quá ! Vậy thì nên xử lý như thế nào ?

- Khải chúa ! Đối với Quỳnh phải hết sức thận trọng. Không dễ bắt bẻ hấn ta, vì trên giấy trắng mực đen không thể luận tội được. Chỉ có một cách là bí mật đánh hồng y. Thần là chủ khảo, nên điều ấy không khó, xin chúa hãy yên lòng.

Mà đánh hồng Quỳnh có nghĩa là làm theo đúng ý của Quỳnh đâu có cần đổ đạt. Quỳnh đi thi là để đáp lại tấm thịnh tình của mọi người thân, lại có cơ hội đã kích vào thói xu nịnh của đám quan trường và "chọc" nhà chúa một trận nên thân, còn mình thì vẫn giữ tròn khí tiết.

23. THỪA GIẤY VẼ VOI

Trong lần thi hội, Cống Quỳnh không có ý định ứng thí, nhưng vì nể lời chúa Trịnh ép đi thi để lấy Trạng Nguyên, nên Quỳnh nhận lời.

Lúc vào trường thi, Quỳnh làm bài rất nhanh, xong sớm trước nhiều thí sinh khác. Lẽ ra Quỳnh đem nộp quyển, nhưng ví chẳng thiết chuyện đỗ đạt, nên táy máy giở bài ra xem lại. Thấy còn một đoạn giấy trắng bên dưới, Quỳnh liền chấm bút vẽ một bầy voi, rồi tiện tay đề luôn bên cạnh mấy câu thơ ngẫu hứng :

Văn chương phú lục đã xong rồi,

Thừa giấy làm chi chẳng vẽ voi,

Tớ có một điều xin bảo thật

Đứa nào cười tớ, nó ăn bòi.

Quỳnh làm như vậy là cố ý chọc tức các quan chủ khảo, họ sẽ điên tiết lên khi đọc những dòng này và sẽ đánh hỏng Quỳnh với tội “phạm trường quy”. Thực ra Quỳnh đâu cần sự thăng quan tiến chức.

Lúc ấy, có viên giám thị theo dõi, liếc thấy bài thơ tứ tuyệt ngạo mạn của Quỳnh, bèn chạy đi báo với quan giám khảo. Quan sơ khảo và quan phúc giám khảo rón rén đến dòm thử, thì quả đúng như vậy.

Quỳnh biết các hành động của ban giám khảo, nhưng cứ tảng lờ coi như không. Đợi đến lúc các quan trường xúm lại đông đảo, Quỳnh mới đưa bút viết tiếp hai câu thơ nữa vịnh bức tranh voi vừa vẽ :

Voi mẹ, voi con, voi lúc nhúc

Chú sơ, chúc phúc, rúc mà coi.

Đám quan viên lúc này cảm thấy sượng sùng nên bầm nhau rút lệ, đứng lâu ở đó e không khéo lại bị Quỳnh chơi khăm, mất mặt nữa.

Trong khi đó, Quỳnh thông thả thu xếp lều chõng lại, rồi ngửa mặt lên trời cười - cái nụ cười đầy khinh bạc.

24. QUAN TRƯỞNG MẮC LỖM

Năm ấy, vua mở khoa thi, Quỳnh sắm sửa lều chõng vào kinh ứng thí. Với ý muốn ngạo đời cho thỏa chí bình sinh chứ chẳng vì cái chân khoa bảng. Vào trường thi, sau hồi trống ra đề, Quỳnh hí húi viết một chập, rồi đứng dậy, đi lại lảng xảng, cố gọi sự chú ý của quan trường. Quả nhiên, quan coi thi gọi Quỳnh lại, hỏi xem bài vở. Quỳnh vờ giấu ống quyển ra sau lưng và nói :

- Bẩm quan, văn con chẳng ra làm sao cả.

Biết tiếng Quỳnh hay chữ, quan coi thi tưởng Quỳnh nói nhún, đòi Quỳnh đưa ống quyển đựng bài cho xem.

Quỳnh năn nỉ :

- Bẩm quan, con nói thật mà ! Quyển con thối lắm, chẳng có văn chương chữ nghĩa gì đâu. Con chỉ sợ khi mở ra, các quan bịt mũi không kịp.

Nghe vậy, quan coi thi càng khăng khăng bắt Quỳnh phải đưa quyển cho xem. Quỳnh đành phải đưa và nói to :

- Con nói thật, các quan không tin, xin đừng có quở.

Mấy viên quan coi thi chụm đầu quanh ông quyển của Quỳnh và cùng nhau mở ra xem.

Té ra, ống quyển của Quỳnh đựng toàn nước tiểu hòa với cứt, rồi bắt cào cào nhốt vào trong đó, nút lại. Khi nắp quyển mở ra, cào cào nhảy vọt lên, bay tứ tung, bám cả vào mặt, vào đầu các quan. Các quan giận lắm, nhưng chẳng có lý gì để bắt tội Quỳnh cả. Cố nhiên, năm ấy Quỳnh thi trượt.

25. NGỌC NGƯỜI

Chúa có một viên ngọc quý, suốt ngày nâng niu, giữ rất cẩn thận. Nhân một buổi dạ tiệc, Chúa đem ngọc ra khoe. Các quan nhiều kẻ có thói hay nịnh bợ, đua nhau tán tụng. Kẻ thì nói : “Ngọc của chúa quý hơn ngọc rắn, mang vào người, có thể nghe được tiếng chim kêu, tiếng sâu, kiến !”. Kẻ khác lại nói : “Ngọc của chúa quý hơn ngọc rết, giữ ngọc rết trong người

dao chém không đứt, tên bắn không trúng, xông pha trận mạc như đi vào chỗ không người !”. Kẻ khác lại ngọt ngào : “Ngọc của chúa quý hơn ngọc ba tiêu, lấy trong cây chuối, ba nghìn năm mới có một lần, giữ được ngọc này thì thoát tục, tới được cõi bồng lai, lại có thể phân biệt được đâu là kẻ yêu quái, đâu là người trần tục !”. Nhiều kẻ thi nhau tán tụng, nào đó là ngọc ký thủy, ngọc ký hỏa v.v...

Thấy Quỳnh vẫn đứng im chưa nói năng gì, chúa bèn hỏi. Quỳnh chấp tay cung kính thưa :

- Khải chúa, trong cõi đất trời, không có gì quý bằng người. Ngọc rắn, ngọc rất có quý, nhưng sao dám sánh cùng ngọc người... Ngọc người chỉ nằm trong óc người. Nhưng, chỉ kẻ nào ngu ngốc mới có ngọc, còn thông minh thì lại không thể có.

Chúa hỏi :

- Sao người ngu ngốc mới có ngọc ?

Quỳnh đáp :

- Chúa chả nghe người ta bảo người khôn thì anh hoa phát tiết ra ngoài đó ư ? Còn người ngốc, bao nhiêu tình khôn, tài trí không phát tiết ra ngoài được, nên hun đúc trong óc, rồi lâu ngày thành ngọc.

Chúa nghe thích lắm, bèn bảo :

- Nhà người hãy tìm kiếm cho ta một viên ngọc người.

Quỳnh lại tâu :

- Kẻ hạ thân, tuy là người trần mắt tục, nhưng vẫn thấy hào quang sáng trưng quanh mình chúa.

Đám văn võ bá quan đang có mặt lại thi nhau quì lạy:

- Dạ, hào quang sáng trưng quanh mình chúa thượng đó ạ ! Chúng thần nhìn rõ lắm ạ !

Nghe những lời tâu của bề tôi, chúa thích lắm, Quỳnh tiếp :

- Tâu chúa thượng, đó chính là hào quang của viên ngọc. Nếu chúa muốn thấy nó xin chúa truyền cho quan ngự y tìm cách mổ óc ạ !

Chúa chợt hiểu ra, tức uất đầy người, mà chả làm gì được Quỳnh.

26. KHỐN NẠN THÂN GÀ THIẾN

Bọn hoạn quan nơi phủ chúa rất thích chơi gà. Chúng bỏ rất nhiều tiền mua những con gà chơi nòi, đá hay nhất nước, đem về nuôi. Nghe nói Trạng Quỳnh có con gà đá hay, thắng gà nhiều nơi, kể cả gà của sứ Tàu, chúng bèn đến xin Trạng cho gà đấu thử. Biết bọn hoạn quan độc ác, thường gây tai họa cho nhiều người, Trạng Quỳnh ghét lắm, quyết làm chúng bẽ mặt một phen. Trạng hẹn chúng sáng ngày mai đem gà đến chơi và loan tin cho bàn dân thiên hạ trong thành đến xem.

Sáng hôm sau, bọn hoạn quan đem gà đến nơi hẹn. Quỳnh cũng ôm một chú gà thiện của người hàng xóm do Quỳnh nói khó mượn được, thủng thẳng bước vào trường gà.

Con gà trống thiện của Trạng Quỳnh vừa thả ra đã bị gà chọi nòi của viên hoạn quan xông đến mổ vào đầu và đá cho một phát toạc ức ra, gãy đành đập chết ngay. Sau khi đá thắng, chú gà chọi nòi hùng dũng vỗ cánh, vươn cổ gáy một hồi. Bọn hoạn quan nháy nhót, reo hò. Bấy giờ, Trạng Quỳnh mới thiếu nảo bước vào, ôm lấy gà của mình, khóc rống lên, kể lể :

- Khốn nạn thân mày, gà ơi ! Khi chưa bị hoạn, mày vẫn giỏi giang. Nay bị hoạn mất hai hòn dái rồi, sao không biết thân biết phận, còn hung hăng đấu đá, để đến nỗi chết thảm, chết hại như thế này. Khốn nạn thân mày, gà ơi là gà !

Biết là bị chửi xỏ, bọn hoạn quan vừa tức vừa xấu hổ. Chúng vội vã ôm gà lui đi giữa tiếng cười dòn dả của dân chúng kinh thành.

27. LỖM QUAN THỊ

Một quan thị, mới năm chục tuổi, cũng học làm sang, bắt chước các bậc hūu quan, mở đám, ăn mừng thượng thọ. Hắn còn muốn lưu danh thiên cổ, nên nhờ người mày mò đến xin chữ Trạng Quỳnh. Quỳnh vờ lấy sách ra, tra cứu, ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi viết hai chữ

Thiện Đức trao cho người kia mảnh vế. Viên quan thị đưa ra ướm hỏi những người biết chữ nhỏ, ai cũng khen hai chữ ấy vừa thâm thúy, vừa có hậu. Chủ nhân mừng lắm, cho phóng thành đại tự, khảm vào bức hoành phi sơn son thếp vàng treo ngay trên trung đường tại tòa tư thất mới xây xong.

Ít lâu sau, viên quan thị đi đâu cũng bị người ta gọi cái tên mới là quan “*đục thiện*”. Hắn gân cổ mắng trả, liền được nghe giải thích :

- Cái tên mỹ tự ấy là tự ngài treo ở giữa nhà, nên chúng tôi mới dám gọi thế, ngài còn nói gì nữa !

Thì ra, *thiện đức* - nói lái là “*đục thiện*” !

Quan thị lúc này chưng hửng, mới biết mình bị chơi khăm, lạng lẽ về nhà, sai gia nhân hạ bức hoành xuống, đem giấu ở buồng trong.

28. LẠI LỖM QUAN THỊ

Quỳnh thừa biết lũ quan thị và bọn quan võ xưa nay vẫn hiềm khích đối kỵ nhau.

Một hôm, Quỳnh đến nhà quan thị đứng đầu giám ban, đọc cho nghe một vế đối :

“*Thị vào chầu, thị đứng, thị trông, thị muốn ấy, thị không có cậy*”.

Trạng giảng cho hần hiểu chữ “thị” có nhiều nghĩa, gồm cả : *hầu (chầu), trông, ấy* và *cậy* nữa rồi nói kháy :

- Vế đối này rõ ràng dụng ý ám chỉ không tốt vào ngài. Tôi thấy còn “đau hơn hoạn” !

Tên trưởng giám ban tức lộn tiết, muốn biết kẻ nào đã “móc” hần như vậy. Quỳnh cười, bảo :

- Tôi chẳng cần mách người nào “móc máy” ngài. Chính mắt tôi đã trông thấy những chữ ấy bên dinh quan đề đốc. Nhưng ngài chớ hé với ai là tôi mách nhé ! Tôi rất ngại mang thù, chuốc oán...

Sau đó, Quỳnh đến nhà đề đốc. Quỳnh khoe vừa được xem một vế đối ở dinh trưởng giám ban.

- Đối thế nào ? Quan đề đốc sốt sắng hỏi.

Quỳnh nhăn mặt, lắc đầu :

- Chưa chát lắm ! Sâu cay lắm ! Tôi nghĩ, vế đối ấy phải là những tay cự phách mới làm nổi. Nhưng mà ngài đề đốc này, tại sao lại có người thù ghét các người ghê gớm đến thế ? Không có võ làm sao vẫn sống nổi, hưởng hồ các ngài cùng cảnh binh nhung với nhau, nỡ “chơi” nhau làm gì kia chứ ?

Tên trùm quan võ vẻ mặt bưng bưng, tóc dựng đứng, chưa mặc áo giáp vào, thấy người đã nóng ran. Hần nghiêng răng kèn kẹt, giục Trạng :

- Ông đọc ngay đi ! đọc ngay đi, tôi phải cho bọn ấy biết tay !

Quỳnh còn làm bộ lăm nhăm ôn lại rồi mới cất giọng :

"Vũ ý mạnh, vũ ra vũ múa, vũ bị mưa, vũ bện xoắn lông"

Đọc xong, lại xuýt xoa :

- Chà ! Chữ "vũ" tai ác thật. Một đồng âm bốn, năm nghĩa : *mạnh, múa, mưa, lông*... Thế thì có thánh mới hòng đối lại được.

... Hôm sau, Trạng nghe đám gia nhân kháo nhau : Tối qua, quân quan đề đốc với bọn kiêu binh của trưởng giám ban choảng nhau một trận ra trò. Phía quan thì hai người trọng thương, còn bên dinh đề đốc thì nhà sảnh bị phá tan hoang, tanh bành...

Trạng cười thầm : "Không phải chúng "choảng" nhau, mà là ta đánh bọn "văn dốt vũ dốt" đấy".

29. TIÊN SƯ THẲNG BẢO THÁI

Vua Lê ngày càng hèn yếu để chúa Trịnh lộng quyền gây nhiều phiền nhiễu cho dân. Một hôm, Quỳnh cho người ra chợ, bảo tất cả các cửa hàng thịt rằng ngày mai nhà quan Trạng có việc khoản đãi các quan, cần mua mỗi cửa hàng dăm cân thịt ngon, nhờ cửa hàng thái sẵn để đấy. Các chủ hàng thịt mừng lắm, vì bỗng được dịp hầu quan Trạng.

Hôm sau đến phiên chợ, bọn hàng thịt đều bớt lại năm cân thịt ngon nhất, thái sẵn chờ người nhà Trạng đến lấy. Nhưng chờ mãi, chờ mãi, đã quá trưa mà chẳng ai đến lấy thịt. Bọn họ đổ rằng, quan Trạng bận, chưa kịp sai người đến lấy, bèn gói ghém thịt cẩn thận, rủ nhau đem đến nhà Trạng. Đến nơi, thấy bốn bề lặng ngắt, họ chẳng biết thế nào, đành cùng nhau kéo vào trong nhà hỏi :

Nghe bọn họ kể lại đầu đuôi, Trạng Quỳnh vờ ngạc nhiên, nói :

- Chắc có kẻ nào lừa các vị rồi. Nhà tôi có việc gì đâu mà cần thịt. Đã thế, các vị cứ ra giữa chợ mà chửi cha đứa nào “bảo thái”.

Thế là cơn tức giận bùng lên, bọn hàng thịt hăm hăm kéo nhau ra giữa chợ và cứ réo ầm lên :

- Tiên sư thằng “bảo thái” ! Tiên sư thằng “bảo thái”⁽¹⁾.

30. MÓN “ĐẠI PHONG” DÂNG CHÚA

Chúa xối quá nhiều sơn hào hải vị nên sinh ra biếng ăn, gọi Trạng Quỳnh vào bảo :

(1) Bảo Thái là một trong hai niên hiệu của vua Lê Dụ Tông. Thành thử vua được nghe thiên hạ chửi một bữa no nê.

- Ta nếm đủ mùi sơn hào hải vị, không còn thấy có món nào ngon nữa. Trạng có biết trên đời còn món gì lạ mà ngon không ?

Trạng tâu :

- Khỏi chúa đã xơi mầm đá chưa ?

Chúa :

- Ta chưa nghe nói đến món ấy bao giờ.

Trạng :

- Món này đại bổ và đại ngon. Theo sách dạy, người ăn món này phải ngồi chờ từ lúc nấu tới khi chín, không được ăn gì khác giữa chừng. Nếu chúa muốn dùng thử, thì ngày mai xin chúa ngự giá đến tể xá của thần, thần xin đích thân nấu dâng chúa.

Chúa hài lòng, hẹn mai sẽ đến nhà Trạng.

Hôm sau, chúa đến thật. Quỳnh mời chúa ngồi, rồi đốc thúc người nhà đốt lò, quạt bếp, cho đá vào nồi ninh ngay trước mặt chúa. Chúa ngồi nói chuyện với Quỳnh từ sáng đến trưa đã thấy ngót bụng, hỏi Quỳnh mầm đá chín chưa. Quỳnh chạy tới bếp, múc một viên đá lên bấm thử rồi đưa chúa xem, nói là chưa đủ, xin chúa đợi cho một lúc nữa. Chúa nóng ruột, đi ra đi vào. Chúa chờ tới quá trưa sang chiều, rồi đến lúc mặt trời sắp lặn mà mầm đá vẫn chưa chín. Đói quá, chúa phải hỏi Trạng có món gì khác thì cho ăn tạm.

Trạng vào lấy một bát cơm nguội trộn tương dăng chúa. Chúa đói ngấu nên ăn thấy ngon lắm, rồi không chờ được, ra về.

Hôm sau, Trạng vào châu, chúa hỏi :

- Hôm qua Trạng dăng món gì mà ta ăn thấy ngon quá thế ?

Trạng tâu :

- Đó là món “Đại phong” chính hiệu của nhà thần đấy ạ !

Chúa tấm tắc khen mãi.

Tan châu, các quan văn võ xúm lại hỏi Quỳnh, đại phong là món gì.

Quỳnh ung dung đáp :

- Đại phong là gió to. Gió to thì đổ chùa. Đổ chùa thì tượng lo. Tượng lo là lọ tương.

Nghe xong, các quan sững sốt !

31. THI MÂM NGŨ QUẢ

Đã thành lệ nhiều năm qua, cứ đến dịp rằm trung thu, nhà chúa lại mở cuộc thi mâm ngũ quả. Những nhà giàu cùng bọn quyền quý ở Thăng Long từng bỏ ra hàng vạn quan tiền, hàng trăm đỉnh bạc mà chưa năm nào có người giật nổi giải nhất hội thi. Chúa Trịnh rất khó tính

trong cách chọn quả, lựa mâm. Nhất là mấy kỳ gần đây, chúa mắc bệnh cúm (sợ) nắng, cúm gió. Trong dạ hội, chúa chỉ rủ màn ngồi ngự lãm, còn chính cung lệnh bà⁽¹⁾ mới là "chúa" thực sự làm giám khảo, thì việc chấm giải càng rắc rối khắt khe hơn nữa !

Đặc biệt năm nay, Trạng Quỳnh cũng đăng cai tham dự cuộc thi. Trạng nói trước với bầu bạn : "Tôi đã trượt hội thi, lần này quyết đoạt giải hội rằm".

Mặc cho thiên hạ đua nhau chuốc các thứ quả hiếm về bày mâm, nào hồng Hạc Trì, nào lê, đào Lạng Sơn, nào nhãn Sơn Nam (Hưng Yên), nào bưởi Nghệ... Vào cuộc thi, Trạng thanh thoi nhón nhơ tay không, chỉ giắt ở cổ áo dài một tờ giấy cứng cuộn tròn. Đến lượt mình, Quỳnh rút tờ giấy, trải phẳng trên án thư trước mặt chúa và bà chính cung. Đó là tờ tranh vẽ một thiếu nữ mười lăm tuổi khỏa thân, dáng yêu kiều, nằm nghiêng mình về một phía, một chân hơi co, một chân duỗi thẳng, đôi bàn tay úp lại đặt dưới ngực, ngón tay đan chéo vào nhau... Dưới tờ tranh đề : *Mâm ngũ quả rằm !*

Quỳnh ung dung nói :

- Xin nhà chúa thưởng ngoạn và cho điểm "mâm ngũ quả" thần mới sẵn.

Chúa nghiêm mặt :

⁽¹⁾ Vợ cả chúa Trịnh.

- Người nghĩ thế nào, đảm bảo đấy là mâm ngũ quả ?

Quỳnh lặng lẽ lùi ra xa một bước, dùng cây quạt tay thước lần lượt điểm lướt qua bức tranh :

Trước hết chỉ vào đầu thiếu nữ và nói : đây là quả bưởi, tiếp đó, đến đôi mắt, lại nói : đây là chùm nhãn hai quả ! Cây quạt dừng lại ở ngực, Quỳnh tau : đây là một cặp đào tơ. Còn đôi bàn tay úp lại với những ngón tay nuột nà kia là trái phật thủ. Và đến chỗ cuối cùng, Quỳnh mỉm cười lấy đầu cán quạt khoanh một vòng : đây là quả mít mới bổ, còn nguyên mùi thơm phức !

Bất giác, đức ngài thích chí cười như nắc nẻ, Bà chính cung thấy chúa đã mắc bệnh hiểm nghèo, còn thích những của “khó tiêu”, chỉ cười nhạt rồi cất vấn lại Quỳnh :

- Ngõ Trạng cho xem trò gì mới mẻ, chứ thứ ngũ quả ấy thì nữ nhân nào mà chẳng có ?

Quỳnh biện bác ngay :

- Tàu lệnh bà, tục ngữ có câu “người năm bảy đấng, của năm bảy loài”. Đâu phải người nào cũng giống người nào ! Có bậc anh linh kiệt xuất như bà Trưng, bà Triệu; có bậc hiếu hạnh tài trí như Ngọc Hoa, Phương Hoa⁽¹⁾; những kẻ người trần mắt thịt, thất đức, thất phu⁽²⁾ thì đem gánh

(1) Nhân vật nữ trong truyện nôm khuyết danh : “Phương Hoa” và Phạm Tải – Ngọc Hoa.

(2) Người phụ nữ bạc ác, đối xử tàn tệ với chồng con.

đồ đi không hết... Thân trộm nghĩ, thức cây, thức quả cũng vậy thôi ! Có thứ bưởi đào, bưởi ngọt, nhãn lồng, nhãn giống, đào tiên, đào tơ, mít thơm, mít mật... Lại có thứ bưởi đắng, bưởi lựu, nhãn trơ, nhãn còi, đào phàm, đào diếc, mít đặc, mít dai... Xin lệnh bà xem lại cho kỹ, mâm “ngũ quả” của thần dâng nhà chúa đúng là mâm ngũ quý, hiếm.

Quỳnh thao thao bất tuyệt. Bà chính cung cũng nghe câu được câu chăng, lại sợ mình bị lẫn vào loại nữ nhân tầm thường, bèn hỏi lại cho rõ :

- Thế Trạng xếp ta vào “đắng” người nào ?

Quỳnh nhìn chằm chằm bà chúa từ đầu đến gót rồi làm ra bộ cung kính :

- Tâu lệnh bà, nhan sắc như lệnh bà... đáng được xếp vào loại “khuyh thành, khuyh quốc !”.

Bà chính cung cũng chẳng hiểu diễn tích sâu xa⁽¹⁾, đoán là mình được khen đẹp nhất nước, trong bụng có ý hàm ơn Trạng.

Nhà chúa từ nãy vẫn mãi ngắm nghía “trái mít bồ đôi” trên bức tranh, không để ý đến mọi sự đối đáp giữa chính cung và Trạng. Rồi đức ngài thở dài, chép miệng :

- Giá mâm “ngũ quả” này là thật, thì ta chấm giải nhất ngay cho người.

⁽¹⁾ Ý nói sắc đẹp người đàn bà làm vua say đắm đến nỗi dễ mất nước, mất thành vào tay giặc.

Quỳnh biết chúa đã xiêu lòng, tâu luôn :

- Nếu mâm "ngũ quả" của thần mà thật, tức là nó có thể sờ thấy, ngửi thấy, có thể ăn được như người mong muốn, khải chúa và chính cung lệnh bà, thậm chí nghĩ thế thì giá trị của nó chẳng thể lâu bền. Bởi, dầu thơm tho ngon miệng, ngon mắt đến mấy, những thứ đã gọi là "ăn" được, vào tay bậc cao sang như nhà chúa cũng chỉ thưởng thức một vài lần là chán ngay.

Bẩm... mâm ngũ quả của thần vô giá, không có thứ hoa quả nào sánh được. Đem bày nó ra, không dậy diễm gì, chúa không sợ thiu, sợ thối "ăn" cả năm cả đời vẫn không hết. Mà muốn "ăn" lúc no, lúc đói, khi nào cũng tốt, không ngại bội thực, khó tiêu.. Thậm chí cả nhà, cả họ nhà chúa muốn cùng "ăn" cũng không sợ mất phần của ai. Bẩm, chính vì nó đặc biệt quý như vậy, thần mới đem dâng chúa, còn việc dự thi chỉ là nhiên hậu.

Chú Trịnh quay sang bên phải, vấn ý chính cung. Bà chúa mỉm cười...

Thế là rằm tháng tám năm ấy, Trạng chiếm giải nhất cuộc thi "mâm ngũ quả".

32. TRỘM MÈO CỦA CHÚA

Chúa có con mèo đẹp, nên quý nó lắm, thường bắt kẻ dưới hầu hạ con mèo rất cực nhọc. Một hôm, Quỳnh vào phủ chúa bắt trộm mèo đem về nhốt lại.

Đến bữa, Trạng để ra trước mặt mèo hai đĩa thức ăn, một đĩa đựng thịt cá, còn đĩa kia chỉ có rau muống luộc. Thấy thịt cá, mèo sục ngay đầu vào ăn. Trạng để sẵn roi bên cạnh, hề thấy mèo ăn đĩa thịt cá là đánh. Cứ như vậy, vừa bị đánh đau, vừa bị bỏ đói, mèo đành ăn sang đĩa rau. Rèn được một tháng như vậy, mèo chỉ ăn rau, không dám bén mảng đến đĩa thịt cá nữa. Lúc ấy, Trạng mới thả mèo ra.

Từ khi mất mèo, ngày nào chúa cũng sai người đi tìm. Nay thấy mèo của Trạng giống mèo của chúa, lính đi tìm về bẩm lại. Chúa sai Trạng đem mèo vào phủ để chúa xem thử. Quả nhiên, con mèo ấy giống hệt mèo của chúa. Chúa cho là Trạng bắt trộm mèo của mình. Trạng quỳ xuống phân bua :

- Bẩm chúa, mèo của chúa là mèo quý, còn mèo của thần là mèo hèn hạ làm sao có thể nhầm lẫn được. Chẳng tin, chúa cứ thử mà xem.

Chúa hỏi cách thử, Trạng đáp :

- Mèo của hạ thần theo nếp nhà, chỉ biết ăn rau. Mèo của chúa ngược lại, chỉ biết ăn thịt cá. Xin chúa cứ sai lấy ngay ra đây một đĩa rau và một đĩa thịt cá để thử mèo ăn thứ nào, thì sẽ biết ngay là mèo này của ai.

Chúa sai người làm như Quỳnh nói, đặt hai đĩa thức ăn khác nhau trước mặt mèo. Quả nhiên, con mèo tiến thẳng đến đĩa rau, ăn một cách ngon lành. Trạng Quỳnh khoan thai bước tới ôm mèo, cáo tạ chúa ra về. Còn chúa thì chỉ biết nhìn theo tiếc ngẩn, tiếc ngơ.

33. ĐÀO TRƯỜNG THỌ

Nhiều kẻ xu nịnh khi có được của ngon vật lạ thường dâng đem biếu vua. Trạng Quỳnh rất ghét thói xu phụ đó. Một hôm, túc trực trong cung, có người đem dâng vua một mâm đào, gọi là “Đào trường thọ”, Quỳnh thủng thỉnh lại gần, lấy một quả, ăn trước đông đảo mặt vua quan. Vua quả, giao xuống cho các quan nghị tội về hành vi của Quỳnh. Các quan chiếu theo luật “mạn quân”, tâu phải chém đầu. Quỳnh quỳ xuống thưa rằng :

- Đình thần nghị tội hạ thần như vậy, thật là đúng luật, không oan, nhưng xin hoàng thượng rộng dung cho hạ thần được nói vài lời rồi chết cho thỏa !

Vua phán bằng lòng. Bấy giờ Trạng mới chậm rãi nói :

- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần có bụng tham sinh, sợ số chết non, thấy gọi là quả “trường thọ” thêm quá, tưởng ăn vào được sống lâu như ông Bành Tổ để được thờ vua cho tận trung. Không ngờ nuốt chưa khỏi mồm mà chết đã đến cổ ! Hạ thần trộm nghĩ đây chính là đào “đoản thọ” chứ không phải đào “trường thọ”. Xin vua hãy chém đầu kẻ dâng đào dối trá trước, được vậy hạ thần đây có chết cũng cam lòng.

Vua nghe Quỳnh nói có lý, bèn tha tội cho cả Trạng lẫn kẻ dâng đào.

34. CÂY NHÀ LÁ VƯỜN DÂNG CHÚA

Bị Trạng lờm đã nhiều lần, chúa vẫn để bụng tìm cách trả thù. Một hôm, chúa sai lính đến ỉa vào nhà Trạng cho bỏ ghét. Trạng vui vẻ bảo ba quân cứ việc thi hành lệnh chúa. Rồi Trạng vào nhà, lấy dao cắm lăm lăm trong tay và nói :

- Chúa sai các người ỉa vào nhà ta, chứ không sai đái vào nhà đấy. Hễ kẻ nào trái lệnh chúa, ta sẽ cắt ngay chim đi.

Nghe vậy, nhiều tên sợ hãi bỏ về, vì xưa nay có ai ỉa mà nhịn đái được đâu. Duy có mấy tên láu lĩnh, lấy gáo dừa hứng nước đái, chúng vừa thi hành được lệnh chúa, vừa làm đúng yêu cầu của Quỳnh. Trạng Quỳnh đành nuốt giận.

Tháng sau, Quỳnh sai người đi chợ thật xa, chọn mua mấy cây cải rõ to, đem về dâng chúa. Chúa sai nhà bếp nấu, ăn thấy ngon, khen là Trạng biết kính chúa. Chúa hỏi cải ở đâu mà to, ngon như vậy. Trạng thưa :

- Bẩm chúa, chả là tháng trước chúa sai lính đến nhà ỉa vào nhà thần, thần đã cho người hốt tất cả đem bón cho cải trong vườn. Nhờ thế nên cải lớn nhanh và to như vậy. Nghĩ tình chúa tôi, gọi là “cây nhà lá vườn”, thần xin kính dâng chúa để người thưởng thức.

Chúa giận tím gan, nhưng không biết nói sao, đành nín lặng để chờ dịp khác tìm cách trị Quỳnh.

35. ĐÁ BÈO

Một bà chúa có nhan sắc hơn người, nhưng phải cái tính kiêu kỳ, đi chơi phổ hễ gặp ai trái mắt, không vừa ý mình là có thể sai lính đánh đập vô tội vạ. Đã thế, bà ta lại hay tò mò, thích tìm biết chuyện lạ của người khác.

Một hôm, Quỳnh đang lững thững đi chơi, thì nghe ở phía trước có tiếng ồn ào, rồi có người báo nhau là bà chúa đang đi chơi. Quỳnh nảy ra ý đón đường để chạm mặt bà chúa kiêu kỳ, hay tò mò này một phen. Gần đấy có một ao bèo, Quỳnh lội xuống, vừa té nước, vừa đá chơi. Khi kiêu bà chúa đi qua, Quỳnh vẫn cứ hai chân đá bèo văng tứ tung như thế, mặt thì ghéch lên nhìn vào kiêu như có ý thách thức người ngồi ở bên trong.

Lúc này bà chúa cũng đã nhận ra Quỳnh đang làm cái trò lẩn thần giữa nắng hè gay gắt. Tính tò mò bị kích thích, bà ta muốn biết nguyên cớ của cái trò nghịch ngợm kia, bèn cất giọng hỏi trước :

- Ông Trạng rồi rỗi lắm sao mà ra ao nghịch nước giữa trưa nắng như trẻ con vậy ?

Quỳnh ngẩng lên đáp :

- Vâng, chào bà chúa. Ở nhà chẳng có việc gì làm, trời nắng cực quá, nên ra ao khoắng nước, đá bèo chơi cho đỡ cơn.

Nghe xong, bà chúa bỗng thẹn đỏ mặt, khi chợt hiểu mấy từ nói lái của Trạng, vội giục lính khiêng kiệu đi nhanh.

36. CHÚA NGỦ NGÀY

Một buổi trưa, Quỳnh vào hầu chúa, không thấy chúa ở cung, hỏi thị vệ, thì ra chúa đang giấc. Nhân sẵn bút nghiên, Quỳnh đề ngay hai chữ vào tường rồi ra về.

Lúc chúa dậy, ra công đường, thấy ở tường có hai chữ “ngọa sơn” nét mực hầy còn tươi rói, không biết ai đề và cũng không biết nghĩa ra làm sao. Khi hỏi thị vệ mới hay là chữ của Quỳnh. Đến buổi chiều, đông đủ các quan, chúa hỏi, không ai đoán được, phải triệu Quỳnh đến.

Quỳnh thưa :

- Hai chữ ấy chẳng có gì là sâu sắc cả, hạ thần cứ lấy nghĩa đen mà viết, xin chúa chịu khó nghĩ một chút là hiểu ngay thôi.

Chúa nghĩ không ra mới nài Quỳnh :

- Cứ cắt nghĩa cho ta nghe, không hề chi mà ngại.

Quỳnh ngập ngừng mãi mới nói :

- Chữ “ngọa” nghĩa là nằm, mà nằm hẳn phải ngủ, mà ngủ tất phải ngáy. Chữ “sơn” nghĩa là núi, núi tất phải có đèo, vậy hợp hai chữ lại là “ngáy đèo”...

Cả triều ai cũng bùm miệng cười, chúa không chịu được bật cười to, muốn bắt tội Quỳnh, nhưng chúa đã lỡ hứa rồi, đành thôi.

37. CHỮA BỆNH CHO QUẬN CHÚA

Cô con gái út của chúa Trịnh bị bệnh sởi, sốt đã bảy ngày, thuốc hay thầy giỏi chẳng thiếu thứ gì, bệnh vẫn không lui. Chúa sai gọi Trạng Quỳnh lại thăm bệnh của quận chúa út và bảo Trạng :

- Người hãy hết lòng cứu chữa cho con ta. Quận chúa qua khỏi được, thì ta sẽ trọng thưởng.

Trạng vào thăm bệnh, biết là quận chúa bị bệnh sởi, còn phải sốt cao năm ba ngày nữa, đến khi sởi mọc hết mới giảm sốt. Nhưng vốn không ưa chúa và bọn quan lại trong triều, nên Trạng tâu ngay :

- Bệnh quận chúa nặng, phải làm lễ dâng sao mới khỏi. Thần xin làm sớ tể, nhưng tên các sao thì nhiều và lạ, nên xin chúa cho phép thần chọn người học rộng trong số bá quan để đọc sớ tể.

Chúa Trịnh chuẩn tấu, xuống chiếu cho các quan chờ nghe Trạng gọi ai, thì người đó sẽ đọc sớ tể.

Các quan lo lắng, cho người nhà đi dò la thì chỉ thấy Trạng đang sai người nổi giấy cuốn lại thành cuộn to như cái bồ để chuẩn bị viết sớ. Quan nào quan nấy

thấy số tế dài dằng dặc thì lo mất mật, chỉ sợ bị gọi mà không đọc được sẽ bị mất chức phen này. Vì thế các quan thay nhau đem lễ vật đến biểu Trạng và khẩn khoản xin Trạng miễn cho việc đọc số. Ông thì kêu đau lưng mỗi gối, người thì than tuổi hạc đã cao, có ông lại viện cớ nhức răng, đau mắt...

Trạng nhận lễ vật, điểm đầu không thiếu quan nào nữa, bèn vào tâu với chúa :

- Thần xem các quan không ai có đủ kiến văn để đọc số. Vậy thần xin đích thân đọc số tế cho quận chúa.

Chúa phán :

- Cứu bệnh như cứu hỏa, khanh hãy rán sức vì ta mà làm cho tốt.

Đêm hôm lễ dâng sao, Trạng sai lính tháo cuộn giấy to bằng cái bồ ra, thoát vừa mở cuộn giấy Trạng đứng cạnh đọc ngay :

Trên trời có muôn vì sao

Rồi Trạng đứng im chờ. Giấy cứ tháo ra mãi, ra mãi, đến gần cuối mới thấy có mấy dòng chữ, Trạng đọc tiếp :

Có phải vị nào, xin vào ăn xôi.

Ăn xong, sao lại lên trời

Độ cho quận chúa phục hồi sức xuân.

Cẩn cáo !

Cúng xong được một ngày thì sỏi mọc hết, quận chúa hạ sốt ngay. Rồi sỏi bay, quận chúa khỏi hẳn bệnh.

Chúa mừng lắm, trọng thưởng cho Quỳnh. Riêng Trạng, nhận thưởng đem về nhà rồi, cứ ngồi tằm tằm mà cười một mình.

38. MỪNG CHÚA THẮNG TRẬN

Chúa Trịnh sau khi tuần du một vùng biên ải miền tây, trở về kinh sư huênh hoang khoe rằng “quân nó” vừa thua to, vì bị quân nhà chúa nửa đêm bất thần phá lũy đánh thốc vào... Phụ họa với nhà chúa, bọn quan nội và lũ nịnh thần đua nhau dâng biểu chúc tụng. Nhân cơ hội này, Quỳnh cũng làm một bài thơ gửi mừng chúa. Thơ rằng :

Nửa đêm giờ tí trống canh ba

Thoắt tiến lên thành phá lũy ra

Một tướng thẳng vào trong cửa hiểm

Hai quân đứng núp chực bên hà

Quân ta đổ lộn cùng quân nó

Nước nó giao hòa với nước ta⁽¹⁾

⁽¹⁾ Trong “Nam Thiên lịch đại tư lược sử” ghi là : Nước nó ra đầu với nước ta.

Đánh đoạn rút về lau khí giới

Tìm nơi vũ khố để can qua.

Nghe nói mới đọc qua lần đầu, chúa đặc ý. Nhưng xem lại, ngẫm nghĩ, nhà chúa bỗng nhăn mặt nói với thị thần : “Trạng lại dùng “cái ấy” để lừa ta rồi, thế mà tội bay không đánh hơi thấy à ?”.

39. LỄ TẾ SAO

Chúa Trịnh lâm bệnh ngày một nặng. Lúc đầu cốm nắng, cốm gió, dần dần nửa tỉnh, nửa mê, tâm thần hoảng loạn. Chứng bệnh nhà chúa thật tai ác. Mỗi ngày lên cơn dăm bảy bận. Mỗi bận lại bắt bọn quan lại đem một người đàn bà đẹp vào cung cấm, lột trần truồng trước mặt chúa, để chúa cáo cấu, cắn xé... Có như thế căn bệnh mới chóng lui. Nhiều thiếu nữ đã chết oan uổng, hoặc chịu mang thương tích suốt đời. Quỳnh biết chuyện này, hết sức phẫn nộ. Ông tự nhủ không thể để tình cảnh ấy kéo dài, bèn lập mẹo trị bệnh chúa...

Có tin bắt đến tai bà chính cung : Chỉ có Trạng Quỳnh mới chữa khỏi căn bệnh hiểm nghèo kia của chúa.

Bà chính cung tức tốc cho vời Trạng đến :

- Tính mệnh của nhà chúa đang như ngàn cân treo sợi tóc. Ta đã dùng đủ tay ngự y danh tiếng, đã lễ cầu

các vị tiên liệt ở nhà thái miếu và các đấng Thần, Phật tối linh khắp miếu xa, đến gần mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Bây giờ chỉ còn trông cậy vào Trạng.

Quỳnh vào thăm bệnh Chúa, lúc trở ra, làm bộ lo lắng tâu với chính cung :

- Tâu lệnh bà, đúng như lời người dạy, sự sống của đức ngài chỉ còn le lói trong muôn một. Tiếc là lệnh bà cho gọi thần hơi muộn. Nhưng còn nước còn tát, thần xin dốc sức vì chúa một phen. Thần chẳng cần tiền bạc, danh vọng gì, chỉ thỉnh cầu lệnh bà chuẩn y cho mấy điều.

Quỳnh ra hiệu để chính cung đuổi hết quan thị và bọn hầu cận đi ra khỏi, mới nói tiếp :

- Biết sắp vào chầu Đức bà và thăm bệnh nhà chúa, đêm qua thần đã tắm gội sạch sẽ, vào cầu mộng ở đền Trấn Vũ.

Chính cung vội hỏi :

- Đức thánh ngài dạy sao ?

- Thần cầu mộng lúc giờ tỵ⁽¹⁾ đến giờ sửu⁽²⁾ ứng mộng ngay. Đức thánh truyền cho thần biết, muốn cứu nhà chúa, trước hết phải làm hai việc.

Đức bà phải tha hết những con gái nhà lành và tất cả những người đàn bà khác đang bị giam giữ ở các

⁽¹⁾ Tỵ : từ 11 tới 12 giờ đêm.

⁽²⁾ Sửu : từ 1 tới 2 giờ đêm.

nơi trong phủ chúa để đợi đưa vào cung tiến. Đức bà phải lập một đàn sao giữa trời đất để thần làm lễ tế sao. Trong bảy ngày đêm liền, thánh truyền phải dùng dây lụa buộc chặt nhà chúa vào sập rồng. Ngoài chính cung lệnh bà và kẻ hạ thần với hai tên hầu cận, tịnh không một ai được đến gần đức ngài.

Bà chính cung ngẫm nghĩ một lát rồi chấp thuận. Ngày hôm sau, mọi việc bắt đầu. Quỳnh đứng ra làm lễ tế sao. Đêm đến, trên giàn cao, bà chính cung và các hàng quan văn quan võ đại thần mặc lễ phục, hai tay dâng hương, quỳ mọp gối chung quanh chủ tế. Quỳnh tay cầm nghi trượng, tay “bắt quyết”, mồm luôn đọc bài văn tế sao :

- Ô hô Ngàn sao, Sao loan, sac Mệ ! sao Dập, sao Dung ! sao Ú, sao Ngang ! sao Bao, sao Thạm ! sao Hạng, sao Tai ! Mau cút lên trời ! Chúa tôi khỏi bệnh ! Ô hô cút mau !...

Sau mỗi lần đọc, Quỳnh lại bắt mọi người đồng loạt nhắc lại.

Thật kỳ lạ, chỉ tế sao trong vài đêm, bệnh chúa lui trông thấy. Đến ngày thứ năm, chúa van vỉ kêu rên như một phạm nhân xin giảm tội : “Ta hết lên cơn rồi. Các người mau cởi trói cho ta !” Quỳnh nghiêm giọng, đe nạt :

- Tùy chúa đấy thôi ! Nếu chúa nóng lòng, không chịu phép đủ kỳ hạn, sau này thánh quả phạt, đừng trách cứ vào Trạng.

Nhà chúa đành phải nghe theo.

Sau bảy ngày đêm, chúa gần khỏi, người tỉnh táo, ăn ngon miệng. Chính cung cả mừng, mở tiệc lớn khoản đãi Trạng. Trong thành, ngoài cỗi đồn dậy lên : “Trạng Quỳnh có thuật tế sao vô cùng mầu nhiệm”.

Các quan chiêm tinh đọc bao nhiêu sách chưa hề thấy có tên những vì sao lạ như vậy, lục tục rủ nhau đến khẩn khoản cầu xin Trạng truyền cho bí quyết, Trạng nói :

- Tôi không phải thầy cúng, cũng không phải thầy lang. Chẳng qua nhà chúa từ lâu đã mắc chứng ham mê tửu sắc, ăn, uống, thức, ngủ vô điều độ. Các ngự y đến xem mạch lại đua nhau bốc thuốc bổ thận, bổ dương, càng đẩy con bệnh đến chỗ cường dục, loạn tâm, loạn trí. Tôi bày mẹo cầu mộng là cốt mượn uy của thần thánh, bắt nhà chúa nằm bất động, kiêng khem mọi thứ, cho thể trạng trong người bình thường lại. Còn bài văn tế kia cũng chẳng có gì đáng bí truyền cả. Cứ đọc ngược, khắc rõ nghĩa. Tôi xin tế lại để các ngài nghe.

- Ô hô Ngàn sao ! Sao Loan, sao Mệ là sao Mê, sao Loạn, sao Dập sao Dung là sao Dục, sao Dâm, sao Ú, sao Ngang là sao Ác sao Ngu...

Các quan chiêm tinh nghe Trạng kể như vậy đều cười bò, cười lăn.

- Các ngài thức hiểu một khi các thứ sao xấu, sao độc kia không còn ám ảnh nhà chúa nữa, đã “cút lên trời” thì nhà chúa hết bệnh chứ còn gì nữa.

Họ phục Trạng vừa giàu trí thông minh, vừa giàu lòng nhân ái, xứng danh là “ngôi sao sáng xứ Thanh”.

40. TRẠNG CHỌI TRÂU

Sứ phương Bắc sang nước ta huênh hoang, tự phụ, cái gì của thiên triều cũng hơn cả, rồi đòi đem trâu của phương Bắc ra thách chọi với trâu nước Nam. Vua sai Trạng Quỳnh đi kiểm trâu chọi. Đúng ngày hẹn, sứ Bắc quốc dắt tới một con trâu đực vóc to, hung dữ, đôi sừng nghênh ngang, khụng khiêng bước ra bãi đấu, guồm guồm chờ đối thủ.

Lát sau, Trạng Quỳnh cho người ung dung dắt ra bãi đấu một con nghé non đã bị nhốt đói nửa ngày. Sứ phương Bắc trông thấy cả cười nói :

- Trâu chọi của nước Nam chỉ thế này thôi ư ?

Hai bên thả trâu, nghé vào đấu. Nghé non đang đói, gặp trâu đực ngỡ là mẹ cứ rúc đầu vào bụng tìm vú để bú. Trâu đực nhột cứ tránh né hoài. Nghé đói lại càng rúc tợn, cuối cùng trâu đực không chịu được, phải cong đuôi bỏ chạy thục mạng.

Quỳnh vỗ tay reo :

- Thắng rồi ! Ta thắng rồi, bà con ơi ! Người đi xem vỗ tay như sấm, trong khi sứ Bắc quốc tức lộn ruột vì đã thua mưu của Trạng... Thế là :

Nghé non chọi với trâu kênh

Trâu thua nghé thắng, Trạng Quỳnh vĩnh râu.

41. ĐÁNH VỠ CHAI NƯỚC SỨ TÀU

Vua Tàu lăm le dòm ngó nước ta, nên cử một đoàn sứ bộ sang để dò la tình hình và bày trò đấu trí để kiểm cỡ xâm lược.

Tại sân triều, đoàn sứ bộ dâng lên nhà vua một chai bịt kín miệng và bảo : trong chai có một lá thư của nhà vua Bắc quốc, nhờ triều đình lấy hộ.

Thực là nan giải, vì chai thì bịt kín miệng, trong chai có nước. Cả nhà vua lẫn triều thần đều lúng túng, chưa biết xử trí ra sao, thì từ hàng triều thần, Quỳnh xăm xăm bước lên, trong tay cầm một cái gậy. Ông quật mạnh vào thân chai, chai vỡ tan, nước đổ tung tóe, rồi quay ra nói với sứ Tàu :

- Yêu cầu của quý quốc chỉ nhờ lấy thư trong chai nước, mà không hề nói tới chai, các ngài cũng không đòi chai. Thiết tưởng muốn lấy nước thì phải đánh mà lấy, mà đánh thì như các ngài thấy, vỡ chai. Thiệt hại thuộc về quý quốc.

Sứ Tàu tái mặt vì bị chạm trúng tim đen. Sau đó, sứ bộ về nước, cũng không thấy vua Bắc quốc hạch sách gì nữa. Thì ra, Quỳnh đã rất hiểu ý đồ của vua Bắc quốc, ông đã giải đúng mọp đó của sứ bộ bằng một đòn cảnh cáo nghiêm khắc.

42. ĐĂNG GỐC, ĐĂNG NGỌN

Quỳnh đi sứ, quan Tàu và binh lính tùy tùng đến trạm tiếp sứ, đón Quỳnh. Để thử tài sứ An Nam, quan Tàu sai lính mang đến một cây gỗ bằng đầu bằng đuôi, rồi nói với Quỳnh :

- Nghe tin sứ An Nam học rộng, tài cao, đoán trước được mệnh trời, vậy sứ cho biết, cây gỗ này đăng nào là gốc, đăng nào là ngọn ?

Quỳnh thần nhiên bảo :

- Khó gì chuyện ấy, sang mai xin trả lời.

Đêm đến, Quỳnh cho người tâm phúc đi lấy phân trâu bôi bẩn cây gỗ.

Sáng ra, Quỳnh đến trông thấy cây gỗ dính đầy phân, bèn bảo :

- Đem một cây gỗ để thử tài sứ An Nam mà các người lại để cây gỗ bẩn thế này ư ?

Tên quan Tàu vội vàng sai lính khiêng cây gỗ đem xuống hồ nước gần đấy để chùi rửa cho sạch.

- Cây gỗ khi bỏ xuống nước, đầu gốc nặng hơn thì chìm xuống, còn đầu ngọn thì vồng lên. Quỳnh đã cho người bám theo quan sát để mật báo cho mình. Thế là

khi lính khiêng cây gỗ đặt lên giữa sân, Quỳnh bước đến, giả bộ ngắm nghía, suy đoán rồi lấy tay chỉ :

- Tôi cam đoan đây là đầu gốc và kia là đầu ngọn.

Nghe Quỳnh nói, tên quan Tàu và bọn lính tùy tùng đều hết sức khâm phục sứ An Nam.

43. THƠ TRỐNG VẦN THIÊN

Quỳnh đi sứ, vua Tàu nghĩ một kế thật hiểm để thử tài, định cho sứ ngày mai vào chầu.

Hôm sau, vua Tàu chọn những quan hàn lâm hay chữ vào thi với Quỳnh, Quỳnh vào thì thấy nghiên ngọc, giấy hoa, mực ngự bày ra trên án. Quỳnh phân vân chưa biết ý ra làm sao, thì thấy quan thị cầm dùi ra, đánh một tiếng trống rồi chỉ lên trời, xong bỏ đi. Quỳnh không hiểu, trông tả, trông hữu thấy các quan Tàu đều mài mực, cầm bút bắt đầu viết. Quỳnh nghĩ bụng : “Thôi ! Hẳn họ bắt ta vào văn thi, và lập cách hiểm giấu đầu để thử ta rồi !”. Lập tức, Quỳnh nghĩ được một mẹo, Quỳnh vội ngoáy đầy một tờ giấy hoa tiên toàn chữ lằng nhằng trông như dạng chữ thảo, rồi đem nộp trước. Khi đi qua chỗ quan Tàu ngồi, Quỳnh liếc mắt nhìn mới hiểu đề ra là *Thơ trống vần thiên*, bèn nghĩ sẵn một bài trong đầu. Vua Tàu xem bài thi của Quỳnh, không đọc được chữ nào, đưa cho các quan xem, ai cũng đều chịu cái lối “thảo An Nam”. Cuối cùng đành phải gọi Quỳnh lên hỏi.

Quỳnh tâu :

- Ấy là lối thảo An Nam. Xin cho phép thần chép lại rõ ràng cho dễ đọc.

Bấy giờ Quỳnh viết ngay bài thơ đã sẵn. Thơ Quỳnh hay hơn cả, vua và triều thần đều phục, mới hỏi :

- Ở An Nam được mấy người như người ?

Quỳnh tâu :

- Ở nước tôi, văn như Đồng, Giả⁽¹⁾, võ như Tôn, Ngô⁽²⁾ nhiều lắm, còn hạng tôi lấy xe mà chở, lấy đấu mà đóng không hết. Đàn bà, trẻ con cũng đều thông thạo chữ nghĩa.

Vua tôi nhà Thanh lắc đầu, lè lưỡi.

44. THI VẼ RỒNG

Vua Tàu bảo triều thần :

- Sứ An Nam giỏi thơ, nhưng chắc không giỏi họa. Ta mở cuộc thi vẽ cho sứ An Nam biết thượng quốc cũng lắm người tài.

⁽¹⁾ Đồng Trọng thư, Giả Nghị đều là những nhà văn đời Hán (Trung Quốc).

⁽²⁾ Tôn tử, Ngô Khởi đều là những nhà quân sự nổi tiếng thời Chiến Quốc (Trung quốc).

Đám triều thần đều xin cho mở cuộc thi ngay. Chúng chọn mấy người vẽ giỏi nhất nước, đưa về kinh đô chờ sẵn. Vua Tào gọi Quỳnh đến phán :

- Ta xem trong bài thơ của sứ An Nam có cả họa, nhưng ta muốn biết tài thực của sứ An Nam, nên hôm nay mời nhà người cùng thi vẽ để ta xem.

Quỳnh không biết vẽ thật, nhưng không thể từ chối, đành cứ nhận lời thi, rồi sẽ tùy cơ ứng biến.

Vua Tào ra đề thi vẽ rồng, và hạn cho hễ đánh xong một hồi trống thì phải vẽ xong.

Khi viên quan đánh trống vừa cầm dùi giờ lên, thì Quỳnh liền nhúng cả mười đầu ngón tay vào nghiên mực. Và khi tiếng trống chưa dứt thì Quỳnh đã vẽ xong mười vệt mực ngoằn ngoèo trên giấy. Quỳnh đem tranh vẽ nộp trước, trong khi các họa sĩ khác còn đang húy hoáy điểm thêm râu, thêm vẩy. Vua Tào xem tranh của sứ An Nam, liền phì cười :

- Đây là con gì chứ đâu phải con rồng ?

Quỳnh nghiêm trang tâu :

- Đây là giống rồng đất ở nước hạ thần ạ.

Vua Tào lắc đầu chỉ vào bức tranh của một người đã vẽ xong.

- Phải như thế kia mới gọi là rồng chứ.

Quỳnh cãi rằng phải như mình vẽ mới đúng là rồng và xin đem rồng thực ra so, nếu rồng của vua Tào đúng rồng người Tào vẽ thì Quỳnh xin chịu tội.

Vua Tàu và triều thần cùng ngăn người ra. Họ đành phải chịu thua sứ An Nam vì không tài nào tìm đâu được rỗng thực.

45. SỨ TÀU MẮC LỖM

Sứ Tàu sang nước ta để làm lễ phong vương. Sứ đến cửa thành, trông lên thấy cửa đề bốn chữ : “Đại Nam quốc môn”, nghĩ bụng : “Ta phụng mạng thiên triều mà chui dưới bốn chữ này, chẳng hóa ra nước Tàu phải kém nước Nam ư !”.

Sứ Tàu nhất định không chịu, đòi phải làm cầu vòng qua trên cửa thành để đi vào. Trong khi chưa có cầu, đoàn sứ bộ sẽ dừng lại ngay trước cửa thành, và tất nhiên quan quân ta phải phục dịch vất vả.

Vua, chúa và các quan đại thần không biết đối phó ra sao, bèn triệu Quỳnh vào. Quỳnh tâu :

- Xin nhà vua chớ lo. Hạ thần đã có cách bắt sứ Bắc quốc phải chui qua cửa thành.

Sau đó, Quỳnh ăn mặc giả làm một người lính hầu, cầm quạt lông đi theo hầu ông quan, đem đồ ăn thức uống cho sứ Tàu. Đến nơi, Quỳnh quạt phẩy vài cái, rồi thình lình giơ cán quạt gõ vào đầu sứ Tàu.

- "Tiểu nà ma cái nì"⁽¹⁾! Nói xong Quỳnh ù té chạy vào phía cổng thành.

Sứ Tàu tức quá, liền lên ngựa phóng theo đuổi bắt. Phó sứ và quan hầu cũng chạy theo. Quan quân ta cũng thúc voi cùng đuổi để bắt kẻ "phạm thượng". Sứ Tàu mãi mê đuổi bắt, ruổi ngựa rúc qua cổng thành lúc nào không hay. Khi thấy sứ Tàu chui qua cổng thành rồi, Quỳnh mới quay đầu lại, vừa cười vừa reo :

- Sứ Bắc quốc đã chui qua cổng nước Nam !

Ngẩng lên, sứ thấy một đám đông dân chúng đang đứng reo hò, còn sứ thì mãi đuổi theo tên tiểu tốt đã chui qua cổng thành nước Nam lúc nào không hay. Biết mắc lõm rồi, sứ đang khó xử thì Trạng Quỳnh đã quay lại nói :

- Sứ đã chui qua cổng rồi, chả lẽ lại chui qua lần nữa để ra hay sao.

Sứ biết mình dại, đành vuốt bụng vào cung yết kiến vua Nam.

46. CÔ HÀNG NƯỚC

Trên đường sang Việt Nam, sứ Tàu nghĩ : "Có đúng ở An Nam có nhiều người văn như Đổng, Giã, võ như Tôn, Ngô không ? Đàn bà trẻ con cũng thông thạo

⁽¹⁾ Tiếng chửi.

chữ nghĩa ? Hay đó chỉ là lời khoa trương, khoác lác của Quỳnh ?”.

Trên đường đi, trong lúc chờ đò để sang sông, sứ Tàu và đoàn tùy tùng ghé vào hàng nghỉ chân “hút thuốc, uống nước”. Theo mẹo Quỳnh, Thị Điểm đóng vai giả dạng làm cô bán hàng, cố ý ngồi hờ hang cho sứ Tàu thấy... Sứ Tàu dù là thừa mệnh thiên triều, dù là bề tôi thiên tử, một khi đã nhác thấy, không thể không nom kỹ, mà đã nom dòm thì với bệnh sính nói chữ, hẳn thế tất phải tuôn ra lời chê bai, châm chọc. Quả đúng như dự đoán của Quỳnh, sứ Tàu nói với đồng bọn :

- *Nam bang nhất thổn thổ bất tri kỹ nhân canh*”
(Nghĩa là ở nước Nam một tác đất không biết bao nhiêu người cày).

Thị Điểm tủm tỉm cười đáp lại một cách bình thản :

- *Bắc triều chưa đại phu giai do thử đồ xuất !*”
(nghĩa là các ông lớn thiên triều đều từ chỗ ấy mà chui ra cả !).

Vừa kinh ngạc trước tài ứng đối thông minh của cô hàng nước, vừa hổ thẹn, lúng túng, thì vừa lúc ấy đò từ bờ bên kia sang đã cập bến, đoàn sứ Tàu vội vã bước ra khỏi quán, xuống đò.

47. ANH LÁI ĐÒ

Một lần, vua Thanh cử đoàn sứ bộ sang ta để thăm viếng, thực chất là để dò xét tình hình, tìm hiểu xem nhân tài của An Nam như thế nào. Quỳnh được cử đóng vai anh lái đò ngang trên đường sứ bộ sẽ đi qua.

Trong lúc sang sông, do mãi ngắm cảnh đẹp, viên chánh sứ vô tình để buột ra một tiếng “bùm”. Ngượng quá, không biết làm thế nào để chữa thẹn, y bèn ứng khẩu đọc : “Lôi động Nam bang” (nghĩa là sấm động nước Nam). Nghe thấy vậy, Quỳnh vội vàng buông mái chèo, rồi trèo lên mũi thuyền, đứng bên cạnh đoàn sứ bộ, quay về hướng Bắc, vạch quần áo tổ tổ xuống sông, miệng vừa đọc : “Vũ qua Bắc hải” (Nghĩa là mưa qua bể Bắc, tức nước Tàu).

Đoàn sứ Thanh thấy anh lái đò nhanh trí và giỏi chữ như vậy, tuy trong bụng rất tức, nhưng cũng phải phục tài người Nam. Từ đó, chúng không dám hống hách, kèn kiệu nữa.

48. TRẠNG CHẾT CHÚA CŨNG BẰNG HÀ

Chúa bị Trạng Quỳnh coi thường nhiều phen nên rất căm giận. Lần này, chúa quyết khử Trạng để tránh những hậu hoạn về sau. Chúa sai nhà bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn, rồi cho mời Trạng đến dự yến tiệc.

Trạng Quỳnh vẫn biết chúa rất ghét mình, nay bỗng dưng mời đến yến tiệc, hẳn là có việc chẳng lành. Trạng bèn gọi vợ con đến, dặn dò cẩn thận rồi ra đi.

Thấy Trạng Quỳnh đến, chúa tiếp đón niềm nở, tự tay rót rượu, ban yến cho Trạng. Biết Trạng không thể từ chối được đành phải ăn. Trạng Quỳnh vừa ăn được vài miếng, chúa bất ngờ hỏi :

- Bao giờ thì Trạng chết ?

Trạng nhếch mép cười và đáp :

- Thưa, khi chúa băng hà.

Chúa không nói gì.

Ăn xong, Trạng cáo từ ra về ngay. Vừa về đến nhà, Trạng thấy người nôn nao, khó chịu, vội lên văng nằm, và sau đó tắt thở. Người nhà làm theo đúng lời Trạng dặn.

Chờ mãi đến chiều chẳng thấy nhà Trạng có động tĩnh gì, chúa sai người đến dò xem. Người nhà chúa đến nơi, thấy Trạng Quỳnh đang nằm văng đọc sách, bên cạnh có vợ ngồi đưa văng và con ngồi quạt, còn người nhà thì đi lại như thường, vội về tâu lại với chúa. Chúa cho rằng thuốc độc không có công hiệu, đòi ngay nhà bếp lên căn vặn rồi tự mình nếm thử thức ăn đã đem mời Trạng. Lát sau chúa bị ngấm thuốc, lăn đùng ra chết.

Thấy bên phủ chúa đã phát tang, y lời Trạng dặn, lúc bấy giờ vợ con Trạng mới phát tang, báo tin Trạng

Quỳnh đã mất. Thế là hai đám tang chúa và Trạng Quỳnh cùng đưa một ngày. Dân kinh kỳ bảo nhau, đúng là :

“Trạng chết chúa cũng bằng hà

Dưa gang đồ dít thì cà đồ tròn”.

TRUYỆN

BA GIAI - TÚ XUẤT

MẤY NÉT VỀ BA GIAI - TÚ XUẤT

Vào khoảng cuối đời vua Tự Đức, ở đất Hà Thành có một anh đồ nho tên là Ba Giai. Ba Giai tên thật là Nguyễn văn Giai, quê làng Hồ Khẩu, bên hồ Tây, Hà Nội. Thuộc loại văn hay chữ tốt, thông minh, nhưng tính tình nghịch ngợm và ranh mãnh. Đã nhiều lần lều chõng đi thi, mà mãi vẫn không đỗ đạt gì, Ba Giai đâm ra bất mãn, chán đời, giao du với những người vô công rồi nghề và dân “anh chị” đất Hà Thành, đua đòi ăn chơi, phá phách, rồi trượt dài trên con đường rượu chè, bê tha... Bản thân Ba Giai cũng đã cầm đầu bọn đàn em gây nên một số chuyện động trời ở Hà Nội.

Cùng thời điểm đó, ở Thanh Hóa cũng xuất hiện một anh chàng cùng trạc tuổi tên là Tú Xuất, nổi tiếng không kém về chuyện ăn chơi, rượu chè, quấy phá xã hội. Theo lời truyền tụng trong dân gian, Tú Xuất là cháu bảy đời của Trạng Quỳnh, cũng thuộc loại thông minh, nhưng lặn lội trên đường khoa cử, chỉ đỗ tú tài và không sao vươn lên chiếm được mảnh bằng cử nhân. Từ đó, Tú Xuất giận thân, giận đời, sống tự do phóng túng, tìm nguồn vui trong hơi men, trong nhà thổ, trong việc quấy phá thiên hạ.

Nhưng xứ Thanh không phải là nơi dung thân, phù hợp với những lối ăn chơi đàng điếm, nên Tú Xuất đã tìm đường ra Hà Nội.

Tú Xuất ra Hà Nội liền tìm gặp được Ba Giai, lúc này đã nổi tiếng. Hai người đã kết nghĩa ăn thề với nhau, trở thành một “cặp bài trùng” Ba Giai - Tú Xuất, cầm đầu một đám “đàn em”, tác oai tác quái trong một thời gian dài, không chỉ ở Hà Nội mà cả một địa bàn rộng lớn gồm nhiều tỉnh thành ở đồng bằng, trung du Bắc Kỳ lúc bấy giờ.

Dưới đây là những mẩu chuyện về hai nhân vật “vang bóng một thời” đã gây nên bao chuyện “cười ra nước mắt” và những nỗi băn khoăn, lo sợ trong dư luận xã hội thời ấy. Nhìn ở khía cạnh nhân sinh và trách nhiệm công dân, những mẩu chuyện về Ba Giai - Tú Xuất là một bài học phản diện, sống động để cho người đọc cùng suy gẫm.

1. CỔ QUAN TÀI TRƯỚC GIAO THỪA

Cả nhà ông bá hộ Tiếp ở phố Hàng Bè chuẩn bị cái Tết năm nay thật chu đáo. Còn độ ba trống canh nữa là đến giờ “tổng cự nghênh tân”. Ông giục bà, bà lại nhắc các cô, các cậu. Dưới nhà, bếp vẫn sáng hồng, mùi xào nấu thơm lừng. Trên nhà ngay trước sập, kẻ sắp đặt khăn áo, người xếp đi xếp lại đĩa bánh, gói mứt. Bọn trẻ con xúm xít quanh những bánh pháo, cỗ bài, những cái túi hoa để đợi bỏ tiền mừng tuổi. Bỗng có tiếng gõ cửa hấp tấp phía ngoài. Một cô gái nhanh nhẹn mở cửa. Ôi chao ! Bốn năm người lố nhố ngay giữa cửa ra vào. Lù lù một cái quan tài đặt trên trên chiếc xe bò vừa hạ cang, được khiêng vào, sát ngay thêm gian giữa. Người đi trước vừa nói, vừa thở.

- Dạ, được lệnh cụ, chúng tôi cố gắng lo liệu cho chu tất trước giao thừa. Dạ, thuê người vào lúc này cũng khó lắm, nhưng với gia đình cụ đây thì khó thế nào cũng không dám quản ạ.

Bá hộ Tiếp chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì, quát tháo ầm lên.

- Cái gì ? Lệnh nào ? Ai bảo các anh khiêng lại đây ?

Còn bà bá và các cô con gái thì tru tréo :

- Giời đất ơi ! Nửa đêm ba mươi Tết mà các ông khiêng quan tài vào nhà tôi thế này à ?

Mấy ông phu khuân vác, cũng đâm hoảng khi nhìn rõ trong nhà chỉ là quang cảnh đón Tết, chứ chẳng có gì là không khí tang ma. Người đi đầu vẫn khăng khăng :

- Không thuê, không cầu thì ai tội gì giữa đêm hôm, Tết nhất thế này mà đến đây cho vất vả. Rõ ràng nhà cụ cho người đến cửa hàng chúng tôi lúc chiều.

Bên chủ, bên khách to tiếng cãi nhau. Bọn con cái ông bá hộ cố sức đẩy cái quan tài ra. Bọn người khuân vác thì, cứ giữ riết lấy quan tài và cỗ xe không cho nhích nhích. Bà con hàng phố nghe tiếng ồn ào, kéo đến mỗi lúc mỗi đông. Bà bá hộ chạy ra phân bua, hét đến khản tiếng mà cũng không át được lời giảng giải của người thay mặt cho chủ hàng sũ. Anh ta bảo với hàng xóm :

- Lúc chiều, gia đình đây cho một cậu mang tiền đến đặt cho chúng tôi rất phân minh. Cậu ấy bảo là nhà vừa có bà bác, bà thím gì đó mới mất, sợ để đến mai là năm mới không tiện, nên xin cho khiêng quan tài đến để đưa ma ra đồng trước giao thừa. Thuận mua vừa bán, tiền trao rồi thì phải mức cháo chứ ? Để chúng tôi làm công không à !

Cả nhà bá Tiếp lại nhao nhao lên :

- Nào có ai đi đâu ? Đây là cả nhà chúng tôi đây, các anh chỉ mặt xem ai là người ra đặt hàng các anh nào.

Cả xóm được một bữa cười nôn ruột. Một bà ra vẻ thông thạo :

- Thôi coi chừng lại mắc mẹo cậu Ba Giai rồi đấy. Hòa nhau đi cho yên chuyện. Giao thừa rồi, đừng sinh sự bí beng ! Chắc rằng trong nhà đã có ai đó xử tệ với Ba Giai, nên cậu mới chơi cho một vỏ cay như vậy.

Bà hàng xóm đã nói đúng. Nhà bá Tiếp thường ỷ của, ỷ thế khinh rẻ mọi người. Nhất là mấy cô con gái lại hay lên mặt chua ngoa. Chả là hôm trước, Ba Giai có đi qua nhà, vô ý chạm vào bức màn màn che trước cửa hàng xén. Cô gái bá Tiếp bị màn che cả mặt đâm cáu, liền mắng ầm lên. Ba Giai đã xin lỗi, nhưng bị tiểu thư ông bá hộ thấy bộ dạng anh đồ xơ xác thêm khinh miệt, càng lên giọng chanh chua, nặng lời, văng tục. Ba Giai cứ lẳng lặng về, lập kế chơi lại, gia đình cô bị một vỏ nên thân.

Chẳng biết sau đó, gia đình bá hộ Tiếp có bị “rông” cả năm hay không. Chỉ thấy cả Hà Nội truyền đi câu ca dao :

Hề ai mà nói dối ai

Tối ba mươi Tết Ba Giai vào nhà.

2. TAO ĐÂY LÀ BỐ CAI TỔNG ĐẢN

Từ Hà Nội, Ba Giai lên Bắc Ninh ngồi dạy học ở nhà một viên cai tổng tên là Đản, tục gọi là cai tổng Đản. Đản nhà giàu, nhưng cả vợ chồng đều cùng loại hà tiện “rán mảnh sành ra mỡ”. Theo lệ thường, hễ khi

thầy dạy học có việc gì đi xa, hoặc về quê, là chủ nhà phải đưa tiền chi phí. Hôm ấy, Ba Giai cho chủ nhà biết phải về quê giỗ bố, cai tổng Đản vì quá keo kiệt nên chỉ bày một bữa rượu suông để tiễn chân và đưa một đồng bạc lộ phí. Ba Giai giận lắm, nhưng nghĩ không nhận thì cũng thiệt. Ba Giai cảm thấy không thể tiếp tục làm gia sư nhà cai tổng Đản nữa, nên thu xếp tất cả quần áo sách vở nhồi vào một tay nải, rồi sau bữa cơm trưa, Ba Giai từ giã nhà chủ để lên đường.

Khi ra đến đường cái một quãng xa, Ba Giai thấy bên kia sông có đám đàn bà, con gái đang làm mùa, liền nảy ra ý nghĩ cho cai tổng Đản một trận cho biết tay.

Đứng nhìn con sông không lấy gì làm rộng một lúc, Ba Giai cởi quần áo, bỏ luôn vào tay nải lội qua.

Khi lên bờ bên kia, Ba Giai khoác tay nải lên vai, rồi cứ thế để cái thân hình trần như nhộng mà đi về phía đám phụ nữ đang làm. Máy bà, máy cô thấy người đàn ông trơ trẽn và kỳ quái như vậy, khúc khích cười, Ba Giai nổi giận :

- Cười cái mà cha chúng bay hả ? Chúng bay có biết tao đây là bố thằng cai tổng Đản không ?

Vừa nói, Ba Giai vừa xắn lại, vừa giở trò sàm sỡ. Cả đám đàn bà, con gái chửi rủa va chạy tán loạn như vịt. Đại náo một hồi, Ba Giai thủng thỉnh khoác tay nải, đến một đoạn vắng, mặc quần áo lại rồi đi.

Sau khi Ba Giai đi rồi, các cô, các bà vì lẽ vừa tức giận, vừa xấu hổ, nên liên tiếp mấy ngày cứ tụ lại đứng bên này sông mà vọng qua bên kia, kêu tam tứ đại

nhà cai tổng Đản ra chửi, không tiếc lời thậm tệ nào. Vợ chồng cai tổng Đản không biết chuyện gì, tức lên cũng kéo con cháu và họ hàng ra đáp lại. Thành ra hai bên đối diện chửi nhau luôn cả mấy ngày trời, suýt thành cuộc ẩu đả to chuyện. Khi biết được đầu dây mối nhợ là do thầy đồ Ba Giai gây ra thì thầy đã đi từ thuở tam đại nào mất rồi.

3. CHỖ RẼ ĐÂY PHẢI KHÔNG ?

Khi đến một quán nước ở gần địa phận hạt Gia Lâm, Ba Giai vào quán uống nước để tiếp tục lên đường. Lúc ấy mặt trời đã xế trưa. Bà chủ quán bảo :

- Ông khách hãy nghỉ lại, chốc nữa lên đường.

Ba Giai hỏi lý do, bà chủ quán cho biết ở cách đây không xa, có một cái cầu cây bắc qua một con kênh nhỏ, cứ giờ này là các cô gái trong làng rủ nhau ra tắm truồng cả lũ. Ba Giai biết vậy, cũng cứ từ giã. Khi ra khỏi quán, Ba Giai lấy khăn bịt mắt lại, giả làm người mù, và lấy một cây gậy. Đến chỗ gần cầu, Ba Giai vừa đi vừa chống, bước bên này xiên bên kia. Mấy cô đang tắm truồng, nô giỡn dưới kênh, một cô bảo :

- "Tội nghiệp ông già mù kia, không khéo qua cầu, ông ấy té xuống đấy mất".

Nói rồi, cô ta để cái thân hình phốp pháp trắng nõn, trần như nhộng, đi lên nắm tay Ba Giai.

- Ông già đưa tay tôi dắt qua cầu, không té xuống kênh theo hà bá bây giờ.

- Cảm ơn cô thương kẻ mù lòa tàn tật.

Nói đoạn, Ba Giai nắm lấy cổ tay cô gái để qua cầu. Khi tới đầu cầu bên kia, Ba Giai hỏi :

- Đã tới chỗ rẽ chưa ?

- Chưa hãy còn ở trên cầu, chứ rẽ đâu mà rẽ.

Một lúc đến chỗ rẽ, cô gái nọ lên tiếng :

- Già ơi là già, chỗ rẽ đây nè !

Tức thì Ba Giai mở choàng mắt ra, tay cầm cây gậy chỉ ngay vào chỗ kín của cô nọ :

- Chỗ rẽ đây phải không ? Nào !

Cô kia xấu hổ quá, giằng tay ra chạy, nhảy xuống kênh, la bai bai :

- Chúng bay ơi, cái ông già phải gió giả mù !...

Đã thế, Ba Giai còn đứng trên bờ kênh gọi xuống :

- Xin cảm ơn các cô đã dắt lão qua cầu !

- Thôi đi đi, đồ phải gió, chơi lõm người ta còn ơn với nghĩa cái gì ?...

Ba Giai đi rồi, câu chuyện ấy được đồn đại khắp nơi, và từ đó, trên dòng kênh nọ bóng dáng các cô tấm truồng cũng thưa dần.

4. GẶP CÔ HÀNG MẮM TÔM CHỢ ĐỒNG XUÂN

Sau khi về nhà cúng giỗ bố xong, Ba Giai khăn áo chỉnh tề ra Hà Nội. Ba Giai vào trọ một nhà hàng cơm nọ. Trong lúc chuyện trò, bà chủ nhà hàng cho biết :

- Chẳng giấu gì ông, lẽ ra tôi còn bán hàng ở chợ Đồng Xuân nữa, nhưng không thể nào chịu được mấy con ả cực kỳ đánh đá chua ngoa, mỗi đức một phách, nhất là cô ả hàng mắm tôm.

Ba Giai ra vẻ anh hùng đáp :

- Có gì mà phải sợ, nó đã chua ngoa đánh đá, thì mình phải có cách trị nó, bà hiền quá, chớ vào tay tôi thì...

Bà chủ quán nguýt một cái, trả lời :

- Thôi, ông ơi, tôi cũng van ông thôi, du côn ở đây còn kiêng mặt bọn chúng, chớ người như ông, chúng nó coi ra gì.

- Bà nói thế, nếu tôi trị được chúng nó thì bà mất gì đây ?

- Trị chúng nó à ? Ông mà trị được thì tôi cho không ông hẳn một phòng để ở, và nuôi luôn cơm rượu mãn đời, không bao giờ lấy tiền.

- Bà nói chơi hay nói thật ?

- Tôi nói thật đấy. Nếu không tin, tôi thể có trời đất và quỷ thần chứng giám.

Thôi thế thì được, sáng mai, bà sẽ xem tôi sẽ vào cuộc ngay.

Ngày mai vào lúc gần trưa, Ba Giai cởi trần, chỉ mặc một cái quần "vận", không dây lưng, hay dải rút, rồi gài mấy đồng tiền kẽm bên lưng quần, ra đi.

Tới ngoài đường, Ba Giai nhặt một miếng lá chuối bên đường, phủi sạch đất, bụi, rồi tới chỗ cô hàng bán mắm tôm ở cửa Nam.

- Cô bán cho hai đồng mắm tôm !

Cô hàng bảo :

- Lấy cái gì mà đựng ?

Ba Giai chìa miếng lá chuối ra :

- Cô đổ vào đây, tôi đùm lại tạm vậy.

Cô hàng sơ ý, lại cũng rần mắt, nên chẳng ngần ngại liền múc ngay mắm tôm đổ vào miếng lá chuối được đặt giữa lòng hai bàn tay ông khách. Xong, ông khách bảo :

- Phiền cô lấy hộ tiền, tôi dắt nơi cạp quần đây này.

Cô hàng tưởng ông khách quê mùa chất phác, không dè vừa đưa tay vào cạp quần lấy tiền, Ba Giai thót bụng lại, tức thì chiếc quần tuột ngay xuống, Ba Giai la ầm ĩ :

- Chết chữa, sao giữa “thanh thiên bạch nhật”, cô lại cời quần tôi ra thế này, “củ” tôi cũng như “củ” người khác, có gì lạ đâu ?

Cô hàng mắt xấu hổ đỏ mặt, vội kéo quần Ba Giai lên “vặn” lại, Ba Giai lại thót bụng, quần lại tụt, và ông lại kêu lên :

- Cô làm gì thế này ? Tôi đã bảo “củ” tôi cũng như “củ” người khác, chẳng có gì lạ mà !

Cứ như thế đến mấy lần, sau cô ta phải đổ mắt tôm trở lại, rồi chạy đi lấy nước rửa tay cho Ba Giai để ông tự “vặn” lấy quần lại, rồi cầm tiền ra đi.

Lúc ấy, các bạn hàng và người mua bán bu lại xem đông, làm cô hàng mắt càng ngượng ngùng, xấu hổ thêm. Sau đó, cô phải nghỉ luôn cả mấy ngày, và từ đó cũng bỏ bớt tính chua ngoa, danh đá.

Trưa hôm ấy về, bà chủ hàng cơm nghe người thuật lại, liền thết Ba Giai một bữa rượu thật say.

5. TAO BÓP NGAY ĐÂY CHO MÀ COI !

Ba Giai đến cô hàng chim ở cửa Bắc. Ba Giai ăn mặc lịch sự lắm, nên nhác thấy, cô hàng đã đón đã chào mời :

- Chim này béo lắm, còn non, mời ông khách mua đi !

Ba Giai thừa dịp, tươi cười đáp :

- Chim à, nào bắt đưa đây một cặp, xem có béo không ?

- Ai mà lại nói dối ông khách.

Vừa nói, cô hàng vừa bắt ra một cặp. Ba Giai sờ đôi chim, lại bảo :

- Cô bắt tôi cặp kia nữa !

Cô hàng chim lại bắt ra cặp nữa, hai tay cô nắm hai cặp chim, Ba Giai cứ sờ mó cặp chim mãi, rồi chê lên chê xuống, không hỏi giá cả gì, đã thế lại khoắng tay vào lồng, bắt thêm mấy cặp đưa cho cô hàng :

- Cô cầm giùm tôi thêm cặp này nữa !

Rồi Ba Giai lại sờ bóp cặp chim. Thấy thế cô hàng cả giận, nổi giọng danh đá :

- Trả giá không trả, cứ bắt hết cặp này cặp nọ, mà nắn với bóp, hư cả chim người ta, muốn bóp thì về nhà mà bóp !...

Tức thì, Ba Giai nổi nóng lên :

- Tao nói cho mày hay, con phải gió, mày đừng có giở giọng chua ngoa, mày đã nói thế, thì tao chẳng cần phải về nhà mới bóp, mà bóp ngay đây cho mày coi.

Cô hàng định cất giọng chua ngoa, nhưng chưa kịp, Ba Giai đã đưa mạnh hai bàn tay vào hai gò ngực của cô mà bóp. Cô ả vì thành linh, lại bị hai tay mắc giữ lấy mấy cặp chim, chả lẽ vất chim đi, nó bay mất, mà càng

la hét, người ta càng đổ đến xem, thành ra bị Ba Giai chơi cho một võ nên thân ở trước đám đông trong chợ.

Cô ả tức quá, chỉ còn nói được câu :

- Bữa nay bà không tiếc mấy con chim, thì bà sẽ kẹp cho mày võ sọ ra...

Nhưng lúc cô ta bỏ được chim vào lồng, thì Ba Giai đã đi mất hút trong đám đông đời nào rồi.

6. NÂU NÀY CỦA TÔI HAY CỦA CÔ ?

Một hôm, Ba Giai đến quây cửa cô hàng nậu nổi tiếng danh đá. Ba Giai ra đi không mặc quần, chỉ mặc một cái áo dài rộng thùng thình mượn của ông chủ nhà hàng cơm.

Tới chỗ hàng nậu, Ba Giai cứ chọn mấy củ nậu đưa lên đưa xuống, rồi thừa lúc cô hàng ngoảnh đi, Ba Giai ôm bụng ù té chạy.

Cô ả giật mình, ngỡ tên ăn cắp nậu, liền ba chân bốn cẳng chạy theo bắt lại, vừa chạy vừa la :

- Thằng trời đánh thánh vật, trả nậu cho bà đi, không mày chết bỏ cha bây giờ !

Thiên hạ đổ nhào ra xem.

Một lúc, Ba Giai bước thủng thẳng. Cô hàng xấn tới nắm được áo. Ba Giai cũng quay lại nắm áo cô

hàng. Người ta tưởng sẽ bắt được một vụ ăn cắp nâu. Nhưng khi cô hàng thét :

- Trả nâu cho tao, thằng khốn nạn !

Ba Giai liền tặc áo dài lên :

- Nâu đâu mà trả ? Nè đây, “nâu” này của tôi hay của cô ? bà con làng nước làm chứng cho; “nâu” đây rõ là của tôi, mà con mẹ này nó bảo là của nó, nâu nó đâu phải thứ nâu này !

Cô hàng mặt đỏ gay, biết bị xỏ, toan chạy, nhưng Ba Giai đã nắm chặt lấy áo :

- Con kia, mày dám vu tao ăn cắp nâu giữa chợ, tao phải đưa mày lên quan cho ra chuyện.

Vừa nói, Ba Giai lại vừa kéo áo dài lên, vừa hỏi lặp trở lại :

- Mày thấy “nâu” này của tao hay của mày ?

Cô hàng biết gập tay bợm xỏ, lại đuối lý, nên chỉ còn nước hạ thấp giọng xuống để lạy van, năn nỉ xin Ba Giai, tha lỗi. Ba Giai tha cho và bảo :

- Từ nay, mày bỏ cái giọng chua ngoa, đánh đá đi, không tao còn trở lại đây nữa, thì mày chớ trách tao là ác. Tội nghiệp cô ả lủi thủi về chỗ, mặt mày xanh nhợt như không còn một giọt máu nào.

7. MUỐN CỎI THÌ CỨ VIỆC CỎI !

Ba Giai đi ngang qua chỗ cô hàng bán quần áo. Thấy khách chăm chú ngó vào quầy hàng mình, cô gái đơn đả mời :

- Ông khách mua đi, cần gì em bán giá rẻ cho.

Ba Giai chỉ tay với cái quần trắng.

- Quần này bao nhiêu đây ?

- Người ta thì 15 quan, nhưng với ông thì em không nói thách chỉ 14 quan thôi.

- Được, để tôi thử xem vừa không đã.

Cô hàng dỡ cái quần đưa cho Ba Giai. Giai mặc thử, lại cỏi ra đưa trả :

- Cái này chật quá, cô cho thử cái khác.

Cô hàng đưa cái khác, Ba Giai lại mặc thử, nhưng cứ để yên, nói :

- Cái này ngắn quá, cô cho thử cái nữa xem sao ?

Cô hàng thấy khách đòi thử nữa, bực mình :

- Quần tôi cái này là dài nhất, người ngợm như ông mà còn chê ngắn thì ai mặc vừa đây ?

Ba Giai trợn trừng đôi mắt, ngó thẳng vào mặt cô hàng :

- Bán hàng thì phải chiều khách chứ, cô nói ai “người ngợm” ?

- Tôi nói ông đấy, chớ nói ai nữa, thôi không mua thì xin mời ông đi đi.

Nghe cái giọng đuổi khéo ấy, Ba Giai liền rảo bước đi ngay. Cô hàng tru tréo :

- Đi à ! Trả quần người ta đã chứ !

Ba Giai quay cổ lại :

- Ai lấy quần của cô mà trả ?

Cô hàng nổi nóng, đứng phắt dậy :

- Thằng khốn kiếp, mày không trả, bà lột xác mày ra...

Vừa nói, cô ta vừa hùng hổ xấn tới. Ba Giai càng bước nhanh. Cô hàng vừa đuổi theo, vừa kêu ầm ĩ.

- Ố các ông, các bà ơi, nó ăn cắp quần tôi !

Cả một góc chợ huyên náo hẳn lên. Bỗng Ba Giai ngừng lại, cô hàng đuổi kịp, tay nắm cổ áo Ba Giai kêu :

- Nó đây rồi, các ông các bà ơi !

Ba Giai cũng chẳng vừa, nắm ngay lấy cổ yếm cô hàng, giật mạnh :

- Con đĩ mất dạy này, tao lấy quần của mày đâu mà mày đổ oan, tao tát cho bây giờ...

Cô hàng thét nữa, Ba Giai giơ thẳng cánh tay tát cho một cái nổ đom đóm mắt, rồi nói :

- Các ông các bà coi, con đĩ này, tôi lấy quần nó đâu, mà nó dám đổ vạ cho tôi.

Cô hàng vừa chửi, vừa phân bua trở lại :

- Thằng chết đăm chết bắn, cái quần mày mặc đó, chỗ còn quần nào nữa.

- Mày bảo quần của mày à ! Thế thì cứ cởi ra mà lấy.

Nói xong, Ba Giai vén áo dài lên :

- Đó mày muốn cởi thì cứ việc cởi.

Một tấn hài kịch diễn ra, mọi người bu lại xem đông như kiến cỏ, ai nấy đều được một trận cười nôn ruột và bảo nhau :

- Rõ thật, cái con phải gió, quần người ta đang mặc mà bảo là quần của nó !

Người khác lại thêm vào :

- Chả nhẽ người ta lại cởi truồng đi chợ !

Người khác nữa đoán già :

- Chắc là có chuyện ghen tuông bí mật gì đây. Chớ ông này coi bộ đâu phải là tướng ăn cắp quần ! Ủi chà, thôi cái con ả chua ngoa ấy, tin nó có mà đổ thóc giống ra ăn...

Giữa đám đông người bu quanh, cô gái thấy đuối lý, lại vừa phần xấu hổ. Vừa lúc ấy có người đến can, giằng tay Ba Giai ra :

- Thôi anh chị làm gì thế, cả chợ người ta cười cho đấy.

Cô gái càng xấu hổ thêm, chỉ luôn miệng chửi rủa :

- Cha tiên nhân năm đời, mười đời thẳng phải gió. Mai này mà mày không đem quần trả bà, thì bà sẽ băm xác cả ba họ mày ra.

Nhưng có bao giờ Ba Giai đem quần đến trả đâu.

Từ đó trở đi, qua lần ê mặt với đời ấy, cô không còn thói “già mồm chanh chua” như trước nữa.

8. LÀM TIỀN GIỮA HÔM BA MƯƠI TẾT

Ba Giai “đóng đô” tại nhà hàng cơm nọ, và thường cùng đàn em bày mưu, lập kế đi chọc phá thiên hạ, và kiếm tiền ăn chơi, nhất là đối với những bọn người sang giàu. Đã đến ngày gần Tết, Ba Giai không có tiền về quê, bọn đàn em cũng lâm vào cảnh túng quẫn. Chúng tụ họp lại, kẻ bàn đi móc túi, kẻ định đi ăn cướp, Ba Giai gạt đi bảo :

- Làm gì phải thế, chúng bây cứ yên tâm, tao đã có cách, Tết này sẽ tha hồ mà tiêu.

Sáng ngày 30 Tết, Ba Giai ra ngoại ô tập hợp đàn em lại, lấy lá xoan (sầu đâu) giã lấy nước, hòa thêm đường, để thoa vào người cho da dễ xanh lợt, đoạn lấy tấm vải phủ mặt, giả làm cái xác chết, lên nằm trên cái võng, phủ tấm chiếu manh, rồi cho hai tên đàn em và một người đi theo sau khiêng vào thành phố, cứ đến

các cửa hiệu buôn lớn và các nhà giàu ngừng lại, làm ra vẻ mặt bi ai, sầu thảm và kêu van :

- Lạy các ông bà, năm cùng tháng tận, cha chúng con chẳng may mệnh chung dọc đường, xin các ông, các bà mở lượng từ bi, giúp cho để được đem thi thể cha chúng con về quê, trăm lạy các ông các bà làm ơn làm phúc...

Đứng trước cảnh tượng ấy, không ai không mũi lòng, lại thấy ruồi lằng bay đậu lên xác chết (vì chúng ngửi thấy hơi đường), ai cũng sợ mất vệ sinh mong cho họ khiêng đi khỏi, có người sợ xúi quẩy nên kẻ ít người nhiều bố thí cho kẻ bất hạnh. Nhưng nếu cho ít, thì họ lại nài thêm, thành thử phải bố thí cho ra vẻ coi được.

Cứ thế tiến hành suốt ngày 30 Tết, thầy trò Ba Giai lúc trở về kiểm điểm lại, tính ra thu được một món tiền khá lớn. Vậy là năm ấy, Ba Giai và đàn em, anh nào cũng có tiền xúng xính tiêu Tết.

Khi phố phường biết được cái trò ma giáo của Ba Giai để móc túi tiền họ, thì mọi sự đã rồi. Từ đó, tiếng Ba Giai càng đồn đại khắp nơi chẳng những dân Hà thành phải kiêng mặt, mà dân các tỉnh khác nghe nói cũng lo sợ nơm nớp...

9. GIỐNG MÈO CŨNG KHÔN NGOAN VÀ LÝ SỰ

Một hôm trời tối, Tú Xuất vào nghỉ tại một nhà hàng nọ ở bên đường cái quan, ở đó, đã có anh hàng mèo đến trước ngồi chễm chệ trên giường, bên cạnh để một cái lồng nhốt dây mèo.

Tú Xuất đành ngồi giường dưới. Chủ quán thấy vậy, nói với anh hàng mèo :

- Để ông Tú ngồi giường trên, kéo ông ngồi trên, để cái lồng mèo như thế, bất tiện lắm.

Người buôn mèo không chịu, lý sự :

- Tôi tưởng cái phép ở hàng quán, ai đến trước thì ngồi trên, ai đến sau ngồi dưới, tôi đã ngồi đây thì cứ ở đây.

Tú Xuất nghe nói thế, bèn bảo chủ quán :

- Ông bạn nói phải đấy, ông cứ ngồi tự nhiên, vì còn cả lồng mèo nữa mà.

Đêm khuya, thừa lúc người bán mèo ngủ say, Tú Xuất lén dậy, khẽ tháo mấy cái que gài miệng lồng. Bao nhiêu mèo đều chui ra hết, con nào con ấy, tự do đi lại, leo trèo khắp nơi, kêu “ngao”, “ngao” rầm rĩ. Người buôn mèo giật mình thức dậy, vội vã gọi nhà hàng :

- Ơi ! Ông chủ ơi ! mèo tôi ra hết rồi, ông có mau mau đốt đèn lên giúp tôi bắt chúng nó lại không ?

Lúc đèn thấp sáng rồi, người buôn mèo thấy con thì ở mặt đất, con ở giường trên, con giường dưới, có con leo tận xà nhà. Anh ta ngơ ngác kêu :

- Mấy con mèo phải gió kia, chúng bay báo hại tao.

Tú Xuất ở giường dưới, lúc đó thấy động, cũng thức dậy, trở tay vào lũ mèo, nói :

- Giống mèo nó cũng khôn ngoan và lý sự lắm đấy ! Chà, con nào ra trước thì được ngồi trên cao, con nào ra sau thì phải ngồi dưới thấp.

- Người buôn mèo biết là Tú Xuất nói kháy mình, nhưng không dám nói gì, vì còn phải lo tìm bắt lại lũ mèo vừa thoát.

10. QUAN HUYỆN BỊ PHỤ NỮ “LÀM LÔNG”

Cứ như mấy chuyện vừa kể, thì thấy về ngón tình nghịch, Tú Xuất chẳng kém gì Ba Giai, nhưng Tú Xuất đã bị một trận xỏ lại còn đau hơn hoạn, mà trở trêu thay, bọn chủ mưu hành động lại là mấy cô thôn nữ chẳng học hành gì cả.

Nguyên tại một cánh đồng mầu ở cạnh đường cái quan một làng nọ, thường ngày có mấy cô con gái, khi trồng khoai, lúc tĩa đậu, khi đập đất, lúc gieo giống. Các cô này không phải là hạng trắng hoa, trắc nết gì, nhưng khá bạo dạn, thường hay chọc phá những đàn

ông qua lại. Cứ thấy anh nào khăn áo chỉnh chặc trên đường là các cô em ở dưới ruộng gọi với lên :

- Mình ơi, đi đâu về, nắng thế ?

Cô thì :

- Anh ơi, để em mang giùm đồ cho nào ?

Cô khác lại bảo :

- Mình ơi ! Hãy xuống đây nghỉ, đợi em về một thể !...

Anh nào nghe các em gọi thế, khôn hồn thì cứ lặng thinh mà bước đi. Còn dại mà bắt chuyện tỏ mọi lả lơi, ong bướm thì hãy coi chừng.

Tú Xuất bữa nọ, quần áo chỉnh chặc, tay che ô "lục soạn", tay xách một dây nặng quả bánh, đi qua chỗ các cô ả đang làm đồng. Nghe các cô gọi, Tú Xuất ngửa miệng :

- Thì lên đây mà xách !

Tưởng đùa, ai ngờ các em từ các thửa ruộng hè nhau kéo lên. Tú Xuất chạy không kịp, bị các ả nắm được, kẻ tóm áo, kẻ giằng tay nải, kẻ giật ô, giật khăn. Tú Xuất vùng vẫy chống cự, bị các ả xúm lại, khiêng tuột ngay xuống ruộng. Tú Xuất giãy giụa, chửi :

- Mẹ kiếp, bỏ ngay ra, ông là quan huyện sở tại đây, không bỏ ra, mai này ông cho tù cả đám hết bây giờ...

Nghe nói, một cô trong bọn có vẻ con nhà khá giả tức thì ra lệnh cho chị em :

- Chúng bay ơi ! Đích thị quan huyện rồi, hôm trước ngài về làng ta, mặt mày nhăn nhui lắm, hôm

nay có lẽ ngại bận việc công, nên râu ria mọc ra nhiều quá, không có thì giờ nhổ, chị em mình gấp đây phải nhổ cho quan đi !

Cả bọn đều hưởng ứng :

- Lời chị Yến nói đúng đấy, nào !...

Rồi họ xúm lại, đè ngửa Tú Xuất ra mà nhổ cho kỳ hết nhẵn cả râu ria. Họ nắm từng búi một để nhổ, làm anh chàng đau đớn đến chết ngất người đi. Tú Xuất đem hết sức ra vùng vẫy, nhưng chống cự thế nào cũng không được, vì các ả đông quá, kẻ đè đầu đè cổ, người đè chân đè tay, kẻ cưỡi cả lên bụng lên ngực.

Nhổ hết râu ria xong, cô Yến lại truyền lệnh :

- Chưa được, còn bộ râu dưới nữa !...

Cả lũ lại reo cười ồ lên, họ tuột quần Tú Xuất ra mà làm cho nhẵn nhụi. Lần này, anh chàng còn bị đau điếng hơn lần trước. Nhổ xong, họ lại bảo nhau lấy liềm để thiến “của quý” của quan đi... Tú Xuất tưởng đi đời nhà ma. May lúc ấy, có mấy ông kỳ lão trong làng đi qua, trông thấy, mới vội chạy xuống kịp thời giải thoát cho.

Trong số mấy ông kỳ lão, có người nhận ra Tú Xuất, nên từ đó câu chuyện Tú Xuất bị các cô em chơi xấu mới bay đi khắp vùng, khiến cho anh chàng vì xấu hổ quá, nên phải tử bỏ đất Thanh Hóa mà đi.

11. SAU MỘT ĐÊM NGỦ TRỢ

Cuối được một vỏ ở nhà một bà góa, Tú Xuất đi thẳng một lèo ra thành phố Nam Định. Sau những ngày ăn chơi, khi thấy túi đã cạn tiền, Tú Xuất đi mua cái vali, đem mấy cục gạch và giấy bồi bỏ vào, rồi khệ nệ xách đến một nhà hàng cơm, đánh chén một bữa no say, rồi ngủ trọ luôn đó.

Trước khi đi ngủ, Tú Xuất đưa vali cho bà chủ nhà hàng cất hộ. Bà hàng đỡ lấy :

- Chà vali có tiền bạc không mà nặng thế này ? Bà hàng vừa đỡ lấy, vừa hỏi :

- Có chút đỉnh thôi, còn thì quần áo và sách vở. Tôi đi thăm ông cụ tôi đang làm án sát Bắc Ninh, đâu cần phải đem nhiều tiền bạc.

Bà hàng tưởng thật, đem vali cất vào chỗ gần giường Tú Xuất nằm.

Đêm đến, Tú Xuất thừa lúc mọi người ngủ say, khê rón rén lại mở vali đem gạch và giấy bồi bỏ vào thùng rác nơi góc nhà, rồi trở lại giường, đánh một giấc ngon lành.

Tối sáng, bà chủ hàng cơm dậy trước, nhìn thấy chiếc vali bị mở tung, bên trong không còn vật gì, tá hỏa lên, đánh thức Tú Xuất dậy :

- Chết rồi, vali của ông bị kẻ trộm mở, lấy hết đồ đạc làm sao bây giờ ?

Tú Xuất ngồi nhồm dậy, ra vẻ sững sốt :

- Làm sao, tôi biết đâu được, tôi gửi bà cất mà. Bà phải bồi thường chứ còn làm sao nữa ?

Bà hàng đã đuối lý, lại sợ anh chàng là con quan án sát nữa, lại tưởng mất trộm thật, nên chỉ còn cách năn nỉ. Lờn qua, tiếng lại cuối cùng Tú Xuất mới chịu nhận tiền bồi thường mười nén bạc.

Tú Xuất đi rồi, bọn đầy tớ nhà hàng, chiều đến mới phát hiện ra ở thùng rác lại có giấy bồi và mấy cục gạch, những thứ mà nhà hàng không có. Lúc ấy người ta mới nhận ra anh chàng ngủ trọ đêm qua là một tên đại bịp. Nhưng chỉ còn nước nhìn nhau mà chửi rửa, chứ biết làm sao được, vì hắn đã mất hút từ sáng sớm kia rồi.

Thế là Tú Xuất lại kiếm được món tiền to nữa.

12. CHỦ THI

Cô hàng đầu phố Tràng Thi nổi tiếng chanh chua nhất Hà thành. Hễ ai làm phật ý cô ta, dù chỉ một chút thôi, cô cũng chửi cho vuốt mặt không kịp. Anh em trong đám nho sĩ, thanh niên đất Hà thành này đã có khối người bị nhục với cô ta. Có anh liều lĩnh đôi co với cô, rút cục chỉ bị thiệt. Đâu làm sao lại được với cái

mồm ấy, mà có khi lại mua thêm tiếng cười nhục nhã. Ai nấy bàn nhau, chỉ Tú Xuất may ra mới trị được ả.

Họ thách Tú Xuất làm thế nào đấu khẩu với cô ta, và phải giành cho được thắng lợi, thì họ sẽ đãi một bữa rượu ra trò. Tú Xuất nhận lời.

Anh tìm đến cửa hàng cô. Bạn bè nối đuôi nhau cũng kéo đến, để xem anh gây sự thế nào, và làm thế nào để tranh phần thắng. Cô hàng liếc qua đám đông và cũng nhận ra vài ba anh đã từng bị “đo ván” với mình trước đây, biết là bọn “quỷ sứ” này soạn sửa khiêu khích, nhưng tin ở mình, cô khinh khỉnh nhìn cả bọn bằng nửa con mắt. Trông vào một anh chàng đứng lấp ló sau chúng bạn - người đã bị cô chửi hôm qua - cô tấn công ngay :

- Cái anh kia lấp ló làm gì đấy. Chưa biết thân biết phận à ? Hay là hôm nay cậy thế đông người ? Này, bảo rước cho mà biết, chị đây thì bất chấp.

Tú Xuất gạt cả bọn ra, cười bảo cô :

- Vày cô ơi, làm gì mà gắt như mắt thế ? Nào ai đã đụng hạm gì đến cô đâu nào. Hay là cô thích đụng ?

Cô hàng quát luôn :

- Gì cái anh này nữa ! Anh đến bênh cho lũ bạn của anh à ?

Đụng cái gì. Con này là không nể nang gì đâu.

Tú Xuất càng càng :

- Không nể ai, chứ tớ đây mà cũng không nể à ? Không nể tớ, tớ cũng đếch có nể. Tớ mà không nể thì tớ trở quẻ đấy. Rồi đừng có kêu.

Cô hàng sấn sổ :

- Trở quẻ gì thì trở quẻ đi. Bà thì thách đấy ! Khôn hồn thì xéo ngay, kéo bà điên tiết lên, chửi cho một trận thì không kịp lấy thúng mà đựng !

Tú Xuất cười to :

- Thế là cô khoe cái tài chửi của cô phải không ? Tớ cũng nghe thế, cho nên muốn đến xem cái tài ấy ra thế nào. Này, đừng bù lu bù loa ra với anh em nữa ! Đứng ấy với tớ, ta hãy thử sức nhau chơi. Dám không ?

Cô hàng gần như ngớ ra. Có anh chàng ở đâu không biết danh mình hay sao ? Cái ngữ ấy thì nôm nã miệng mười sao được. Phải té tát ngay vào mặt hấn, cho hấn một thôi một hồi thì hấn cút ngay thôi mà. Cô xắn áo lên hùng hổ :

- À, ra muốn vuốt râu cọp cái này à ! Muốn nghe chửi thì bà chửi cho mà nghe. Ngồi đấy. Bà chửi cho suốt năm suốt tháng cũng không ngớt đâu.

Tú Xuất cười trâng tráo, khoát tay :

- Khoan đã ! Đã bằng lòng thì thì phải có luật lệ. Anh em trong ngoài đứng đây chứng giám nhé ! Phải có giải, phải có điều kiện. Tớ bảo nhé : chỉ hai tã thôi ! Tha hồ chửi nhau xem ai được, ai thua. Nếu tớ được, tớ sẽ nhận gói hàng quý nhất, đắt tiền nhất của đặng ấy. Nếu

tổ thua, tổ phải đền tiền tương đương với giá gói hàng. Được chưa ? Công bằng chưa ?

Cô hàng chắc mẩm mình sẽ thắng. Được chửi lại được bù tiền, càng hay ! Cô gật đầu ra bộ đồng ý :

- Được. Thi ngay đi. Nào vĩnh tai ra !

Tú Xuất lại phân bua :

- Hãy khoan nữa. Phải giao kết điều kiện đã. Tổ giao hẹn thế này. Đằng ấy với tổ cầm nhau thì tha hồ chửi nhau. Chứ hai bên bố mẹ, họ hàng, anh chị em nhà ta, các tổ tiên ông vải, ông bà nữa, họ chẳng liên quan gì chuyện này, nên cấm không được đụng đến họ.

Đang cơn hăng lên, cô nàng đồng ý. Bấy giờ Tú Xuất mới khoan thai ngồi xuống ghế, ra vẻ trịch thượng :

- Nhất trí rồi nhé ! Bây giờ tổ nhường đằng ấy chửi trước. Tổ nghe đây. Tha hồ ! Chửi đi. Chửi to lên !

Cô gái thấy bộ dạng như vậy, càng thêm ghét, liền xía xói vào mặt anh :

- Cha tiên nhân con đẻ...

Tú Xuất sấn ngay lại giơ tay như muốn vả vào mồm cô gái, mắng ngay :

- Đã giao không được đụng chạm đến bố mẹ, tổ tiên. Sao lại tiên nhân với con đẻ ?

Cô hàng cứng miệng, vội chuyển sang câu khác :

- Tổ bố...

Tú Xuất lại quát âm lên :

- Sao lại tổ ? Sao lại bố ? Muốn mất gói hàng kia phải không ?

Cô hàng dậm ra luống cuống.

- Cha đời quân...

Tú Xuất lại chặn lại.

- Cha đời thì cũng là bố mẹ. Không được !

Cô hàng vừa tái, vừa đỏ mặt, không sao mở miệng được câu nào. Chờ vài phút cô ta lúng túng trong im lặng. Tú Xuất mới khoan thai :

- Thế là cho đằng ấy chửi trước ba lần rồi nhé. Ba lần đằng ấy đều phạm luật, “quá tam” ba bận là thôi nhé. Bây giờ thì nghe tớ chửi đây. Tớ chỉ chửi đi chửi lại một câu thôi :

- Này ! Đồ quạ mỗ ! Chừa cái thói lẳng lơ đi, không thì ông đeo vào !

Cả bọn đi theo Tú Xuất cười ré lên, ầm ĩ cả gian hàng.

Cô gái há hốc mồm ra, không biết xoay xử cách nào cho thoát.

Tú Xuất liệu chừng đã đủ, sợ “già néo đứt dây” Anh đưa mắt cho bạn bè, rồi nói với cô gái chanh chua :

- Thế nhé ! Tạm biệt nhau lần này vậy. Tớ cũng chưa đòi tiền thắng cuộc lần này đâu. Bây giờ, hãy để anh em về đã. Còn tớ, hôm sau tớ xin trở lại, hai ta liệu cách chuyện trò.

13. LỄ RA MẮT

Ra đến Hà Nội, Tú Xuất liền tìm gặp Ba Giai, và sau đó, hai người kết nghĩa anh em.

Ba Giai nói :

- Từ lâu, tiểu đệ vẫn nghe tiếng tiên sinh là một tay giang hồ hảo hớn, nay gặp nhau đây chẳng khác nào Quan Vân Trường mà gặp Trương Dực Đức.

Nhưng tiểu đệ đây dưới trướng còn một lũ đàn em, vậy tiên sinh nên có một món quà ra mắt để bọn chúng phải kiêng nể, sau này dễ sai khiến.

Tú Xuất đang ngà ngà say rượu, nghe nói, liền móc túi lấy ra hai nén bạc để trước mặt Ba Giai và cười bảo :

- Tưởng gì, chớ lễ ra mắt thì đây, tùy ý tiên sinh sử dụng sao cho cho chúng nó say túy lúy một bữa.

Ba Giai cười đáp lại :

- Tiền bạc mà làm gì, bọn chúng mình đây đâu phải những đám quan viên xôi thịt. Tụi đàn em chúng nó tưng thật, nhưng không phải lấy cái chuyện ăn uống làm trọng. Tiểu đệ nói có món quà ra mắt, ý là nói tiên sinh hãy làm một việc gì cho chúng nó phải phục sát đất mới hay.

Nghe ý kiến Ba Giai, Tú Xuất gật gù :

- Đúng, đúng ! xin lỗi tiên sinh, trong lúc sơ giao và vội vàng, tiểu đệ đã sơ ý hiểu lầm. Vậy theo ý tiên sinh, tiểu đệ sẽ ra mắt anh em bằng việc gì bây giờ ?

Ba Giai trầm ngâm suy nghĩ một lúc đáp :

- Tại đây có một gã Khách (Hoa Kiều) buôn bán giàu có và thường lên mặt ta đây, nhất là từ ngày có lũ quan quân Cờ đen ở kinh thành này. Hằng ngày, cứ mỗi buổi sáng là nó lại vác xác qua đây, chân đi hài, miệng ngậm ống vố, líu lo líu lường, vênh váo, trông thật dễ ghét. Vậy mai này, tiên sinh hãy làm thế nào mà giữa thanh thiên bạch nhật lột lấy cái mũ và đôi hài của nó, cho nó một phen làm trò cười thiên hạ. Như thế, chẳng những bọn đàn em phải báỉ phục ngay, mà đồng bào quanh phố cũng phải kiêng nể tiên sinh nữa...

Tú Xuất đồng ý. Sáng hôm sau gã Hoa kiều đi ngang, Ba Giai chỉ mặt, Tú Xuất quan sát một hồi nói :

- Chốc nữa, nó về lại đường này, tiểu đệ sẽ “ra mắt” hấn, vậy tiên sinh cho gọi đàn em lại, chọn cho tiểu đệ hai thằng để cắt đặt công việc.

Ba Giai cho người đi gọi bọn đàn em, đến ngồi chật cả nhà hàng, cho biết lý do và giao cho Tú Xuất hai người để tùy nghi sử dụng.

Tú Xuất kéo hai đứa ra, dặn dò một lúc, rồi cả ba cùng bước ra ngoài phố.

Buổi trưa hôm ấy, người đi lại chợ búa khá đông, gã người Hoa trở về vừa đi ngang nhà Ba Giai đang lúc bất ý, bị một tên “côn đồ” giật lấy mũ, quăng lên mái

nhà, rồi ù té chạy trốn. Gã kêu la ầm ĩ, Tú Xuất đứng gần đấy thất vọng, liền can thiệp tức thì :

- Cái thằng láo quá. Mái nhà cũng không cao mấy, có thể trèo lên được, vậy để tôi làm kiệu, chú đứng lên vai tôi, trèo lên mà lấy.

Vì tiếc cái mũ mới đắt tiền, lại cảm vì lòng hào hiệp của một ông khách qua đường, gã người Hoa nọ liền cởi chiếc hài ra, làm theo lời Tú Xuất. Khi hấn bò lên mái nhà, lượm được chiếc mũ, thì Tú Xuất ngửa mặt lên nói :

- Chú quăng xuống đây, tôi đỡ cho !

Chiếc mũ được ném xuống, Tú Xuất giơ hai tay đỡ, không dè mũ lại rơi xuống đất. Tức thì, một “côn đồ” khác nhanh như chớp, vồ ngay lấy và xách luôn cả đôi hài đắt tiền của hấn mà chạy vào đám đông mất dạng. Tú Xuất thấy vậy vừa chửi rủa ầm ĩ, vừa vờ đuổi theo rồi cũng hút bóng vào trong dòng người náo nhiệt. Tội nghiệp cho gã trót đã leo lên mái nhà, còn Tú Xuất thì chạy rồi, không có ai đỡ, cứ loay hoay mãi trước đám đông đang nhìn lên. Hấn ta “tỉu nà ma” chán, và cuối cùng phải chịu mất tiền để cho một thanh niên đỡ xuống. Thanh niên này đưa hai tay khỏe mạnh ra đỡ cho hấn nhảy xuống. Đỡ thế nào không biết, mà khi gã chưa kịp bỏ chân xuống đất, thì cái bóp tiền trong túi áo rộng thùng thình của gã lại rơi xuống đất, và bỗng một tên “côn đồ” khác vội vàng cướp lấy chạy đi mất biệt. Báo hại cho anh ta phải thuê xe kéo, mời thanh niên nọ lên ngồi chung về nhà để lấy tiền trả công.

Vậy là Tú Xuất chẳng những đã lột được mũ, và hài của gã người Hoa nọ mà còn nắn được cái bóp tiền đầy nhóc của y. Chiều hôm ấy, Ba Giai bày tiệc khao thưởng và giới thiệu Tú Xuất với bọn đàn em dưới trướng.

14. CUỘC THI CHỌC THIÊN HẠ CHỬI GIỮA BA GIAI VÀ TÚ XUẤT

Sau trận lột lấy mũ, hài của gã Hoa kiều, Ba Giai phục Tú Xuất là một tay “anh chị” siêu quần. Sau đó, họ bàn câu chuyện vào đảng và kết nghĩa anh em.

Các đàn em đề nghị ai hơn tuổi thì làm anh, nhưng cả hai lại cùng tuổi, nên Tú Xuất đề nghị :

- Theo giới các anh hùng hảo hán, thì phải lấy tài nghệ làm đầu, vậy giữa hai đực chúng ta đây nên có một cuộc thi.

Ba Giai tán thành và nhường để phần Tú Xuất chọn đầu đề. Tú Xuất nói :

- Tôi có nghe đồn anh Ba có lúc đã cùng một cô hàng ở ngoài chợ Đồng Xuân thi chửi, vậy giờ đây tôi với anh sẽ cùng thi chửi, nhưng không phải chửi nhau mà sáng mai này, chúng ta sẽ đi từ nhà đạo ra bờ sông Nhị Hà, từ giờ Mão đến đúng giờ Ngọ là chấm dứt, nếu ai chọc được thiên hạ chửi nhiều, thì người ấy làm anh.

Ba Giai chấp thuận. Cả bọn đàn em cũng đồng tình tán thưởng.

Sáng mai vào lúc đầu giờ Mão, Ba Giai và Tú Xuất đi dạo phố, đem theo một tên đàn em, giao cho tên này một cuốn sổ và một cây bút để ghi chép số người chửi của mỗi bên.

Chuyến đi này, trong lúc Tú Xuất đụng ai chọc nấy, Ba Giai vẫn hiền lành không dả động người nào. Tú Xuất tưởng mình sẽ thắng cuộc. Không dè khi tới bờ sông Nhị Hà vừa gặp một chiếc tàu hàng nhỏ neo rờn bến, Ba Giai liền vỗ tay la ầm lên :

- Lạy trời đất cho chiếc tàu kia đắm ! Lạy trời cho chiếc tàu kia đắm !

Tức thì, cả người dưới tàu lẫn người trên bờ, muôn miệng như một, đều chửi Ba Giai là một thằng ăn nói quái gở và đại dột. Tên đàn em đi theo biên lấy biên để không làm sao hết được. Tú Xuất thấy vậy, phủ phục lạy Ba Giai :

- Thôi tiểu đệ xin đầu hàng đại ca, số người chửi đại ca đến thế, thì dù đi suốt cả ngày hôm nay, tiểu đệ cũng không thể nào chiếm hơn được con số của đại ca đã đạt được.

Thế là Ba Giai thắng cuộc.

Từ đó, hai người kết nghĩa anh em. cả hai chẳng làm ăn gì cả, chỉ đi trêu chọc và phá phách thiên hạ, rồi tự cho đó là những sự thích thú ở đời. Hơn nữa, Ba Giai vốn là tay "tài nghệ" hơn, nên người Hà Nội lúc ấy mới có câu :

"Thứ nhất Ba Giai, thứ hai Tú Xuất"

Câu này nói lên giá trị cao thấp giữa hai người cùng những hành động ăn chơi và chọc phá trên vậy.

15. ĐÁM CƯỚI BÀ NỮ OA

Khi kết nghĩa anh em rồi, Ba Giai và Tú Xuất cùng dẫn nhau đi chơi ở Bắc Ninh. Tới một cái quán nọ ở đầu làng Đình Bảng, họ cùng vào nghỉ chân uống nước. Quán rộng, trang trí lịch sự, giữa quán là một cái sập chân quỳ, trên trải chiếc chiếu hoa. Ba Giai, Tú Xuất lúc bước chân vào, đã thấy trên sập có một ông khách ngồi, trước mặt là một khay trà tỏa hương thơm. Khách ăn mặc lịch sự, vắt chân chữ ngũ, miệng ngậm thuốc lá, thứ thuốc tuy bây giờ là phổ thông, nhưng hồi ấy chỉ là những bậc quyền thế và phong lưu mới dám mua dùng. Bên cạnh lại có một chàng thanh niên đứng hầu, cầm quạt lông phe phẩy. Như vậy, nếu chẳng phải một ông lớn có quyền, hẳn cũng là một tay sang có hạng.

Ngoài ra các giường chõng khác (lúc ấy nhà hàng chưa bày bàn ghế như bây giờ) cũng chật ních những người.

Thấy không còn chỗ, Ba Giai và Tú Xuất cùng ghé tạm ở cái sập của ông khách kia đang ngồi, mỗi chàng một góc. Ông chủ quán thấy vậy, liền ghé Tú Xuất, Ba Giai ra ngoài, nói nhỏ :

- Xin các thầy cảm phiền, vào ngồi giường khác cho, vì sập ấy có quan đề Cự Linh đang nghỉ, tách ngài khó lắm !

- Quan đề Cự Linh hả, nào chúng tôi đâu có biết, tưởng luật vào quán, cứ thấy chỗ nào trống là có quyền ngồi. Ba Giai đáp.

- Dạ, xin các thầy cảm phiền cho.

- Ủ, thì chúng tôi chiều lòng ông chủ, có chống báng gì đâu.

Lão chủ mừng, trả lời :

- Em xin cảm ơn hai thầy.

Nói rồi, lão ta đi trước. Tú Xuất vừa đi, vừa kêu Ba Giai bảo :

- Đại ca nghĩ sao, chớ kiểu cách này thì tức lắm !

Ba Giai ôn tồn đáp :

- Không sao, hiền đệ cứ yên trí, đã có cách. Giờ đây chúng mình vào quán, hãy cứ ngồi ghé vào mấy cái giường kia đã.

- Khi yên tọa xong, Ba Giai hỏi mấy người khách đến trước :

- Hơi thất lễ, xin hỏi các thầy ở đâu mà hôm nay vào đây đông như thế này ?

- Thưa chúng tôi là học trò đi lên tập làm văn ở trường quan đốc về. Một người đáp.

Ba Giai vui vẻ tiếp :

- Thế thì hay quá, chúng mình cùng bạn nhỏ cả.

Nói đoạn, Ba Giai gọi chủ quán đem rượu ra cùng Tú Xuất uống.

Hơi men chính choáng, Ba Giai cầm chén đưa mời lần lượt các sĩ tử, rồi bô bô cất tiếng :

- Các thầy là học trò cả, vậy tôi xin hỏi, các thầy chắc không ai không thuộc sách *Sử Thương*, vậy các thầy có biết đám cưới của họ Cung Công cưới bà Nữ Oa không ?

Cử tọa ngạc nhiên đáp :

- Thưa, sách vở làm gì có chuyện ấy.

- Làm sao không có, tôi nhớ như dán vào trong bụng.

Thấy lạ, một người trong đám học trò phát biểu :

- Dạ, thế thì có lẽ chúng tôi quên, nếu còn nhớ, xin kể cho nghe để chỉ giáo thêm vậy.

Ba Giai nhấp thêm một nhấp rượu, rồi đàng hăng lấy giọng, kể :

- Này nhé, lúc ấy họ Cung Công cưới bà Nữ Oa, có viết giấy mời đủ 13 họ tham dự. Vì đám cưới phải đi qua biển mà không có thuyền bè, tàu ghe gì hết, nên ông Tứ Tượng phải thò cái "cửa quý" của ông ra làm cầu cho hai bên đưa dâu, đón rể.

Ba Giai nói đến đây, cử tọa cười lên như phá, kể cả thầy trò của quan đề Cự Linh và tất cả người nhà chủ quán. Câu chuyện mới nghe đến đây, ai cũng biết

là khôì hài ra ngoài sách vở, nhưng mà người ta vẫn thích nghe và yêu cầu Ba Giai kể tiếp.

Ba Giai kể :

- Nhưng không dè khi qua cầu ấy, họ Cự Linh vì hút thuốc lá, vô ý đánh rớt cái tàn xuống, làm ông Tú Tượng bị nóng co vòì lại, thành thử tất cả bị rơi xuống biển. Họ Cung Công cao lớn nhảy lên bờ kịp. Tưởng là chết cả, nhưng may quá, bà Nữ Oa lại nhanh tay quật cái váy nơm xuống biển rồi kéo như kéo chài, tóm được cả lên. Bà nhảy lên bờ giữ ra, đếm lại chỉ thấy 12 họ, mà thiếu họ Cự Linh. Bà tưởng họ này bị nước biển cuốn trôi đi. Sau thấy ngựa ngáy bên trong, bà vạch ra xem, mới thấy hấn ta bám chắc mấy sợi lông của bà, ấy thế mà miệng vẫn chưa nhả điếu thuốc, hỏi có tẻ không ?

Ba Giai nói xong, mọi người đều phá lên cười nữa. Quan đề Cự Linh biết bị xỏ ngọt, đỏ mặt, tía tai, hăm hăm đứng dậy, bước xuống cùng đầy tớ đi liền. Mọi người ai nấy đều bái phục Ba Giai ở chỗ đã xỏ một cách sâu cay được quan đề Cự Linh, một viên quan mà bấy lâu nay nhiều người phải khiếp cái thói hách dịch của y. Ông chủ quán tỏ ý sợ sệt, Ba Giai bảo :

- Việc này ông chủ không can dự, mà kẻ chịu trách nhiệm là tôi. Nếu quan đề sau này còn lại đây, có hỏi thì ông cứ xưng tên tôi ra, tôi chính là Ba Giai ở làng Hồ Khẩu đây.

Ba Giai nói thế, nhưng từ đó trở đi, quan ta không dám ghé vào quán này nữa, vì còn mặt mũi nào mà ghé...

Thế là ai nấy đều thi nhau mời rượu Ba Giai, Tú Xuất, kể cả vợ chồng ông chủ quán, thành thử hai chàng hôm ấy, được một bữa rượu say ra trò mà chẳng phải trả một đồng xu nào hết.

16. TRÒ “LỤC SỞ” NHÂN DỊP HỘI XUÂN

Đang vào giữa mùa xuân, từ làng Đình Bảng ra đi, nghe nói ở chợ Dầu có mở hội mùa xuân, Ba Giai, Tú Xuất cùng rủ nhau đến xem và định nhập vào một canh bạc để thử hên xui, nhưng khi kiểm lại tiền bạc, thì chẳng anh nào còn lại bao nhiêu trong túi. Tú Xuất hỏi Ba Giai :

- Đại ca định tính cách nào đây, chớ bụng đã đói và cũng thèm rượu lắm đó !

Ba Giai mỉm cười đáp :

“Gia bản tri hiếu tử” (nhà nghèo biết con hiếu) trượng phu gặp cảnh này, có gì mà phải lo tính quá thêm mệt, hiền đệ cứ yên chí, thế nào chúng ta cũng bắt dân làng này thết một bữa no say:

Tú Xuất hỏi kể gì.

Ba Giai ghé tai nói nhỏ mấy câu. Tú Xuất đắc ý, cười ra vẻ đồng tình và thán phục :

- Thế thì đại ca quả là một tay tài hơn cả thánh nhân rồi vậy.

Đoạn hai chàng sửa sang khăn áo lại, kéo nhau đi thẳng vào đình làng, ra mắt các quan viên kỳ lão, giữa lúc các cụ và dân làng đang ăn uống linh đình, bên ngoài là cờ quạt, trống phách rộn rịp.

Thấy hai người đến, một chức việc trong làng hỏi :

- Hai ông khách từ đâu lại, hẩn có chuyện gì muốn giúp vui dân làng chúng tôi trong dịp hội xuân này ?

Ba Giai cúi đầu chào tất cả, rồi lễ phép thưa rằng :

- Chúng tôi là người miền ngược qua đây, nhân thấy làng mở hội, nên ghé lại xem và cũng có chút nghề mọn muốn giúp vui cho các cụ và bà con.

Nghe nói có nghề mọn giúp vui, mọi người đang ăn uống liền ngừng đĩa, dán mắt lên nhìn.

Ông tiên chỉ cao hứng, gọi tuần đình :

- Thế thì xin mời hai ông khách cùng ngồi với chúng tôi. Bay đâu, đem thêm đĩa, chén và thức ăn lên đây.

Ba Giai và Tú Xuất cùng làm bộ lịch sự cáo từ, nhưng các cụ cố mời, và lại mời lên chiếu nhất, nên cả hai cùng ngồi. Ông tiên chỉ vừa rót rượu vừa hỏi :

- Chẳng hay hai ông có nghề gì để giúp chúng tôi đây ?

- Dạ bẩm cụ, chúng cháu làm nghề trò xiếc ạ.

Một ông chức việc khác chen vào :

- Xiếc còn hay hơn phường chèo nữa, thật may quá, năm nay thánh phù hộ, run rủi hai ông đến đây.

Nói rồi, ông ta lại kêu thêm rượu và đồ ăn để ép mời hai ông, chẳng thiếu món gì.

Khi no say đã đời rồi, các vị chức sắc cùng xúm nhau hỏi :

- Hai ông định diễn trò gì đây ?

Ba Giai thưa :

- Chúng tôi sẽ diễn trò “lục sở”.

- “Lục sở” là trò gì ?

- Dạ trò này chỉ dân miền ngược chúng tôi mới biểu diễn được mà thôi. Xin các cụ cho mượn bốn anh trai tráng khỏe mạnh, với hai cây tre vót nhọn hai đầu và hai cái võ lớn.

Vì muốn coi trò “lục sở”, nên các cụ ra lệnh làm ngay. Chỉ một lúc sau, đã đủ tất cả ở trước mặt hai chàng. Ông tiên chỉ đứng ra trình trọng xin hai chàng bắt đầu cuộc biểu diễn. Dân làng già trẻ lớn bé đứng vây xung quanh rất đông. Ba Giai, Tú Xuất cùng vào lễ trong đình rồi ra đứng giữa đám đông, tuyên bố :

- Xin thưa các cụ, anh em chúng tôi bắt đầu trình diễn đây ạ !

Nói đoạn, hai chàng xin phép bước ra ngoài thay quần áo, bỏ cả vào một đẫy, rồi đóng khố cởi trần, đi vào gọi bốn anh trai tráng đứng sắp hàng bảo :

- Trò chúng tôi diễn đây là trò “lục sở”, trò này rất khó, vậy các anh hãy chú ý nghe lời và giúp cho chu đáo. Đây, hai cây tre vót nhọn và hai cái vồ. Một anh cầm tre, một anh cầm vồ, hễ chúng tôi cúi xuống chống mông lên, thì một anh kéo cái khố ra, lấy cây tre để chỏ đầu nhọn vào ngay giữa hậu môn, nhớ để cho thật ngay, cầm cho chắc, còn một anh cầm vồ đóng cho thật mạnh, chừng nào đến nửa cây tre thì dựng lên, để hai chúng tôi sẽ múa hát, trở tài biểu diễn. Nào ! các anh bắt đầu đi !

Nói đoạn hai chàng cúi xuống, chống mông lên, mấy anh trai tráng còn đang bỡ ngỡ, đứng ngây người ra thì các cụ làng nhao nhao lên :

- Thôi các ông ơi, các ông diễn trò khác cho, chớ trò quỷ này chúng tôi không dám, lỡ các ông có bẽ sao, thì chúng tôi bị tù một gông cả đám.

- Dạ, bẩm không sao đâu, miễn các cụ bảo trai tráng làm cẩn thận và chính xác cho là được ! Nào !

- Thôi các ông ơi ! Chúng tôi bái lạy các ông thôi, nếu không còn trò gì khác, thì xin mời rút lui cho, chớ dân làng chúng tôi không ai có gan ở tù đâu.

Ba Giai, Tú Xuất lại vờ năn nỉ, các cụ lại van lơn. Sau cùng, hai chàng phải cúi đầu lạy chào để xách gói ra đi, vừa bước vừa lẩm bẩm :

- “Thiên tai nhất ngộ”, trò “lục sở” hay đáo để mà các cụ chức sắc lại sợ, thật uổng cho các ông, các bà phải mất công chờ đợi.

Nhiều người dân nghe được, chẳng những đã không ca thán hai ông “khách quý”, mà lại trách cứ các cụ là non gan.

17. HAI LÁ BÙA “CẦU TÀI” VÀ “TRỪ MA”

Bước ra khỏi đám hội xuân chợ làng Dầu, Tú Xuất bảo Ba Giai:

- Xét ra mưu kế của đại huynh cũng thật là thần thánh, dẫu Gia Cát phục sinh, Tử Phong tái thế cũng không thể hơn được. Nhưng kết quả cũng chỉ được một bữa no say, còn tối nay, cả sáng mai trên đường về Hà Nội, chúng ta sẽ tính sao đây ?

Ba Giai cau mặt đáp :

- Hiền đệ cũng là tay mẫn cán, tại sao lại phải lo âu nhiều vậy ?

Ba Giai chưa kịp nói hết lời, Tú Xuất đã cắt ngang :

- Chẳng phải đâu, tiểu đệ muốn thử đại ca đấy thôi, chứ tiểu đệ đây vẫn còn nhiều “bửu bối” trong người.

Nghe nói, Ba Giai vội vàng bảo :

- “Bửu bối” gì ? Thôi được, từ đây đến Hà Nội, mọi việc điều giao hiền đệ cả, từ hôm ra đi, ngu huynh đã phải đối phó quá nhiều rồi.

Tú Xuất vừa cười vừa móc trong túi áo ra một gói nhỏ bằng bao diêm đưa Ba Giai :

- Đại ca xem cái “bửu bối” này được không ?

Ba Giai vừa mở ra xem thấy toàn những “bùa” là “bùa”, những “đạo bùa” đã “vặn sẵn”, liền tùm tùm cười, đưa lại Tú Xuất :

- Thì cứ việc làm đi, ngu huynh này hiểu rồi !

Tú Xuất được thể đáp :

- Phải thế chứ, “quân tử kiến cơ nhi tác”, “tích cốc phòng cơ, tích y phòng hàn” là thế đó !

Đi được một đoạn, cả hai cùng vào một căn nhà dân ở gần đường cái, xin ngủ trọ qua đêm. Bà chủ hỏi :

Có phải hai ông là người định diễn trò “lục sở” đình làng đấy không ?

- Sao bà biết ?

- Thì lúc ấy chính tôi cũng có mặt ở đó.

Ba Giai thở dài nói :

- Các cụ làng ta nhát quá, trò rất hay mà sợ không dám cho làm, thật uổng, thật là uổng...

Bà chủ cười đáp :

- Không phải nhát đâu, lỡ các ông chết cứng ra đó thì ai mà bồi thường mạng ?

Tú Xuất từ nãy lạng yên, bây giờ lên tiếng xen vào chuyện :

- Làm sao mà chết, chúng tôi khi diễn trò mỗi người đã ngậm một “cái này” trong miệng.

Vừa nói, Tú Xuất vừa giở gói “bùa” ra, giơ lên từng cái cho bà chủ nhà xem.

Bà chủ nhà khoái quá, định cầm lấy để coi, Tú Xuất gạt đi bảo :

- Xin lỗi, người bà có “thanh tịnh” không đấy, bùa này kị uế khí, đàn bà con gái có tháng mà sờ vào là hết linh nghiệm ngay.

Bà chủ nhà có lẽ trong mình không được sạch sẽ, nên vội rút tay lại và hỏi :

- Sao ông có nhiều bùa vậy ? Chốc nữa nhà tôi về, xin các ông cho một đạo xem sao.

- Không thể được, vì đây chỉ có hai “đạo”, mỗi đứa chúng tôi một “đạo” để phòng thân đường xa, lỡ gặp tai nạn, hay bọn trộm cướp. Nhớ nhà đây, chừng lần sau trở lại, chúng tôi sẽ biếu ông bà một cặp.

Bà chủ nhà hỏi vặn :

- Các ông trong gói còn nhiều thứ này mà ?

- Không, cũng nhiều đấy, nhưng toàn là “bùa” “trừ ma” “bắt quỷ” và “cầu tài, cầu lợi”; anh em chúng tôi vì phải mang theo để đi “bắt ma” cho nhà một vị chánh tổng ở Hà Đông.

Nghe nói hai người là dân miền ngược, bà chủ nhà đã tin là họ có lắm bùa phép, giờ lại được nghe nói đến cầu tài cầu lợi, trừ ma bắt quỷ lại càng mê hơn nữa, và nghĩ thầm trong bụng ước chi được một “đạo” để giữ trong nhà cho làm ăn thịnh vượng. Bà tỏ ra ân cần, tiếp đãi rất nồng hậu hai vị khách quý. Một chút, ông

chồng về, bà ngoéo ra sau nhà kể lại; ông chồng cũng tin như bà vợ, quay vào đơn đã chào, rồi nói :

- Nghe nhà tôi thuật lại mới rõ việc hai ông, vậy hai ông cứ nghỉ đây đêm nay, sáng mai tôi sẽ ra đình thưa lại với các cụ là các ông có “bùa hộ mạng” nên diễn trò “lục sở” không sao.

Ba Giai vội gạt đi :

- Thôi, xin ông chủ tha cho. Chúng tôi không còn đủ tinh thần nào để trở lại diễn trò ấy nữa. Ông chủ có thương, cho chúng tôi nghỉ lại đêm nay, để sáng mai lên đường đi Hà Đông là quý hoá và mang ơn lắm rồi.

Câu chuyện đến đây, lão chủ hỏi vợ làm cơm rượu để mời hai quý khách. Khi ngồi ăn, vợ chồng lão mới ngỏ ý xin một “đạo bùa” cầu tài. Tú Xuất nói :

- Chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng, nhất là với ông bà chủ đây, nhưng chỉ ngại làm tốn kém ông bà !

Lão chủ nhà hỏi ngay :

- Có gì tốn kém, mà tốn kém bao nhiêu ?

Tú Xuất đáp :

- Không bao nhiêu cả, chỉ một con gà, một mâm rượu, một khay trầu và một quan tiền làm lễ thánh, nếu hai “đạo” thì hai quan.

Người chồng chưa kịp phát biểu ý kiến, thì người vợ đã nhanh nhẩu :

- Thì có gì là tốn kém, hai ông cứ cho hai “đạo” đi !

Nói đoạn bà ta vội vàng hối đẩy tớ đi làm thịt gà. Chỉ độ một giờ sau, lễ lạc bung lên đầy đủ. Tú Xuất chỉnh tề khăn áo lấy hai “đạo bùa” để lên một cái đĩa sứ cổ, rồi ra giữa sân đặt bàn làm lễ thánh. Tú Xuất thắp nhang khấn vái xong, đốt thêm mấy cây làm phép khoán, trong lúc vợ chồng nhà nọ quỳ lạy trước bàn như tế sao.

Khi xin âm dương (keo) thấy được, Tú Xuất mới lấy “bùa” đeo vào khuy áo cho vợ chồng chủ nhà, đồng thời căn dặn :

- Một lá *thư*, một lá *hùng*, của ông là *hùng*, của bà là *thư*, của ai người ấy giữ, đừng để lẫn lộn, nhớ phải cất đi khi nhập phòng hay đi đại tiện, còn không sẽ hết linh ứng đấy.

Trước khi hạ lễ, vợ chồng chủ nhà lai trịnh trọng đặt hai quan tiền lên bàn trao tặng.

Vậy là sáng mai, hai chàng “trời đánh không chết” lại có tiền súng sính để lên đường ăn tiêu...

18. VỊT ĐỘNG ĐÌNH HỒ MỖI ĐÊM ĐỂ NĂM TRÚNG

Sáng sau, Ba Giai, Tú Xuất từ già vợ chồng chủ nhà lên đường, sau khi được thết đãi thêm một bữa xôi lót lòng với phần thịt tế lễ ở đình trung.

Gặp phiên chợ đang họp bên đường, Tú Xuất liền ghé vào mua một cặp vịt Tàu, một con đực, một con cái, bỏ vào cái lồng tre đem đi. Mỗi con chỉ có 5 tiền, vì

chi là 10 tiền tất cả, lại mua thêm một gói vừng (mè) và 5 cái trứng vịt bỏ vào đấy. Ba Giai ngạc nhiên hỏi lý do, Tú Xuất nói :

- Rồi đại huynh sẽ biết, bây giờ nói ra hơi sớm quá.

Tối hôm ấy, hai người cùng đến Gia Lâm, vào nghỉ ở một cái quán chuyên môn bán cháo gà, cháo vịt của mẹ con một bà góa.

Thấy khách đem vịt vào, cô con gái bà chủ quán nhanh nhẩu :

- Hai ông định bán cặp vịt này bao nhiêu ?

Tú Xuất gạt phắt ngay :

- Vịt này chúng tôi mua có chuyện cần, chúng tôi ghé đây nghỉ. Cô đem cho hai chai rượu và chặt thịt, dọn cháo ra đây, hết bao nhiêu thì hết...

Thấy khách có vẻ sang, cô gái đỡ lồng vịt.

- Vậy xin hai ông ngồi nghỉ, đưa vịt em cất ra sau nhà dùm cho !...

Tú Xuất đáp :

- Không được, cảm ơn cô. Chúng tôi nằm đâu, ngủ đâu phải để nó ở đó, “vật bất ly thân” mà !

Nói đoạn, Tú Xuất để lồng vịt vào gầm giường, lấy gói vừng cho ăn. Cô hàng thấy lạ, nói :

- Quán em còn cơm nguội, để em lấy cho vịt ăn dùm ông khách !

Tú Xuất gạt đi :

- Không được, thứ vịt này đặc biệt nó ăn ít lắm, phải cho ăn vừng (mè) chứ không thể cho ăn cơm được.

Mẹ con bà chủ quán càng lấy làm lạ nữa.

Đêm ấy hai chàng chén hết hơn một quan tiền, rồi ngủ tại đó. Trước khi ngả lưng, Tú Xuất bảo cô hàng :

- Tôi gửi cô em cặp vịt đấy, say quá rồi !

Thấy khách tiêu xài tiền rộng rãi, cô hàng vâng dạ tíu tít. Vừa lúc sắp hết trống canh một, Tú Xuất khẽ móc tay nải, lấy ra một quả trứng bỏ vào lồng vịt rồi chọc cho cặp vịt kêu lên. Cô nàng nghe vịt kêu, giật mình thức dậy thắp đèn lên, thấy hai ông khách đang ngủ say như chết, mà vịt thì đẻ ra một trứng. Cô ta vội lấy cất đi. Tưởng thế là hết, chẳng dè cứ gần hết trống canh, vịt lại kêu “cặp”, cô lại một lần thức dậy soi đèn và lại thấy vịt đẻ thêm một trứng. Tính đến sáng, vịt đẻ năm trứng cả thảy. Lúc bấy giờ, mẹ con mới hiểu hết cái giá trị của cặp vịt là thế, và bàn thăm nhau hể hai người thức dậy thì hỏi mua lại cho bằng được, đắt mấy cũng mua. Trong lúc mẹ con bàn tán, Ba Giai, Tú Xuất nằm nghe rõ được cả. Hai người bấm nhau, rồi vươn vai thức dậy, đi rửa mặt, súc miệng đoạn kêu dọn ăn sáng.

Họ đang ăn, cô con gái đem ra 5 quả trứng đến và nói :

- Thưa hai ông, đêm qua cặp vịt đẻ năm trứng, em phải lấy cất cho hai ông, vì lúc ấy hai ông ngủ say.

Tú Xuất đáp :

- Cám ơn cô.

Chưa dứt lời, bà chủ quán đã vội vàng hỏi :

- Dạ thưa hai ông, giống vịt này quý hóa quá, ở đâu mà có vậy ? Thật đời em năm nay đã ngoài năm mươi tuổi mới thấy nó lần đầu.

Tú xuất vừa nâng chén, vừa đáp :

- Chẳng giấu gì bà và cô, thứ vịt này hiếm lắm, chúng tôi ở mạn ngược phải nhờ một chú khách quen bên Tàu, đi mua mãi ở Động Đình Hồ mới có đấy.

- Vậy hai ông có thể nhượng lại cho mẹ con em được không ?

- Không thể được, bà và cô thông cảm, vì một là đắt lắm, hai là chúng tôi phải biểu quan án Hà Nội, vì năm trước thân phụ chúng tôi suýt bị chặt đầu vì nghi có tham gia vào loạn đảng Tàu Ô, may được cụ lớn minh xét nổi oan cho. Tại biểu gì cụ cũng không lấy, nên phải bán mấy sào ruộng mua cặp vịt này để biểu, chắc cụ lớn phải nhận, vì nó chẳng những đem đến, mỗi trống canh đẻ ra một trứng mà còn sống lâu nhiều năm, không bị toi bệnh gì cả. Giống vịt này ở tận núi Thái Sơn...

Nghe nói, mẹ con bà chủ quán lại càng thích mê nên cố nài nỉ để mua cho kỳ được. Bà mẹ nói :

- Thôi xin các ông để lại cho mẹ con em đi, các ông định biểu quan án, nhưng ở đây quan án đã đổi về kinh rồi, các ông không gặp đâu !

Bà mẹ chưa dứt lời, cô con gái đã đỡ lấy :

- Các ông ở gần Tàu, lúc nào mua chẳng được. Các ông không tin, cứ hỏi người ta xem có phải cù án đã lai kinh gần tháng nay rồi không ? Chi bằng các ông để lại cho mẹ con em đi, mẹ con em hứa, chừng nào quan án về, các ông được tin xuống đây, nếu mua không được vịt khác thì cứ ghé lại đây, mẹ con em sẽ hoàn lại cặp vịt với giá mua cũ.

Tú Xuất chưa kịp đáp, Ba Giai đã lên tiếng :

- Phải, bà chủ và cô nói cũng có lý, đã thế, thôi chúng mình hãy vị tình để cặp vịt lại đây.

Tú Xuất lờm Ba Giai :

- Để thế nào được, mỗi con vịt trị giá mấy nén bạc, còn phí tổn nữa.

Nghe Tú Xuất nói, bà chủ quán bèn nắm ngay cơ hội :

- Thôi thì tất cả cho hết mười nén đi, hai ông vui lòng nhượng lại, còn số tiền rượu thịt hôm qua, hôm nay, mẹ con em cũng xin biếu hai ông.

Sở dĩ bà ta dám mua với giá như vậy vì tính rằng chỉ trong một năm vịt đẻ trứng cũng đã thu vào được hơn số bạc ấy.

Tú Xuất mừng như mở cờ trong bụng, nhưng để Ba Giai khuyên nhủ mãi mới quay sang bảo bà hàng :

- Ủ, thôi thì cũng được !

Tức thì mẹ con bà chủ quán vào nhà trong dồn vét đủ số bạc 10 nén trao cho Tú Xuất để lấy cặp vịt. Hai

người nhận bạc xong, ra đi còn thở dài ra vẻ tiếc rẻ, và dặn đi dặn lại :

- Phải nhớ cho nó ăn vừng chớ còn ăn cơm là không thể được đâu !

Hai mẹ con bà chủ quán mừng quýnh, tiễn khách ra đi, rồi quay vào với nụ cười hí hửng. Đêm đến rồi tiếp những đêm sau, giấc mộng “5 quả trứng” của mẹ con bà quán đã tan tành ra mây khói. Trong khi đó, đôi vịt thì chỉ ăn vừng và bị nhốt, thành thử cứ ồm tong đi rồi chưa đầy một tháng đã bị trúng gió chết lẫn ra cả.

Nhưng trách ai đây ? Thói đời hễ “tham thì thâm”, nên dễ mắc lừa phường “ôn dịch” như Ba Giai, Tú Xuất.

19. LỘT ÁO GẤM QUAN HÀN

Hai người đang đi, bỗng Ba Giai chỉ tay về phía một người từ xa đang ngược chiều lại :

- Bác có thấy cái lão đang đi đằng kia không ? Lão Hàn Tường ở Vụ Bản đấy. Lão khét tiếng nịnh nọt bọn to đầu ở thành Nam đấy. Lần này lên Hà Nội, lão đang tính làm ăn chuyện gì đây. Phải lột cái áo gấm của lão đang mặc, và bắt lão phải quay về. Không có áo gấm làm sao đi vào các cửa quan trên được. Nói xong, Ba Giai khoan thai đi trước, bảo Tú Xuất cởi ngay áo dài bỏ vào đây, lễ phép đi theo sau. Vừa giáp mặt Hàn Tường, Ba Giai tỏ ra mừng rỡ rít rít :

- Dạ bẩm quan lớn. Quan lớn mới về Hà Nội chơi ạ !

Hàn Tường nhìn kỹ chàng trai vẫn không sao nhận ra được.

- Cậu... cậu... là ai nhỉ ?

- Dạ quan lớn quên con à ? Con là ấm Cỏ, con cụ nghè Năng Tĩnh ở thành Nam. Quan lớn đã có dịp đến chơi với thầy con.

Hàn Tường à một tiếng rõ to, hể hả.

- À ! Phải, phải. Tôi nhớ ra rồi. Thế ra cậu lại ở trên này hả ?

- Dạ, thầy con cho lên để làm quen với sĩ tử ở Hà thành để lo việc thi cử. May quá, tiện cụ lên đây, kính xin mời cụ nghỉ chân với con một lát.

Ba Giai hết sức chèo kéo, mời Hàn Tường vào một quán rượu bên đường. Anh quát bảo Tú Xuất :

- Tiểu đồng vào bảo chủ quán dọn rượu cho nhanh, mang cả thau nước, khăn ra đây cho quan lớn dùng.

Anh nói với Hàn Tường :

- Xin quan lớn cho phép con được thay mặt thầy con tiếp quan lớn. Thầy con nhắc đến quan lớn luôn, và dặn con nếu gặp được quan lớn phải biết giữ cho phải đạo cháu con ở trong nhà. Bẩm quan lớn cứ yên tâm, con ở đây đã lâu, các hàng quán đều quen, họ cũng biết tiếp đãi đúng phép tắc.

Hàn Tường nở nang mặt mày. Chân ướt chân ráo về Hà Nội đang tính đi kiếm người quen, thì lại gặp ngay

anh chàng thư sinh lễ phép và rộng rãi này. Ông tự nhủ : gì thì chưa biết, chắc chắn là bữa rượu này mình không phải trả tiền, mà được chén no nê. Ấm Cả lại thông thạo phố phường, mai có thể nhờ nó được đôi việc.

Rượu thịt dọn ra, Hàn Tường và ấm Cả mềm môi, đưa cay hết gấp này đến gấp khác. Tú Xuất đóng vai tiểu đồng cũng rất khéo, chạy lên chạy xuống. Ba Giai bảo :

- Này, mang xuống bảo thay bát nước dùng khác cho quan lớn... Bảo nhà hàng làm đúng như hôm nọ. Nhanh lên ! Quan lớn còn nhiều việc.

Không đầy vài phút, tiểu đồng đã mang bát nước dùng lên. Anh hấp tấp lại gần Hàn Tường đúng vào lúc lão đang quơ tay cầm chai rượu. Bát nước dùng bị chạm đổ tạt ướt áo lão từ vai xuống đến thân. Lão xuyt xoa giầy nầy. Ba Giai tái mặt quát :

- Cái thằng vô ý đến thế là cùng ! Tội mày đáng chết !

Anh vội vàng đứng dậy, vòng tay xin lỗi :

- Quan lớn đại xá cho. Con xin thất lễ.

Anh thúc giục chủ quán thay chiếu, đổi mâm khác và nài nỉ Hàn Tường cởi áo ngoài ra.

- Cầm ngay xuống, dùng khăn sạch đắp nước, lau nhẹ những chỗ này nhiều lần. Cẩn thận khéo sảy hoa gấm. Làm ngay rồi đưa lên đây cho quan lớn mặc. Về nhà tao sẽ coi tội cho mày.

Hàn Tường thấy vẻ sợ hãi của Ba Giai, cũng có phần nguôi nguôi.

- Thôi đừng mắng hấn nữa. Cũng may nước dùng không loang ra nhiều lắm.

Tú Xuất cung kính cầm lấy cái áo, đi vào nhà sau. Ba Giai rót rượu mời Hàn Tường.

- Xin quan lớn bằng lòng cho. Con thật ân hận.

Hàn Tường ra bộ dễ dãi :

- Cậu bình tâm, khoan thứ cho nó. Kể ra lúc này tôi cũng vô tình không biết hấn đến gần.

Hai người cứ chén tạc chén thù, không khí trở lại bình thường. Chủ quán bưng ra thêm mấy đĩa nhắm. Ba Giai bỗng làm như sốt ruột.

Quái, cái thằng sao chỉ gột có một tí mà nó làm lâu thế. Xin quan lớn cứ nâng chén đi cho. Con phải vào xem tình hình thế nào.

Không đợi trả lời, Ba Giai đi thẳng vào trong và... mất hút luôn. Hàn Tường uống hết ba chén rồi mà chẳng thấy hai thầy trò cậu ấm Cả. Lão rối rít gọi chủ quán.

- Này, thầy trò cậu ấm Cả ngồi với tôi ở đây đi đâu rồi ?

Chủ quán ngớ người ra.

- Bẩm, cụ sai họ ra làm gì ở phía sau kia mà !

- Sao mãi không thấy lên ?

- Dạ thưa tôi cũng không rõ.

Chủ quán gọi vợ.

- Bà mày thấy hai cậu đi với quan làm gì trong ấy mà lâu thế ?

Bà vợ đáp :

- Họ bảo nước trong bể nước nhà mình không được sạch, phải đưa áo về nhà giặt. Họ ra phía cổng sau từ nãy.

Hàn Tường ngã ngửa người :

- Thế hai bác có biết nhà họ đâu không ? Cái cậu chủ là con nghề Năng Tĩnh đấy. Họ vẫn ăn ở đây nhiều lần ?

Chủ quán lắc đầu :

- Thưa quan lớn, không phải đâu ạ ! Họ chưa đến đây bao giờ cả. Chúng tôi lại tưởng họ là người nhà của quan lớn.

Bà chủ quán chen vào :

- Cái cậu đi sau có dặn tôi là cứ để quan lớn xoi nốt và quan lớn sẽ tính toán chu đáo.

Hàn Tường giật nảy người lên, đập tay xuống chiếu :

- Thôi thế thì tôi bị chúng nó lừa rồi. Mất cả áo gấm, lại phải cung phụng cho chúng một bữa ăn. Bây giờ lấy áo đâu mà lo việc hở trời. Ông có biết chúng nó ở đâu, mách giùm cho tôi với.

Chủ quán hỏi lại :

- Nếu là cậu ấm nhà quan nghề thành Nam, thì quan lớn cứ về đó mà hỏi, chứ ngại gì ạ ?

- Nói thế thì tôi biết thế, chứ chắc gì nó là con quan nghèo. Có khổ cho tôi không !

Lão cay đắng móc hầu bao, trả tiền cơm rượu, rồi chân thấp chân cao ra phố, hỏi đường thuê xe về Nam Định.

20. CHÍN CON TRÂU THẬT HÓA RA TRÂU SÀNH

Lúc ở Hàn Kinh đi ra, Tú Xuất để ý quan sát thấy phía ngoài cổng có cái chuồng thật lớn, trong nhốt 9 con trâu lớn, bé tất cả, nên về bàn với bọn đàn em dặt trộm.

Tên được giao phó cho thi hành việc này ở Tuần Đoàn, một tên đầu trộm đuôi cướp khét tiếng vùng Hà Đông.

Tuần Đoàn dùng bả chó giết chết bầy chó nhà Hàn Kinh, rồi đêm sau dùng thuốc mê đánh bọn gia nhân, lừa bầy trâu ra Hà Nội bán cho lò thịt, để cùng đồng bọn chia chác nhau tiêu xài.

Tưởng chuyện êm xuôi, nào ngờ trong làng có người biết được Tuần Đoàn, đến mách cho Hàn Kinh. Kinh liền lên tỉnh, trình sở mật thám Hà Nội để nhờ bắt thủ phạm lúc đó đang sống ở phố Hàng Bột.

Đoàn biết lộ chuyện, toan bỏ Hà Nội trốn lên miền ngược, nhưng Ba Giai, Tú Xuất lại mớm kế cho y đối

phó bằng cách đi mua chín con trâu sành về để trên bàn ở nhà trong, rồi ghé tai bảo nhỏ đàn em như thế, như thế...

Tuần Đoàn nghe theo lời chỉ dẫn của Ba Giai, Tú Xuất.

Một hôm, vừa lúc tảng sáng, bọn mật thám đến bao nhà Tuần Đoàn. Anh ta cứ thản nhiên bước ra. Tên chánh mật thám bắt gặp, chặn lại hỏi :

- Có phải mày tên là Tuần Đoàn không ?
- Dạ bẩm quan lớn, phải.
- Phải mày lấy trộm con trâu nhà Hàn Kính không ?
- Dạ bẩm quan lớn có, chính con !
- Thế trâu mày để đâu ?
- Dạ, định đem bán, nhưng hiện còn trong nhà kia !

Nghe Tuần Đoàn nói, tên chánh mật thám nắm chắc cổ tay y lôi vào nhà, theo sau còn có mấy tên nhân viên. Khi vào đến nhà, tên chánh mật thám hất hàm hỏi :

- Trâu, mày nhốt ở đâu ?

Vừa nói, Tuần Đoàn vừa lấy tay vén màn che, chỉ vào bàn phía trong. Tên chánh mật thám thấy chín con trâu sành, cả giận, tát cho Tuần Đoàn một cái, và chửi thề :

- Đ.m, trâu này mà mày cũng lấy của nó, được bao nhiêu tiền để cho nó đi thừa kiện.

Nói rồi, y ra lệnh cho nhân viên đem chín con trâu về sở, và tha cho Tuấn Đoàn sau một tràng cảnh cáo :

- Tao tưởng trâu nào chớ trâu này... Lần sau mày đừng làm thế này, để tao phải mất công mất việc !

Thế là Tuấn Đoàn chỉ bị một cái tát, mà lão Hàn Kính kia thì bị tên chánh mật thám nộ nổi nóng gọi lên, trả số trâu bằng sành và rầy cho một trận, vì lẽ chỉ có thế mà cũng thua kiện tới sở mật thám.

Thật nghĩ cay cho Hàn Kính đã mất toi chín con trâu đáng giá bạc vạn, biết rõ thủ phạm mà đành đổi lấy mấy con trâu bằng sành, tức ơi là tức !

21. LỘT KHĂN, LẤY GIÀY CỤ LỚN

Ba Giai và Tú Xuất đang đi dạo quanh bờ hồ Hoàn Kiếm thì gặp một cụ lớn, dáng đi bệ vệ, khăn lượt áo the, quần lụa trắng, chân đi giày Ký Long, tay cầm ô, ngực đeo bài ngà, trông thật uy nghi. Cụ lớn bước khoan thai, lại không có lính theo hầu.

Ba Giai bảo bạn :

- Đố đê lột được khăn và giày của lão ta đấy.

Tú Xuất mỉm cười :

- Chẳng khó gì. Có điều huynh phải chịu khó một tí. Huynh hãy làm thế này... thế này nhé !

Hai người tiến sát đến bên ông quan nọ. Bất ngờ, Tú Xuất giật cái khăn đội đầu của quan, vút lên ngọn cây bên đường, rồi ù té chạy. Cụ lớn nhìn cái khăn mắc vào nhánh cây thì tức giận điên ruột và hét lên, nhưng thủ phạm đã biến mất. Cụ lớn loay hoay mãi mà không tài nào lấy cái khăn xuống được. Chung quanh chẳng có cái que, cái gậy gì để khều, còn leo lên cây thì với cái bộ bài ngà, áo gấm này trông còn ra thể thống gì nữa.

Ba Giai bước tới gần, ra điều ái ngại :

- Cái thằng thật là đểu cáng ! Bấm cụ lớn... để tôi xin giúp cho. Xin cụ lớn cứ ngồi trên vai, tôi công kênh lên, cụ đưa tay với lấy. Cụ lớn mừng như được thăng cấp, gật đầu.

- À... à, anh tốt lắm ! Anh cố giúp ta, rồi ta sẽ trọng thưởng. Về dinh, ta sẽ sai lính đi lùng cái thằng mất dạy ấy mà trị cho nó biết tay.

Cụ lớn ngồi trên vai, Ba Giai khom khom bước tới gốc cây. Ác thay, cụ lớn đã cố rướn cái ô lên mà vẫn chưa với tới chiếc khăn lượt.

Ba Giai nói với lên :

- Xin cụ cứ đứng lên vai con cũng được.

Cụ Thượng hai tay vịn lấy thân cây, đứng hẳn lên vai chàng trai. Ba Giai vội kêu lên :

- Ối... Ối... đau quá ! Cự bỏ giày ra, kéo cái đế giày cứng làm suốt vai con mắt. Cái áo của con cũng đã cũ rồi, không khéo nó lại rách thì khốn. Xin cự thương cho, hay là cự tháo giày ra.

Cự lớn nghe hợp lý, vội vàng tháo giày vứt xuống. Lúc này, cự đứng vững vàng trên vai Ba Giai, rồi giơ cao chiếc ô...

Ba Giai từ dưới nói với lên :

- Cự cứ đập một cái thật mạnh, trúng vào cái khăn là nó rớt ngay xuống đất thôi.

Cự lớn làm đúng như lời bày vẽ. Chiếc khăn rơi xuống đất. Vào lúc ấy, thì Tú Xuất từ đâu bỗng quay lại, nhặt luôn cả khăn lẫn giày, rồi chạy vụt đi. Ba Giai vờ cuống quýt kêu ầm lên :

- Bẩm cự, cái thằng kia nó lấy mất cả khăn lẫn giày rồi. Cự để con đuổi theo nó. Thằng láo quá !

Vừa dứt câu, Ba Giai lắc mạnh vai, hất cự lớn ngã sòng xoài, rồi vùng chạy. Đang đứng trên vai, bị rơi xuống đất như trời giáng, cự lớn nằm quay trên bãi cỏ, áo quần lấm lem. Cả cái bài ngà cũng đứt văng ra một bên. Mãi một lúc sau cự lớn mới lóp ngóp bò dậy, đầu không còn khăn, chân không còn giày, thất thểu tìm đường về dinh, vừa cay cú, vừa tiếc của.

22. VÉN VÁY QUAN BÀ

Mưa xuân lâm thâm, đường lầy lép nha lép nhép những bùn. Một bà quan hôm ấy không biết vì vội vàng thế nào không kiếm được xe kéo đành phải cuốc bộ. Quan bà ăn mặc diêm dúa, váy lĩnh, áo gấm thanh thiên, thiêu phượng, đầu đội nói quai thao, chân đi hài thêu kim tuyến. Bà bước đi uốn éo, vung vẩy.

Thấy vậy, Tú Xuất nảy ý bốn cột, nói với Ba Giai :

- Đệ đồ huynh vén váy bà quan kia ngay giữa phố này được.

Ba Giai lắc đầu :

- Chịu !

Tú Xuất cười, bỏ Ba Giai vượt lên trước gần sát bên bà quan nọ, thì trượt chân ngã đánh oạch một cái. Bùn non tung tóe cả lên bắn vào váy, vào hài của bà quan. Anh vội vàng chạy lại, miệng rối rít “Lạy bà lớn, lạy bà lớn, xin lỗi bà !” Tay cầm khăn, tay cầm lấy váy của bà ta Tú Xuất vén ngược lên mà chùi lia lịa.

Bà lớn ngượng, mặt chín lên như quả gấc, cố sức đẩy gấu váy xuống.

- Thôi thôi !

Tú Xuất vẫn không tha. Anh cứ thản nhiên :

- Bấm bà, bùn nó bắn lên tận trên này ạ...

23. CUỘC ĐẤU KHẨU VỚI BÀ CẢ NGƯU

Đang nhậu nhẹt, chén chú chén anh, chuyện nổ như ngô rang, sau một vụ đánh quả thắng lợi, thì có một lũ ăn mày cúi đến ngựa tay xin tiền. Tú Xuất cao hứng lấy tiền ra, quăng cho mỗi tên một đồng tiền kẽm và bảo :

- Chúng tao hết tiền rồi, chúng bay có đổi thì sang nhà bà cả Ngưu ở trước cửa kia mà xin, nhà bán hàng xén, trước có lồng chim cu ấy; nhà bà hôm qua vừa có đám ông cụ, chắc chắn đồ ăn đồ uống còn dư nhiều đó.

Bọn ăn xin cảm ơn, quay ra, rủ nhau sang nhà bà Cả Ngưu :

- Lạy ông lạy bà, chúng con tàn tật nghèo khổ, xin ông bà cho bữa ăn, lạy ông, lạy bà làm phúc cho...

Bà Cả Ngưu vốn tay chưa ngoa đánh đá, lại đang lúc bận bán hàng, nên xua tay bảo :

- Đi đi, lúc người ta đang mắc bận buôn bán !

- Lạy ông, lạy bà làm phúc. Hôm qua ông bà làm đám ông cụ, còn đồ ăn thừa cho chúng con một bữa.

Mụ Cả nghe nói điên tiết lên, quát :

- Ai bảo các người thế ? Bố người ta còn sống mà dám sá gì ? Tiên sư cha đứa nào ác khẩu như vậy, trù

ém người ta hờ ? Đi đi ! không bà lại tể cho một trận bây giờ !

- Không cho thì thôi, chớ bà xua đuổi cái gì. Một tên trong lũ ăn mày nói.

Một tên khác thêm vào :

- Bộ dễ tể lắm sao ? Muốn tể, bọn này cũng tể lại cho biết ...đ.m... làm tâng; người ta có hăm hiu, tàn tật mới phải nông nổi này, chứ cũng như nó thì đái vào !

Mụ Cả bị chọc tức, lồng lên :

- Đi đi ! Chỗ người ta bán hàng, cha tiên nhân năm đời thằng nào, con nào đi xúi chúng bây lại đây, bảo nhà bà có đám bà đập cả cái váy nâu vào mặt cho bây giờ, tiên nhân năm đời, mười đời nhà đứa nào...

Bọn ăn mày cùi lững thững kéo nhau đi.

Tú Xuất đang ngà ngà say, nghe mụ Cả chửi tiếng được tiếng mất, chạy ra lấy tay xỉa xói :

- Này tôi bảo bọn nó, nhà bà hôm qua còn nhiều thức ăn lắm, bọn nó nghe nhầm là có đám, bọn nó đui cùi, bà không cho thì thôi, chớ chửi rửa cái gì, lại định đập váy nâu lên mặt ai ? Tôi đây nè, tôi xúi bọn nó đấy, bà giỏi thì đem váy nâu đây.

Mụ Cả từ trước đến nay, không ai dám động đến nay bị Tú Xuất xỉ vả như vậy, tức thì giận lồng lên, nhưng không dám qua, chỉ đứng trước cửa hàng mà chõ miệng sang chửi rất thô tục, không còn thiếu một tiếng “mất vệ sinh” nào mà mụ không dùng đến.

Hàng phố thấy vậy, đổ ra xem đông như kiến. Tú Xuất đáp lại cũng không kém, một lúc quay vào nhậu. Chừng có khách đến mua hàng, mụ mới thôi chửi, quay vào, thì Tú Xuất lại chạy ra :

- Cha tiên sư tam tứ đại nhà cái bà mất dạy kia, sao không chửi nữa đi...

Mụ Cả lại điên lên, quay ra tiếp tục một thôi, một hồi nữa. Tú Xuất lại quay vào, rồi cứ mỗi lần thấy mụ đi vào để sắp sửa bán, lại chạy ra trêu nữa. Cứ thế, mụ Cả lại lồng lên.

Tấn kịch kéo dài mãi đến tối. Sáng mai ra, mụ Cả vừa dọn hàng xong, Tú Xuất lại đứng ra, chống nạnh hai tay lên tiếng :

- Cái bà “La sát” hôm qua đâu rồi, nó câm phải không ?

Mụ Cả lại tức lên, sẵn sỏ với tư thế mồm năm miệng mười, sau một đêm nghỉ lấy sức.

- Tổ sư mày, mày bảo mẹ mày là con “La sát” hay mày bảo ai vậy ?

Thế là mụ Cả lại kéo ra từng tràng những tiếng hò ông, hò cha hết sức thô tục. Hàng phố lại xem đông như kiến. Chừng thấy mụ Cả thở không ra hơi, Tú Xuất lại đi ra chọc tức, làm cho mụ Cả hết buổi chẳng mua bán được gì. Đã tới lúc quá mệt, và biết bị Tú Xuất chọc phá để không cho buôn bán, nên bà Cả đành ngậm tăm luôn. Còn hàng phố thì xôn xao bình phẩm...

24. CHƠI DAO MÃI PHẢI CÓ NGÀY ĐÚT TAY

Thời gian ấy là khoảng giữa mùa đông âm lịch, tiết trời lạnh lẽo, Tú Xuất sau trận thắng bà Cả Ngưu, liền rủ Ba Giai đi xuống Nam Định.

Đêm đến hai người rủ nhau đi vào “xóm chị em”.

Khi lách vào một ngõ hẻm, tới một căn nhà, bỗng thấy một em trẻ tuổi và nhan sắc ra đon đả chào mời. Hai chàng đi vào, mỗi chàng một em.

Đèn trong nhà bỗng tắt. Hai chàng hỏi lý do, thì có tiếng người đàn bà đáp :

- Mấy em mới ở quê ra, còn mắc cỡ... hai quan châm chước cho.

Hai chàng tưởng hai em còn xấu hổ và bỡ ngỡ chưa quen, liền cởi quần áo ra, gối lên đầu nằm, rồi giục hai em...

Vừa lúc ấy, đèn bật sáng, tức thì, sáu bảy em khác túa ra một lượt, sấn lại đè nghiêng hai chàng đang trần như nhộng xuống, em đè đầu, em giữ tay, giữ chân. Một em khác ra lệnh :

- Chúng bay làm lông chúng nó đi !

Hai chàng nhìn ra em cầm đèn ấy không ai khác hơn là cô Yến ngày xưa, nhưng đã muộn rồi, mà có muốn giãy giụa, kêu la cũng không được. Tội nghiệp hai chàng bị làm râu, làm lông, có lúc đau quá, chết ngất cả người đi.

Chưa hết. Một lúc sau lại có lệnh truyền :

- Xong chưa ?
- Dạ, còn chút nữa.
- Thôi được, lấy thau nước lên đây.

Một em chạy đi đem nước đến.

- Tắm sạch các quan anh đi !

Tức thì mấy em xúm lại, lấy những giẻ dơ nhúng vào nước mà tắm lên thân thể hai chàng. Đã đau, hai chàng lại bị lạnh thấm vào làm tê tái cả người, nhưng chỉ còn nước ú ớ và cựa quậy một cách tuyệt vọng.

Đùa phá đã đời rồi, các em xúm lại khiêng hai chàng ra ngoài đường cái, bỏ xuống, và quăng theo hai gói quần áo. Hai chàng hồi lâu mới lóp ngóp dậy được, mặc quần áo lại, vừa mặc vừa chửi thề ồm tỏi.

- Thù này chúng ông không trả được, thì không nhắm mắt !

Khi xem lại túi, chẳng còn xu nào. Hai chàng đi được một quãng, bị đau quá nên vừa đi vừa té bên này, ngã bên kia.

Đêm mùa đông, với cái lạnh ở đất Bắc, Ba Giai càng thấm thía, cần nhằn bảo Tú Xuất :

- Sự thể như thế này chỉ do hiền đệ mà ra cả !...

Tú Xuất mếu máo nói :

- Thôi, hãy thứ lỗi cho. Ở đời có ai mà học được chữ “ngờ” ?...

Đêm ấy hai chàng bỏ về đến nhà trọ, phải nấu nước nóng lên tắm gội và thay quần áo.

Họ định về Hà Nội, nhưng chẳng còn xu nào, vì bị “các em” dốc túi hết, thành ra phải năn nỉ hết hơi, nhà trọ mới cho khất, và đi cầm đồ cho cặp áo the để làm tiền lộ phí ra về.

25. NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA BA GIAI VÀ TÚ XUẤT

Về đến Hà Nội, Ba Giai, Tú Xuất cùng ngã bệnh, phải thuốc thang, chữa chạy đến gần tháng mới đỡ.

Hết bệnh rồi, Ba Giai, Tú Xuất sai đàn em đi tìm Tuần Đoàn tới để xúi anh chàng này đem thủ hạ đi trả mối thù ở Nam Định vẫn đang còn là vết thương chưa kín miệng trong lòng hai người.

Nhưng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”, Ba Giai, Tú Xuất không thể thực hiện được ý đồ, vì Tuần Đoàn, sau vụ ăn cướp nhà cai tổng Chính ở Hà Đông, bị quan binh truy nã rất ngặt, phải trốn đi và có tin hình như hẩn chạy xuống miền duyên hải, nhập vào bọn thổ

phủ Tàu ô ở đây. Như vậy là ý đồ phục thù bị gây đổ, nếu không có người như Tuấn Đoàn đứng ra thực hiện.

Đã thế, câu chuyện hai chàng bị chơi xỏ ở “xóm chị em” tại Nam Định cho một phen “thập tử nhất sinh” lại cứ mỗi ngày một vỡ lở thêm và lan truyền đi mãi, rồi khi lan rộng ra ở Hà Nội. Người ta lại dậm thêm mắm muối làm cho câu chuyện ly kỳ thêm, khiến hai chàng hễ bước ra ngoài là bị người đời thì thảo, chỉ trỏ.

Cầm hận và xấu hổ quá, cả hai bàn nhau bỏ đất Hà Nội, đi nơi khác kiếm sống, còn việc trả thù kia, đành để “hạ hồi phân giải”.

Đi thì dễ rồi, nhưng phải có tiền mới được, và đó mới là một câu chuyện khó. Hai chàng suy nghĩ mãi. Nhân nghe có một tên đàn em nói ở phủ Hoài Đức hiện có sòng bạc “xóc đĩa” lớn lắm, hai chàng liền tụ tập mấy tay đàn em lại, kéo tới tham gia, định vét một mẻ rồi chuồn luôn. Tú Xuất bảo các đàn em trong túi còn bao nhiêu đem gom lại đưa chàng, rồi kéo một toán đi. Tú Xuất ăn mặc rất chững chạc, theo sau có kẻ xách điếu, người bưng tráp và tự xưng là cậu ấm, con cụ án sát ở hàng Đồng, Hà Nội. Mấy tay chứa bạc tưởng thực, mời chàng lên sập cao, ngồi xem cuộc đồ đen lớn nhỏ.

Cậu ấm ngồi xem, rồi sau một tuần trà Tàu, thì cũng nhập cuộc. Cậu đặt thật lớn, có cả mấy trăm. Nhưng tên ngồi cái chưa kịp mở bát thì thành linh có toán lính lệ và quan phủ đeo thẻ bài, cầm roi cặc bò, tiến sát ngay đến cửa. Thôi rồi, sòng bạc bị lộ, quan quân đã kéo đến vây, thế là cả lũ không còn hồn vía,

mạnh ai nấy chạy để tháo thân cho lẹ, bất kể số tiền bạc đã đặt và đang nằm ngổn ngang trên chiếu.

Thấy sòng bạc tán loạn như đàn ong vỡ tổ, quan phủ hét lính lệ :

- Bắt lấy tên chủ nhà và thu lấy tang vật cho ta !...

Vậy là đám lính tràn vào, cứ theo lệnh quan mà làm. Tên chủ sòng chạy thoát, nhưng vợ y bị lột tay lính lệ. Quan sai trói nghiêng lại dẫn đi, thị kêu khóc lay lục xin hiến một khoảng tiền chuộc để quan làm phúc thứ tội lỗi cho. Quan phủ trước còn lên mặt thanh liêm không nhận, sau thấy mẹ chồng già nua sụp lạy kêu van, quan mới lên mặt đạo đức, đồng dục truyền lính :

- Nhà mày làm việc phi pháp, lần này tao rộng lượng, thấy bà lão già nua mà tha cho, cấm chỉ không còn được thế nữa, nghe chưa ?

- Dạ, bẩm quan lớn, chúng con đã biết tội, biết lỗi.

Quan phủ nhận tiền, rồi hét bọn lính lệ thu nhặt lấy tang chứng và tiền bạc còn lại trên chiếu, để đưa về phủ.

Chùng quan phủ ra khỏi làng, các viên chức trong xã mới hay, họ bảo nhau :

- Sao quan về bắt sòng bạc mà không đem lính cơ, lại chỉ toàn lính lệ ?...

- Có phải quan không ? Hay là có kẻ giả mạo, rồi trong lúc các tay chơi bị “thần hồn nát thần tính” mà không phân biệt được thật hay là giả.

Sáng sau, viên lý trưởng lên phủ, xin vào gặp quan để mật trình sự thể. Tới giờ phút này mới rõ sự tình thực hư.

Chuyện đổ vỡ ra, mãi mấy tuần sau, người ta mới hay câu ám tự xưng là con quan án sát ở hàng Đồng không ai khác hơn là Tú Xuất, còn quan phủ nọ đích thị là Ba Giai. Nhưng lúc biết ra, thì mọi sự đã rồi, mà há miệng mắc quai, nên số nạn nhân chỉ còn chửi bới và trách cứ lẫn nhau là ngu dốt, là thiếu can đảm, thiếu bình tĩnh, đến nỗi để “trông gà hóa cuốc” mới bị cảnh lừa bịp như vậy.

Vớ được số tiền to lớn ấy, Ba Giai và Tú Xuất cùng đám đàn em về Hà Nội uống rượu ăn mừng và đồng thời để tạm từ giã nhau. Hai chàng hứa hẹn trong vòng vài năm sẽ trở lại Hà thành để trả cái thù “không đội trời chung” ở Nam Định, bằng không thì thác xuống âm phủ không yên.

Nhưng rồi từ đó trở đi, không ai còn biết tung tích hai chàng đâu nữa. Với Ba Giai thì có người nói chàng bỏ đi tu, có người lại bảo chàng lên thượng du tìm chỗ dạy học, rồi sớm lìa đời ở giữa chốn ma thiêng nước độc, và cũng là kết quả của những năm tháng chơi bời, nay đây mai đó.

Còn Tú Xuất thì nghe đâu lộn trở về Thanh Hóa, rồi làm tờ chiếu giả của triều đình nhà Nguyễn, mạo nhận là sứ thần sang “phong vương” cho vua nước Ai Lao. Việc bị bại lộ, Tú Xuất bị vua Ai Lao bắt giam, kết án tử hình.

Thật tiếc cho hai người có chút ít thông minh, xuất thân trong làng văn chương thi phú, bất mãn về con đường tiến thân, đâm ra ăn chơi, phá phách rồi trượt dài trên con đường trụy lạc, để lại cho đời một bài học phản diện đáng suy ngẫm.

MÀY MÊT VỀ QUẢN BẠT

TRUYỆN QUẢN BẠT

MẤY NÉT VỀ QUẢN BẠT

Quản Bạt xuất thân từ một gia đình trung lưu ở làng Đông Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Bố Bạt là Phan Văn Ấp, thường gọi là Tổng Ấp; ông nội Bạt là Phan Bá Vương - một võ sĩ nổi tiếng của đất Bắc Kỳ vào những năm 20 của thế kỷ này với biệt danh là Chép Vàng. Thuở ấy, có lưu hành câu ca :

Chép Vàng, Voi Chạy, Ngựa Lông⁽¹⁾.

Ba đô võ nghệ vang danh Bắc Kỳ.

Ngay từ lúc còn bé, Bạt đã bộc lộ cá tính đặc biệt. Bà mẹ thường hay bị xóm giềng đến than phiền, mắng vốn về tội nghịch ngợm, phá phách và hay lý sự của cậu con. Ông bố bắt Bạt đi học chữ ở trường làng, nhưng chữ nghĩa không vào được mấy, cậu thích cãi nhau với chúng bạn hơn, và thường thì chẳng chịu thua ai. Trong khi đó, Bạt lại ham học nghề thuốc gia truyền chữa bệnh tẻo xương, trật khớp. Nghề này cho đến nay, vẫn còn lưu truyền trong dòng họ Phan, rất nổi tiếng trong vùng.

Bản tính vốn tính nghịch, có lần Bạt tự tháo khớp vai mình ra, vận người lệch hẳn về một bên trông như

⁽¹⁾ Biệt danh của 3 võ sĩ nổi tiếng lúc bấy giờ.

người bị dị tật, rồi cứ để thế, Bạt rong chơi khắp xóm thôn, kéo theo sau một đàn trẻ con vừa vỗ tay, vừa hoan hô ầm ĩ. Bạt để nguyên như vậy về nhà; bà mẹ nhát trông hấy hốt hoảng, hét ầm lên. Tổng Ấp còn đang ngăn người, chưa hiểu mô tê gì, thì Bạt đã vươn vai đưa khớp trở lại vị trí bình thường, rồi nhún răng ra cười, làm cho ông bố, bà mẹ cũng bật cười theo.

Bạt có tính hiếu động, lại có sức khỏe; năm 13 tuổi đã một mình kéo nổi trục lúa nặng 50 kg, và đến năm 18 tuổi thì có thể nhắc bổng được trục. Cũng vào năm này, ông bố cho Bạt sang ở nhà ông nội để học võ. Thời gian học tập võ nghệ ở nhà cụ Phan Bá Vương, Bạt đã vật ngã được trâu mộng.

Cái tên Quán Bạt mà người đời dành cho ông, không phải là một chức tước liên quan đến nhà nước bảo hộ lúc bấy giờ⁽¹⁾. Chẳng là sau khi lập gia đình, Bạt có một thời gian giữ chân “quản lộ” ở làng. Quán ở đây có nghĩa là trông coi. Trong dân gian ngày xưa, đối với những người có uy tín, được trọng nể, người ta không muốn gọi tên trống không, mà thường ghép với một danh xưng, một chức vị nào đó, dù là nhỏ. Cái tên Quán Bạt ra đời trong hoàn cảnh đó, và lâu ngày gọi mãi thành quen.

Được ông nội truyền nghề, Bạt về sau cũng đã trở thành một thầy dạy võ có tiếng, có nhiều môn đệ

⁽¹⁾ Trong tổ chức quân đội thuộc địa của Pháp ngày xưa có chức quán là cấp trên tiểu đội trưởng.

theo học. Nhưng vốn là con người cương trực, nhân ái, ghét áp bức bất công, nên ông luôn đứng về phía những người nghèo khổ, thấp cổ bé miệng, bị hiếp đáp, và sẵn sàng bênh vực họ. Đối với bọn cường hào, lý dịch, kể cả đám quan lại cấp tổng, cấp huyện, ông rất coi thường, sẵn sàng ăn miếng trả miếng.

Những truyện kể về Quản Bạt phản ánh đậm nét tính cách con người ông : khẳng khái, cương trực, ghét áp bức bất công, coi thường quyền uy, tiền bạc, giàu lòng yêu thương con người. Hành động cướp của nhà giàu chia cho nhà nghèo trong các chuyện *Nhà lão Đông chữ*, *"Bảo vệ" nhà tri phủ họ Đặng*, hay chuyện *Trạng ăn*, tuy có pha màu sắc anh hùng mã thượng, nhưng nó hàm chứa tư tưởng dân chủ tự phát, rất gần gũi với nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Chuyện *Ăn và lý trưởng*, *Đám tang người nghèo chiều 30 Tết* cũng cùng chung trong dòng tình cảm yêu thương những người nghèo khổ, bất hạnh, những kẻ thất cơ lỡ vận. Trong nhóm chuyện chống thực dân, phong kiến như *Gửi thêm quan mày mấy đá để nhớ đời*, *Tên tao là Ông Nội*, *Nếu không trả, tôi kiện quan đấy...* Quản Bạt tỏ ra khá thông minh, sắc sảo, ông vừa dùng mưu trí để tạo ra những tình huống bất ngờ, đẩy đối phương vào thế bị động, vừa biết nắm được những nhược điểm của từng loại người để có cách xử lý riêng đúng mức, giành phần thắng về mình.

Con người ấy cũng tỏ ra rất can trường, coi trọng danh dự bản thân cũng như danh dự dân tộc. Chính vì vậy mà Quản Bạt đã bất chấp mọi can ngăn của bạn

bè, anh em... ngang nhiên bước lên võ đài quyết đấu với bọn võ sĩ Nhật Bản, mà ông rất hiểu đó là đối thủ không thể coi thường về mặt tài nghệ, võ công cũng như tâm địa hiểm ác của chúng. Sau khi rút chai rượu ở bụng ra, Quân Bạt tu một hơi hết nhẩn để lấy thêm bạo dạn, đưa tay quệt miệng, rồi bước thẳng lên võ đài. Cuối cùng, giữa thanh thiên bạch nhật, ông đã đánh gục tên võ sĩ Nhật "Beo Đen" ở ngay chính nơi mà hần đã sát hại vị võ sư bậc thầy của đất Thái Bình là Voi Cháy. Tiếc rằng chiến thắng đó đã phải đổi bằng một giá quá đắt. Quân Bạt do trúng phải những đòn hiểm ác của đối thủ, đã hy sinh rất đẹp như một người anh hùng giữa sự cảm phục và tiếc thương của đồng bào có mặt hôm ấy tại nơi võ đài. Chuyện *Cần giữ danh thơm* phản ánh tính cách và hành động cao cả của Quân Bạt trong giờ phút cuối cùng, và đó cũng là những trang khép lại những mẫu chuyện của một Trạng cười đất Thái Bình.

1. BẠT HỌC VÕ

Từ bé Bạt rất thích võ, thường rình xem các người lớn tập rồi về cũng múa một mình. Một hôm, ông nội Bạt là cụ Phan Bá Vương xuống thăm, thấy thằng cháu đánh nhau với trẻ con hàng xóm lớn hơn nó nhiều lần mà vẫn thắng, ông cụ thích quá, cứ nắn tay nắn chân Bạt và nói với bố Bạt : “Thằng cháu này lớn lên cho nó học võ chắc chẳng thua kém ai”.

Bố Bạt là ông tổng Ấp thừa với cụ Vương :

- Bẩm thầy, thằng cháu tính rất nghịch ngợm, nhà con suốt ngày cứ bị hàng xóm mắng, cho nó học võ sớm chỉ tổ đánh nhau. Xin thầy để con rèn cho cháu đã.

Có lần, Bạt xin bố qua nhà Minh Châu ở với bác, cốt để học võ với ông nội là cụ Vương, biệt danh là Chép Vàng, một võ sư nổi tiếng lúc bấy giờ. Nhưng ông bố nhất định không cho, bảo đến 15 tuổi hãy tính chuyện ấy.

- Học võ phải có chí và sức khỏe. Chúng mày thích học võ mà yếu như sên. Khi nào mỗi đứa mà kéo được một trục lúa thì mới gọi là khỏe.

Năm 13 tuổi, Bạt đã một mình kéo được trục lúa bằng đá nặng trên 50 kg.

Tổng Ấp lại bảo :

- Khỏe rồi đấy, nhưng vẫn còn nhờ sức lăn.

Bạt tức lắm, sáng nào cũng cố nâng, năm 16 tuổi thì nhấc bổng được trục.

Ông tổng Ấp giữ lời hứa và thấy Bạt đã quá tuổi 15, bèn sắm lễ cho qua Minh Châu học võ ở nhà ông nội.

Ngày ngày đầu, ông cụ đã bắt thằng cháu đi chăn nghé. Bạt ức lắm, nghĩ : Mình lớn rồi, qua đây học võ chứ có phải đi chăn nghé như trẻ con đâu, nhưng cũng phải ráng chịu xem sao. Suốt cả tuần ông cụ cứ lờ đi, chẳng đếm xỉa gì đến việc dạy võ. Một chiều, lững thững ra đồng, ông thấy Bạt đang một mình tập nhảy lộn qua lưng nghé, liền nói :

- Nghe nói cháu khỏe, giờ cũng quen với con nghé này rồi, vậy thử vật nó xem sao ?

Bạt vâng lời vót cổ con nghé xuống. Con nghé đang sức lớn đâu dễ dàng gì chịu thua, nó dang chân, lắc cổ cương lại. Bạt càng hăng tiết, cố ra sức ghì con vật, cuối cùng cũng vật đổ được nó. Toát cả mồ hôi, nhưng cậu lấy làm hãnh diện lắm. Cụ Vương không vội khen cháu, mà phân tích :

- Cháu 16 tuổi cũng như con nghé một tuổi, cháu vật ngã nó đấy, nhưng nó có vật lại cháu đâu, nếu nó mà biết vật, cháu sẽ ngã ngay. Cứ chơi với nó đi, khi nó thành con trâu, thì ông sẽ dạy võ cho.

Bạt biết ý, từ đó ngày nào cũng ra sức vật với nghé, càng ngày càng biết thế mới, càng khỏe và càng tinh hơn.

Cụ Chép Vàng còn bắt Bạt gánh nước bể (phải lội ra xa để lấy nước sạch) về đổ đầy sân phơi muối rộng cả sào cách biển hằng trăm mét. Có ngày, Bạt phải gánh cả trăm gánh, tối mịt mới xong, nhờ thế mà đôi chân Bạt cứng cáp, tấn trụ vững chắc, dẻo dai. Hai năm sau, khi Bạt 18 tuổi đã có thể vật đổ trâu to trong vòng dăm ba phút. Còn con trâu Bạt quen chăn thì phải lâu hơn, vì nó cũng nhờ Bạt mà quen đòn, biết cách chống đỡ; khi Bạt nắm lấy sừng thì nó cũng sẵn sàng nghênh chiến. Bạt thích vật với nó hơn, và hình như nó cũng thích đùa với cậu chủ vui tính. Nhiều lúc nó được ăn no, ăn ngon, ít có con trâu nào mà được chủ cho ăn cả thúng thóc, có lần cậu còn cho trâu uống cả rượu...

Đã có sức vóc, nhanh nhẹn và nhất lại có năng khiếu, Bạt học võ nhanh lắm, học một năm bằng người khác học nhiều năm, dần dần Bạt hạ được cả những học trò lớn học lâu năm hơn cậu.

Khi Bạt đã làu thông quyền cước, sử dụng được các món binh khí, cụ Chép Vàng gọi cháu lại hỏi :

- Ba năm ở với ông, cháu học được gì ?

Bạt thưa :

- Con đang ôn luyện thêm.

- Ôn luyện xong chưa ?

- Dạ... chưa.

- Thế thì cứ luyện.

Bạt vâng lời mà vẫn chẳng thấy ông nội dạy thêm gì cả. Năm ấy, ông tổng Ấp lên xin cho con về lấy vợ. Bạt không chịu, quyết học xong mới về. Cụ Vương mỉm cười, nhưng vẫn không có ý kiến gì.

Cuối năm, cụ Vương gọi Bạt lại hỏi :

- Cháu còn luyện nữa không ?
- Thưa ông, cháu vẫn đang...
- Ủ, vẫn ôn võ luyện.
- Thế có gì mới không hở cháu ?
- Dạ mới chỉ chút ít thôi.
- Là những gì ? Thử một chút, ông xem.
- Thưa ông, cháu không dám, chỉ có đạo.

Cụ Vương bật cười :

- Ủ tốt, tốt lắm, chỉ có đạo thăm thăm, cứ cố mà hiểu. Giữ lấy chữ tâm, con người phải có chữ tâm làm đầu.

Ít hôm sau, cụ cho Bạt về nhà theo yêu cầu của bố.

Sau khi lập gia đình, Bạt giữ chân quản lộ ở làng. Chính vì vậy mà người ta, theo thói quen, gọi ông là Quán Bạt.

4. NHÀ LÃO ĐÔNG CHÚ ?

Một đêm, thầy trò Quán Bạt đang tập luyện võ nghệ dưới sân, bỗng nghe văng vẳng có tiếng hò hét, rồi ánh lửa rực sáng một góc làng. Quán Bạt lắng tai nghe ngóng rồi bảo :

- Hình như có cướp...
- Vâng, ở phía ấy... chắc nhà lão Đông...
- Hừ... Nếu đúng là nhà lão Đông thì... Lão ấy giàu mà tham lắm, nhưng không biết bọn nào mà chẳng nề ta ?

Thế rồi Quán Bạt ra lệnh :

- Anh Chung, anh Ung, hai anh cầm gậy theo ta !

Trời sáng trắng, ba thầy trò băng tắt qua cánh đồng. Đến một cái cầu bắc qua sông, sang làng Trịnh Lai, Quán Bạt dừng lại rồi nói :

- Ta chặn ở đây, bọn cướp ắt rút lối này.

Thầy trò chờ ở đấy chừng 15 phút thì quả nhiên có tiếng xì xào từ xa, rồi tiếng chân người dồn dập mỗi lúc một gần. Quán Bạt khẽ xuyt :

- Thấy ra trước, hai anh giữ hai bên.

Chờ toán cướp đến gần. Quán Bạt cầm dao nhảy vọt ra, quát to :

- Đứng lại.

Nhiều tiếng "a" vang lên. Đám đông chững lại, lập tức có tiếng hô :

- Bạt hồng !

Lửa bùng lên. Những ánh đuối bập bùng soi rõ gần 30 gương mặt lì lợm. Một người trai trẻ mặc áo đen bước lên trước, ngạo nghễ hỏi :

- Cả gan thực, ai dám chặn "các quan" ?

Quán Bạt không nói gì. Quắc mắt nhìn khắp một lượt, hai đồ đệ cũng nhẩy ra đứng hai bên, lăm lăm tay côn sẵn sàng ứng chiến.

Gã áo đen rút song chùy ra :

- "Các quan" đây không thích giết người. Khôn hồn thì tránh cho quan đi, nếu không chờ trách !

Quán Bạt cười gằn, bảo :

- Hừ. Thử xem ? Bọn mày là ai ? Vào làng này mà không biết ta à ?

Gã áo đen không thềm nói, lao vào ngay. Song chùy vụt ra bồng nghe choang, choang hai tiếng tóe lửa, tên tướng cướp hấp tấp lùi lại, hai cổ tay tê rần. Hấn kinh ngạc trố mắt nhìn Quán Bạt đang ung dung khép đao vào nách.

Có tiếng ồn áo từ phía sau truyền lên...

- Ngưng ngay, chờ lệnh !

Toán cướp xông xáo một chút rồi im lặng. Một người mặc áo lam bó chēn từ đám đông bước ra, đầu cũng chít khăn lam, che kín cả gương mặt chỉ chừa đôi mắt. Anh ta bước đến cách Quán Bạt một khoảng, thì dừng lại. Cả đám đông nín thở chờ đợi một cuộc đọ tài.

Nhưng y bỗng quay vòng song kiếm thủ lễ.

- Tưởng ai, té ra Bạt đại ca. Em thất lễ, xin đại ca xá tội. Quán Bạt nhìn song kiếm, cười khē trách :

- A hà. Đã từng uống rượu với nhau. Sao chú không nói qua với ta một tiếng ?

- Dạ xin thứ lỗi. Vì quá cấp bách, và muốn giữ bí mật. Hơn nữa, việc nhỏ không dám phiền đến đại ca. Nhưng em đã cho người đến tạ lỗi trước sân nhà đại ca rồi đó ạ.

Quán Bạt vuốt râu, gật gù cười khà khà. Lúc ấy mới chĩa tránh sang một bên :

- Nói vậy, chứ đùa cho vui, giờ xin mời “các quan” nhanh chóng đi cho.

Gã áo đen lúc đó cũng dặt chùy vào lưng, tiến lên chắp tay cung kính chào Quán Bạt :

- Hôm nay mới hân hạnh gặp mặt. Thật danh bất hư truyền.

Quán Bạt cười, thân mật vỗ vai :

- Nhà lão Đông chứ ? Khá không ?

- Dạ cũng tạm tạm.

- Ủ. Nhớ chia bớt cho những kẻ nghèo khó. Có ai bị sao không ?

- Dạ không. Gia nhân nhà lão Đông ngay từ đầu đã không dám chống cự.

Quản Bạt quay qua người áo lam, nói nhỏ :

- Này, qua thôn Trinh Lai, nhớ cho nhà cái Hồng ít gạo... nhà nó mới bị cháy.

- Vâng.

Khi ba thầy trò về đến ngõ thì đã thấy chú Tiệp, người em trai của Bạt, báo là lúc nãy có hai người lạ đem đến cái thũ lợn và chai rượu biếu thầy. Quản Bạt cùng Tiệp và mấy cậu học trò ngồi nhắm rượu dưới ánh trăng.

3. “BẢO VỆ” NHÀ TRI PHỦ HỌ ĐẶNG

Những năm mất mùa, ở tỉnh Thái Bình nạn cướp bóc nổi lên khắp nơi. Phần lớn thủ lĩnh các đám cướp là những tay giang hồ giỏi võ và to gan. Có khi họ lại là võ quan bất mãn với triều đình tham nhũng và thói nát, tìm cách tụ tập các tráng đinh, nổi lên đánh cướp các nhà giàu, chia bớt cho dân nghèo. Sau đó, đám cướp lại tự động giải tán, ai về nhà nấy, tiếp tục làm ăn như cũ.

Riêng huyện Tiền Hải, ai cũng nghe danh Quán Bạt. Khách lục lâm lại càng nể ông. Người ta cho rằng Quán Bạt có liên lạc với những tay “anh chị”, những

“quan tướng” nổi dậy ở nhiều nơi. Bọn quan lại và cường hào gồm ông, sợ ông, nhưng không ai dám tố giác, vì không có bằng chứng cụ thể. Nếu có đi nữa cũng chẳng ăn thua, vì quan huyện, quan chánh tổng đều là cha chú, họ hàng hoặc quen biết với ông cả.

Hơn nữa, những hành động mang ý hướng cân bằng xã hội ấy đối với pháp luật là sai trái, nhưng về mặt thể thái nhân tình, lại được số đông dân nghèo tán đồng và bảo vệ ra mặt.

Giữa làng Trinh Cát có lão tri phủ về hưu họ Đặng nổi tiếng giàu có nhất nhì ở Thái Bình, con cháu lão lại đương nhiệm tổng đốc Nam Định. Ỗ vào thanh thế, lão hay khoe khoang, bắt nạt dân lành. Mấy bà vợ lão chuyên cho vay nặng lãi, cầm xiết đồ đạc, ruộng đất, bóp cổ dân đủ kiểu. Cơ ngơi lão có hàng mấy trăm mẫu ruộng, cả chục nóc nhà. Trong nhà lúc nào cũng nườm nượp, kẻ ăn người ở, ngày đêm cắt phiên người canh gác.

Năm Ất Dậu, Nhật bắt dân nhổ lúa trồng đay, nạn đói diễn ra khủng khiếp. Các đám cướp nổi lên khắp nơi. Không kể những đám cướp vặt, nhiều đám cướp họp thành toán lớn cả trăm người, chẳng e sợ quan quân triều đình, cướp đêm, cướp ngày có cả. Các toán cướp chỉ nhằm vào các nhà quan, nhà giàu trong vùng.

Tri phủ họ Đặng sợ lắm. “Thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ cố cùng liều thân”. Lão một mặt cho mượn thêm nhiều vệ sĩ, một mặt cho người sang Đức Cơ mời cho được thầy Quán Bạt về làm gia sư, hy

vọng rằng các đám cướp nể danh ông, mà không đến hỏi thăm nhà lão.

Tri phủ họ Đặng sai con trai và người làm gánh qua nhà Quán Bạt một đấu lợn thật to và 10 lít rượu nếp ngon, ngỏ ý muốn mời thầy Quán sang chơi, ngầm ý coi nhà giúp.

Quán Bạt nhìn mâm lễ, vỗ vỗ vào má lợn bảo :

- Lễ to đấy, nhưng chỉ có đầu, mà chẳng có lòng gì cả. Ông quay lại nói với đám học trò :

- Anh nào xung phong hầu quan thay ta ! Nào, có ai ?

Học trò biết ý thầy, không ai chịu đi. Con trai quan phủ đành phải mang lễ về, kể lại cho cha nghe. Tri phủ họ Đặng gật gù, rồi đích thân đến vờ Quán Bạt. Lần này, lão cho khiêng hẳn một con lợn quay.

Quán Bạt mời vào nhà nói thẳng :

- Tôi nghĩ, lúc này quan cứ trích hẳn một số tiền kha khá bố thí cho dân nghèo, lập trạm cứu tế cho mọi người, thì bọn cướp lớn trọng nhân nghĩa sẽ để yên cho nhà quan, lại được tiếng thơm. Đó là phương sách tốt nhất. Còn bọn cướp vặt thì đời nào dám dưng. Tôi tài hèn sức yếu, bất quá chỉ có dăm bảy miếng võ đủ để đánh chó đuổi gà, làm sao dám đương đầu với anh hùng thiên hạ.

Viên tri phủ tính hơn thiệt, cố nài nỉ cho bằng được :

- Vâng... nhưng dầu sao... thực tình mà nói, gia đình tôi muốn mời thầy lại thăm nhà, uống rượu dăm

ba tuần, luôn tiện chỉ giáo cho các cháu vài miếng võ để hộ thân.

Quản Bạt nghĩ ngợi một lúc rồi nói :

- Quan đây dầu sao cũng lớn tuổi hơn tôi, đừng vàng dạ làm tôi phát nguợng, thôi thì quan đã có lòng, thấy trò tôi đành phải xin vâng...

Rồi cắt đặt mọi chuyện trong nhà xong, Quản Bạt cùng hai đệ tử chính là Chung và Khải lên vống qua làng Trinh Cát.

Từ khi mời được Quản Bạt, nhà tri phủ phẩn chấn hẳn lên, lão sai gia nhân chiêu đãi thật hậu hĩnh, đích thân lão dẫn khách đi thăm cơ ngơi, vừa có ý khoe khoang, vừa có ý để cho mọi người biết rằng nhà mình cũng có vệ sĩ bảo vệ...

Quản Bạt vừa đi vừa tấm tắc khen :

- Quan nghỉ hưu đã lâu mà vẫn còn phát tài gồm, bề thế mạnh mẽ hơn xưa đấy !

Tri phủ họ Đặng phổng mũi :

- Ấy ấy... cũng nhờ đức tiên tổ...

Hầu hết các nhà giàu có bất lương đều bị "các quan" đến thăm. Riêng cơ ngơi họ Đặng vẫn chưa bị đụng đến. Lão vừa mừng vừa lo, nên bấm bụng chiêu đãi rượu thịt, ngày ba bữa cho thầy trò Quản Bạt.

Được mười ngày, người nhà Quản Bạt mang đến một bức thư. Xem xong, ông có vẻ phân vân, nghĩ ngợi một lúc rồi nói với họ Đặng rằng :

- Tôi phải xin về nhà có việc cần. Thằng con út tôi nó bị bệnh nặng... xin phép quan cho tôi về bốc thuốc cho cháu. Một vài hôm tôi sẽ lên ngay.

Biết không thể cầm được, tri phủ họ Đặng bèn nói :

- Thầy về rồi... không biết chúng có để yên cho nhà tôi không ?

Quản Bạt cười :

- Việc gì đến sẽ đến, có tránh cũng không được. Đã có hai đệ tử tôi ở lại. Nếu cháu bớt, thì ngày mai tôi lại lên ngay.

Lão tri phủ lặng lẽ cho người cáng Quản Bạt về, bảo ở đó chờ rước về, và dặn người nhà tuyệt đối giữ bí mật, không được tiết lộ ra là Quản Bạt đã về nhà.

Nhưng hôm sau Quản Bạt lên ngay, nói rằng :

- May quá ! Gặp ông bạn lương y đến thăm, thuốc thang hộ nên cháu đã đỡ...

Lão họ Đặng mừng lắm, thế là chủ khách, thầy trò ngày ngày rượu thịt, quanh quẩn ra vào. Lão còn đánh tiếng mời ba vị sẽ ở lại chơi cho đến giáp Tết.

Các toán cướp lớn càng ngày càng lộng hành. Có đêm chúng thăm luôn hai, ba nhà giàu. Một đêm nọ, nhà tên địa chủ ở cạnh nhà tri phủ họ Đặng bị cướp sạch, điều đó chứng tỏ bọn cướp này chẳng nề nang gì thầy trò Quản Bạt cả. Chúng còn găm lại mảnh giấy trước cổng nhà họ Đặng, hẹn sẽ đến "thăm" bất kể lúc nào.

- "Thế là nhất định phải đánh rồi" Quản Bạt loan tin như vậy.

Không khí chuẩn bị chiến đấu đè nặng khắp nhà quan phủ, ai cũng lo lắng, hồi hộp.

Quản Bạt cắt đặt người nào cửa đó và bàn phương cách chống cự.

- Bọn cướp lớn không thèm đánh chung quanh và sau lưng đâu. Chúng đánh thẳng vào cửa trước. Chắc hẳn chúng biết có tôi rồi, bọn này cũng không vừa, anh em chớ có đại mà động thủ khi chưa có lệnh, cứ để thấy trò tôi chống cự xem sao đã.

Và thật bất ngờ ngay đêm đó, gà chưa gáy sang canh đã nghe tiếng chó sủa râm ran ngoài đầu thôn, mỗi lúc một gắt. Gia nhân nhà tri phủ nhiều người hồi hộp, nghe ngóng, ghé mắt nhìn ra ngoài...

Đích thị rồi ! Chẳng mấy chốc tiếng bọn cướp đã ầm lên ngoài cổng. Hai con chó tây nầy giờ hung hăng sủa giọng oai vệ là thế, bị mấy hòn đá lớn ném cho, giờ ăng ẳng nép vào hiên nhà. Một tiếng quát vang lên như xé màn đêm.

- Bạt hồng !

Hàng chục bó đuốc tre bùng lên cùng một lúc. Chung quanh nhà tri phủ họ Đặng sáng rực.

- Nghe đây ! Đâu nằm yên đó. "Các quan" đến thăm.

Trong nhà, mọi người đều choàng dậy. Dù đã được chuẩn bị từ trước, nhưng ai nấy cũng đều nhón

nháo, khiếp đảm ra mắt. Đàn bà con trẻ nép vội vào nhà bếp. Đàn ông trai tráng vớ vội lấy gậy gộc, giáo mác chia nhau trấn các cửa. Quân Bạt rút đại đao gồi ở đầu giường ra, ung dung bảo quan phủ :

- Thầy trò tôi giữ cửa trên. Thế nào cũng phải mở cửa đánh nhau với bọn chúng. Nếu không, chúng sẽ đốt nhà và phá cửa chính. Trường hợp chống không nổi, chúng tôi sẽ bày cách rút sang Đức Cơ.

Lão tri phủ tái mặt, gật gật đầu :

- Vâng vâng... trăm sự nhờ các ông...

- Có gì quý giá cần thiết hãy gói ghém lại.

Bên ngoài, những bước chân chạy vòng quanh nhà, khua giáo mác, gậy gộc lạch cạch để uy hiếp tinh thần bên trong, những tiếng hét, tiếng quát liên tiếp vang lên :

- Tất cả phải đầu hàng. Nếu không “các quan” sẽ chém hết. Trong nhà nghe rõ chưa ?

Trong nhà vẫn im bặt. Một sự im lặng nặng nề, đáng sợ.

- Trong nhà chú ý, chú ý ! Nghe “quan” ra lệnh đây : mau mở cửa đầu hàng, “các quan” sẽ tha cho tội chết. Nếu sau tiếng thứ ba mà không mở, “quan” sẽ ra lệnh phá cửa, bắt cả nhà trị tội và đốt nhà. Nghe rõ chưa ?

Quân Bạt ngồi xếp bằng giữa nhà trên, điềm nhiên vuốt râu, ra lệnh cho hai đệ tử :

- Anh Khải giữ bên tả, anh Chung bên hữu. Sẵn sàng theo lệnh tôi :

Bên ngoài, tiếng nói khi này lại tiếp tục vang lên :

- Nghe ta bắt đầu đếm đây : Một... Hai...

Thì trong nhà Quán Bạt cũng ra lệnh :

- Nào ! Mở cửa !

Phan Thế Khải rút mạnh then cài, cửa lim nặng nề từ từ được mở rộng và khép qua hai bên, tạo thành những tấm mộc vững chắc, che chắn cho Khải và Chung. Mỗi người cầm hai trường kiếm, nép sát hai bên hông cửa.

Bên trong, Quán Bạt đã chuyển thế, ngồi bắt chân chữ ngũ, thanh đại đao gác trên đùi trái, ung dung hút thuốc lão, quắc mắt nhìn đảo ra ngoài.

Giữa sân, ánh đuốc sáng rực, soi rõ người cầm đầu đám cướp diện mạo như một hộ pháp, mắt xếch, râu quai nón, mình trần trùng trọc. Quay người một vòng, gã hộ pháp ra binh khí một cách gọn ghẽ. Tay trái nắm chốt và mấy vòng xích, tay phải xoay vùn vụt mấy quả chùy gai nặng chừng ba cân. Sợi xích nghiêng vào nhau nghe rào rào.

Một tiếng thét rin rít qua kẻ rằng :

- Giỏi thật ! Muốn cả gan chống lại các quan hả ? Xem đây !

Quả chùy vụt tới, nhằm thẳng vào con rồng đá bên phải bậc tam cấp. Chát một tiếng, đầu con rồng bằng đá xanh đã lặn lông lốc.

Quản Bạt gật gù, cười nhạt từ từ giơ tay trái cho hai đệ tử, tay phải ném liên tiếp hai cốc thủy tinh thẳng vào mặt tướng cướp.

Nhưng hai cái cốc vừa ra khỏi tay đã bị những đường kiếm múa tít chém vỡ toang, mảnh vụn văng tung tóe.

Vụt một cái như sét đánh, quả chùy phóng thẳng vào giữa mặt Quản Bạt, Quản Bạt khẽ nghiêng đầu, chống đao lên đỡ. Nghe loảng xoảng vài tiếng, chùy và xích đã bị cuộn chặt vào lưỡi đao.

Tướng cướp mím môi giật mạnh. Lạ thay Quản Bạt vẫn trơ trơ như không, giữ chắc tay đao. Bỗng bất ngờ, Quản Bạt nghiêng hẳn đao, vòng xích tuột ra, làm cho hắn ngã lăn ra.

Giữa lúc ấy một giọng nói trầm trầm vang lên.

- Thôi, đủ rồi.

Một người dong dỏng cao chậm rãi bước ra. Quần áo đen, đầu chít khăn đen, mặt bịt kín, chỉ chừa mỗi đôi mắt. Người ấy hất nhẹ tấm áo choàng đen ra phía sau, để lộ đôi đoản kiếm giắt chéo trước bụng. Đám cướp lập tức lùi xa, một khoảng, thủ thế chờ đợi. Bằng một cái lộn qua bậc tam cấp thật đẹp mắt, rồi bật đứng lên, đôi mắt nhìn thẳng vào Quản Bạt.

Quản Bạt vẫn bình tĩnh ném cái nhìn không chớp.

- Có giỏi, xin mời vào uống rượu.

Rồi phất tay ra hiệu.

Một màn kiếm như mưa sa lại bủa vào khung cửa.

Người mặc quần áo đen, cuộn người đứng lên gọn ghẽ; hai thanh kiếm kẹp hai bên chúc mũi xuống đất.

- Khá lắm ! Khá lắm ! Quán Bạt thốt lên.

Rồi cả hai cùng cười.

Chung và Khải còn đang ngơ ngác thì Quán Bạt quát :

- Còn chờ gì nữa, vào lôi cổ bọn chúng ra đây.

Tiếng hò reo như sấm, các tráng đinh vây chặt không cho một ai chạy thoát. Cả nhà tri phủ đều bị trói chặt. Họ quá khiếp đảm và bất ngờ.

Tri phủ họ Đặng run như cây sậy, mặt xám ngoét. Còn vợ lão thì khóc như ri : “Trăm lạy các quan, ngàn lạy các quan... đừng giết chúng con”...

Lệnh phá tung kho thóc được ban ra Quán Bạt ra lệnh đốt tất cả giấy nợ, bằng khoán nhà cửa, ruộng đất mà nông dân đã cầm cố. Đến lúc này, tri phủ họ Đặng mới ngó người ra, ôm lấy chân Quán Bạt mà van xin lại ít của cải, để độ nhật.

- Dạ bẩm... dạ thưa... !

Quán Bạt cười ha hả kéo hấn dây.

- Đã bảo là đừng dạ, đừng thưa. Phúc đức tiên tổ nhà quan, còn mạng thì lại phát, lo gì. Hà hà... ông

tưởng dễ mua chuộc được bọn này hả ? Ta không bao giờ bảo vệ cho những kẻ tham lam, chuyên bòn vét của dân. Đã bảo từ trước là hãy mở cửa cứu tế cho dân nghèo, mà không nghe thì ráng chịu ! Thân lửa ưa nặng ! Phải san sẻ cho mọi người sống với chứ !

Người mặc quần áo đen lúc này mới ra lời :

- Nể tình ông chủ đây, ta tha tội chết cho người và để lại cho ít của cải, nhưng từ nay phải lương thiện làm ăn. Còn nếu cả gan đi thưa kiện, ta hứa chỉ trong 3 ngày, cho người đến cắt đầu cả nhà, rõ chưa ?

Viên tri phủ sợ quá, chỉ còn biết gật đầu.

Tướng cướp truyền tha tất cả kẻ ăn người ở nhà tri phủ. Những người bị bắt làm không công trừ nợ, đều được trả tự do, và được cấp tiền cho về quê làm ăn sinh sống.

Mấy ngày sau, nhiều điểm phát chẩn cứu đói lần lượt nhận được tiền và gạo của một tổ chức mệnh danh là "các quan" gửi đến cứu trợ dân nghèo.

4. GỬI THÊM QUAN MÀY MẤY ĐÁ ĐỂ NHỚ ĐỜI

Cai lệ Vệ Chu ở Thái Bình dẫn tên mật thám xuống Đức Cơ để điều tra một vụ kín. Cả hai mặc đồ thường dân, đến đầu thôn gặp hai vợ chồng một người nông dân đang đội lúa về.

Vệ Chu chặn lại hỏi :

- Này. Cho tôi hỏi thăm. Nhà ông Quản chỗ nào ?
- Anh kia, điếc à ?
- Lúc ấy, người chồng mới quay lại :
- Anh hỏi tôi ?
- Hỏi anh, chứ còn hỏi ai nữa !
- Đã hỏi thì phải hỏi cho rõ, lẽ độ một chút. Không biết tên thì gọi anh ơi, chị ơi, ông ơi,... Đây có hai người, anh hỏi trống không như vậy, thì biết hỏi ai ?

Tên mật thám lẩm lì :

- Hừ dân đen mà cũng lý sự.

Này nói cho anh biết, ta là cai lệ trên phủ, còn ông đây là quan mật thám trên tỉnh đó nhé. Lơ mơ là tù một gông. Khôn hồn biết điều thì chỉ hộ nhà ông Quản ta có việc cần.

- Nhà ông Quản phải không ?
- Ừ.
- Cứ đi thẳng đường này, thấy cây đa to, bên phải là nhà ông Quản, trước có sân gạch rộng. Chẳng cần hỏi thêm ai cả.

- Tốt lắm, cảm ơn anh.

Rồi thấy trò hấp tấp đi.

Chị vợ lúc ấy mới khẽ nói với chồng :

- Hình như ông Bạt thôi làm quản lộ đã gần nửa năm nay rồi anh à...

- Biết rồi ! Ông không làm nữa, nhưng cả làng này ai quên ông được.

Đến đầu ngõ nhà Quản Bạt, tên mật thám nói với Vệ Chu :

- Trưa rồi... chú nhớ bảo tên quản này làm cơm nhậu nhé.

- Ấy ấy... cái đó ông đừng lo. Tôi, phải tôn ông lên làm quan lớn, nó mới sợ...

Rồi Vệ Chu hăng giọng :

- E hề... Bớ ông Quản ơi... ông Quản...

Quản Bạt đang xắn tay áo làm gà, định trưa nay kéo ông anh sang chén, thấy có khách vội rửa tay chạy ra :

- Tưởng ai... Ra chú Vệ... thế... còn ai đây ?

- Dà dà... Xin giới thiệu đây là quan mật thám đặc biệt từ trên Nam Định về... đến thăm ông và có chút chuyện.

Quản Bạt mời vào nhà,

- Chà... chà... chắc có việc gì quan trọng lắm, quan mới đích thân xuống đây. Xin mời ngồi... xin mời ngồi.

Tay mật thám làm bộ quan trọng hỏi Quản Bạt :

- Ông làm quản ở đây phải không ?

- Dà, làm... từ 10 năm nay..

Chờ uống xong chén nước, Vệ Chu kêu Quản Bạt ra ngoài nói nhỏ :

- Thầy trò tôi đi đường mệt... và... trưa rồi, ông Quản có gì ăn không ? Mình vừa ăn vừa nói chuyện...

- Này. Chuyện gì thế ? Chắc quan trọng lắm ?

- Ủ, bọn Việt Minh ấy mà...

- À à bắt chúng à ?

- Biết đâu mà bắt. Đến dọa thôi...

- Ủ ừ...

- Chú ra sau trông con chó hộ tôi, nhớ nó cuồn con gà mất.

Vệ Chu thích chí, bước ra sau. Hì hì ! Số được ăn. Sao mà may đến thế ! Vệ ta còn nghe tiếng nói vọng từ nhà trên.

- Ông cứ nghỉ ngơi cái đã... để tôi chạy xuống làm cơm.

- Thôi thôi, cơm nước làm gì, uống nước được rồi, tôi có việc cần ông...

- Vâng vâng, thì cứ nghỉ ngơi uống nước đã..., ông cứ tự nhiên cho... chẳng mấy khi... Để tôi chạy xuống... sợ con chó dữ mới để thấy lạ, nó đớp ẩu...

Quản Bạt chạy xuống bếp bảo Vệ Chu :

- Anh không quen, để tôi... anh lên hầu quan mật thám đi... cứ mặc tôi... chà con gà này béo thật !

Vệ Chu gật đầu, chắc hẳn thế nào cũng được một bữa ăn ngon. Một lúc, Quân Bạt lại chạy lên xoa tay :

- Quan và chú đây cứ tự nhiên cho nhé... tôi đỡ một tay chút... chú Vệ lấy nước cho quan rửa mặt mũi, chân tay nhé !

Tay mặt thám còn làm bộ :

- Phiền ông Quản quá... Ông cứ mặc chúng tôi mà !

- Vâng vâng, thì uống nước, chè Bắc Thái đó, chú Vệ pha hộ đi !

Vừa nói Quân Bạt vừa đi xuống bếp. Tiếng dao thót rợn rợn... đến là hấp dẫn.

Vợ Quân Bạt đi chợ về, Quân Bạt giới thiệu xong, rồi bảo xuống bếp lo làm cơm.

Mùi xào nấu bay lên sức mũi. Quân Bạt lảng xảng một chút, hỏi thăm đôi ba câu, rồi chạy xuống bếp giục vợ :

- Sao lâu thế ? mẹ mày ?

Rì rầm với vợ một chút, Quân Bạt lại chạy lên, lấy chai rượu ra rót đầy ba cốc.

- Ta làm tí chút cho nóng người... Mẹ nó đâu ? Mua hộ tổ chai nữa.

Vợ Quân Bạt tắt lửa chạy đi. Quân Bạt xuống bếp lấy lên đĩa lạc rang.

- Uống đi các vị, mình làm hết cái cũ đi đã... Nào !
Lực luôn rồi nói với cả hai người :

- Nhà tôi nó chậm quá..., lại cứ bày đặt lắm món.

Nói hết câu, Quản Bạt lững thững bước ra ngõ sau, sang nhà ông anh ở kế cận. Bà vợ đã ở sẵn đấy với chai rượu trên tay.

Ông anh cứ mủm mỉm cười, vì được em dâu báo trước. Rồi Quản Bạt lại đi ngỗ tất vào bếp. Lên nhà trên xuýt xoa :

- Sao lâu về thế nhỉ ?

Vừa lúc ấy, vợ Quản Bạt về, ông đón lấy chai rượu, rồi bảo :

- Lâu quá ! Sao mẹ mày cứ hay vẽ chuyện, hăm với hiếc, tắt lửa rồi mau vào đun cho xong, để tôi đi kiếm ít lá chanh.

Rồi lại rót rượu vào cốc.

- Quan với chú cứ tự nhiên cho nhé... Tôi chạy qua nhà bên một chút...

Quản Bạt thoát bước ra ngõ, tạt vào nhà ông anh. Hai anh em rung đùi uống rượu, nhấm nháp..., trong khi hai ông khách bên này sốt ruột chờ, phần đôi, phần uống rượu suông, cồn cào muốn lả. Họ thắc mắc không biết có chuyện gì ? Lúc lâu Quản Bạt khật khưỡng về, mặt đỏ gay :

- Khổ quá ! Khổ thật ! Gặp ông bạn mời rượu không, lẽ không nhận, nhà đang bận khách, từ chối mãi cũng không được... đúng là ra ngõ gặp gái.

Rồi lại rót rượu mời hai vị khách quý, chếp chếp miệng xĩa răng, lơ luôn chuyện ăn cỗ.

Cai Vệ đỏt xanh cả mặt, chịu không nổi, đành gọi Quân Bạt ra ngoài :

- Này gần hai giờ chiều rồi... quan đỏt lắm, giận lắm, dọn cơm ra đi chứ !

Quân Bạt trợn mắt :

- Cái gì ? Cơm cháo gì ? Sao ông ấy bảo chỉ uống nước ?

- Ờ ờ... nhưng mà...

Quân Bạt bước vào nhà :

- Có phải ông bảo chỉ uống nước với tôi phải không ? Tôi lịch sự mời các ông uống rượu... chứ có tiếc gì ? Ai biết các ông đòi ăn ?

Tên mặt thám tái mặt giận dữ đứng lên, mặt phùng phùng :

- Ông ăn nói lạ nhỉ ?

- Này này... say rồi à ? Ông coi chừng đấy nhé !

- À đe ông à ! Ông đếch sợ thằng nào !

Tên mặt thám kéo Vệ Chu ra cửa.

- Nhớ đây nhé... Vệ Chu ! Ta về báo với quan huyện...

Quân Bạt thuận tay tát luôn một cái vào mặt tên mặt thám. Vệ Chu hốt hoảng, chen vào định can. Quân Bạt đá luôn một đá vào bụng hắn.

- Cái giống ăn theo. Hôm nay gặp ông, ông cho chúng mày một trận nhớ đời. Ông nghỉ việc đã lâu rồi các con ạ, mà nếu còn làm việc, ông cũng không tha.

Vừa nói, vừa xua đuổi hai người ra khỏi nhà.

- Ta gửi thêm cho quan mày mấy đá để nhớ đời !

5. TRẠNG ĂN

Quản Bạt đến chơi nhà Chánh tổng Tường, vốn đã quen từ lâu. Bọn bè biết tin, lại mời đi uống rượu. Không ngờ hôm sau, nhà Chánh Tường bị cướp, nguy nhất là mất cả đồng triện.

Tuần Ly nghi cho Quản Bạt đến do thám, Quản Bạt tức lắm, liền xách rượu đến thẳng nhà Tuần Ly, nói :

- Chỗ quen biết với nhau đã lâu, ông Tường mất của không nghi tôi thì thôi, sao ông lại nghi ngờ tôi ?

Rồi Quản Bạt đặt ngón tay trở trái lên bàn nói dần từng tiếng.

- Tôi với ông từ nay coi như ngón tay này. Nếu sau tôi còn nghe ông nói thẳng Bạt này là bạn ông nữa, thì cái đầu ông cũng như thế này !

Một nhát dao sắc chặt phăng, ngón tay bắn ra giữa bàn, máu phun xối xả. Quản Bạt thần nhiên nhỏ máu vào chén rượu, uống ừng ực.

Quản Bạt đến nhà Chánh Tường hỏi lại :

- Ông có nghi cho tôi không ?

- Không bao giờ !

- Thế thì để chúng tỏ cho ông thấy, tôi mách cho, bọn này tôi biết, cướp vặt đấy ! Nó không nể tôi thì tôi cũng chẳng nể nó. Quản Bạt nói như người trong cuộc từng tên đầu sỏ. Trong số những tên ấy có cả tuần đinh, hương lý.

Chánh Tường nắm được danh sách bọn cướp, bèn trình báo về huyện, làm to chuyện, chắc nhiều người sẽ bị bắt đến nơi.

Các đầu sỏ bọn cướp lo lắng, bí mật bàn nhau cho bốn người giỏi võ nhất, giắt dao bầu, mang một số xe kéo và một bức thư đến nhà Quản Bạt.

"Kính gửi ông Quản

Chúng tôi có một việc cần mời ông, chiều nay đến uống rượu tại nhà Chánh hội An. Chúng tôi cần có ông để giải quyết cho ra lẽ. Kính đợi".

Xem xong, Quản Bạt nhếch mép cười :

- Còn sớm chán. Mấy chú vào đây uống rượu với tớ đã.

Bốn người kia nhất định không vào.

- Hà hà. Nếu ta không đi, chắc các chú hạ thủ luôn chứ gì ?

Bốn người vẫn không nói lời nào. Quản Bạt lại cười :

- Cũng khen cho mấy chú có gan. Nói vậy, chú anh em đã mời, Bạt này sẽ đến.

Quản Bạt xách ô, không dận dò ai, tay không khí giới, bước lên xe kéo nhẹ nhàng như đi dạo chơi.

Bốn người lặng lẽ kéo xe và hộ vệ đưa Quản Bạt đến nơi hẹn.

Đến tối, em trai Quản Bạt là Phan Khắc Tiếp, cũng là tay giỏi võ, về nhà không thấy anh, sinh nghi, vội xách kiếm đi tìm. Vừa đi Tiếp vừa hỏi thăm.

Đến Trà Lý, có người bảo rằng : “Thấy ông Quản Bạt ngồi trên xe kéo, ông còn gật đầu chào tôi. Hình như là họ vào nhà Chánh hội An. Ở đấy đang ăn uống gì to lắm, suốt từ chiều tới giờ”.

Tiếp cảm ơn rồi lẳng lặng lén qua vườn sau nhà Chánh hội An, ghé mắt nhìn vào bên trong.

Thì ra trong nhà đang cỗ bàn rầm rộ, tất cả có mười hai người ở trần trùng trọc, ngồi mâm bốn. Ai cũng kè kè thanh kiếm một bên.

Quản Bạt ngồi trên cao, một mình một mâm, ung dung nhắm rượu.

Tiếp rình mãi cũng chẳng thấy ai nói năng gì, định đẩy cửa vào, thì bỗng thấy một người đứng lên nói :

- Ông Quản, anh em chúng tôi mời ông đến đây uống rượu xong rồi, giờ có việc xin hỏi ông : Việc ông khai tên chúng tôi. Ông nghĩ sao ?

Quản Bạt điềm nhiên hỏi lại :

- Tổ khai có đúng không đã ?

- Đúng. Ông biết quá rõ chúng tôi !

- Thế các chú tính sao ?

- Chúng tôi đã bàn nhau kỹ rồi. Giờ chỉ còn hai cách : Một là ông phải gỡ cho chúng tôi. Hai là chúng tôi phải giết ông, để tuyệt người chúng.

Quản Bạt gật gù bình thản nói :

- Ủ được, tổ cũng có đến ba cách. Nhưng có lẽ cách này hay và gọn hơn cả.

- Cách nào ?

- Các ông đan một cái rọ. Bạt này uống rượu xong rồi chui vào, các ông bỏ thêm vào đấy hòn đá lớn, rồi đem quẳng xuống sông. Thế là xong !

Cả bọn nghe xong sững sờ, im lặng chốc lát. Một người lên giọng :

- Chúng tôi không đùa !

- Bộ nãy giờ ta đùa sao ? Cách ấy không được à ?

- Thế cách thứ hai của ông là gì ?

Quản Bạt đứng lên :

- Ta biết các chú đều là anh hùng hảo hớn. Cho mời ta ăn mà không bỏ thuốc độc vào thức ăn, để hại ta là khá lắm đấy. Còn cách thứ hai của ta, là cứ cầm dao lên đây mà giết ta.

Cả bọn do dự nhìn nhau. Quản Bạt lại giục :

- Ai lên trước thì được giết ta trước. chỉ một dao là bỏ mạng thôi mà ! Hay là tất cả cùng lao vào, mỗi người một nhát cho đều, như vậy ta chết càng nhanh càng tốt chứ sao ?

Bọn cướp nghĩ Quản Bạt chắc là có ngón đòn bí hiểm gì đây. Hắn ở thế lưng vào tường, trên cao lợi thế... Điều chắc chắn là nếu giết được hắn cả bọn cũng phải mấy người bỏ mạng, thế thì ai xung phong chết trước đây ?

Một giọng khàn khàn từ cuối góc nhà cất lên :

- Đã vậy ông Quản cứ nói nốt cách thứ ba cho bọn tôi nghe đã.

Quản Bạt cười gằn, ngồi xuống rót rượu uống, chậm rãi :

- Thế ra các chú vẫn không dám ? ! ! Nhưng trước khi nói cách thứ ba, ta muốn hỏi các chú thực tình có muốn giết ta không ?

Người kia trả lời :

- Thực tình lúc nào chúng tôi cũng nể ông. Đó chỉ là cách cuối cùng. Vì nếu ông còn sống, chúng tôi sẽ bị hại, khổ lây cả vợ con. Đó là lẽ chúng tôi phải liêu với ông vậy !

- Thế nếu ta còn sống, mà các chú cũng không việc gì thì sao ?

Nếu vậy thì còn gì bằng. Nhưng chúng tôi không hiểu, xin ông nói rõ.

- Đó là cách thứ ba. Đầu tiên, các chú phải trả lại đồng triện cho Chánh Tường, vì cái đó là của chính quyền, quan trọng lắm. Sau đó, trả lại cho Chánh Tường một số của cải. Đừng có làm liều, bạ ai cũng cướp. Chánh Tường là một phú hào cũng biết ăn biết ở. Kẻ giàu, người nghèo, kẻ khôn, người dại cũng phải xem xét tài lộc của từng người. Đâu có phải thấy người ta giàu là cứ tước đoạt !

- Vâng vâng... chúng tôi xin sẵn sàng... Nhưng sự việc đã đưa lên huyện... chỉ nay mai là xét xử rồi !

Quản Bạt nói rành rẽ hơn :

- Xử là việc của họ, còn nhận hay không là việc của các chú, của tôi, ta nhất định không nhận thì họ làm gì được.

- Nhưng ông đã khai, đã ký...

- Thì đã sao ? Đó là việc của tôi. Tôi sẽ có cách.

Mọi người mừng rỡ, nhao nhao hỏi cách nào. Quản Bạt nhất định không nói, chỉ bảo :

- Lúc xử, các ông sẽ biết. Giờ nói ra sợ lộ. Chắc gì các ông ở đây đã một lòng một dạ. Nhỡ có người muốn lập công chuộc tội thì sao ?

Phan Khắc Tiệp nãy giờ rình ngoài nghe hết mọi sự, nóng máu ra mặt can thiệp. Tiệp chạy quanh nhà gõ kiếm chan chát vào tường đánh động, miệng hô lớn :

- Anh Bạt cứ yên tâm. Quân ta đã bao vây khếp chặt ở vòng ngoài.

Rồi sửa giọng ồ ồ.

- Mẹ cha nó ! Quyết không cho thằng nào chạy thoát.

Trong nhà cả bọn nhốn nháo cả lên, vỗ vôi lấy dao, kiếm đứng lên, mắt nhìn ra cửa. Quán Bạt gõ bàn quát lớn :

- Mấy thằng láo. Các quan đang uống rượu. Bất cứ đứa nào cũng không được vào nhà.

Hét lên một tiếng, Quán bạt nhảy phốc lên bàn, vụt một cái nữa, phóng người lên xà ngang, đu phất lên, đâm vụt người qua mái nhà. Ngói vỡ tan tành, rơi lả tả. Cả bọn phía dưới còn đang hoa mắt, thì ông đã sừng sững trên nóc nhà đi lại chững chạc.

Cả bọn khiếp sợ, lè lưỡi, chẳng ai dám ra khỏi cửa, chỉ đưa mắt nhìn nhau. Thật hú vía, ai nấy đều khiếp đảm.

Đứng trên cao nhìn quanh, Quán Bạt chỉ thấy một ông em đang giơ kiếm ra hiệu. Quán Bạt hiểu ý ra bộ quát :

- Mấy thằng kia, mau rút về hết.

Rồi nháy mắt với Tiệp :

- Còn thằng Tiệp, muốn uống rượu thì vào. Các quan đây là anh em cả !

Tiệp vâng ạ ! một tiếng thật to, rồi cũng vờ quát :

- Cho các chú lui ! Để mình ta ở lại !

Quân Bạt lại theo đường trở mái nhà lúc nãy, nhảy xuống, ngồi gọn trước bàn.

- Mọi việc xong rồi. Phiên vị nào mở cửa, cho em tôi vào cùng uống rượu !

Tiếp ung dung xách kiếm đi vào, còn giả bộ liếc ra ngoài, xong đảo mắt quanh một lượt :

- Ô, toàn người quen cả.

- Vâng, vâng, ai chứ ông Tiếp chúng tôi còn lạ gì. Mời ông ngồi lên bàn trên...

Tiếp ghé tai anh hỏi nhỏ :

- Sao anh biết không có thuốc độc ?

Quân Bạt cười, lần túi áo lấy ra gói thuốc trừ độc rắc vào bát bún của em.

- Thế học thuốc để mà làm gì ?

Vừa nói, Tiếp vừa chăm chú nhìn vào tô bún, rồi thản nhiên ngồi múc ăn ngon lành.

Chủ nhà là Chánh hội An giữ hai anh em ở lại chơi cho đến nửa đêm, mới cắt người kéo xe đưa về đến tận nhà.

Mấy hôm sau, huyện xử vụ cướp nhà Chánh tổng Tường.

Quân bạt chối phăng từ đầu, khai như sau :

- Cái này không được. Tôi làm nghề thuốc, chỉ biết "thiên trời, địa đất", chứ không biết chữ quốc ngữ. Người ta đọc biên bản cho tôi nghe, chỉ có mất tài sản

và đồng triện. Tôi nghe thấy vậy, thì tôi ký hộ làm chứng. Giờ lại nghe có đoạn những người bị tình nghi này, thực tình tôi không biết. Họ lừa tôi ký, cái này tôi chưa hề nghe, tôi không nhận.

Rồi trước sau như một, Quản Bạt khẳng khẳng không nhận, nói là chắc ai thù oán viết thêm vào, vu vạ, gieo oan.

Người bị tính nghi cũng nhân đó chối phăng tất cả. Cuối cùng, không còn ai làm chứng, nên huyện đành xử trắng án.

6. ĐỂ THẾ NGUY HIỂM LẮM !

Một hôm Quản Bạt thèm rượu nhưng hết tiền, bèn sai con sang nhà ông anh bên cạnh mượn hai hào. Ông anh đi vắng, chỉ dâu đang dỡ tay phơi thóc, bảo cháu “chốc nữa”.

Thế là Quản Bạt chẳng nói chẳng rằng, hăm hăm bước thẳng một mạch ra quán, cũng chẳng thềm hỏi ai, xách luôn chai rượu. Chủ quán sợ hết hồn, không dám hé răng, vì biết trước sau gì Quản Bạt cũng trả sòng phẳng và xộp nữa là đằng khác.

Lúc về ngang qua nhà anh, Quản Bạt đứng lại nhìn ngang nhìn ngửa, thấy hai con lân đá để trước nhà, mỗi con nặng trên 50 cân. Quản Bạt tu một ngụm

rượu, giắt chai vào bụng, nhấc bổng hai con lân, gác luôn lên bệ cổng ra vào.

Xong, Bạt nhảy tót lên bờ tường, ngồi gác chân, tu rượu tiếp, mắt cứ nhìn chòng chọc xuống sân, làm người chị dâu và những người làm đang phơi thóc sợ xanh mặt, lấm lét lui cả vào nhà.

Bà chị dâu vội cho người lên báo tin cho chồng biết.

Khi ông anh trên huyện về, thấy em như vậy, bèn cười :

- Trưa nắng, chú ngồi trên ấy làm gì thế ? Thôi xuống đây anh em mình uống rượu.

Quản Bạt tuy ngang ngược, nhưng lại rất trọng anh, bèn nhảy xuống và nói :

- Nhà em tuy nghèo, nhưng vẫn có rượu thết anh.

Nói xong, Bạt thủng thỉnh bước về nhà.

Ông anh cười, gật đầu, vào lấy đồ nhắm rồi mang sang nhà em. Quản Bạt chả ngó ngang đến, tuyệt nhiên không đụng đũa, cứ uống rượu tì tì, hậm hực mãi mới nói :

- Nếu không có thằng Bạt này làm phen dậu kẻ cặn, chắc gì nhà anh đã yên !

Ông anh biết em giận mới vuốt ve :

- Anh biết chú em giận chị, chẳng qua chị đang bận nên nói thế, chứ chú muốn mượn bao nhiêu mà không được. Để chút nữa cháu nó mang sang... Thôi, giờ cứ uống rượu, nghỉ ngơi đã. Chiều mát, chú mang

hộ anh hai con lân xuống. Để thế nguy hiểm lắm ! Ngoài chú ra thì làng này có ai mang nổi đâu.

Quản Bạt phồng mũi, gật gù bước sang sân nhà anh, vươn hai tay đỡ từng con lân xuống, để vào chỗ cũ.

Xong bữa rượu, Quản Bạt lăn ra ngủ. Tỉnh dậy, ổng thấy một đồng bạc đặt trong cái đĩa để trên bàn. Quản Bạt cầm lấy, bước thẳng sang nhà anh. Người làm và các cháu trông thấy lủi mất. Quản Bạt bước luôn xuống nhà sau, thấy chị dâu đang lúi húi thổi nấu, gãi đầu cười khi.

- Đây trả lại chị. Em chỉ mượn hai hào.
- Không, không chứ cứ cầm... tôi không có tiền lẻ.
- Chà... nhà quan có khác. Không có tiền lẻ thì...

Bà chị vội lẩn lưng móc hai hào :

- Đây đây, có hai hào đây chú này.

Quản Bạt cười, cầm nốt hai hào, đi thẳng ra quán rượu.

7. ĐÁM TANG NGƯỜI NGHÈO

CHIỀU 30 TẾT

Nhà Chử đang khỏe mạnh, làm quần quật suốt ngày ngoài đồng. Đùng một cái phải gió, ngã quay ra chết. Nghiệt thay lại đúng vào chiều cuối năm.

Hôm ấy gió rét như cắt thịt, người nào về nhà nấy, quây quần bên bếp lửa, nói chuyện Tết. Nghe tiếng trống mõ làng rờ rạc, ai cũng giật mình thương hại. Mõ báo dân làng tập trung giúp đỡ, lo gấp việc tang.

30 Tết rồi lại đại mà dây vào việc tang ma cho buồn cả người, không khéo nó lại vận vào năm mới.

Thế rồi nhà này ỷ cho nhà kia.

Vợ con nhà Chỉ khóc như rì. Đã nghèo lại gặp vận đen, anh em ở xa chẳng tài nào đưa tin kịp. Bố đẻ nhà Chỉ đã trên 60 tuổi rồi, ngồi lau nước mắt, nghĩ bụng : chắc phải chờ cho hết ngày mừng ba, đúng theo lệ làng mới được động đất, tránh điều xúi quẩy cho cả làng.

Khoảng ba giờ chiều, Quân Bạt quán chần bông lù lù đến, thấy nhà Chỉ vắng teo. Ngồi chơi với ông cụ cả tiếng đồng hồ, cũng chẳng thấy người nào đến. Sốt ruột, Quân Bạt than :

- Quái lạ ? Mõ rao 4 giờ tập trung, 5 giờ mang đi chôn ? Mà giờ này sao chẳng ai đến... ?

Ông cụ thở dài :

- Thật cháu xấu số. Cháu chết vào ngày này, ai cũng bận, làm sao hộ được.

Quân Bạt hỏi :

- Ý cụ thế nào ?

- Bẩm làm thế nào được. Đành phải chờ đến mừng bốn vậy, Quân Bạt đứng dậy dứt khoát :

- Cụ bảo vợ Chỉ đun cho nồi nước chè thật to. Lần này để tôi đi đốc, thế nào cũng có người đến. Phải chôn hôm nay thôi. Ai lại để xác trong nhà mấy ngày Tết như thế, thêm buồn ra. Đằng nào cũng chết rồi.

Nói rồi, Quán Bạt một mạch bước ra ngõ, bẻ luôn một đoạn tre làm gậy. Đến nhà nào ông cũng xộc vào, đập cửa :

- Này thằng Chỉ chết sao không đến giúp ? Điec cả à ? Đứng một tiếng nữa trong nhà phải cử một người đi, cầm theo một bó đuốc. Có gì thì cho thêm nó. Nhà nó chả có gì... ông đã bảo mà không đến thì biết tay ông đấy.

Qua mấy nhà chuyên thổi kèn bát âm, Quán Bạt quát luôn :

- Các bố chỉ có rượu thịt mới đi thổi kèn đưa đám được à ? Khôn hồn, mau đi lại nhà thằng Chỉ, hộ nó một chút. Nghe rõ chưa ? Không rõ thì bảo.

Đến nhà viên quan chánh tổng, kín cổng cao tường, chó tây, chó ta sủa ầu ầu. Quán Bạt tự động mở then, rồi đường hoàng đi vào, ghéch mặt hỏi người ở :

- Quan chánh đâu ?

Chánh tổng đang lim dim vuốt râu bên hương án. Nghe tiếng oang oang ngoài sân, vội nhóm dậy hấp tấp chạy ra.

- Chà chà... có việc gì cần mà ông Quán vội vã thế ? Vào đây, vào đây, uống nước cái đã...

Quán Bạt đứng giữa cửa nói luôn :

- Quan chánh hỏi thế, chứ việc gì thì quan cũng đã biết rồi. Mõ làng rao ong ổng ra đó. Tôi nghĩ chính quan nên làm gương mới phải ? Hay là chỉ dám vừa vai phải lứa quan mới đi ? Lúc nữa thôi, dân đến nhà thằng Chỉ mà không thấy các nhà chức sắc đâu thì khó ăn khó nói với họ lắm đấy. Sau này Bạt tôi nhớ có vô lễ, xin cũng đừng trách.

Cứ thế Quân Bạt đi suốt đầu làng đến cuối xóm. Nhà nào ghé lâu lắm là hai, ba phút. Xong, Quân Bạt ghé qua nhà, ngắm nghía một chút, dỡ luôn 12 tấm ván ngăn buồng nhà mình chỉ rộng hơn một gang nhưng dài quá đầu, kêu người vác luôn sang nhà Chỉ để kê ngồi.

Khi Quân Bạt sang, thì mọi người đã khá đông đủ rồi. Ai cũng sẵn sàng bố đước, có người đi qua giả bộ chào ông Quân, kéo nhờ ông quên, mừng một lại "thăm" thì xúi quẩy.

Rồi cờ quạt, kèn trống cùng nổi lên ra vẻ lắm...

Các vị chức sắc trong làng cũng có mặt, mỗi người cũng đóng góp ít nhiều, chia buồn cùng tang chủ.

Quân Bạt cắt đặt công việc, đầu vào đấy, mới chột vỗ trán :

- Chết quên trình sự cụ.

Chẳng qua chùa nằm khuất, hơi xa làng, Quân Bạt vội quá nên quên. Nhưng rồi lắm nhảm : "Trống mõ rao thì cũng phải nghe chứ ? Hay là cũng sợ rét ?".

- Tối rồi ! Đành vậy ! Chẳng sứ cũng chẳng sao. Mời cụ tiên chỉ đây cúng cho cháu vậy, cốt lòng thành là được.

Đám ma Chỉ không ngờ thế mà lại đông đủ các vị chức sắc, mọi nhà trong làng, đèn đuốc sáng rực cánh đồng. Mãi hơn chín giờ tối mới chôn xong.

Có nhà không được mời cũng đến thăm gia.

Quản Bạt thay mặt gia đình cảm ơn sự giúp đỡ của bà con và chúc mọi người ăn Tết vui vẻ. Trên đường về, quan chánh ghé tai Quản Bạt khẽ khen :

- Việc này, chỉ có thầy là làm được như thế.

8. ĂN VÀ LÝ TRƯỞNG

Quản Bạt đóng áo chùng đi ăn cưới về, ngang qua đền thờ Đức Thánh Trần, định ghé vào nhắc anh mõ đi mời các cụ bô lão và chức sắc trong làng sáng mai đến bàn tổ chức lễ hội 20-8 âm lịch, ngày giỗ Trần Hưng Đạo.

Phần vừa uống rượu ngà ngà say, phần trong đình hơi tối, Quản Bạt vấp phải bệ cửa ngã sống soài. Suốt đầu gối, rách toác ống quần.

Cụ Vinh, thủ đền vội chạy đến.

- Ối, ông Quản có sao không ?

Quản bạt phui gối :

- Không sao, không sao... Có anh mỗ đấy không cụ ?

- Thưa có... đang nằm ở nhà trong... Tôi cũng đang định đi mời thầy...

- Có việc gì ạ ?

- Chả là hôm qua anh mỗ vác lúa cho nhà ông lý trưởng bị vẹo xương hông... không đi được.

- Thế à...

Quản Bạt bước nhanh xuống nhà hậu, thấy anh mỗ đang cời trần mặc mỗi cái khố rách, nằm co quắp trong xó bếp. Thấy ông Quản vào, anh gắng ngồi dậy, nhưng Quản Bạt đã xua tay :

- Thôi... thôi... anh cứ nằm để tôi xem cho.

- Dạ dạ... ông tha lỗi... áo quần con vừa giặt xong...

Quản Bạt cười, nhìn ra sân phơi sau, không tin đó là mớ quần áo vì nó quá cũ, rách.

- Anh ăn gì chưa ?

- Dạ... chiều... chiều con ăn lộn ạ.

- Tôi hỏi thế để biết mà chữa cho anh... no thì tức bụng lắm.

Vừa nói, vừa mở nồi cơm, Quản Bạt thấy trống trơn, không dính một hạt nào.

- Anh làm cho lý trưởng công bao nhiêu một ngày ?

- Dạ dạ... chỗ các quan viên cha mẹ... con đâu dám đòi tiền công. Ông bà cho con ăn cơm thôi ạ...

- Làm cho ai cũng phải có công cán đảng hoàng chứ, lão lý kiết ấy ai còn lạ gì nữa, phải đòi thẳng thùng chứ.

- Thế anh bị sai khớp, ông ấy có cho gì không ?

- Dạ có, bà lý san cho con nữa chai dầu ạ.

- Tốt thật.

Quản Bạt bảo anh mõ :

- Anh nằm sấp xuống..., chịu đau một tí nhé... nhanh thôi.

Rồi leo lên giường, một tay ông quàng lấy ngực anh mõ, tay kia đặt lên sờ các đốt xương sống.

- Anh bị trật đốt thứ chín, chứ không phải vẹo xương hông, nhìn là tôi đoán ra ngay... Vợ con gì chưa ?... Năm nay hai mấy rồi... ?

Anh mõ chưa kịp trả lời thì “á” lên một tiếng, nghe cái “cụp”, anh toát cả mồ hôi, nhưng thấy nhẹ nhõm trong người ngay.

Quản Bạt cười :

- Xong rồi, chiều tối gửi cho tí thuốc là mai khỏi thôi.

Cụ Vinh thủ đến xuýt xoa :

- Ông Quản giỏi thật ! Nói chuyện đánh lừa... cho bớt đau...

Quản Bạt bước xuống giường.

- Tôi phải lại nhà lý trưởng có chút việc.

Anh mở gượng ngồi dậy :

- Đội ơn ông Quản... thật con...

- Anh cứ nghỉ. Tôi về nhé !

- Vâng ạ.

Quản Bạt đi thẳng đến nhà lý trưởng, mới vào ngõ, con trâu cột sát đường quay cổ nhìn. Quản Bạt tránh sang một bên, quen tay nắm luôn sừng, ngẫm nghĩ một lúc rồi hét toáng lên :

- A... mà dám phang ông à ? Ông đập cho mà chết !

Lý trưởng chạy ra, nắm lấy dây thùng cột mũi trâu.

- Sao... sao ?... Ông Quản... ?

- Hừ không nhanh có phải chết không ? Mẹ nó, trâu bò vạng người thì chẳng nuôi làm gì... Không biết trâu nhà ai ?

Vừa nói vừa dẫn sừng quẹo cổ trâu định quật.

Ông lý hốt hoảng, nắm lấy tay Quản Bạt :

- Đừng đừng, ông Quản... trâu của nhà tôi...

Bà lý ấp úng :

- Dạ dạ mọi khi nó hiền lắm... sao hôm nay nó lại giở chứng.

Quản Bạt bỏ tay ra.

- Trâu của ông bà à ? Sao mà khinh người thế ?
- Xin ông đừng chấp...
- Hừ, làm rách cả quần người ta.
- Vâng vâng... Không may sự thể lại xảy ra như vậy... chúng tôi xin đến ông bộ khác... Ông vào xới nước đã...

Lúc ấy Quản Bạt mới làm bộ hậm hực, ngoái cổ lại.

- Trước cửa là nhà mụ An, mẹ thầy phán Cóc phải không ạ ?
- Vâng, đúng đấy.

Quản Bạt nói to, cốt để mọi người xung quanh nghe :

- Nghèo thì không sao. Hơi có máu mặt một tí đã nổi dậy, lấn đường, chẳng coi làng xóm ra cái gì cả. Cũng chỉ vì xây tường, lấn dậu mà con trâu vạng phải ông.

Ông lý gật đầu :

- Dạ phải ạ. Cũng tại cái bờ tre...
- Thì ông cứ dọn sạch. Không thì để tôi tính cho.

Quản Bạt ngồi xuống bàn, uống trà, không nói, không rằng. Bà vợ lý trưởng khép nép cầm một gói giấy, đặt lên bàn.

- Xin ông Quản vui lòng nhận cho xấp vải này để về may bộ khác ạ.

Quản Bạt xắn quần, phô chỗ xước rớm máu, rồi nói :

- Suýt nữa thì gãy chân. Không biết có sao không đây ?

Lý trưởng mặt nhăn nhó, đưa mắt nhìn vợ, rồi mở tủ lấy ra đồng bạc, kẹp vào gói giấy bọc xấp vải :

- Ông cầm tí chút... mua thuốc ạ. Kể ra... cũng là cái vận xui cho cả ông và tôi...

- Thì có ai muốn thế đâu... Thôi cảm ơn ông bà nhé.

Quản Bạt bước ra cửa còn bảo :

- Ông bà cảm phiền để tôi đo bộ cũ này đã, rồi tôi giặt giũ, gửi lại ông bà sau.

- Thôi thôi... ông Quản đừng làm thế.

- Vây xin cảm ơn ông bà. Tính tôi vậy, đâu cứ ra đấy.

Đến ngõ, Quản Bạt làm bộ đứng lại :

- Ông bảo cháu nó dẫn trâu hộ... tôi qua.

Ông lý vội chạy trước nắm mũi trâu kéo sát vào lề :

- Ông cứ đi không sao đâu.

Quản Bạt đi qua, cười với con trâu :

- May cho mày đấy !

Bà An, mẹ thầy phán Cóc, lúc này đã đứng đợi ở trước cửa, đón đả chào :

- Chào ông Quản ạ. Mời ông vào nhà xơi nước. Gớm, lâu quá ông chẳng vào nhà tôi chơi.

- À bà An đó à ? Chà, dạo này bà béo trắng, trông trẻ đẹp, tôi suýt không nhận ra... Bà thú lỗi cho. Trước đây nhà bà nóc rạ tường đất, tôi vẫn thường lại thăm, giờ cậu Cóc làm ông phán, phát lộc phát tài, nhà xây sân gạch. Tôi biết chứ. Vả yên trí rồi, khỏi phải lo nữa, nên tôi ít đến, thế thôi.

- Dạ... dạ.

- Cậu phán về, bà bảo lúc nào rảnh, mời đến tôi chơi. Cậu ấy có học biết luật lệ, biết xử thế, tôi thích lắm.

Quản Bạt vừa nói, vừa ngửa người ngấm dậu tre, bức tường rồi chửi đồng :

- Mẹ nó cái dậu tre có hàng trăm mắt mà như mù, cứ bò ra đường chiếm cả lối đi.

- Vâng, vâng... mời ông vào nhà uống nước, tôi xin thưa chuyện.

- Thôi cảm ơn bà. Tôi bận đi có chút việc.

Vừa nói, Quản Bạt vừa rảo bước. Bà An lúp xúp chạy theo sau :

- Ông Quản... thế này thật không phải... Vâng cũng tại cái bờ tre... làm ông bị đau...

Quản Bạt dừng lại :

Bà nên cho người dọn bờ tre đi, có tường rồi cần gì dậu. Bán cũng được khối tiền.

- Vâng, ông dạy phải.

- Thôi, xin chào bà.

Quản Bạt mang xấp vải mới cho luôn anh mõ, cho thêm một đồng mua gạo và trả tiền công cắt may.

Hôm hội làng, Quản Bạt nói khẽ vào tai lý trưởng :

- Tôi và ông mặc thế nào cũng được. Còn anh mõ, dù sao cũng là thông tin của làng, đại diện cho cánh mình đi mời, đi rao loa... Tôi cho anh ta xấp vải để may bộ cánh ấy, coi như ông cho, như thế được chứ ? Hà hà, nào mời ông lý nâng cốc.

9. TÊN TAO LÀ “ÔNG NỘI”

Từ khi thực dân Pháp nắm độc quyền kinh doanh muối, bà con làm muối vùng ven biển Tiền Hải bị cấm ngặt, ai tiếp tục làm sẽ bị phạt 5 đồng bạc Đông Dương và ba tháng tù giam.

Tuy vậy, dân các vùng ven biển vẫn lén lút làm muối lậu. Vì đó là nguồn sống của họ. Trước đây phơi muối cả cánh đồng, giờ họ bảo nhau, đêm đêm lấy nước biển về để nấu phơi làm muối. Tốn công một chút, nhưng được muối bột trắng tinh. Thường họ nấu về đêm để khỏi thấy khói, sáng ra dọn dẹp đem hết ra giữa đồng cất giấu, rồi đem bán. Nếu bọn “đoan”⁽¹⁾ đến

⁽¹⁾ Từ chữ “douane” của Pháp, trước đây người ta thường gọi là *Thương chánh*.

khám xét, thì chỉ thấy nhà trống, dù biết cũng không làm gì được, vì chẳng tang chứng.

Bọn lính Pháp đóng ở Đồng Châu tức lắm. Một hôm, tên đồn trưởng Pháp đưa từ Hà Nội về một con chó to. Đây là loại chó ngao giống Đức, miệng giống miệng cạp, nặng suýt soát 50 kg, đứng cao đến ngực người, trông phát sợ.

Sáng sáng, tên đồn trưởng hay bọn lính đoan chỉ việc dẫn chó đi lùng. Con chó đã được huấn luyện kỹ, đánh hơi rất tài, nó chỉ hít mấy cái rồi chúi mũi, dẫn ngay đến nơi chôn giấu tang vật. Nó lùng sục không sót một nhà nào.

Từ khi con chó xuất hiện, việc nấu muối coi như bị tê liệt. Nhiều người phải đổi nghề hoặc tìm cách làm ăn khác.

Tình hình thật bi đát, dân làng bảo nhau : “Phải mời Quán Bạt thôi”.

Thế là họ cử hai cụ già cao tuổi nhất trong làng, khăn đóng áo dài trịnh trọng mang lít rượu nếp và ít bơ lạc sang Đông Cự, hỏi thăm đến nhà Quán Bạt.

Quán Bạt mời vào, hỏi han mọi sự, rồi trầm ngâm nói :

- Ý các cụ muốn trừ con chó tây đó chứ gì ?
- Nó còn đáng sợ gấp trăm lần bọn đoan đấy ông ạ.

Quán Bạt suy nghĩ một lát rồi nói :

- Đó chỉ là nhất thời, trừ con này, sẽ có con khác, thậm chí có cả chục con khác. Đánh rắn phải đánh đập đầu. Việc chính là phải trừ bọn Pháp.

Hai cụ vuốt râu, gật gù :

- Vâng, ông nói chí phải, nhưng việc này khó lắm.

- Điều cốt yếu là dân mình không sợ nó.

Một cụ lên tiếng :

- Dân làng tôi ước lắm rồi, chỉ chờ có dịp và có người đứng ra tổ chức là chúng tôi sẽ hưởng ứng.

Quản bạt cười :

- Hai cụ cứ nghỉ ngơi, ăn cơm chiều mát, ba ông con mình sẽ qua bãi cồn⁽¹⁾ xem sao ?

Hai cụ già mừng rỡ, xuýt xoa :

- Vâng, thế còn gì bằng. Chúng tôi cũng nghĩ chỉ có ông là có thể làm được thôi.

- Hai cụ nói quá. Ai cũng thế cả, có điều ta dám làm hay không ?

Chiều hôm ấy, họ có mặt ở bãi cồn. Quản Bạt xem xét địa thế một lúc, bảo mấy người dựng tạm cái lều cỏ ngay con đường độc đạo dẫn vào làng. Lều có sạp bên bằng tre. Quản Bạt đề nghị :

- Những ai muốn nấu muối, thì sắp sẵn củi lửa.

⁽¹⁾ Bãi cồn : tiếng địa phương chỉ cồn Vành, nay thuộc huyện Tiền Hải.

Theo kế hoạch, cả làng thi nhau nổi lửa. Đã lâu không được nấu, giờ có bao nhiêu nổi chảo, họ đều đem ra nấu cho bằng thích. Vui như tối cuối năm nấu bánh chưng Tết. Nhà nào cũng hối hả.

Được dịp, dân làng thi nhau nấu muối suốt đêm. Tảng sáng coi như đã thỏa thuê, đang sắp sửa dọn dẹp chôn giấu đồ nghề, thì Quản Bạt thức dậy, lại bảo hãy cứ nấu tiếp.

Phải để tụi Tây trên đồn thấy khói, kéo xuống thì mới tính được với chúng.

Thế là cả làng lại nô nức nổi lửa, quên cả sợ. Họ vừa làm, vừa hồi hộp chờ xem Quản Bạt “tính” với tụi Tây như thế nào.

Quản Bạt chọn thanh niên khỏe nhất, hỏi :

- Các cậu có bắt chó được không ?

Bốn anh ngơ ngác nhìn nhau, có vẻ lo ngại. Một anh nói :

- Thưa ông Quản, con chó này to lắm, dữ như cọp. Nếu cần, chúng tôi, sẽ chém nó, chứ bắt thì sợ không được.

Quản Bạt cười tủm tỉm :

- Thế mà đòi ăn thịt chó.

Nói vậy, chứ để đó thôi. Các anh mỗi người tìm một chỗ kín nắp, sau lều, lấy cỏ mà phủ lại, đừng để bọn chúng nhìn thấy, sinh nghi thì hỏng mọi chuyện. Khi

nào tôi hô bắt thì các anh vùng dậy và hành động theo lệnh tôi.

Có tiếng kèn tây từ trên đồn xa vọng xuống. Quân Bạt chắc lưỡi :

- Chà, tò te, te tò rồi đó.

- Chúng tập hợp và lát nữa sắp xuống,

Quản Bạt đi quanh kiểm soát lại chỗ mấy người núp, xong, leo lên sạp ngồi nhắm rượu, chờ bọn lính đoan xuống.

Quả nhiên chứa đầy nửa tiếng sau, đã thấy lính tráng lố nhố trên cánh đồng. Con chó tây chạy trước, rồi gã đồn trưởng và lão xếp đoan cùng tên thông ngôn và hai tên lính khố xanh mang súng theo sau. Cả bọn vừa đi vừa xí xố chỉ trở. Chúng có vẻ tức lắm, không hiểu tại sao hôm nay cả làng lại cả gan nổi lửa nấu muối giữa ban ngày ?

Đến đầu làng, bọn chúng sững lại khi thấy một cái lều mới dựng chắn ngay giữa đường. Một người không già, không trẻ, mặt rỗ hoa và đang ngồi uống rượu, mắt trừng trừng nhìn chúng. Trước mặt lại còn để sẵn một con dao dài. Chúng nghĩ chắc gã này là đầu sỏ, chủ mưu đây...

Con chó sủa lên mấy tiếng rồi kéo căng cả dây xích. Đồn trưởng bồng bụng tay, miệng hô "A-lê-hấp" !

"Chó" nhảy hai cái đã đến sát lều, rồi chụm chân phóng vọt luôn lên sạp, như muốn đè nghiêng lấy người đang ngồi. Nhưng Quản Bạt nhanh như cắt, ngả người

tránh, tiện tay phạt luôn một đường dao, đầu con chó lặn lông lốc, không kịp kêu một tiếng. Súc dao còn phạt luôn cả cây cột tre chống lều, làm nghiêng cả mái.

Mặc cho cái xác con chó còn đang giãy giụa, Quản Bạt hét lên một tiếng thật lớn để trấn áp tinh thần đối phương, rồi nhanh như chớp lao xuống, lưỡi dao loang loáng có dính máu.

Diễn biến xảy ra quá nhanh. Hai tên Pháp bủn rủn chân tay, chỉ biết ôm chầm lấy nhau, nhắm mắt chờ...

Quản Bạt túm ngay lấy ngực áo tên đồn trưởng, chân đá lão đoan, làm hấn khụy xuống. Quản Bạt dí chân lên ngực hấn, hét to :

- Mau ra bắt !

Bốn thanh niên nãy giờ nép trong bụi, đồng loạt lao ra, người nào cũng cầm một con dao bầu trong tay. Hai tên lính khố xanh biết có chống cự cũng không nổi, bèn buông súng đầu hàng. Còn gã thông ngôn chạy được một quãng, thì bị bắt lại. Hấn khóc lóc xin tha mạng.

Tất cả được dẫn tới trước mặt Quản Bạt.

Tên thông ngôn được điệu ra trước tiên :

- Chưa chi đã khóc lóc om sòm. Sao mà mau nước mắt thế ?

Mày hãy dịch nguyên văn lời tao nói cho mấy thằng mũi lõ kia nghe. Dịch sai là coi chừng cái đầu đấy.

- Vâng vâng, xin quan lớn cứ nói... con xin dịch nguyên văn. Tên thông ngôn gật đầu lia lịa.

- Ủ mày nói với chúng rằng : tao là một vị tướng ở ngoài biển kia mới vào. Nếu từ nay chúng còn ức hiếp, bắt nạt dân làng nữa thì có ngày tao sẽ vào tận đồn lấy đầu cả lũ như con chó kia kia.

Vừa nói, Quán Bạt vừa chĩa mũi dao vào con chó cụt đầu nằm vật bên lều.

Tên thông ngôn vâng dạ và bắt đầu dịch. Hai tên Pháp sợ quá, xin Quán Bạt tha chết.

Quán Bạt lại nói với tên thông ngôn :

- Chỉ có bọn tay sai như mày mới bày vẽ chỉ điểm cho bọn Pháp bắt bớ dân lành. Mày là thằng đáng tội chết nhất. Nhưng ta nghĩ thương hại vợ con mày, cho mày có dịp hối cải.

- Vâng vâng, con xin cảm ơn quan...

Quán Bạt quơ ngược dao đánh roạt. Tên Việt gian tái mặt rú lên một tiếng, tai phải của hắn đã bị xén bay ngay xuống đất.

- Ôi quan ơi ! Chết con rồi !!!

Và hắn vừa ôm tai, vừa lạy như vái sao. Hai tên Pháp thấy chẳng hiểu ra sao, cũng sợ hãi ôm cả hai tai, bắt chước lạy Quán Bạt. Rồi hai tên lính khố xanh cũng thế. Tất cả vừa lạy vừa van xin thống thiết.

Dân làng kéo ra xem đông nghịt. Họ khoái chỉ trước cảnh tượng ấy, một cụ bảo :

- Cả đời tôi, giờ mới thấy người Tây lạy người Việt. Sướng thật !

Quay qua tên thông ngôn, Quản Bạt bảo dịch :

- Đáng nhẽ hôm nay ta giết hết, nhưng vì lòng nhân từ, ta tha cho tất cả. Quan Pháp phải nhớ lấy và có lòng nhân đạo đối với dân Việt. Nếu không nghe, ta sẽ giết hết cả đồn.

Tên thông ngôn dịch xong, hai tên Pháp gật gật đầu và quỳ xuống lạy nhìn Quản Bạt, nó nói một tràng tiếng Pháp.

Quản Bạt hỏi tên thông ngôn :

- Nó nói gì thế ?

- Dạ. Nó muốn biết được tên của quan tướng trước khi về ạ.

- Nó muốn biết tên tao, rồi mật thám truy tìm chú gì ? Mà cứ bảo tao tên là... "Ông Nội", nghe chưa ?

Tên thông ngôn tròn xoe mắt, nhưng rồi cũng dịch luôn.

Hai tên Pháp gật đầu, nhí nhố...

Từ đó chẳng thấy bọn chúng mò đến sách nhiễu dân làng. Lâu lâu, cũng có toán lính đoan trên tỉnh về, cũng tẩu tán phương tiện làm ăn cho đỡ chướng. Còn chúng chỉ khám xét qua loa lấy lệ mà thôi.

Nghe đâu tên quan hai đồn trưởng, khai bệnh rồi xin trở về Pháp. Tên khác đến thay thế, nghe chuyện cũng sợ hãi, chẳng dám ho he gì.

10. NẾU KHÔNG TRẢ, TÔI KIỆN QUAN TRƯỚC ĐÂY

Quản Bạt qua Thanh Giám chữa bệnh cho người quen, chờ hết cơn mưa mới về. Đến một con sông, dừng lại dưới cầu, đang cúi húi rửa chân, thì nghe có tiếng nói rì rầm từ xa, bèn chú ý lắng tai nghe...

- Đường trơn quá ! Ngập hết lối...

- Dạ, bẩm quan phủ, tối quá ! Quan... cứ đứng đấy để chúng con xuống tìm trước ạ.

- Ủ, nhanh lên, kéo bọn chúng giải tán mất.

Quản Bạt biết ngay là quan phủ Nguyễn Quan Tào đi bắt đám bạc ở Thanh Giám. Quản Bạt bèn rút luôn tấm ván trên cầu, dìm xuống sông.

Hai tên lính lệ đang đi xuống, thấy một người đang loay hoay ở đó, bèn hỏi :

- Ai, giờ này đang làm gì ở đó ?

Quản Bạt lặng lẽ đi lên, không thềm trả lời. Lính lệ quát :

- Hỏi, sao không nói. Đứng lại !

Quan phủ nghe quát, lần xuống. Thấy một người đội nón nan đan kiểu Tàu rộng vành, sùm sụp che kín mặt.

- Tên kia, đứng lại quan hỏi. Mày đi đánh bạc về hả ?

Quản Bạt làm bộ sợ hãi, lắc đầu :

- Bẩm quan, không ạ... con...

- Còn chối hả ? Cứ nhìn mặt mày là tao biết ngay. Lính đâu giữ thẳng này lại.

Quản Bạt sụp xuống :

- Dạ dạ... xin quan... Thật quan có mắt như thần. Vâng con trót dại... Thua hết tiền rồi... Giờ phải về ạ.

- Hay nhỉ ? Thế còn bọn chúng còn đánh không ?

- Dạ... còn...

- Nhà ai ? Có phải nhà hương Oi không ?

- Dạ nhà lý Cóc ạ.

- À à toàn hương với lý. Này, mày phải dẫn quan đi.

- Nhưng... quan không qua sông được đâu...

- Sao vậy ?

- Dạ... bẩm... chúng rút cầu rồi...

- Láo thật. Thế mày qua sông bằng gì ?

- Dạ con lội qua ạ.

Quan phủ tỏ ý nghi ngờ.

- Hừ, sao quần áo mày không ướt ?

- Dạ con cởi hết quần áo rồi mới lội qua ạ... Rét lắm. Lúc này con đang mặc quần áo thì lính xuống...

- À à ! Thế có sâu không ?

- Dạ đến ngực thôi. Quan cứ làm như con thì quần áo không ướt.

Tạo suy nghĩ : “Mình quần mấy lớp áo bông mà còn rét run thế này... Cởi quần áo ra trước dân và mấy thằng lính thì còn ra thế thống gì nữa... à à”.

Quan phủ dụ ngay giọng :

- Này, quan bảo nghe nhé. Mày chịu khó cõng quan và hai chú lính đây qua sông, rồi dẫn quan đến nhà lý Cóc, quan sẽ tha tội đánh bạc, và còn thưởng thêm tiền nữa.

Quản Bạt làm bộ mừng rỡ.

- Dạ ơn quan, may quá ! Con đang hết tiền, về nhà chỉ sợ vợ nó chửi. Quan cho con bao nhiêu ạ ?

- Ủ... Quan cho mày... một đồng.

Quản Bạt ngã giá :

- Bẩm ba người, quan cho con xin 3 đồng... Rét lắm !

- Không có lỗi thôi gì cả. Một đồng là một đồng.

- Thế con chỉ cõng mỗi mình quan thôi ạ.

Quan phủ còn đang lưỡng lự...

- Không, phải cõng cả hai ta nữa, nếu không... ta bắt người về tội đánh bạc. Hai tên lính vội nói.

Quản Bạt xử nhũn :

- Thôi quan cho con tất cả hai ạ !

Tạo vỗ vai Quản Bạt :

- Một đồng được rồi. Nếu bắt được bạc ta sẽ thưởng thêm.

Quản Bạt xòe tay :

- Quan ép con quá... thôi thì... cũng được. Quan cho con xin trước ạ.

Tạo trợn mắt :

- Mày không tin quan à ? Quan mà lại thêm quýt của mày à ?

Quản Bạt lắc đầu :

- Dân thì chẳng bao giờ dám quýt quan. Còn quan thì... biết đâu ạ ? Thời buổi này đảo điên lắm ! Con nghĩ, bụng có rồn !

Phủ Tạo đành quay qua hai lính lệ :

- Quan không mang tiền theo. Hai anh có đưa cho nó, về quan trả.

Hai anh lính cũng lắc đầu. Rồi một anh nói :

- Thôi cứ cố đi. Mai, quan sẽ trả cho đảng hoàng !

Quản Bạt gãi gãi đầu :

- Nhưng thôi, con cũng liều tin quan lần này xem sao ? Quan nhớ trả đấy nhé.

Quân Bạt bắt đầu cởi quần áo, cởi luôn cả quần lót, rồi nhảy tung tung trước mặt quan.

- Quan thấy chưa ? Rét quá ! Quan thấy đáng giá chưa ?

Nhanh, nhanh lên quan... Quan leo lên... leo lên cổ con.

Tạo bước xuống, cẩn thận leo lên lưng Quân Bạt, rồi ngồi hẳn lên cổ, gật gù :

- Mày khỏe nhỉ... cẩn thận nhé... chậm chậm... chậm chậm...

Quân Bạt từ từ lộ ra, hai tay ôm chắc chân quan phủ :

- Quan cứ yên chí. Chà ! Nặng quá ! Quan ngồi gòn gòn đấy nhé.

Ra đến giữa sông, Quân bạt vờ vấp phải đá ngã chúi, quật luôn quan phủ xuống nước. Quan la ơi ới :

- Chết tao rồi... ặc ặc...

Quan lóp ngóp định trỗi dậy. Quân Bạt vờ làm bộ kêu to :

- Mau mau... hai anh...

Hai tên lính hoảng hốt, lính quỳnh, mở xà cạp, trong khi phủ Tạo được bữa no nước.

Hai tên lính, hoa tay hò hét :

- Mang quan sang đây... mang sang đây ! Thằng khốn... kia.

Phủ Tào tái mét cả người, ậm ọ, thều thào :

- Hừ hừ... quan giết... quan giết...

- Ấy chết ! Xin quan tha lỗi !

Rồi kẹp nón vào tay phải, bước lùi sau mười bước lấy đà phóng vọt qua sông. Qua nửa dòng, Quản Bạt chúi người chống chóp nón xuống mặt nước lấy điểm tựa lướt qua. Nón chưa kịp chìm thì hai chân Quản Bạt đã theo đà quăng người lên bờ bên kia.

Hai anh lính há hốc mồm ra nhìn. Quản Bạt ung dung mặc quần áo, quay bảo bọn lính :

- Hai anh qua mà lo cho quan phủ. Tổ lạnh lắm rồi. Chẳng dễ gì mà moi được của quan một đồng !

Quản Bạt vừa nói vừa lĩnh mất.

Việc phủ Tào bị chìm uống nước sông một bữa no nê mặc dù đã cố giấu, nhưng không hiểu sao cứ âm ỉ cả lên. Nghe đâu quan phủ cũng có võ nghệ; thế mới đau ! Bây giờ chuyện đã lan cả tổng, cả huyện rồi !

Phủ Tào cay cú lắm, biết chỉ có Quản Bạt mới dám làm việc này. Sau đó, quan phủ dẫn lính đến thẳng nhà ông tổng Phan Văn Ấp là bố đẻ Quản Bạt. Vừa đến nhà Tào giở giọng hách dịch :

- Quản Bạt là con ông phải không ? Mau bảo nó ra đây.

- Vâng... xin quan phủ chờ cho một chút...

Ông tổng Ấp vào nhà trong, nói nhỏ với con :

- Mày thật liều lĩnh ! Nguy quá. Đã đến nước này, mày phải chối phăng đi, để mặc thầy liệu...

Quản Bạt ậm ừ bước ra chào quan phủ, thấy cả hai anh lính hôm đó cũng đứng đấy chờ nhận mặt. Họ nhìn Quản Bạt ngờ ngợ, vì hôm ấy trời hơi tối.

Ông tổng Ấp vờ quát con :

- Bạt, hôm ấy có phải mày dìm quan phủ không ?

Không ngờ Quản Bạt nhận luôn :

- Dạ phải !

Ông tổng điếng người, đứng ngớ ra. Quan phủ và hai anh lính giật mình. Thật không ngờ thủ phạm lại ngang nhiên như vậy. Quan nổi giận cầm quạt chỉ vào mặt Quản Bạt :

- À à... chính là mày. Cả gan thật !

Quản Bạt ung dung nói luôn :

- Đúng là sự việc như thế, thưa thầy, thưa quan. Con đã hết lòng thương quan, sợ quan rét, con đã công quan cơ mà ! Chẳng may vấp ngã, chả lẽ chỉ mình quan bị ướt hết à ? Con lại cứu quan khỏi chết đuối, quan không ơn thì thôi, còn vu oan tội dìm quan, thế là nghĩa lý gì ?

- Mày còn lý sự à ?

Phủ Tọa lên mặt dọa ông tổng Ấp :

- Cả ông nữa. Không biết dạy con.

Quản Bạt cười gằn :

- Quan muốn vu oan bắt tội cho ai cũng được sao ? Hay là quan đến đây nạt nộ bố con tôi để định quyt một đồng thì quan cứ bảo.

- A mà lại nói...

- Nói để quan biết. Nếu quan không làm, và không trả tiền cho tôi, tôi sẽ kiện lên tỉnh, cho mà biết.

Phủ Tào đuối lý, biết không thể bắt nạt được, đành phải hậm hực nháy lính ra về, bụng còn lo ngay ngáy. Trả tiền Quản Bạt thì tiếc. Mà không trả, nếu nó kiện thật thì xấu hổ. Nghe phong thanh tổng đốc Thái Bình Phan Kế Toại còn có họ hàng xa gần với nhà Quản Bạt, lòng phủ Tào hậm hực, mà miệng vẫn phải tươi cười cho qua chuyện.

11. CẦN GIỮ DANH THỜM

Quản Bạt ra đồng chưa gặt được sào lúa thì em Tiệp vội chạy báo :

- Anh Bạt, nhanh lên Thái Bình xem cụ Voi Chảy, thi đấu với tụi Nhật.

Quản Bạt quảng liềm, rửa vội đôi chân lấm bùn rồi đi ngay. Hai anh em vừa đi vừa chạy, Tiệp kể :

Bọn võ sĩ Nhật đấu ở Nam Định về, chúng thắng liên tiếp, nghe Thái Bình là đất vật, nó mở võ đài ở Tiểu Hoàng. Có một thằng rất giỏi vật, chúng gọi là du-đô gì đó⁽¹⁾.

- Bè Cạn đâu ?

- Cũng thua rồi. Các đô tức quá, cho mời cụ Voi Chảy và anh lên.

- Nó dữ thế à ?

- Vâng các đô ấy trẻ lắm lưng hết rồi, hội vật tưởng tan sớm, vì suốt nửa ngày chẳng ai dám lên... Sáng nay, nếu không có ai đấu, thì nó nắm giải... Cụ Voi khỏe nhất, nhưng gần 60 rồi, sợ cụ không đi.

Quản Bạt càng tức khí, cứ thúc em chạy cho mau đến sớm.

Đến nơi, thì trời đã xế trưa, tưởng hội tan, nhưng nghe trống vật còn đang đổ hồi thúc giục.

Thì ra chờ lâu quá, cụ Voi Chảy đã đến trước, đang chuẩn bị vào sân.

Cụ vẫn còn cường tráng lắm, cao gần thước tám, nặng 70 cân. Sừng sững như voi, lông ngực và bụng đậm tua tủa. Từ trẻ đến già, lúc nào cụ cũng lừ lừ như voi, mặc đối thủ ra ràng điệu võ, dương oai cho chán, Voi Chảy mới tấn công bốc luôn, yếu thì đè sập xuống,

⁽¹⁾ Judo : Tiếng Pháp

tay nào khỏe cưỡng lại, bất ngờ bị nhấc bổng quăng luôn ra sau lưng, chẳng thèm ngoái lại.

Lần này cũng thế. Voi Chảy khoanh tay nhìn đấu sĩ Nhật bé nhỏ hơn cụ nhiều, nhưng chắc nịch, ra sân vẫn mặc nguyên võ phục trắng, thắt đai đen ba gạch, mắt một mí lườm lườm nhìn đấu thủ. Hắn tỏ vẻ thận trọng cũng chẳng ra ràng. Trọng tài ngồi ngoài điểm trống báo hiệu cuộc đấu.

Voi Chảy lừ lừ tiến lại, chân vẫn chắc như cột đình, hai tay xòe ra vươn tới như vòi voi, chộp luôn. Đồ vật Nhật khẽ lùi một bước, nghiêng người tránh; xoay tay trái bắt lấy cổ tay Voi Chảy kéo mạnh, xoay người luôn sát vào định quật đòn hông. Nhưng Voi Chảy trụ vững, tay kia quàng lấy lưng đồ vật Nhật, xiết mạnh một cái. Tên Nhật gắng gồng mình, rún cả người. Hắn định tìm cách tháo miếng, thì bị tay trái Voi Chảy chịt lấy gáy đè chúi xuống sân.

Trước sức vô địch của Voi Chảy, tên Nhật định vẫy hai tay xin hàng, chưa kịp thì bỗng thấy toàn thân bị nhấc bổng lên, bay vụt ra ngoài.

Đồ vật Nhật uốn người lộn nhào như mèo, đáp gọn sau lưng cụ Voi Chảy.

Voi Chảy hết sức ngạc nhiên, gục gặc đầu, lừ lừ tiến lại gần. Lần này Chảy nhanh hơn, tên Nhật nhanh nhẹn tránh, lại chộp được tay Voi Chảy. Hắn đưa một chân vào bụng đối thủ, định đánh đòn hiểm. Voi Chảy chộp lấy chân rồi quăng luôn ra xa. Đồ Nhật lặn hai ba vòng

mới đứng lại được. Voi Chảy lại gục gặc đầu khen ngợi, rồi lại lừ lừ tiến tới. Đồ vật vội giơ tay xin hàng.

Trống điểm nhịp báo hết hồi. Cả sân vật hò reo há hê, tiếng hò reo dậy vang như sấm. Một tên Nhật trong ban tổ chức bước ra, chấp hai tay cúi sát đầu chào cụ Voi Chảy. Rồi đứng lên nói một tràng tiếng Nhật.

Thông ngôn đi theo trình trọng dịch :

- Ban tổ chức thay mặt người Đại Nhật Bản, hân hạnh kính chào đồ vật Đại Nam. Và xin hỏi : ngoài vật ra, đại đồ vật có thể đấu quyền cước, hay còn kiếm được không ? Nếu được, xin hân hạnh hầu tiếp đại đồ vật môn quyền cước trước.

Cụ Voi Chảy cũng chẳng nói năng gì, chỉ gật đầu.

Cả hội vật vỗ tay dồn dập, ai cũng háo hức chờ xem cuộc đấu mới. Lần này đấu quyền cước chắc phải thích mắt và ghê gớm hơn. Cụ Voi chưa dám đá ai cả, nhưng học trò bảo là bàn tay cụ chỉ phật một cái là cây chuối cũng phải gãy gục.

Một võ sĩ Nhật mặc đồ đen bước ra, áo võ hở rộng cổ, phô ngực rắn chắc gân guốc, môi mím chặt. Võ sĩ này thuộc loại cao lớn, nhưng cũng chỉ tới ngang mày cụ Voi Chảy. Hắn cũng chẳng ra ràng, chỉ vươn tay, vươn chân và vận mình kêu răng rắc, rồi đứng chờ đợi, mắt nhìn Voi Chảy không chớp.

Cụ Voi biết đây là hàng cao thủ, nên cũng hết sức cẩn thận.

Tay không thủ đao xòe tay xiết đòn định chém vào cổ. Voi Chảy giờ tay định đỡ thì một cú đá ngang phóng thẳng vào ngực.

Cụ Voi nín thở chững lại, một cú đá nữa quật luôn vào gáy, lần này cụ nghiêng đầu tránh được. Thêm một đòn đá chân trái vào màng tang, bắt buộc cụ phải lùi lại.

Cả đấu trường xôn xao... Ngay vài đòn đầu, đấu sĩ Nhật đã thắng thế, hấn khôn ngoan biết sức cụ, nên không đánh đòn tay gần mà chỉ dùng chân đánh đòn xa. Một đá bằng ba đấm, chân hấn lại nhanh và tuyệt diệu, hấn có vẻ tự tin hơn, khẽ nhếch mép cười.

Cụ Voi Chảy biết là đối thủ cao tay, không dám khinh thường. Thủ thế chắc, tay che kín bộ hạ.

Vào hiệp mới. Võ sĩ Nhật tấn công trước, đôi chân thoăn thoắt sàng qua sàng lại, thấy khó vào, hấn bắt ngờ đá ngay vào vế non Voi Chảy.

Cụ khẽ khuyu xuống thì một đòn đá dấp bóng ngay vào ngực, cụ hấp tấp đỡ, nhưng đó chỉ là đòn giả, cú đá bổ thẳng mặt tiếp theo làm cụ tối sầm mặt mũi.

Quản Bạt đứng vụt dậy : “Không xong rồi” !

Máu điên hiếu thắng không hề bỏ lỡ cơ hội, nhanh chóng ra đòn. Đôi chân bay như bướm, liên tiếp phóng đòn vào khắp cơ thể cụ Voi Chảy. Voi Chảy loạn choạng trong thế thua.

Võ sĩ Nhật hét lên một tiếng, lao cả hai chân vào ngực Voi Chảy, làm cụ xiêu đảo xuýt ngã. Hấn tiến sát

lại, quay móng tay quật vào giữa mũi cựa máu phọt ra, cả sân đấu hét lên. Hấn vẫn không tha, mím chặt môi nắm tóc cựa giật ngửa ra sau, chém liên tiếp ba phát vào yết hầu.

Voi Chảy gục ngã trước : “Beo Đen” hiểm ác. Cựa Voi Chảy gãy mấy cái rồi tắt thở, cuống họng đập nát, máu trào ra đằng mũi, miệng đặc kịt.

Hội vật nín lặng, đau thương ! Không ngờ kết cuộc lại quá bi thảm. Dân chúng nhao nhao hét lên :

- Đấu hữu nghị, sao lại giết người ? Quân dã man ! Đả đảo phát xít Nhật ! Đả đảo !

Bọn Nhật rút hết vào hậu trường. Các đô nhào ra ôm xác cựa Voi Chảy, nhiều bà con nấc lên, khóc lóc thê thảm.

Quản Bạt gạt dòng nước mắt nói với em :

- Chúng bày ra trò này để giết anh tài nước ta. Khốn nạn thật ! Cựa Voi mất đi thì còn ai dám đấu với nó...

Rồi vệt đám đông, tiến lại xác cựa Voi, nhìn một lúc, khẽ vuốt mắt đô vật già, đã từng hiển hách một thời :

- Thôi cựa nghỉ... Dù cựa có thắng, nó cũng sẽ tìm cách giết cựa.

Nói xong, ông khóc lên một tiếng, ngửa mặt lên trời than vãn :

- Dù con không tài võ vật, nhưng cũng xin thế sẽ trả thù cho cựa.

Rồi Quản Bạt bảo các đô đứng quanh :

- Các anh bảo với nó : sáng mai có người xin đấu với võ sĩ áo đen. Và chỉ một trận thôi ! Nếu bên nào không đấu là đã tự xin thua !

Tất cả đều ngạc nhiên sững sờ và lo sợ.

Chiều ấy, Tiệp can anh :

- Võ công nó quá ghê gớm, lại tàn bạo nữa, xin anh nghĩ lại. Quán Bạt cười nhạt, bỏ đi chẳng nói gì. Nhiều đô khác đến can cũng chẳng được, nhìn nhau thở dài.

Tối hôm ấy, cơm nước xong Quán Bạt nói với môn đệ rằng :

- Mai đấu phải quyết thắng, may lắm mới khỏi chết. Đòn nó mạnh như búa, nhanh như sét, lại bén nhọn, chính xác, chuyên đánh vào các chỗ hiểm. Nó toàn đánh đòn xa, đôi chân điêu luyện ! Trước nay ta quen hoa hòe, múa lượn đánh đòn gần, quen thi đấu giao hữu, không có ý sát phạt nhau. Võ của nó cốt để đánh người, hại người vô cố, nên đòn độc và nguy hiểm. Ta phải liệu chừng ! Khỏe dùng đức, yếu dùng mưu, bằng mọi giá phải trả thù cho cụ Voi Cháy, bảo toàn danh dự !

Sáng hôm sau, khi trống báo giờ đã điểm. Võ sĩ áo đen lại ra sân trước, vươn tay vươn chân răng rắc; Quán Bạt rút chai rượu giắt ở bụng ra, tu một hơi hết hần, tay quệt miệng, bước thẳng ra sân.

Tên Nhật ra đòn thử thách. Quán Bạt chỉ tránh. Miếng đòn giả không gây phản ứng với Quán Bạt. Ông

chưa vội tấn công. Võ sĩ Nhật dạo quanh, tìm sơ hở của đối thủ. Tên Nhật định dồn chân. Quán Bạt tránh được, không để bị chao đảo. Vì vậy ông tránh được những trận đòn phủ đầu của nó. Tên Nhật tay không thủ đạo đành tấn công vũ bão, xông vào, tay chân liên tiếp ra đòn. Quán Bạt né tránh và đón đỡ, chứ chưa cần tiến công.

Bất chợt võ sĩ Nhật dùng ngón đòn chấn chấn thủy. Quán Bạt chộp luôn lấy tay đối thủ vặn téo. Đối thủ đành phải tiến sát lại, đá vòng vào mông tang Quán Bạt. Đón không trúng, nhưng Quán Bạt cũng hơi choáng váng. Nhanh như cắt, Quán Bạt quàng tay túm ngang bụng hấn, Quán Bạt siết chặt tay vào bụng võ sĩ Nhật, lấy đầu thúc vào mặt nó liên hồi. Hấn đưa tay ôm mặt. Nhân thế Quán Bạt chộp luôn mái tóc. Tên Nhật hét lên, dấm liên tiếp vào ngực, Quán Bạt né tránh, vẫn nắm tóc hấn nhẩy quanh. Hấn gào lên, dấm đá, cái trúng cái không. Quán Bạt nhất định không bỏ, tay không thủ đạo đánh lên, đưa một gối trúng vào hạ bộ. Tên Nhật rú lên. Quán Bạt nắm tóc hấn giật ngửa, chém liên tiếp ba nhát vào yết hầu. Nó tắt thở chỉ trong chốc lát, Quán Bạt ôm ngực nhổ máu, rồi gượng đứng lên giữa muôn tiếng reo,

Trống nầy giờ quên đánh, giờ lắc cắc liên hồi, báo hiệu cuộc đấu chấm dứt !

Bọn Nhật còn đang ngơ ngác thì các đô đã ủa lên vây kín, vừa công kênh, vừa khiêng giầu Quán Bạt, sợ bọn chúng hèn hạ nổ súng.

Các bô lão vung gậy gộc ngăn chặn, dân chúng hò reo xông ra ào ào như ong vỡ tổ. Mọi người xúm quanh ông lo lắng. Sự thật thì Quản Bạt đau đơn lắm, các cơ bắp cứ giật giật, hơi thở đứt quãng.

Một lang y trong làng cấp tốc chạy đến, khi cởi áo Quản Bạt, thấy ngực ông thâm tím, sờ vào chỗ nào cũng kêu đau.

- Ghê thật ! Tay nó dấm gạch ngói như vỡ bánh tráng, thế mà ông Quản chịu được...

Thầy lang bảo người đi bắt cua giã, pha nước muối cho Quản Bạt uống sống... Ông gắng gượng ngồi dậy, vẫy vẫy Tiệp lại :

- Anh biết mình không thể sống được nữa, chỉ mừng là đã trả thù được cho cụ voi Chảy. Thắng được nó cũng nhờ mưu mẹo...

Người Nam ta cần giữ lấy danh thơm !

TRUYỆN CÁC TRẠNG

TRẠNG CỜ

Nói đến những nhân vật cự phách trong làng cờ tướng ngày xưa, người ta thường nhắc đến Trạng Cờ Vũ Huyền. Sách cũ ghi lại rằng ông người Hải Dương, ngay từ thuở bé đã ham chơi cờ, và đối với đám trẻ con trong vùng, Huyền chỉ có thắng và không bao giờ thua. Lớn lên, Vũ Huyền đánh bại tất cả các tay giỏi cờ. Nhiều nơi nghe danh ông muốn đến thử tài cao thấp. Tiếng tăm vang tận đến kinh đô.

Thuở ấy có viên chánh sứ Trung Hoa sang nước ta. Vốn là một tay có máu mê chơi cờ, lại từng đoạt giải cao về cờ tướng của nước Trung Hoa, nên y lại càng tỏ ra kiêu ngạo, trịch thượng khi thách vua ta cùng đấu cờ. Y nêu điều kiện : Nếu đánh ba ván mà vua thắng một thì coi như y đã thua, và sẽ mất cho vua ta một trăm lạng vàng. Còn nếu như cả ba ván y đều thắng, thì nhà vua phải chấp nhận một số yêu sách ngặt nghèo trong quan hệ bang giao giữa hai nước.

Trước sự thách thức đầy ngạo mạn ấy, nhà vua rất lo lắng vì nhà vua không phải là người giỏi cờ. Chuyện thua coi như cầm chắc. Vua họp quần thần lại để tìm cách đối phó, nhưng xem ra chưa có ý kiến gì sáng sủa. Có người tâu nhà vua nên mời Trạng Cờ Vũ Huyền về triều. Thế là một phái bộ được cử đi.

Sau khi nghe nhà vua nói những điều kiện đặt ra trong cuộc đấu cờ giữa chánh sứ Trung Hoa với nhà vua, Vũ Huyền tâu :

- Muốn tau bệ hạ, âm mưu của sứ Trung Hoa đã rõ. Hẳn đề nghị thi đấu trực tiếp với nhà vua, chứ không phải với người giỏi cờ nào khác, đây là điều đã được tính toán. Muốn chặn đứng dã tâm của đối phương tuy khó, nhưng không phải là vô vọng. Theo thiên ý của thần, chơi cờ là một cuộc đấu trí, nhưng cuộc đấu trí lần này không chỉ giới hạn trên bàn cờ, mà còn ở cách thức tổ chức cuộc chơi nữa. Hạ thần có thể giúp vua làm được chuyện ấy. Sứ thần Trung Hoa vốn đã từng đoạt giải cờ cao bên Trung Hoa nên rất kiêu ngạo. Cần kích thích thêm đầu óc kiêu ngạo và hiếu thắng của y để y càng chủ quan và ít đề phòng.

Thần đề nghị thông báo cho sứ Trung Hoa biết lần này, để đảm bảo tính khách quan, cuộc đấu cờ sẽ không tổ chức trong điện sang trọng mà ngay giữa thanh thiên bạch nhật ở nơi sân rồng. Ngoài hai người cầm lọng hầu của mỗi bên, không ai được đến gần nơi bàn cờ. Người cầm lọng hầu cũng phải cầm như hến, không được nói năng, bình luận điều gì. Còn cách thức cụ thể như thế nào, thì thần sẽ chịu trách nhiệm lo liệu, không phải bàn ở nơi đây; miễn là sứ thần Trung Hoa chấp nhận đề nghị của ta.

Khi nghe thông báo điều này, sứ thần Trung Hoa cho rằng đây là tập quán thích chơi cờ ngoài nắng của vua Nam, nên vui vẻ nhận lời.

Đúng hẹn, viên chánh sứ Trung Hoa đến sân rồng thì đã thấy bày sẵn một bàn cờ, hai ghế ngồi hai bên và hai chiếc lọng che do hai lính hầu cầm giữ.

Ván thứ nhất đã kết thúc một cách nhanh chóng và bất ngờ đối với viên chánh sứ, vì nhà vua đã giành

phần thắng. Mồ hôi y vã ra. Ván thứ hai diễn ra khá căng, hai bên giằng co quyết liệt, nhưng cuối cùng y vẫn bị hạ. Viên chánh sứ đỏ mặt tía tai, mồ hôi nhỏ giọt xuống bàn cờ. Ván thứ ba lại bắt đầu. Lần này, y định ninh sẽ giành phần thắng về mình. Mới đi vài nước, viên chánh sứ đã ăn được của nhà vua một con mã, một con xe. Đúng là vui như mở cờ trong bụng, y chắc mẩm rằng ít nhất thì cũng gỡ được thế diện trước vua ta. Y say sưa đuổi bắt nốt con xe của đối phương. Cờ mà để mất hai xe, một mã thì cái thua coi như cầm chắc. Y tung tất cả quân sang sông. Chẳng dè, ở nhà bị ngay nước chiếu pháo lồng, không sao đỡ kịp. Bộ mặt hớn hở của chánh sứ bỗng sị xuống cùng tiếng thở dài thất vọng không kìm chế nổi. Thế là ba ván bị thua cả ba, ngoài sức tưởng tượng của y. Cuộc đấu kết thúc trong không khí yên lặng mà nặng nề.

Thực ra, Vũ Huyền đã giả làm lính hầu cầm lọng che nắng cho nhà vua. Trên chiếc lọng chàng có dùi sẵn một lỗ để ánh nắng lọt qua chiếu thẳng xuống bàn cờ thành một chấm sáng nhỏ. Theo kế hoạch đã thống nhất trước với nhà vua, hễ ánh nắng chiếu vào quân cờ nào thì đi quân ấy, và ánh nắng di chuyển đến đâu thì đặt quân cờ đến đó. Nhờ vậy, mà nhà vua đã thắng được đối phương.

Ngày hôm sau, vua ban lệnh mở tiệc chiêu đãi các quân thần và Vũ Huyền đồng thời nhà vua ban sắc phong Vũ Huyền là Trạng Cờ, thưởng cho chàng nhiều vàng bạc, châu báu.

TRẠNG KHIẾU

Tương truyền vào thời Lê, ở làng Hữu Thanh thuộc phủ Thái Bình có một người làm “mỡ”, gọi là lão Đốp. Vợ chồng lão Đốp hiếm hoi, chỉ sinh được một trai đặt tên là Con. Nhà nghèo, lại làm nghề hèn kém, nên Con chẳng được học hành gì. Năm Con hai mươi tuổi, thì bố mẹ qua đời. Con thay bố làm thằng “mỡ” của làng.

Bấy giờ, ở làng có quan Thượng thư họ Lê về trí sĩ được dân làng mến đức, bầu làm tiên chỉ. Quan Thượng Lê có con gái tên là Hồng Ngọc đã đến tuổi mười tám, nhiều nơi môn đăng hộ đối đến dạm ngõ, nhưng tiểu thư chẳng chịu ưng ai. Một hôm, mỡ Con mang lễ vật của chúc sắc làng đến biếu cụ Thượng, Hồng Ngọc trông thấy mỡ Con tướng mạo khôi ngô, thì đem lòng thương mến yêu trộm nhớ thầm mà chẳng dám thổ lộ với ai. Về sau nàng mang bệnh tương tư. Cụ bà Thượng Lê dỗ dành, gạn hỏi con. Lúc đầu tiểu thư còn chối quanh, về sau đành thú thực với mẹ. Quan Thượng Lê biết chuyện, nổi trận lôi đình, mắng nhiếc tiểu thư thậm tệ coi như làm nhục gia phong. Nhưng càng ngày, thấy sức khỏe của con càng sút kém, nhan sắc tiêu tụy, quan Thượng lo lắng thuốc thang, nhưng chẳng có thuốc bắc, thuốc nam nào giải được cơn phiền muộn, quan Thượng đành gọi mỡ Con đến gả con gái cho.

Quan Thượng ra điều kiện với Hồng Ngọc :

- Mày muốn lấy con thằng mõ thì cứ lấy, nhưng từ nay không được nhìn mặt tao nữa, không được ở làng này, hãy dắt nhau đi đâu thì đi.

Hồng Ngọc thu xếp tư trang, hành lý, quần áo rồi đưa chồng vào Thanh Hóa, tìm đến trường học của cụ Thượng Phùng, nói dối Con là em trai của mình và thừa với quan Thượng :

- Lạy cụ, phụ thân con gửi em trai vào học cụ, mong được cụ dạy dỗ cho.

Thượng Phùng vốn quen biết cụ Thượng Lê và đã biết tiểu thư Hồng Ngọc từ thuở nhỏ, nên vui vẻ nhận Con là học trò. Sắp xếp cho mõ Con ở nhà ngoài cùng với mấy môn sinh khác, để tiện sách đèn. Riêng Hồng Ngọc thì dọn cho một buồng nhà trong, ngày ngày buôn bán để kiếm tiền nuôi em, chờ ngày thành đạt về trình diện với cha.

Lần lữa, năm tháng trôi qua, sau thời kỳ "khai tâm", mõ Con rất chăm chỉ, học một biết mười... Chẳng bao lâu, mõ Con trở thành một nho sinh, văn chương thơ phú tài tình, chữ viết như rồng bay phượng múa. Hơn trăm học trò trong trường... chẳng ai sánh kịp. Cụ Thượng Phùng lấy làm bằng lòng lắm, gọi tiểu thư Hồng Ngọc đến bảo :

- Cậu em của con học hành đã giỏi, khoa thi này ta chắc thế nào cũng đỗ. Vậy tiểu thư về báo với phụ thân mà tính bề khai cho cậu ấy, để đến kỳ thi cho hợp lệ, kéo trễ thì tiếc lắm !

Hồng Ngọc; hai má cứ ửng lên lúng túng, không biết tính liệu thế nào, đành phải tình thực trình bày câu chuyện giữa mình và mỗ Con với cụ Thượng. Hồng Ngọc lại thưa :

- Lạy thầy, nay chồng con chưa làm nên danh phận gì, làm sao con về thưa lại với phụ thân con được. Vậy xin thầy thưa lại với làng, cho con nhập tịch dân làng này có được không ạ.

Cụ Thượng Phùng thấy tình cảnh éo le của đôi trẻ thì động lòng thương, bèn viết thư cho quan Thượng Lê và mời vào Thanh Hóa để định liệu cho việc chàng rể đi thi.

Được thư, quan Thượng Lê xót thương con gái, bàn với quan bà, rồi cất bước vào Thanh cho rõ thực hư. Đến nơi, sau buổi hàn huyên của hai người bạn già, cụ Thượng Phùng bèn trao tập văn của cậu Con cho cụ Thượng Lê xem. Xem xong, cụ Thượng Lê lấy làm hài lòng, khen ngợi. Nhưng thầm nghĩ : Có thể là cụ Thượng Phùng vì thương bọn trẻ mà gà bài cho nên chuyện, Ấy thế, nên muốn thử tài mỗ Con cho chắc chắn, bèn gọi mỗ Con đến và ra đề thơ *Vịnh cái mỗ*.

Mỗ Con lĩnh ý rồi "khai bút" làm bài thơ bát cú như sau :

Vì thiên hạ điếc đã lâu ngày,

Trời mới sinh ra chiếc mỗ này

Phép nước vang lừng ran của miệng

Lệnh làng thét nét, khét trong tay

*Việc quan thúc bách ba dùi đóp,
Lộc thánh gia ban mấy học đầy
Lóc cóc tre già măng lại mọc
Đầu đình chót vót bảng từng mây.*

Quan Thượng Lê xem xong bài thơ, lấy làm thích thú, vỗ đùi đánh đét, khen :

- Rõ khẩu khí con nhà thằng mõ, mà văn chương trượng nguyên.

Đoạn, ông bảo tiếp :

- Con ở làng Hữu Thanh, họ Khiếu, để rồi về ta nhờ lý trưởng loại khai cho mà đi thi.

Xong đó, gọi tiểu thư đến khen ngợi.

- Con quả có con mắt tinh đời. Cha đành chịu lỗi không biết xét người. Bây giờ con yên lòng ở lại đây nuôi chồng ăn học, chờ ngày ứng thí. Đến ngày chồng con thi đỗ sẽ vinh quy và vu quy một thể, như vậy sẽ làm rạng rỡ tông đường.

Năm ấy, Khiếu Hữu Thanh đỗ đầu thi hương. Quan Thượng Lê nghe tin viết thư giục về vinh quy. Nhưng Hữu Thanh chưa chịu về mà ở lại Thanh Hóa dùi mài kinh sử, chờ ngày thi hội. Sau khi giạt giải hội nguyên, Khiếu Hữu Thanh bước vào thi đình đỗ luôn đình nguyên "đệ nhất giáp tiến sĩ, đệ nhất danh".

Vua mời vào dự yến và có ý gả công chúa Quỳnh Hoa, nhưng Trạng nghĩ đến Hồng Ngọc bấy lâu chung thủy vì mình mà vất vả, nên thật thà bày mình đã có vợ nhà, nên không thể xe duyên cùng công chúa.

Vua khen Trạng có nghĩa, ban cho biển vàng "An Tú Vinh Quy" và "Ngự tứ hôn".

Hàng tỉnh, hàng quận huyện được lệnh trên sức đi đón tiếp quan Trạng. Từ thành Nam trở về, cờ xí rợp trời, chiêng trống inh ỏi. Quan Thượng Lê nghe tin mừng khôn xiết, sai kết lầu hoa đón con rể và con gái.

TRẠNG KIẾN

Người ta không còn nhớ tên thật của Trạng là gì, chỉ nghe truyền lại rằng vóc người nhỏ thó nhưng cực kỳ thông minh. Thuở bé, Trạng mồ côi mẹ, nên sống với bố, nhà lại nghèo nhưng ông bố cũng cố gắng cho con học hành. Cậu bé học một biết mười, nên năm lên bảy đã nổi danh thần đồng, nhà vua cũng biết tiếng.

Cái tên Trạng Kiến mà dân gian truyền tụng ca ngợi cậu bé thần đồng liên quan đến sự kiện con kiến - nhờ nó mà triều đình thời bấy giờ chặn đứng được một mưu toan đen tối của phương Bắc. Chuyện kể rằng :

Thuở ấy giặc phương Bắc có ý muốn nhòm ngó nước ta. Chúng sai sứ sang bắt vua ta thực hiện một yêu cầu oái oăm, là luồn một sợi dây chỉ xuyên đường quanh co xoắn xuýt của vỏ một con ốc bể. Nếu không làm được thì chúng sẽ đem quân sang chinh phạt. Vua và triều đình họp bàn, có nhiều sáng kiến được nêu ra, nhưng cuối cùng không ai xâu được sợi chỉ quanh vỏ ốc cả.

Trong lúc vua quan đang lúng túng, thì một viên quan đề nghị, nên cho mời cậu bé thần đồng nổi tiếng đến giúp ý kiến. Nhà vua chấp thuận.

Sau đó cậu bé được triệu về triều. Khi nghe vua kể lại yêu sách của sứ phương Bắc, cậu bé ung dung đáp :

- Tâu đức vua, xin Người chớ lo. Đức vua hãy báo cho Bắc sứ đến sáng mai, thần sẽ thỏa mãn yêu cầu của họ.

Sáng hôm sau, theo hẹn, viên chánh sứ đến. Nhà vua và tất cả quần thần đều có mặt. Cậu bé lấy sợi tơ buộc ngang lưng một con kiến, sau đó thả con kiến chui vào một đầu lỗ bên này của vỏ ốc, đầu phía bên kia của vỏ ốc, cậu bôi một tí mật. Con kiến đánh hơi mật, chẳng quản đường xoắn ốc quanh co, nó rúc sâu vào để ăn mật ở đầu bên kia. Thế là sợi tơ mềm mại được kiến kéo theo luồn qua cái vỏ ốc xoắn xuýt dài hơn gang tay một cách nhẹ nhàng trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Bị thất bại, tên chánh sứ tỏ vẻ tức tối bước ra khỏi phòng họp.

Chợt thấy một con chim họa mi của nhà vua đang nhảy nhót trong lồng, hấn bắt con chim cầm ở trong tay, rồi quay lại đổ cậu bé với thái độ thách thức :

- Người thông minh, vậy ta hỏi người là ta định thả con chim ra ngoài trời tự do, hay bóp chết nó ? Hãy nói mau đi !

Trong khi mọi người chưa kịp nghĩ vì quá đột ngột, cậu bé đã nhanh nhẹn vượt qua bệ cửa ra vào, đứng một chân trong, một chân ngoài, rồi nói với viên chánh sứ.

Xin ông trả lời cho là tôi định bước ra ngoài, hay bước vào trong nhà đây ? Ông nói đúng, thì tôi sẽ trả lời điều ông vừa hỏi.

Viên chánh sứ đành im lặng, rồi truyền cho đám tùy tùng rút lui có trật tự.

Nhà vua đã hết lời khen ngợi sáng kiến và tài ứng phó nhanh trí của cậu bé nên phong cậu làm Trạng. Từ đó, trong dân gian gọi cậu là Trạng Kiến.

TRẠNG TRỊNH

Ngày xưa, ở làng Trịnh Xá thuộc huyện Tam Nông, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú, có một người con bà hàng nước, vốn thông minh hiếm có. Khác với mọi người, anh chàng thuở nhỏ chẳng hề học thầy nào.

Ngày ngày theo mẹ ra hàng bán nước, cậu bé thường chơi trò chơi lấy gai viết thành chữ trên những chiếc lá.

Hồi bấy giờ, qua lại ngôi hàng nước của bà mẹ, có hai người học trò, một ở làng Giồng, một ở làng Vầy. Họ đi sang làng bên theo học một thầy đồ ở đấy. Chú bé nhà hàng thấy hai anh học trò này lúc nào cũng có vẻ vội vàng, lật đật trông đến tức cười, nên thỉnh thoảng lại tìm cách trêu cho vui. Câu đùa của chú bé thường là :

- Thế nào ? Lại đây cho ta xem bài vở ra sao đã !

Bị chọc tức, hai chàng lúc đầu còn tỏ vẻ bĩu môi khinh, sau đó cứ tức bực căng dần lên, nhưng vẫn chưa nghĩ được cách gì trả đũa cho ra dáng người được học hành.

Một hôm, thầy đồ ra một bài văn khó. Cả hai chàng nghĩ mãi chưa ra. Đi qua quán nước, họ lại nghe chú bé ở trong nhà xắc xược gọi ra :

- Nào, có bà vở nào khó, đưa đây ta chỉ cho !

Cả hai chàng trong lúc bí liền bàn nhau : hãy cứ thử một chút với cậu bé này xem sao. Họ bèn cùng ghé lại hàng, giải bày với chú bé chuyện riêng của mình.

Chú bé bèn bảo :

- Ta sẽ bày cho các anh, nhưng nếu các anh thấy đúng, làm theo thì phải lấy lễ sư phụ mà đãi ta đấy.

Hai anh học trò đồng ý. Vậy là chú bé liền chỉ bảo cho từng ý, từng câu. Nghe đến đâu, cả hai đều phục và chăm chú ghi chép đến đấy.

Được chú bé gà bài, hai anh học trò hí hửng mang quyển lên nộp cho thầy.

Thầy đồ chấm bài, thấy hai bài cùng có nội dung giống nhau, nhiều đoạn, nhiều ý rất hay, ít ai bì kịp. Thầy lẩm bẩm :

- Lạ thật ! Sức học của hai trò này trước nay tầm thường, thế mà bây giờ bài của họ lại khá hẳn lên ?

Thầy đồ muốn tìm cho ra ngọn ngành chuyện này, liền gọi hai trò vào hỏi thẳng :

- Từ trước đến nay, các con chưa có bài nào đạt khá như bài này. Ta đoán rằng các con đã nhờ vả ai đây ? Vậy ai đã mách bài, các con phải khai cho thật.

Hai anh học trò loanh quanh một hồi, biết không thể nào giấu nổi thầy, cuối cùng đành khai thật là đã nhờ đưa bé, con bà chủ quán nước làng Trịnh bày cho. Biết được chuyện, Thầy đồ mới nảy ra một thâm ý. Ông ta lại ra đề cho học trò làm bài, rồi dặn bảo hai trò kia cứ nhờ cậu bé làm giúp cho, nhưng phải lấy

được bài của cậu bé về để thầy sẽ đoán hậu vận của từng trò một. Hai cậu học trò thấy thầy không bắt tội lại dạn dò cẩn thận, nên đến gặp cậu con bà hàng nước để nhờ.

Từ khi ấy, hai chàng học trò nọ tôn chú bé làm thầy, rồi cả thầy lẫn trò cùng dùi mài kinh sử. Ít lâu sau, nghe vua mở khóa thi, cả ba thầy trò đều náo nức ứng thí. Trải mấy kỳ vất vả khó nhọc về văn bài, đến ngày treo bảng, xướng danh, thì hai trò đều đỗ, một anh Bảng nhãn, một anh Thám hoa. Còn anh con bà hàng nước thì loa đã truyền ngay từ đầu là được đỗ Trạng nguyên. Cả ba thầy trò cùng vui mừng hơn hờ chờ ngày vào kinh nhận yến vua ban và chuẩn bị bái tổ vinh quy.

Ông đồ nọ nghe tin chú bé hàng nước vừa chiếm khôi nguyên, bèn tìm cách gièm pha tân trạng. Ông ta lục tìm tờ giấy có bút tích xưa của anh chàng và viết đơn tố cáo với triều đình là Trạng đã bội ơn thầy học. Vua cho gọi Trạng vào hỏi, nhưng Trạng không nhận mình là học trò thầy đồ. Thầy đồ liền đưa tờ bài mà Trạng đã làm giúp cho hai cậu học trò xưa kia, thành ra Trạng vẫn bị buộc vào tội bội sư (phản bội thầy học).

Trạng chán ghét sự đời đen bạc nên không nhận một vật phẩm nào của triều đình ban cho. Ông thường bỏ đi đây, đi đó tìm những danh lam thắng cảnh viếng thăm rồi trở lại quê nhà, lấy đồng ruộng làm nơi sinh sống.

Một hôm, Trạng vác mai đi thăm đồng, gặp ngay vồng một viên tri phủ đang vi hành. Ông vốn biết viên quan này là một con một tham lam, nên nhìn vồng mà không thêm chào. Hai tên lính khiêng vồng khệ nệ thấy

ông có vẻ ngang nhiên lại cứ thẳng đường đi, không chịu né tránh, liền thét lác, bắt ông phải vào khiêng cáng đỡ cho chúng. Trạng Trịnh vẫn bình tĩnh hỏi :

- Thế tôi khiêng vồng, thì ai cầm mai cho tôi ?

- Vứt mẹ nó xuống hồ kia kìa. Một tên lính bảo.

Nghe thế, Trạng bèn dùng hết sức mình, dặng cẳng lao cái mai ra tận giữa hồ nước rồi kể vai khiêng vồng.

Đi được một quãng dài, đến đầu làng Giồng, Trạng bèn xin với quan cho nghỉ một lát vì quá mệt. Nói đoạn, đặt vồng xuống nghỉ, viên tri phủ chưa kịp có ý kiến đã bị rơi đánh bịch xuống đất. Định chồm dậy đánh cho Trạng một trận, nhưng y bỗng đứng sững như trời trồng, vì ngay lúc ấy nghe tiếng Trạng réo to :

- Bớ Bảng Giồng ! Bớ Bảng Giồng ! Mau ra đây khiêng giúp thầy một vai kéo quan này nặng quá !

Viên tri phủ chưa hiểu đầu đuôi ra sao, thì trong cổng một nhà cạnh đường đã thấy một người lật đật chạy ra. Đó là quan Bảng - anh học trò cũ của Trạng Trịnh - đang ngồi xem sách trong nhà, nghe tiếng gọi dồn dập, biết là thầy đến, nên vội vàng chạy ra nghênh tiếp. Vừa giáp mặt Trạng, quan Bảng đã sụp xuống lạy thầy. Nhìn thấy cảnh này, viên tri phủ kia tái cả mặt, chân tay run lập cập. Quan Bảng mới nhìn qua đã hiểu cố sự, định buông lời hặc tội viên tri phủ kia. Nhưng Trạng Trịnh đã xua tay ngăn :

- Thôi, y chưa biết đến thầy nên mới thế ! Bây giờ con hãy bảo y khiêng trả ta về chỗ xuất phát và phải

lội xuống hồ mò trả lại cái mai cho thầy, để kịp đi làm đồng kéo trưa mất !

Viên tri phủ ấp úng mãi mới thốt được mấy lời xin lỗi quan Trạng, quan Bảng, mong được xá tội, rồi cúi đầu, cầm cổ cùng tên lính khiêng trả Trạng về. Đến chỗ hồ mà Trạng ném chiếc mai, viên tri phủ cùng mấy người lính lại run lập cập xấn quần, lội xuống mò. Hôm ấy vào buổi giá rét, viên tri phủ được một bữa ngâm nước lạnh gần chết mà chẳng dám ho he.

Biết chuyện, đám quan lại trong vùng từ đó cũng giảm bớt hống hách, không còn hoành hợ dân như trước nữa.

TRẠNG GẤU

Xưa kia, ở làng Gấu, huyện Phù Hoa, có hai vợ chồng một ông lão mãi đến năm 60 tuổi mới sinh được một mụn con trai, đặt tên là Tống Trân. Lên 3 tuổi, cha mất, hai mẹ con phải dắt nhau đi ăn xin.

Một ngày kia, hai mẹ con lên tỉnh Sơn Tây, vào nhà một trưởng giả. Người con gái tên là Cúc Hoa cảm thấy thương cảnh ngộ, mới lấy một đấu gạo đem cho. Không ngờ trưởng giả về, thấy vậy nổi trận lôi đình, bắt Tống Trân vào hỏi lai lịch, rồi buộc Cúc Hoa phải lấy làm chồng, dù Tống Trân mới 8 tuổi, còn Cúc Hoa 13 tuổi. Bị bố đuổi ra khỏi nhà, nhưng được mẹ thương, lén cho con một ít tiền. Nhờ đó, Cúc Hoa nuôi thầy dạy học cho chồng. Ngày Tống Trân đi thi, nhà cửa sạch không, Cúc Hoa đã toan bán chiếc yếm, nhưng Tống Trân ngăn lại, tự mình tay không đi hành khất dọc đường để đi lên kinh. Cúc Hoa tìm về nhà để xin cha giúp đỡ, nhưng bị cự tuyệt. Trên đường đi, Tống Trân trải nhiều phen gian khổ, tủi nhục. Chàng thi đỗ ngay Trạng nguyên năm ấy. Vua ngỏ ý muốn gả con gái cho Trạng, nhưng Trạng một mực từ chối. Vua đành ban mũ áo cho về vinh quy. Lúc bấy giờ, nghe tin chàng đỗ trạng, lão trưởng giả lại chạy đến, xum xoe nhận con, nhận rể.

Ở kinh đô, nàng công chúa bị Tống Trân từ hôn rất bất bình, bèn xin vua cha, bắt Trạng đem đi đây.

Chiếu ý con, nhà vua mới xuống chiếu cử Tống Trân đi sứ 10 năm, cũng có nghĩa là đưa đi biệt xứ. Tống Trân đành phải giã biệt mẹ già và vợ, rút lòng tuân theo chiếu chỉ.

Hồi bấy giờ, Trung Hoa do nhà Tần thống trị. 18 nước cùng cử sứ giả sang thông hiếu. Đi sứ lần này, Tống Trân bước vào một cuộc đấu trí để bảo vệ quốc thể, mà cũng là để tự vệ. Đầu tiên, vua Tần sai đào hố giữa đường, trải chiếu hoa lên, mời các sứ giả đi. Tống Trân biết mưu, đi sang bên lề đường, nên vào thẳng được sân rồng, trong khi sứ các nước nhiều người ngã lăn xuống hố. Vua Tần lại sai đem Trạng vào hãm ở trong một ngôi chùa 10 ngày không cho ăn uống gì cả. Trạng nhìn thấy trên bệ thờ có ba ông bụt thếp vàng, lại có ba ấm nước bày sẵn. Trạng bèn ngả bụt xuống coi thì té ra bụt được đắp bằng chè lam. Thế là có thức ăn lại có nước uống đủ để sống cầm cự. Mười ngày sau, vua cho người gọi ra, thấy Trạng vẫn còn sống. Hỏi đến mấy ông bụt thì Trạng thưa là bụt đã nhập tâm rồi. Vua ngỏ ý muốn gả con gái cho Trạng, nhưng Trạng cũng từ chối.

Nhà vua mến Trạng, cho ở nhà kế một bên, để Trạng vừa châu vua, vừa đọc sách. Thời gian sau, Trạng xử đoán nhiều vụ kiện tụng khá phân minh, tỏ ra là một con người có tài năng.

Đầu tiên là vụ xử người đàn bà giết chồng. Trạng nghe tiếng khóc, đoán biết người này thật lòng không yêu thương chồng. Trạng cầm kéo cắt mái tóc chị ta đi, phát hiện được chiếc kim sào, và chứng minh rằng: "Kim sào ấy chính là dao giết chồng".

Thứ hai là vụ xử kiện cảnh đa. Có người lái buôn kiếm được số tiền sau những ngày lặn lội mua bán, không đưa tiền về nhà mà lại giấu ở gốc cây đa để đề phòng việc cướp bóc, rồi mới về nhà. Đêm ấy, anh ta kể chuyện cho vợ nghe, không ngờ tên nhân tình của vợ là xã trưởng mò đến, nấp ở bên ngoài, nghe lỏm được, hăn liền mò ra gốc đa lấy mất.

Người lái buôn, sau khi không tìm thấy tiền, bèn chặt một cành đa mang đến kiện với Trạng rằng cây đa biển thủ, không giữ của cho mình. Trạng lập mẹo điều tra bắt được thủ phạm. Uy tín của Trạng từ đó càng lan rộng trong triều, ngoài nội.

Trong khi Tống Trân ở nước Tần, lão trưởng giả ở nhà sinh lòng phản trắc. Suốt 7 năm, không nghe tin tức gì của chàng rể, hăn gọi con về, bàn định cho nàng tái giá. Cúc Hoa không chịu. Hăn bèn cho tay chân đến bắt mẹ chồng nàng đem giam vào chuồng trâu, và giữ Cúc Hoa trong buồng có 3 lần cửa khóa, đánh đập không nương tay. Cúc Hoa, một đêm tìm cách trốn lên núi Ba Vì. Đến đây, nàng được Sơn Tinh cứu giúp, bảo nàng viết thư cho chồng, rồi thần hóa phép chuyển thư đến tay Tống Trân. Tay trưởng giả cho bọn gia nhân tìm bắt được Cúc Hoa, đem ép gả cho một Đình trưởng giàu có.

Cùng trong thời gian này, ở bên nước Trung Hoa, Tống Trân nhận được thư vợ. Chàng đem thư trình lên vua Tần. Nhà vua cảm kích về mối tình của hai người, nên giảm thời gian lưu sứ, để Tống Trân sớm về nước.

Khi về nước, Tống Trân cho đoàn tùy tùng dừng lại bên bờ sông Hồng, còn mình thì cải trang làm người

ăn mày về quê để dò la tình hình. Chàng được tin nhà trưởng giả đang chuẩn bị tổ chức đám cưới giữa Đình trưởng và Cúc Hoa, trong nhà kẻ ra người vào rộn rịp. Trong khi đó, Cúc Hoa vẫn một mực cự tuyệt không chấp nhận cuộc ép duyên này. Nàng than khóc, đem sách, áo quần cũ của chồng ra đốt đi, lập bàn khăn vái và sau đó quyết quyền sinh để giữ tròn trinh tiết với chồng. Nàng nhờ người ở nhà trưởng giả mang cơm cho mẹ chồng bị nhốt nơi chuồng trâu, kèm theo tám nén vàng mà nàng đã dành dụm được để bà lo bề hậu sự sau khi nàng qua đời. Nhưng bọn con ở, do lòng tham, chỉ đưa cơm đến cho bà, còn vàng thì giấu để chia nhau.

Biết rõ được tình hình, Tống Trân trở về nơi đoàn tùy tùng trú đóng, bàn kế hoạch ngày mai để đối phó với đám cưới chính thức diễn ra ở nhà trưởng giả.

Sáng hôm sau, vẫn trong lốt kẻ ăn mày, Tống Trân đến chỗ đám cưới vờ xin ăn. Đình trưởng cho chàng một khúc xương trâu, chàng thản nhiên nhận. Có người chị vợ của y thấy thương hại, đem thêm xôi thịt ra cho. Chàng tìm cách lẻn xuống chuồng trâu, nơi giam giữ mẹ chàng, và giả đóng vai thầy bói cho bà biết rằng con bà nay mai sẽ về. Sau đó, trở ra, chàng tiếp tục làm người hành khất, ngồi bên cổng nghêu ngao hát chúc đám cưới, làm cho đôi bên hai họ đều phổng mũi, hết lời khen ngợi.

Lát sau, chàng trở ra ngoài, trút bỏ lốt ăn mày, dẫn đoàn tùy tùng vào vây bắt toàn bộ đám cưới. Trước những chứng cứ rành rành, vợ chồng trưởng giả, sau những bào chữa quanh co, đành phải nhận

tội. Sự có mặt kịp thời của Trạng đã cứu được nàng Cúc Hoa trong cơn tuyệt vọng. Mẹ chàng được giải thoát. Cuộc hội ngộ bất ngờ đầy kỳ thú giữa mẹ con, chồng vợ sau chặng đường đầy gian truân, khúc khuỷu không chỉ là niềm vui sướng của những người trong cuộc, mà cả bà con, làng nước, những ai tôn trọng đạo nghĩa, thủy chung đều vui mừng, phấn khởi, chúc cho họ được sống hạnh phúc.

Sau đó, Tống Trân về triều tâu trình với vua về việc thực thi công vụ trong thời gian đi sứ ở nước ngoài. Nhà vua ban khen và cử chàng giữ chức quan mới tại triều.

Trong một cuộc đi săn hươu, tìm thuốc chữa bệnh cho hoàng hậu theo lệnh của vua, tình cờ Trạng bắt gặp công chúa Bạch Hoa ở giữa rừng sâu. Trong một tai nạn đắm thuyền do một cơn bão bất ngờ trên biển trước đó, công chúa bị sóng đánh dạt vào bờ ven rừng, và may mắn là nàng đã được hươu nai ngày ngày mang quả rừng đến nuôi sống nàng. Trạng đã đưa nàng về trình bày mọi việc với nhà vua. Vua cho rằng đây cũng là duyên trời định, rồi tuyên bố gả công chúa Bạch Hoa cho Trạng.

Nói về quan hệ giữa Cúc Hoa và công chúa Bạch Hoa, cả hai đều cùng tỏ ra khiêm nhường, không ai chịu nhận làm vợ cả. Cuối cùng, Cúc Hoa trở thành chánh thất sau một cuộc thi tài về nội trợ giữa hai người. Họ sống với nhau trong sự hòa thuận, sum vầy, đầm ấm.

Câu chuyện về Trạng Gầu, theo lời kể của dân gian chỉ có thế. Nhưng sách *Thần tích* còn chép thêm :

Cúc Hoa không có con, đau bụng chết ngày 3-3. Tống Trân chôn cất vợ rồi lui về nhà, không ra làm quan nữa, mở trường dạy học, sau bị chúng mã đao, mất ngày 5-5 năm Tân Hợi. Vua sai quan là Nguyễn Đình Thi đưa sắc về làng, tôn là Thượng đẳng tối linh phụ quốc hầu nam Tống Trân đại vương. Hằng năm, đến tháng 2, tháng 8 đều có tế lễ. Năm Tự Đức thứ 3 và thứ 33, năm Đồng Khánh thứ hai, năm Duy Tân thứ 3 và năm Khải Định thứ 9 đều có sắc phong cho thần.

TRẠNG ẾCH

Ở một làng nọ có một chàng trai mồ côi cả cha lẫn mẹ. Vì quanh năm chàng sinh sống bằng nghề bắt ếch, người ta quen gọi là chàng Ếch, mà quên đi cái tên của cha mẹ đặt cho từ thuở bé. Trong làng có một nhà khá giả thấy Ếch chăm chỉ, siêng năng, bèn gọi đến gả con gái cho và để cho chàng ở rể luôn trong nhà.

Khi ở rể, chàng vẫn cần cù làm lụng, chẳng quản nắng nhọc sớm hôm, nên không có gì làm bố vợ phật ý. Nhưng phải cái chàng quá thật thà, ai bảo gì cũng tin. Bởi vậy, bố vợ cho rằng chàng ngớ ngẩn, tìm cách đuổi khéo đi.

Một hôm, ông gọi chàng đến và vờ bảo :

- Từ bé con chưa được học hành. Nay con hãy lên đường, đi học khôn. Bao giờ học khôn xong, con lại trở về vui thú gia đình, lúc ấy chắc nhà ta sẽ rạng rỡ hơn đây.

Nghe bố vợ nói, chàng tin lời và sửa soạn hành trang ngày hôm sau ra đi học khôn.

Chàng đi từ sáng tinh mơ, đến chiều tối mới gặp đám trẻ đang ngồi chơi bài trên bờ đê. Chúng vừa đánh bài, vừa hát :

“Thênh thênh ngồi bãi cỏ tranh hơn ngồi chiếu cao”

Chàng nghe thấy hay hay rồi học thuộc câu đó.

Sáng hôm sau, chàng lên đường từ lúc gà vừa gáy sáng. Đi được một quãng, chàng thấy hai người đàn ông đang tát nước. Người này bảo người kia :

“Thượng điền thủy, hạ điền khan”⁽¹⁾.

Tuy chẳng hiểu câu đó nghĩa là gì, chàng vẫn học lấy và đi tiếp. Khoảng quá trưa, chàng thấy một thằng bé đang câu ếch bên bờ ao. Con ếch thập thò trước cửa hang. Thằng bé vừa thả câu, vừa lẩm bẩm :

“Thập thò mà lo chẳng chết !”

Chẳng cần đắn đo suy nghĩ gì, chàng học luôn câu thằng bé vừa nói, rồi lại ra đi.

Gần tối có hai người lính tắt tả đi tới. Khi đi qua chàng, họ bảo với nhau :

“Thôi tối rồi ! Nay ngủ đây mai lên huyện sớm”

Chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao, chàng vớ luôn câu ấy mà học thuộc.

Sang ngày thứ ba, chàng vẫn đi lang thang để học khôn như vậy. Khi ngang qua ngôi nhà tranh, chàng thấy một cụ già đang ngồi bắt rận trước cửa. Chàng đứng lại xem. Bắt được con rận thứ nhất, cụ già lấy móng tay giết đi và nói :

- “Thằng kênh tao cũng bắt.”

⁽¹⁾ Nghĩa là : ruộng trên cao thì có nước, còn ruộng dưới thấp lại khô cạn.

Bắt con rận thứ hai, cụ lại bảo :

- "*Con càng tao cũng tóm !*"

Và sau cùng, bắt con rận thứ ba, cụ nói :

- "*A, thằng nhỏ tao cũng chẳng tha.*"

Chàng nghe thấy thú vị, bèn học thuộc cả ba câu. Giữa lúc ấy, có một người làng đi qua; gặp chàng, anh ta mừng quá, vội hỏi :

- Này, anh biết gì chưa ? Người ta gả vợ anh cho người khác rồi. Họ đang tổ chức lễ cưới khá lớn. Anh về mau lên !

- Nghe tin dữ, chàng Ếch bỏ dở cuộc đi học khôn, cấp tốc trở về nhà ngay, và đi suốt đêm không ngủ.

Thì ra, về đến làng chàng mới rõ là bố vợ chàng lừa cho chàng đi vắng, rồi đem vợ chàng gả cho một gã khác giàu có hơn. Hôm nay là ngày đón dâu. Hai họ đang cỗ bàn linh đình. Thấy chàng xuất hiện bất ngờ, ông bố vợ đâm hoảng, nhưng sau đó, ông trấn tĩnh ngay. Ông sai dọn cho chàng một mâm cơm, đặt ở ngoài sân. Người nhà cũng chẳng buồn trái chiếu cho chàng ngồi, nhưng chàng chẳng quản ngại gì, bê mâm ra sát rìa sân, nơi có đám cỏ tốt để ngồi. Vừa ăn, chàng vừa nhẩm lại những câu học được trong mấy ngày qua. Chàng rung đùi, đọc câu thứ nhất :

"Thênh thênh ngồi bãi cỏ tranh hơn ngồi chiếu cao".

Nghe chàng nói vậy, ông bố vợ giật mình : "À, ra nó mĩa mình đây. Thì mời nó vào nhà vậy". Nghĩ thế, ông sai trái chiếu hoa trong nhà và mời chàng vào.

Được ngồi chiếu hoa, chàng cảm thấy khoai khoai và nhớ đến "bài" thứ hai học được, bèn cao giọng đọc :

"Thượng điền thủy, hạ điền khan"

Nghe chàng nói như vậy, bố vợ chàng giật mình sửng sốt : Ông nhủ thầm : Từ trước tới nó chỉ là đứa ngu ngơ, nay bỗng dưng trở nên khôn ngoan lạ thường. Nói năng văn hoa, chữ nghĩa ra phết : "Thênh thênh ngồi bãi cỏ tranh hơn ngồi chiếu cao" ! Lại còn đọc chữ Hán nữa : "Thượng điền thủy, hạ điền khan". Chắc chàng nói bóng nói gió, rằng mâm trên thì có rượu, còn mâm chàng ngồi là mâm dưới, không có rượu. Ông bèn sai đem rượu mời chàng uống. Họ hàng nhà vợ thấy chàng như vậy thì lạ lắm, họ tùm năm tùm ba, từ bên trong cửa buồng thập thò ló cổ ra nhìn.

Đang lúc phấn chấn, lại có chén rượu vào, chàng cao hứng gật gù đọc tiếp :

"Thập thò mà lo chẳng chết !"

Đám họ hàng nhà vợ nghe càng chết khiếp. Họ tưởng chàng dọa họ thật. Thì các dì, các chị chẳng thập thò ở cửa buồng là gì ? Cả nhà hốt hoảng, nháy nhau kéo vào bếp để bàn cách đối phó.

Cơm no, rượu say đầu đầy, lúc này đã chiều tối, Éch ta ngất ngưỡng ra về. Đã ra đến cổng, chàng còn ngoái cổ lại đọc nốt "bài" thứ tư mà chàng học được.

"Thôi, tối rồi ! Nay ngủ đây, mai lên huyện sớm"

Nghe chàng nói đến câu này, cả hai họ sợ hãi đến rụng rời cả chân tay. Họ cho rằng phen này ắt chàng

lên huyện kiện họ về việc cướp vợ của chàng. Thế là chẳng ai còn hồn vía nào mà ăn uống nữa. Cả họ nhà chú rể, chẳng ai bảo ai, lo thu dọn cỗ bàn, quên cả chuyện rước dâu, cũng chẳng buồn chào ông chủ, lủi về hết.

Tối hôm đó, bố vợ chàng nơm nớp lo âu, bèn gọi thằng nhỏ bám sát theo, xem đêm nay chàng ngủ ở đâu và làm gì.

Thì ra, chàng Éch tìm đến chòi tranh của anh bạn nổi khổ cùng làng, từng đi đánh giậm, bắt ếch với nhau ngày nào. Đứng từ ngoài rào, thằng nhỏ nhìn qua kẽ liếp, thấy chàng đang ngồi trước đèn, trước mặt có vật gì trắng trắng, ở xa trông giống như tờ giấy. Thằng nhỏ đoán đích thị là chàng đang làm đơn kiện. Đúng rồi ! Nó nghe rõ ràng tiếng chàng : "Thằng kỉnh tao cũng bắt, con còng tao cũng tóm". Kỉnh chính là tên ông chủ nó, còn Còng là tên của bà chủ. Phên này thì cả nhà ông chủ đến chết mất thôi ! Bỗng nó lại nghe tiếng reo lên : "A, thằng nhỏ tao chẳng tha !" Đúng là chàng đang nhắc đến tên nó. Thế này thì oan cho nó quá ! Thằng nhỏ vượt qua rào, xô tấm liếp, xông vào nhà, rồi sục dưới chân chàng, lạy như tể sao.

- Việc này, tất cả đều do ông chủ, bà chủ vì hám tiền mà âm mưu gạt cậu, đem bán gả cô hai một lần nữa, nào con có liên can gì đâu, xin cậu tha cho con.

Thì ra, tối hôm ấy, về đến nhà của anh bạn nổi khổ, trời nóng bức quá, Éch đi tắm rửa cho sạch bụi đường, đang ngồi chờ anh bạn đi soi cá đêm về, hai người sẽ bàn nhau cách đối phó lại ông bố vợ xảo

quyết. Trong lúc chờ đợi, ngồi buồn, chàng Éch lấy khổ ra bắt rận. Chàng bắt chước cụ già đã gặp trên đường, cứ mỗi lần bắt được một con rận thì vừa giết, vừa đọc câu đã học thuộc. Cứ thế...

Đứng từ xa, thằng nhỏ trông gà hóa quóc, tưởng là chàng làm đơn để kiện lên quan. Sợ quá, thế là nó kể tất cả, từ việc ông chủ lừa chàng đi vắng để đem vợ chàng gả cho người khác, đến việc ăn hỏi, cưới xin... Chàng nghe xong, bèn bảo nó :

- Ủ, thì tao tha cho, nhưng mày về bảo ông chủ mày phải đem vợ trả tao, hủy bỏ cuộc hôn nhân lừa đảo kia.

Được tha, thằng Nhỏ ba chân bốn cẳng chạy về, kể lại đầu đuôi sự việc mà nó được chứng kiến và không quên nói lại lời chàng dặn. Bố mẹ vợ chàng nghe thằng nhỏ kể lại, không còn hồn vía nào nữa, đang đêm sai ngay người thấp đuốc đến chòi tranh, nơi chàng trú ngụ, rước chàng về nhà và nhận chàng là con rể như xưa. Từ đấy, bà con trong làng ai cũng tấm tắc khen chàng cao tay, tài giỏi mới giành lại được vợ. Nhiều người bảo : "Thật là giỏi như Trạng".

Và cũng từ đấy, người ta quen miệng gọi chàng là Trạng Éch.

Năm ấy trời nắng kéo dài. Đồng ruộng nứt nẻ, cây cối khô cằn héo úa. Nhà vua lấy làm lo lắng, sai các quan lính đắp đàn làm lễ cầu mưa. Nhiều pháp sư nổi tiếng được triệu về kinh đô để làm lễ "đảo vũ". Nhưng càng cầu cúng bao nhiêu, trời càng nắng gắt bấy

nhiều. Khắp nơi dân tình nhốn nháo, lo âu vì nạn thiếu nước.

Lệnh khẩn cấp của triều đình ban ra được rao truyền đến tận thôn xóm, rằng ai có tài, có phép lạ hãy ra giúp nhà vua gọi mưa cứu lấy mùa màng, muôn dân và gia súc... Nhà vua sẽ trọng thưởng.

Vợ chàng bảo :

- Anh đi học khôn đây đó, giá như anh có thể giúp vua cầu được trời mưa thì vợ chồng ta tha hồ mà hưởng phú quý của vua ban.

Chàng Éch nghe vợ nói vừa có tánh chất thách thức vừa như mách bảo, bèn sai sắm sửa hành lý để chàng kịp lên đường đến kinh đô ngày mai, xin vua nhận đứng ra làm lễ cầu mưa.

Sáng hôm sau, chàng vừa đi vừa chạy suốt một ngày trời mới đến kinh đô và xin vào yết kiến vua, đề nghị cho lập đàn ngay để chàng đứng ra tế lễ gọi mưa, vì cứu hạn cũng như cứu hỏa.

Chàng Éch quả quyết với vua và cả triều đình là sau lễ "đảo vũ", chỉ nội đêm nay, hay chậm lắm là ngày mai, trời sẽ mưa. Nếu không đúng, chàng xin chịu tội.

Nhiều người không tin ở lời chàng, khi nhìn lên bầu trời trong xanh, không một gợn mây, chưa có dấu hiệu gì chứng tỏ sẽ mưa cả. Thế nhưng, đến chiều tối, mây đen bỗng từ đâu ùn ùn kéo đến làm tối sầm bầu trời, gió lạnh ào ào thổi đến từng cơn. Rồi mưa đổ xuống như trút nước. Dân chúng reo hò, phấn khởi.

Triều đình mở tiệc ăn mừng, chiêu đãi chàng trọng thể.

Xét thấy lời nói và hành động của chàng linh nghiệm, nhà vua ban thưởng cho chàng nhiều vàng bạc, chính thức sắc phong cho chàng chức quan Trạng và lệnh cho quan quân tổ chức rước chàng về quê quán theo nghi thức của triều đình đã quy định. Dân làng và cả họ hàng nhà vợ cùng kéo ra đón chàng tận cổng làng với niềm tự hào và biết ơn.

Đêm hôm đó, tại ngôi nhà mà chàng đã ở rể, và cũng là nơi suýt mất vợ, Trạng Ếch mới tỉ tê với vợ.

- Chẳng là mấy hôm trước ra đồng, tôi thấy cỏ gà bỗng nhiên trắng ra, rồi rễ cây si ở đầu làng cũng mọc trắng xóa. Đây là điều báo trời sắp mưa. Tôi lại thấy ếch đang ở trong hang nhảy ra ngoài. Những con ếch cái chuẩn bị ra đẻ đẻ, ấy là báo hiệu ngày một, ngày hai trời sẽ mưa. Cũng may mình báo tôi, tôi kịp đến kinh đô trước khi mưa để nhận với vua làm lễ cầu đảo. Chậm một ngày nữa thì chẳng được gì cả. Còn dân chúng và nhà vua thì nghĩ khác, chỉ biết rằng, việc chàng cầu đảo rất linh nghiệm. Mới cầu buổi sáng thì buổi chiều trời mưa, trong khi đó các pháp sư danh tiếng khác cầu đảo suốt tháng chẳng ăn thua gì. Cứ thế, mọi người đều truyền tụng nhau và ca ngợi tài năng, công đức của chàng; xứng đáng là Trạng.

TRẠNG ĂN

Ở đất Hưng Yên có anh chàng họ Lê có sức mạnh như hổ, nên người đời đặt tên cho chàng là Như Hổ. Lê Như Hổ có thể ăn một lúc toàn bộ số cơm và thức ăn của ba mươi người. Vì thế, người ta còn gọi chàng là Trạng Ăn. Cần nói thêm rằng Trạng Ăn ở đây không mang ý nghĩa ăn hại, hay thuộc loại phàm phu tục tử, mà ăn khỏe để đủ sức và làm việc cũng khỏe, bằng sức của mấy chục người cộng lại.

Tên Như Hổ, nhưng tính tình chàng lại rất hiền hậu, siêng năng, tuy nhà nghèo mà vẫn chăm chỉ học hành. Vì vậy, có một phú hào trong làng thấy chàng có tướng mạo khác thường, vừa cảm mến đức tính chăm chỉ, hiền hậu của chàng nên gọi gả con gái và cho chàng ở rể để tiện việc ăn học. Nhưng lạ thay, từ ngày về làm rể ở nhà phú hộ, chàng chẳng chịu đọc sách gì cả, chỉ suốt ngày nằm khểnh trên giường, chẳng mấy khi bước chân xuống đất. Ông nhạc đến gặp bố chàng, phàn nàn :

- Người ta đồn con bác chăm học, nay đến ở nhà tôi, chẳng thấy học hành gì, chỉ nằm dài một chỗ, là có làm sao ?

- Chẳng hay ông cho cháu ăn uống thế nào ? Bố chàng hỏi ông thông gia.

- Thì mỗi bữa một nồi năm cơm, thức ăn thì đầy đủ, nào tôi có tiếc gì cho con rể đâu. Ông thông gia trả lời.

- Thế thì cháu không ngó ngang đến sách là phải, vì đói. Nhà tôi tuy nghèo, nhưng phải cho ăn đủ, cháu thường ăn nồi bảy cơm mỗi bữa.

Bố vợ chàng cáo tạ ra về, và từ đấy cho chàng ăn ngày hai bữa, mỗi bữa một nồi mười cơm. Được ăn no, Như Hổ ra sức học tập, đọc sách thâu đêm suốt sáng, không biết mệt là gì. Cũng từ đó, hai tiếng *Trạng Ăn* được người đời gán cho chàng.

Thấy Như Hổ ăn quá tốn kém, mẹ vợ chàng đâm xót ruột, cần nhằn với chồng :

- Ông rõ khéo kén rể ! Chỉ được cái ăn là giỏi, liệu có làm nên cơm cháo gì không ?

- Bà khỏi lo - Ông giảng giải - ăn khỏe thì làm khỏe !

Nghe vậy, bà càng nói mát :

- Làm khỏe ! Còn một mẫu ruộng bỏ hoang, cỏ mọc ngập đầu ra đấy. Ông thử sai chàng rể quý của ông ra phát, xem nó làm khỏe đến đâu.

Sáng hôm sau, Trạng Ăn đem dao phát cỏ ra đi. Đến gốc đa đầu làng, chàng nằm kênh ra đó, ngủ một giấc. Gần trưa, mẹ vợ đi chợ về qua, thấy chàng vẫn nằm khoèo ngủ, lại ngáy vang như sấm, bà ta không chịu được nữa, hộc tốc chạy về rầy la chồng :

- Ông ra mà xem rể ông phát cỏ, từ sáng đến giờ kìa. Nó vẫn nằm lăn ra ngủ như chết. Nấu nhiều cơm nữa vào để nó dậy ăn, kéo nó đói đấy.

Rồi chẳng để chồng kịp nói câu nào, bà kéo ông ra đầu làng, nơi chàng rể đang nằm ngủ.

Hé mắt thấy mẹ vợ về chợ đi qua, lúc ấy Trạng Ăn mới dậy. Chàng vội ngay xuống ruộng bắt đầu phát cỏ. Lưỡi dao hoa lên loang loáng như những tia chớp. Tiếng dao xé gió rít lên. Cá dưới ruộng chạy không kịp, bị chém chết nổi lên trắng mặt nước. Khi bố mẹ vợ chàng đến nơi thì, cả một mẫu ruộng hoang đầy cỏ rậm đã được phát quang. Chàng bảo mẹ vợ đem rổ ra vớt lấy những con cá to bị chém chết đem về kho nấu. Trước cảnh tượng ấy, bà mẹ vợ đứng chứng hững, ngạc nhiên chẳng còn hiểu đầu đuôi ra sao cả.

Đến khi lúa chín, mẹ vợ sai Trạng Ăn đi gọi ba chục thợ gặt, còn bà và con gái ở nhà chuẩn bị cơm nước cho thợ. Trạng đi quanh xóm một vòng, nhưng không gọi ai hết. Áng chừng cơm canh đã xong, chàng trở về thưa lại rằng, không gọi được thợ. Lúc ấy, thức ăn đã dọn ra mâm, cơm đã bới ra rá. Chẳng nói chẳng rằng, chàng ngồi xuống, chén sạch cả sáu mâm thức ăn, sáu rá cơm đầy. Xong đâu đấy, chàng ra bụi tre đầu nhà, chặt hai cây to nhất, vót nhọn hai đầu làm đòn xóc. Chàng lại chặt mấy cây tre bánh tẻ loại nhỏ, chẻ và đập dập ra, vụn lại làm thùng, rồi đem liềm hái một mình ra đồng gặt lúa.

Khi mặt trời đứng bóng thì Trạng cũng đã gặt xong cả hai mẫu lúa. Lúa gặt được, chàng gộp cả lại, buộc thành bó to bằng cây rơm, rồi lấy đòn xóc, xóc vào mà gánh. Chẳng mấy chốc mà hai mẫu lúa đã gặt và đưa về nhà. Mẹ vợ chàng trông thấy, lè lưỡi lắc đầu, lẩm bẩm :

- Thật xứng là rể ta !

Nhưng Lê Như Hổ không chỉ biết có ăn no gánh nặng, mà chàng chăm lo học hành.

Sau khi đã đỗ đạt, làm quan trong triều, Trạng Ân chơi thân với một nhân vật cùng tuổi, cùng đỗ một khoa, cùng làm quan trong một bộ với chàng. Một hôm, nhân nói về gia cảnh, chàng hỏi đùa bạn :

- Gia tư nhà bác, chẳng hiểu có đủ nuôi tôi một tháng không ?

Ông bạn cười :

- Nếu quan bác quá bộ lại chơi, đệ xin phụng sự quan bác dăm tháng thỏa thích.

Chàng tắc lưỡi :

- Không dám ! Chỉ xin bác cho ăn một bữa thôi.

Ông bạn hẹn ngày mời chàng đến chơi.

Hôm đó, có một người khách lạ đem theo một lính hầu đến nhà ông bạn, nhưng người chủ lại vắng nhà. Khách sai người hầu vào thưa với vợ bạn.

- Quan tôi là bạn của ông nhà, nhân có việc qua đây, phiền bà một bữa cơm hơn độ ba chục người ăn.

Bà vợ vui vẻ nhận lời, bảo người nhà thịt một con lợn to, nấu ba nồi mười cơm, dọn làm bảy mâm bưng lên. Khách sai lính hầu đi gọi người về ăn. Chờ mãi chẳng thấy ai đến, vợ Thanh mới nhìn ra gian nhà ngoài thì chỉ thấy ông khách đang ngồi ăn một mình, mà ăn thì như gió cuốn, mây bay, chỉ một lúc hết nhẵn

cả bảy mâm cơm thịt; ăn xong khách đứng dậy cảm tạ, rồi cáo từ ra đi.

Đến chiều chủ nhà về, vợ mới kể lại chuyện ông khách kì lạ cho chồng nghe và bình phẩm : "Đúng là Trạng Ăn ! Em nhìn ông ăn một loáng hết sạch bảy mâm cơm mà phát khiếp !".

Ông chồng sức nhớ ra, mới giật mình bảo vợ.

- Chết thật ! Đây là bạn tôi. Tôi mời ông ta đến chơi mà lại quên không ở nhà. Tôi phải đến tạ lỗi ông ta mới được.

TRẠNG VẬT

Võ Phong, người quê Hải Dương là một đô vật nổi tiếng trong vùng. Nhìn bề ngoài thấp lùn, chân tay cùn cõn, khó có ai nghĩ rằng đó là một con người có sức xô núi, vật ngã hàng chục con trâu mộng. Ông còn có những động tác bất ngờ nhanh như cắt, và thân hình, tay chân mềm dẻo, uyển chuyển như mèo.

Một hôm, Phong nghe ở kinh đô có tổ chức hội vật, bèn rủ vài người bạn trong làng, khăn gói lên xem chơi.

Sới vật hôm ấy được trang hoàng long lẫy, cờ xí, tàn, lọng rợp trời, người đến xem đông nghẹt cả lớp trong, lớp ngoài. Nhà vua cũng thân chinh đến dự, vì đây là buổi kết thúc cuối cùng để chọn đô vật vô địch của cả nước.

Võ Phong nhìn lên sới vật, thấy một người cao lớn, hùng dũng đang đi đi lại lại với vẻ dương dương tự đắc như muốn phô trương những bắp thịt cuộn lên như những đoạn dây thừng khổng lồ ở nơi ngực và cánh tay.

Có lẽ anh ta đang chờ đợi một đối thủ mới lên tranh tài chăng ? Vì suốt hai ngày qua, anh ta đã quật ngã nhiều đô vật có cỡ từ nhiều nơi đến thi tài. Những người xung quanh nói với Phong như thế.

- Phải lên sới thôi, tí thì một phen với anh chàng ngạo nghễ, mục hạ vô nhân này xem sao.

Võ Phong vừa thốt lên, vừa bươn bả tiến ra phía trước, bắt kể lời can ngăn của mấy bạn đứng gần bên :

- Hãy khoan đã !

Võ Phong bước thẳng đến trước mặt nhà vua, quỳ xuống, tâu :

- Tâu thánh thượng, thần xin thỉnh cầu một việc.

- Người kia - vua nói - cho phép người để đạt lời thỉnh cầu.

- Thần đây xin được thi đấu với đồ vật đương kim vô địch đang ở trên sới kia.

Nhà vua và cả quần thần ngồi cạnh đấy đều phì cười, khi nhìn thấy một thanh niên dáng người loắt choắt, không bằng nửa đồ vật kia lại đòi thi đấu. Nhà vua ôn tồn khuyên chàng :

- Người chớ có rồ dại. Hai ngày qua, bao nhiêu đồ vật trứ danh đều phải khuất phục dưới chân người kia rồi. Nay đến lượt người, vóc dáng như thế kia thì làm sao địch nổi, không khéo chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Thôi, ta cho phép nhà ngươi lui ra, chớ có dại xúc phạm đến đương kim vô địch trong làng vật.

Võ Phong không chịu lui, cứ quỳ nguyên tại chỗ khẳng khẳng xin được thi tài cùng với đồ vật nọ. Cuối cùng, vua đành chuẩn tấu. Khán giả đứng bên ngoài lúc này cũng xôn xao bàn tán, nhộn nhịp hẳn lên.

Một hồi trống báo hiệu cuộc đấu vang lên, đồ vật đương kim vô địch ngao nghễ bước ra sỏi vật. Võ Phong thủng thỉnh bước theo sau, sắc mặt bình thản, coi như không có chuyện gì xảy ra. Trong đám khán giả đã có đôi lời thốt lên ái ngại cho chàng.

Khi ba tiếng trống lệnh vừa dứt, Võ Phong cúi người thấp xuống, bất ngờ luồn qua háng đối thủ, lấy vai đội hăn y lên, và bằng một động tác thuần thục quật ngã y xuống sàn. Rồi nhanh như cắt, Võ Phong vận mình nhẹ nhàng nhảy tót lên bụng kẻ bị ngã, dồn hết sức lực vào cánh tay như hai gọng kìm sắt, đè dí hai vai đối thủ xuống mặt sàn. Tiếng vỗ tay của khán giả vang lên như sấm. Sự việc diễn biến quá nhanh và quá bất ngờ làm cho nhiều người phải ngơ ngàng, kể cả khảo quan.

Trong lúc mọi người đang xôn xao bàn tán, thì Võ Phong vụt đứng thẳng dậy, hai tay giơ lên cao, báo hiệu sự chiến thắng, và cuộc đấu coi như kết thúc.

Nhà vua vừa hoan hỉ, vừa rất đỗi ngạc nhiên, một con người nhỏ thấp như vậy lại có thể quật ngã anh chàng khổng lồ trong nháy mắt. Vua ra lệnh sắc phong cho chàng làm *Trạng Vật* và ban cho chức Cẩm y vệ úy chỉ huy sứ.

THƯỢNG NÀNH

Ông Nguyễn Mai, người làng Ninh Xá (tục gọi là làng Nành) thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng ngày nay, từng nổi tiếng là một vị quan xét xử công minh. Sách *Thiên nam tứ tự kinh* đã viết :

Ninh xá trấn ty

Phục sinh Bao lão

Tái thế Hà Kỳ...

Nghĩa là trấn Ninh Xá đã tái sinh một người như các ông Bao công, - Hà Kỳ ngày xưa - những viên quan nổi tiếng về tài xử kiện và tính tình cương trực của nước Trung Hoa cổ đại.

Nhân dân vùng Nam Thanh gọi ông là "quan Thượng Nành" và lưu truyền nhiều giai thoại về ông. Dưới đây là một số mẫu chuyện lưu truyền trong dân gian về tài xử kiện của ông.

1. BÊ VỀ VỚI BÒ MẸ

Ở thôn nọ có hai nông dân tên là Đông và Đoài. Cả hai đều nuôi bò cái, hai con bò lại hao hao như nhau. Con bò ông Đông thì mới sinh bê con, còn bò

ông Đoài lại là bò tơ. Tuy vậy, mỗi khi ra đồng, con bê cứ tung tăng, lúc thì dứt vú bò mẹ, lúc lại nhảy cẫng đến cọ đầu vào đùi con bò nhà ông Đoài.

Thấy thế, ông Đoài nổi máu tham, một hôm, nhân lúc con bê quần bên chân con bò nhà mình, ông bèn bắt nhốt lại. Ông Đông đến đòi, ông Đoài nhất quyết không trả, bảo rằng đó là con bê của ông. Hai bên đều đưa đơn kiện lên quan Thượng Nành.

Nghe đầu đuôi câu chuyện, quan sai lính theo hai ông về làng, bắt nhốt riêng hai con bò và con bê ra, mỗi con một nơi. Quan lại dặn phải để cả hai con bò suốt đêm nhịn đói.

Sáng hôm sau, quan thân hành đi cáng về thôn. Trước mặt hai gia chủ và dân làng, quan cho dắt con bò buộc cách ra hai bên, rồi cho mỗi con một nắm cỏ. Bị đói nên cả hai con đều vùi đầu vào ăn cỏ. Giữa lúc ấy quan sai lính dắt con bê ra đứng ở khoảng cách của hai con bò rồi lấy roi vụt mấy cái thật đau. Bê con kêu lên thảm thiết. Tiếng kêu làm cho một trong hai con bò ngừng ăn. Nó lồng lộn lên và kéo dây từng đến căng cả mũi. Nó vòng đi vòng lại chung quanh cái cọc, mắt nhìn con bê đang bị hành hạ với vẻ đau xót. Đó là con bò nhà ông Đông. Trong lúc ấy, con bò nhà ông Đoài thì vẫn cứ thản nhiên ăn cỏ ngon lành.

Quan phán bảo :

- Ai là chủ nhân của con bò này ?

- Đây chính là bò mẹ.

Quan còn ra lệnh cho lính thả bê con ra, quả nhiên, con bê được tự do, vội vàng chạy về quán lấy bò mẹ.

Hết đường chối cãi, ông Đoài đành quỳ trước mặt quan nhận lỗi.

Dân làng tham dự buổi xử kiện vỗ tay, reo ầm lên ca ngợi tài sáng suốt của quan.

2. KỂ BẮT TRỘM GÀ

Đang nằm trên cáng đi qua làng, quan Thượng Nành nghe thấy tiếng chửi om sòm của một bà già :

- Cha tiên nhân bố mày ! Nó ở nhà tao, nó là con gà. Nó về nhà mày, nó là con thành nanh đỏ mỏ...

Quan hạ lệnh dừng cáng, hỏi dân làng đang tụ tập ở đó. Dân thưa rằng bà ấy mất gà, không biết ai bắt, nên tiếc của chửi cho hả giận. Quan bảo :

- Không được phép thế.

Quan sai dẫn bà già ra giữa sân, bắt đứng nghiêm rồi cho mọi người có mặt ở đó lần lượt đi ngang trước mặt, mỗi người tát vào mồm bà một cái. Lệnh của quan thì phải thi hành. Có điều, ai cũng thương bà già đã mất của lại phải chịu đòn, nên cũng chỉ tát nhẹ tay lấy lệ. Cho đến lúc, có một anh, tay áo xắn quá khuỷu, mặt hầm hầm tiến đến trước mặt bà già, nói :

- Cái đĩ già mồm này !

Rồi anh ta đưa thẳng cánh tay, tát bà già một cái thật mạnh.

Quan ra lệnh cho bắt giữ ngay anh đó lại, rồi bảo :

- Bà già tiếc của nên mới chửi, mà chửi như vậy là sai. Nhưng ai cũng thương tình, nên chỉ tát nhẹ tay. Còn anh, anh không làm như họ. Chính anh đã lấy cắp gà. Bà già chửi thì anh bực. Nay được dịp trả thù, anh chẳng còn giữ gìn gì cả, đã nặng tay tát bà già, có đúng không ?

Anh thanh niên run như cây sậy. Trước lời phân xử có tình có lý của quan, anh đành cúi đầu nhận là có bắt gà và xin đền.

3. BÀN TAY ĐÃ CHẶT TRỘM CHUỐI

Lại có một nhà, chỉ một thoáng đã mất buồng chuối vừa đây quả. Vết chặt còn rành rành, nhựa chuối xanh tong tống chảy xuống. Tức quá, bà chủ nhà kêu chửi om sòm quân ăn trộm. Vừa lúc đó quan thượng đang đi cáng về làng. Lối gần vào tới cửa đình là một đoạn đường bị lở. Quan dừng cáng lại, hỏi đầu đuôi câu chuyện, rồi bắt gọi dân làng ra phán :

- Tất cả mọi người có mặt ở đây đều phải tham gia đắp chỗ đường lở này. Mỗi người chỉ phải xén một hòn đất ướt rồi bê đắp vào chỗ bị sạt lở xong rửa tay, đi qua trước mặt quan, để quan chứng kiến là đã biết tuân lời, làm tròn phận sự.

Không ai dám trái lệnh quan, vả lại mỗi người chỉ phải đắp có một hòn đất, công sức có đáng là bao. Từng người lần lượt chìa tay vừa rửa ra trước mặt để cho quan kiểm tra.

Đến một anh nọ, vừa chìa tay ra, thì quan giữ lại. Quan hỏi :

- Bàn tay anh có vết thâm vì nhựa chuối phải không ?

Vì đang mãi tập trung vào chuyện đắp đường, nên anh ta trả lời thật hồn nhiên :

- Bẩm vâng !

Quan hỏi tiếp :

- Chuối xanh anh chặt ở cây nào, dẫn quan đi xem.

Anh kia mặt cắt không còn hột máu, cúi đầu nhận tội. Theo lệnh quan, anh ta phải tự tay bê buồng chuối sang trả cho người chủ nó, và nói lời xin lỗi.

HẾT TẬP I

KHO TÀNG

TRUYỀN TRẠNG

VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI